

# IELTS Writing

## Recent Actual Tests

Chủ biên: TRINH KHÁNH LỢI - ĐỖ TU TẤN — Chuyên gia phân đề gốc: NGUYỄN THÀNH YẾN

10/2015

The growing debate  
between soft and hard power

12/2015

Should we follow  
traditional methods?

6/2016

An ageing society

11/2015

A throwaway culture

11/2015

How important  
is education and learning  
in the workplace?

1/2016

The impact of  
technology on learning  
and training in the 21st

11/2015

Are children grateful to  
their teachers nowadays?

11/2015

Should we  
encourage children to  
learn languages?

11/2015

Should we  
encourage children to  
learn languages?

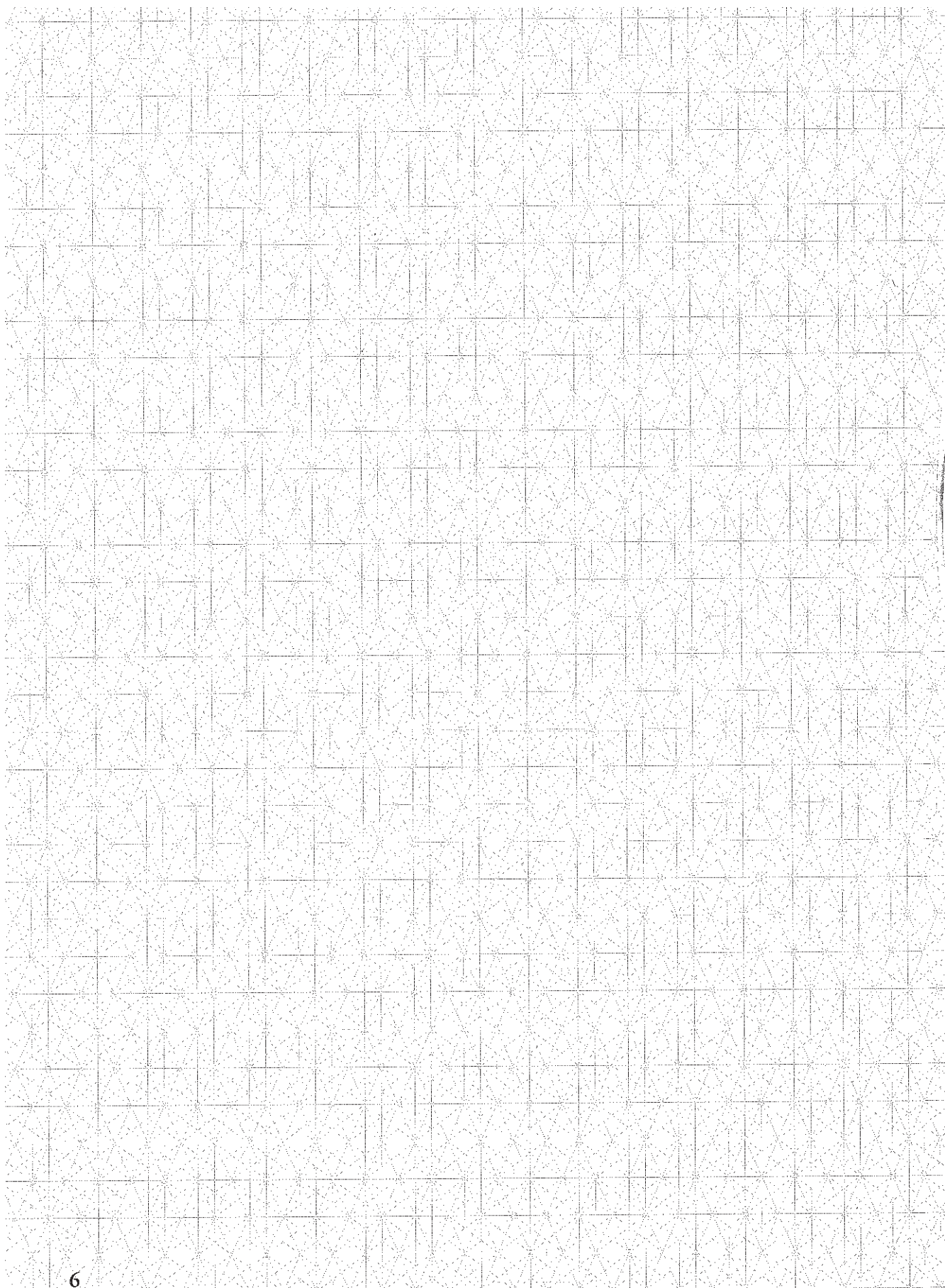
However, there are certainly dangers in taking time off at that important age. Young adults may end up never returning to their studies or finding it difficult to adapt to an academic environment. They may think that it is better to quit **NTV** is a particular job, or to do so. **Đ**ing completely different from a university course. But on the other hand, **Công ty TNHH** is less likely to be a good idea. **Nhân Trí Việt** is that young people can get a better perspective of what they are heading to do with their lives and why. Students with such a perspective are usually the most effective and motivated ones, and taking a year off may be the best way to gain this. The reasons for this trend may involve the recognition

# Mục lục

<b>Chương 1</b>	<b>Tìm hiểu về môn thi Viết IELTS</b>	<b>7</b>
Mục 1	Bài thi Viết IELTS cần những yếu tố nào?	9
1.	Có phải biết nhiều từ đơn tiếng Anh sẽ giúp thí sinh làm tốt bài thi Viết IELTS?	9
2.	Vì sao bạn không thể viết được như văn mẫu?	12
3.	Làm thế nào để có thể diễn đạt súc tích trong số lượng từ cho phép, nhất là khi bạn có nhiều ý hay?	13
Mục 2	Ba sai lầm nghiêm trọng khi làm bài thi Viết IELTS	17
1.	Tham khảo các bài viết mẫu tại hai	17
2.	Sử dụng các từ “đao to búa lớn”	19
3.	Đưa ra quan điểm thiên lệch hoặc quan điểm trung lập khó hiểu	20
Mục 3	Kế hoạch ôn luyện để chuẩn bị cho môn thi Viết IELTS	22
Kế hoạch luyện viết luận cho Task 2		22
Kế hoạch luyện viết bài mô tả biểu đồ cho Task 1		24
<b>Chương 2</b>	<b>Ngôn từ tạo nên bài viết hay</b>	<b>27</b>
Mục 1	Các từ/cụm từ hữu ích	29
1.	Ý tưởng cụ thể và thực tế sẽ giúp câu tiếng Anh của bạn trở nên gần gũi hơn	29
2.	Thủ thuật tránh cách diễn đạt tuyệt đối hóa	35
3.	Cấu trúc so sánh và đối chiếu	41
4.	Cấu trúc song song	43
Mục 2	Câu đơn: đơn giản nhưng không đơn điệu	46
1.	Viết câu đơn đúng	46
2.	Viết câu đơn hay	50
<b>Chương 3</b>	<b>Kỹ năng viết luận cho Task 2</b>	<b>55</b>
Mục 1	Bốn dạng đề thi cơ bản của Task 2	57
Đề 1		57
Đề 2		64



Đề 3.....	68
Đề 4.....	70
<b>Mục 2 Giới thiệu 48 đề trọng tâm trong kho đề của Task 2.....</b>	<b>73</b>
<b>Chương 4 Cách viết bài mô tả biểu đồ cho Task 1 của đề học thuật.....</b>	<b>187</b>
<b>Mục 1 Bài viết mô tả biểu đồ dạng số liệu.....</b>	<b>189</b>
1. Cách viết bài mô tả biểu đồ ở trạng thái động.....	190
2. Cách viết bài mô tả biểu đồ ở trạng thái tĩnh.....	205
3. Cách viết bài mô tả biểu đồ dạng kết hợp.....	212
<b>Mục 2 Bài viết mô tả biểu đồ dạng hình ảnh.....</b>	<b>219</b>
1. Cách viết bài mô tả biểu đồ tiến trình.....	219
2. Cách viết bài mô tả bản đồ.....	227
<b>Mục 3 Từ ngữ cần thiết trong bài viết mô tả biểu đồ.....</b>	<b>233</b>
1. Các mẫu câu và từ hữu ích trong bài viết mô tả biểu đồ dạng số liệu.....	233
2. Các mẫu câu hữu ích trong bài viết mô tả biểu đồ dạng hình ảnh.....	237
<b>Chương 5 Cách viết thư cho Task 1 của đề đào tạo tổng quát.....</b>	<b>239</b>
<b>Mục 1 Giới thiệu khái quát.....</b>	<b>241</b>
1. Các dạng đề của Task 1.....	241
2. Bố cục của bức thư.....	241
3. Từ ngữ cơ bản được dùng trong bức thư.....	242
<b>Mục 2 Các dạng đề thường gặp và thư mẫu.....</b>	<b>244</b>
1. Đề yêu cầu viết thư phản nản/ khiếu nại.....	244
2. Đề yêu cầu viết thư xin lỗi.....	246
3. Đề yêu cầu viết thư hỏi thông tin.....	247
4. Đề yêu cầu viết thư cảm ơn.....	249
5. Đề yêu cầu viết thư thỉnh cầu/ đề nghị.....	250
6. Đề yêu cầu viết thư mời.....	253
<b>Phụ lục Các bài mẫu tham khảo của “đề con” trong kho đề của môn Viết IELTS.....</b>	<b>255</b>



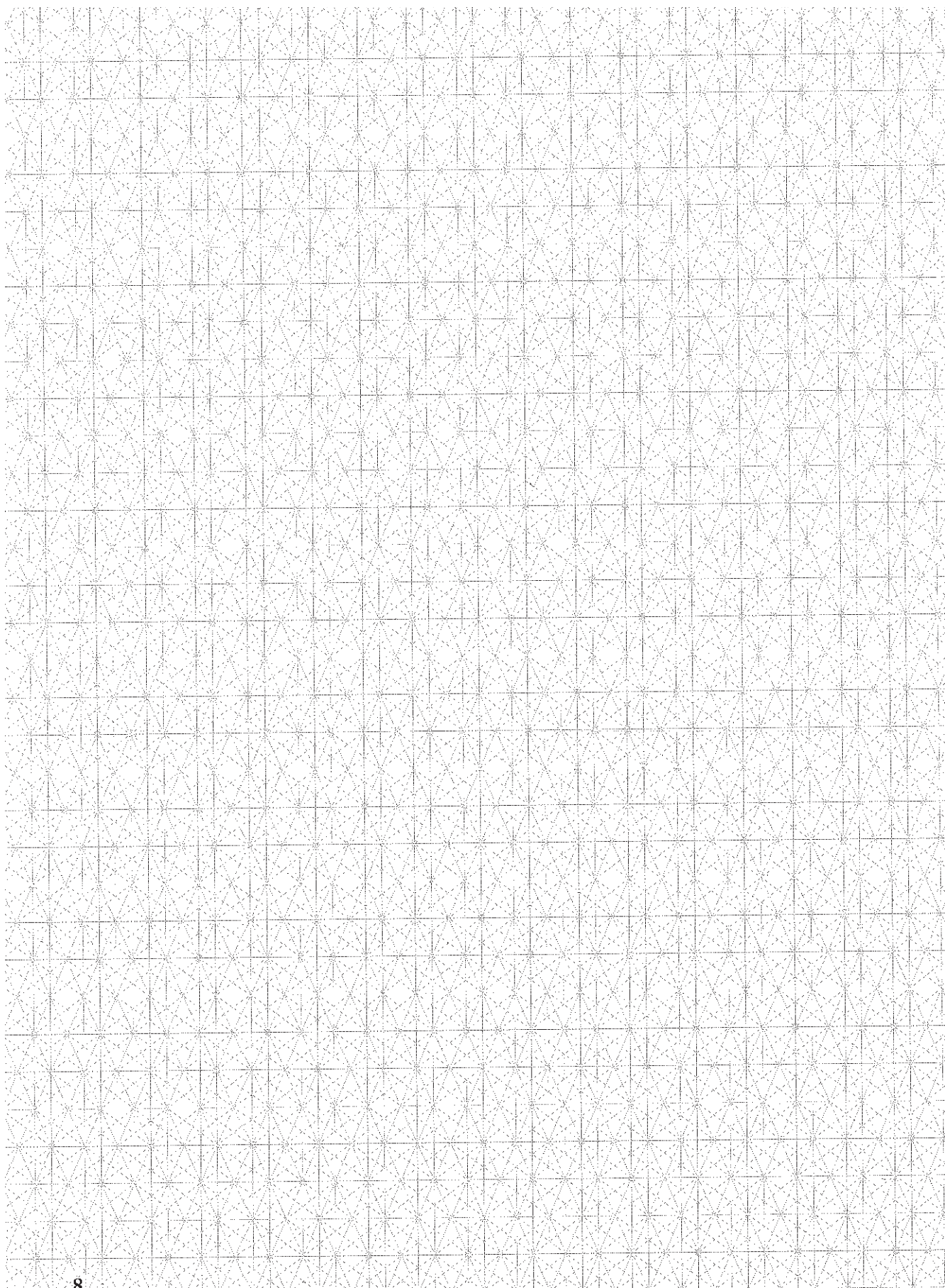


# Chương 1

## Tìm hiểu về môn thi Viết IELTS

www.nhantriviet.com







## Mục 1 Bài thi Viết IELTS cần những yếu tố nào?

### 1. Có phải biết nhiều từ đơn tiếng Anh sẽ giúp thí sinh làm tốt bài thi Viết IELTS?

Chẳng hạn, khi muốn diễn đạt bằng tiếng Anh câu: *Đối với tôi, vượt qua kỳ thi IELTS là điều quan trọng nhất*, bạn sẽ viết thế nào?

Passing the IELTS test is the most important thing to me.

Nếu bạn viết câu như vậy thì chúc mừng bạn. Bạn viết đúng ngữ pháp, biết dùng danh động từ *passing* làm chủ ngữ, biết dùng dạng so sánh nhất của tính từ *important*. Thế nhưng câu này rất bình thường, không đáp ứng được tiêu chí *Lexical resource* của môn Viết IELTS.

Điều quan trọng nhất là phải viết sao cho hay hơn. Có thể bạn sẽ nghĩ đến những từ được dùng thay cho *important* như *crucial/essential/vital/pivotal* rồi viết thành câu sau:

Passing the IELTS test is the most essential/vital thing to me.

Rất tiếc, câu này vẫn chưa giúp bạn đạt được điểm cao trong môn Viết IELTS. Lý do đơn giản là vì bạn sử dụng từ *THING*. *Thing*, *people* và *make* là những từ thường được dùng nhất trong bài viết học thuật của các thí sinh không phải người bản ngữ (phần tiếp theo của mục này sẽ giới thiệu những từ thay thế để bài viết của bạn thực sự hay và đáp ứng được tiêu chí nêu trên).

Khi biết điểm yếu này, bạn sẽ sử dụng cụm từ *the most important matter/issue/event/stuff for me*, nhưng cách diễn đạt như vậy vẫn chưa giúp bạn đạt được điểm cao theo tiêu chí trên. Thật ra, bạn cần nhớ đến một từ mà chắc chắn bạn đã biết: *agenda*. Có phải từ trước đến giờ bạn chỉ biết từ này có nghĩa là *nhật ký công tác*? Nếu đúng thế thì nó cũng không giúp bạn viết hay hơn. Vấn đề là bạn phải biết sử dụng thành ngữ có từ đó – *be at the top of one's agenda* – để thay thế cụm từ *the most important thing for sb*. Do đó, câu trên có thể được viết như sau:

Passing the IELTS test is at the top of my agenda.

Hãy lấy một ví dụ khác. Môn thi Viết IELTS thường đề cập đến các chủ đề về trách nhiệm của chính phủ, vậy bạn thử diễn đạt câu sau bằng tiếng Anh: “Hiện nay, chăm sóc sức khỏe cho người dân là việc quan trọng nhất của chính phủ”. Bạn có thể viết giống câu dưới đây không?

Health care of its people is now at the top of a government's agenda.

Các ví dụ trên cho thấy một thực tế vô cùng đơn giản trong môn Viết IELTS: biết từ khác với sử dụng từ. Nếu bạn chỉ mới biết nghĩa của từ tiếng Anh nào đó thì từ đó còn thuộc vốn từ bị động (passive vocabulary) của bạn và nó chỉ có ích cho bạn trong hai kỹ năng tiếp nhận (receptive skills) là đọc (reading) và nghe (listening). Chỉ khi nào bạn vừa hiểu nghĩa của một từ vừa biết cách sử dụng từ này thì nó mới trở thành từ chủ động (active vocabulary) và góp phần nâng cao khả năng viết (writing) của bạn. Vì vậy, muốn đạt điểm cao ở môn viết, bạn phải trau dồi vốn từ chủ động của mình. Ví dụ, chắc chắn bạn đã học từ *encourage*, nhưng nếu bạn chỉ biết nó có nghĩa là *khuyến khích* thì bài viết của bạn khó có thể đạt được điểm cao như mong muốn.

Bạn hãy thử diễn đạt câu sau bằng tiếng Anh:

*Dùng máy vi tính quá nhiều sẽ khiến trẻ em chỉ biết đến bản thân và vô cảm với người khác.*  
*Too much exposure to the computer may encourage children to be self-centred and insensitive to others.*

Trong câu này, *encourage* có nghĩa là *khiến cho*, cùng nghĩa với *make*. Ở đây nó không mang nghĩa tích cực là *khuyến khích*. Hiểu được như vậy nghĩa là bạn đã có khả năng sử dụng từ tiếng Anh.

Do đó, muốn nâng cao khả năng sử dụng từ thì bạn không thể chỉ học từ đơn mà còn phải chú ý đến các kết hợp của từ đơn (collocations), nắm vững cách dùng phổ biến của chúng. Theo tiêu chí chấm điểm Lexical resource thì để đạt điểm 7, thí sinh phải có khả năng dùng các kết hợp từ. Ví dụ, *advantage* là một từ rất thường gặp và có lẽ bạn nghĩ rằng nên thay nó bằng từ *benefits/merits* khi viết văn học thuật, nhưng hãy xem câu sau trong bài viết mẫu của giám khảo<sup>(1)</sup>:

*One year's break gives them an advantage in terms of coping with challenges of their student life.* (*Gián đoạn một năm sẽ giúp họ có ưu thế hơn khi đối mặt với những thách thức trong cuộc sống sinh viên.*)

Nhiều thí sinh không thể viết được câu trên vì không biết kết hợp từ: *give sb an advantage*. Thông thường, bạn chỉ nghĩ đến nghĩa *lợi và hại* khi nhắc đến cụm từ *advantages and disadvantages*. Tương tự, dù biết từ *edge* nhưng bạn lại không biết dùng kết hợp từ *give sb an edge* nên không thể viết được câu như sau:

*A good understanding of the computer technology can give you an edge in the society today.* (*Trong xã hội ngày nay, nắm vững công nghệ máy tính sẽ mang lại ưu thế cho bạn.*)

<sup>(1)</sup> Từ “giám khảo” xuất hiện trong quyển sách này chỉ từ hay câu nào đó được trích từ các bài viết đạt điểm cao trong *Tuyển tập đề thi thật của Cambridge IELTS Test* – một bộ sách do hội đồng khảo thí của University of Cambridge Local Examinations Syndicate biên tập và xuất bản. Ngoài ra, quyển sách này chủ yếu dùng các câu hay bài viết mẫu của giám khảo để tham chiếu khi bàn đến vấn đề liên quan.



Trên thực tế, dù bạn cố sử dụng chính xác những từ đơn ở cấp độ cao thì bài viết của bạn cũng chỉ mới có vài “cây cao to” chứ chưa thể thành “rừng” được. Hãy xem các bài viết mẫu của giám khảo: chúng đều có đáng đáp của “cánh rừng” dù chỉ sử dụng một ít “cây cao to”.

**Trả lời câu hỏi 1**

Tóm lại, ngoài việc sử dụng đúng các từ chủ động ở cấp độ cao, bạn cần đưa vào bài viết các kết hợp từ, cố gắng học thuộc nhóm từ (groups of words) chứ không chỉ từ đơn lẻ (individual words). Vậy làm thế nào để bài viết của bạn không những có “cây cao to” mà còn trở thành “rừng”? Điều mấu chốt là đọc và suy nghĩ. Nói cách khác, khi đọc một bài tiếng Anh, bạn hãy nghĩ xem nếu muốn diễn đạt ý này thì mình sẽ viết thế nào. Sau đó, bạn so sánh câu mình viết với câu trong bài mẫu rồi tìm những điểm khác biệt để học hỏi và tập viết như câu của bài mẫu.

Hãy đọc đoạn văn sau (trích từ *Tuyển tập đề thi thật của Cambridge IELTS Test 6*) và áp dụng phương pháp trên. Suy nghĩ xem bạn sẽ diễn đạt những cụm từ trong cột thứ hai như thế nào.

Bài mẫu	Cụm từ	Cách diễn đạt của bạn
However, the main concern is about the type of computer activities that attract children.	mối quan tâm chính	
These are often electronic games that tend to be very intense and rather violent. The player is usually the “hero” of the game and too much exposure can encourage children to be self-centred and insensitive to others.	trò chơi điện tử	
	có xu hướng rất căng thẳng và khá bạo lực	
	tiếp xúc quá nhiều (trò chơi)	
	sẽ khiến cho	

Hãy xem xét câu cuối. Khi diễn đạt bằng tiếng Anh câu sau: *Chơi trò chơi trên máy vi tính quá nhiều sẽ khiến trẻ em chỉ biết đến bản thân và vô cảm với người khác, có thể bạn sẽ viết thế này: Playing computer games too much will make children self-centred and insensitive to others.*

Hãy so sánh câu trên với câu trong bài viết mẫu:

- Dùng too much exposure thay thế playing computer games too much giúp câu ngắn gọn hơn.
- Dùng can thay thế will sẽ tránh được cách diễn đạt tuyệt đối hóa.
- Dùng encourage thay thế make thể hiện khả năng sử dụng từ chính xác, linh hoạt.

Vậy là bạn đã thấy rõ vấn đề. Phần sau của sách này, đặc biệt là chương trọng tâm – Chương 3, sẽ giúp bạn ôn lại những từ đã biết đồng thời kích hoạt chúng trở thành từ chủ động. Bạn cũng sẽ làm quen với nhiều từ/cụm từ mới để dễ dàng đạt điểm cao cho bài thi Viết IELTS.

## 2. Vì sao bạn không thể viết được như văn mẫu?

Đối với bài thi Viết IELTS, việc viết được câu hay như văn mẫu không chỉ liên quan đến vốn từ vựng mà trước hết, nó liên quan đến vấn đề tư duy.

Một số bạn sẽ hỏi: “Khi học được lượng từ tiếng Anh tương đối nhiều, có khả năng sử dụng từ tương đối khá, tôi có thể viết hay hơn không?”.

Về lý thuyết, câu trả lời là chắc chắn được. Nhưng thực tế không phải như vậy.

Để có thể tự nhận ra vấn đề, bạn hãy viết câu sau bằng tiếng Anh (có thể dùng các từ gợi ý trong ngoặc).

Ví dụ: Lý do (reasons) của xu thế (trend) này có thể là đa số mọi người nhận ra (recognise) rằng: học đại học ngay (directly) sau khi tốt nghiệp trung học thì thanh niên sẽ gặp chút hạn chế (restricted) về kiến thức phổ thông lẫn trải nghiệm về thế giới. [C1]

Câu tiếng Anh của bạn: \_\_\_\_\_

Để hiểu rõ hơn, bạn cần viết thêm câu sau:

Ví dụ: Lý do xuất hiện xu thế này có thể là mọi người nhận thức rằng thanh niên học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học sẽ bị hạn chế ở mức tương đối về kiến thức phổ thông lẫn trải nghiệm về thế giới. [C2]

Câu tiếng Anh của bạn: \_\_\_\_\_

Hãy xem thử có phải câu của bạn được bắt đầu như sau:

The reason for this trend may be that people recognise that young people who...

Bây giờ bạn hãy xem đáp án:

The reasons for this trend may involve the recognition that a young adult who passes directly from school to university is rather restricted in terms of general knowledge and experience of the world.

Sau khi đọc câu mẫu này, có lẽ bạn cảm thấy xấu hổ vì câu của mình quá vụng về.



Chắc chắn bạn biết tất cả các từ đơn được dùng để diễn tả các ý trong hai câu tiếng Việt C1 và C2, nhưng vì sao bạn viết câu tiếng Anh tệ như thế?

Hãy xem lại đáp án. Về mặt ngữ pháp, câu ấy sử dụng mệnh đề danh ngữ bắt đầu bằng *that* và mệnh đề tính ngữ bắt đầu bằng *who*. Bạn đã học hai loại mệnh đề này, nhưng vì sao bạn không viết được như vậy? Nếu bạn trả lời được câu hỏi vừa nêu thì kỹ năng viết của bạn đã được nâng lên một bậc.

Vậy thực chất của vấn đề là gì?

Thứ nhất, khi muốn diễn đạt ý *mọi người nhận ra rằng*, bạn nghĩ ngay đến động từ *recognise*. Tiếp theo, bạn nghĩ rằng câu thì phải có chủ ngữ. Thế là từ *people* hiển nhiên được đặt vào. Do đó câu của bạn lập tức trở nên tầm thường. Trong đáp án, danh từ *recognition* được đưa vào nên người viết không cần dùng *people* làm chủ ngữ. Cách này sẽ giúp bạn tránh được tình trạng viết câu tầm thường và không phạm lỗi cực kỳ nghiêm trọng (một số thí sinh có thể sẽ đổi *people* thành *human beings/humans* một cách cứng nhắc như nhiều giáo trình đã khuyên).

Thứ hai, khi so sánh C1 và C2, chúng ta thấy C1 khá lủng củng còn C2 được diễn đạt chặt chẽ hơn và nhìn chung khá giống đáp án, giống kiểu tư duy của người phương Tây.

#### Trả lời câu hỏi 2

Tóm lại, muốn viết hay, bạn không những phải nắm vững kiến thức ngữ pháp mà còn phải rèn luyện khả năng tư duy, **phải tập tư duy bằng tiếng Anh** (*think in English*). Nếu không, bạn sẽ khó viết được câu tiếng Anh vừa đúng vừa hay.

Làm thế nào để viết được câu vừa đúng vừa hay? Mời bạn tham khảo Chương 2.

### 3. Làm thế nào để có thể diễn đạt súc tích trong số lượng từ cho phép, nhất là khi bạn có nhiều ý hay?

Nếu bạn nghĩ ra nhiều ý hay nhưng không thể diễn đạt súc tích trong số lượng từ cho phép, chắc chắn bài viết của bạn sẽ không đạt điểm cao như mong muốn.

Sau đây là các đề thi thật. Bạn hãy dành ba phút nghĩ ra vài ý và lập dàn bài cho từng đề (cố gắng viết càng nhiều ý càng tốt).

1. Some people think that scientific research should be carried out and controlled by the government rather than private companies. To what extent do you agree or disagree?

2. Advertising encourages consumers to buy in quantity rather than promoting quality. To what extent do you agree or disagree?
3. As most people spend a major part of their adult life at work, job satisfaction is an important element of individual well-being. What factors contribute to job satisfaction? How realistic is the expectation of job satisfaction for all workers?
4. Some people think the best way to reduce crime is to give longer prison sentences. Others, however, think there are better ways to reduce crimes. Discuss both views and give your opinion.
5. What are the purposes of places such as museums and how should they be funded?

Đã hết thời gian!

Bây giờ chúng ta thử lấy đề 5 làm ví dụ.

Có phải trong đầu bạn xuất hiện những ý như: bồi đắp lòng yêu nước, nuôi dưỡng tâm hồn, nâng cao đời sống tinh thần của người dân? Bạn có thể diễn đạt những cụm từ này bằng tiếng Anh không? Giả sử câu trả lời của bạn là có thể thì liệu giám khảo có hiểu đúng các ý đó khi đọc bài viết của bạn không? Hoặc bạn có thể diễn đạt những ý tưởng rất “cao siêu” ấy trong bài viết khoảng 280 từ không?

Nếu các câu trả lời của bạn đều là khẳng định thì xin nói ngay rằng chắc chắn giám khảo người nước ngoài không thể hiểu được bài viết của bạn hoặc bạn cũng không thể “sáng tác” một bài luận độc đáo với các ý siêu phàm nêu trên trong khoảng 300 từ!

Với đề 5, bạn có thể nêu các ý sau trong bài viết:

<b>Mục đích 1</b>	Bảo tàng là nơi thu thập, bảo tồn hiện vật lịch sử và các tác phẩm nghệ thuật; là kho ký ức của dân tộc, là “hóa thạch” của lịch sử, giúp chúng ta hiểu biết lịch sử; có thể gợi mở tương lai, cho chúng ta biết nên đi về đâu.
<b>Mục đích 2</b>	Đó cũng là nơi để học tập, có thể giúp trẻ em cũng như người lớn tìm hiểu về văn hóa trong lịch sử và các lĩnh vực khác nhau của nghệ thuật, cho họ cơ hội tương tác với nhau nhiều hơn.

Rõ ràng các ý này không hề đặc biệt khác thường mà thực sự vô cùng bình thường. Đây là đặc điểm nổi bật nhất trong các bài viết mẫu của giám khảo: nội dung và ý tưởng rất bình thường. IELTS là bài thi nhằm mục đích kiểm tra năng lực ngôn ngữ, vì vậy các chủ đề chủ yếu liên quan đến cuộc sống hàng ngày, không đi sâu vào kiến thức chuyên ngành hay lĩnh vực đặc biệt nào đó. Khi viết luận, bạn cố gắng đáp ứng bốn tiêu



chỉ chấm điểm. Giám khảo sẽ căn cứ vào các tiêu chí này để đánh giá năng lực ngôn ngữ của bạn. Vì vậy, bạn đừng quá chú trọng vào việc tìm kiếm ý tưởng cao siêu; chỉ cần các quan điểm hay ý tưởng của bạn phù hợp với lẽ thường hoặc nhận thức khách quan. Thật ra, với những quan điểm mới lạ, bạn sẽ rất khó trình bày, phân tích và diễn đạt rõ ràng. Khi đọc các bài viết mẫu của giám khảo, bạn sẽ thấy đa số họ đều trình bày những ý quen thuộc.

Một vấn đề nữa là trong khi suy nghĩ tìm ý, bạn thường dùng một vài câu từ như trong phần Cấp độ 1 ở bảng sau:

	Cấp độ 1	Cấp độ 2
Mục đích 1	Tái hiện lịch sử, gợi mở tương lai.	Thu thập, bảo tồn hiện vật lịch sử và các tác phẩm nghệ thuật; là kho ký ức của dân tộc, là “hóa thạch” của lịch sử, giúp chúng ta hiểu biết lịch sử; có thể gợi mở tương lai, cho chúng ta biết nên đi về đâu.
Mục đích 2	Giáo dục, bồi đắp lòng yêu nước, nuôi dưỡng tâm hồn, nâng cao đời sống tinh thần của người dân.	Là nơi để học tập, có thể giúp trẻ em cũng như người lớn tìm hiểu về văn hóa trong lịch sử và các lĩnh vực khác nhau của nghệ thuật, cho họ cơ hội tương tác với nhau nhiều hơn.

Ở Cấp độ 1 (cột bên trái), các ý tưởng quá chung chung, khái quát, trừu tượng. Bạn cần nêu các ý chi tiết, cụ thể, gần gũi như ở Cấp độ 2 (cột bên phải) thì bài luận của bạn mới đạt điểm cao (trên 6,5 điểm).

Giả sử bạn nghĩ ra được các ý đạt yêu cầu như đã nêu ở Cấp độ 2, vậy bạn diễn đạt chúng bằng tiếng Anh như thế nào? Để diễn đạt các ý này, có thể bạn sẽ dùng những từ và cụm từ sau:

collect and safeguard historical or artistic objects

artifacts and specimens

accessible

the only source of living history

an insight into the future

a national memory bank

...

Tóm lại, để hoàn thành một bài viết tương đối tốt thì bạn phải có lối tư duy giống người Anh, nghĩa là phải trình bày các ý cụ thể và gần gũi.

Sau đây là các đề có cùng chủ đề với đề này:

1. Some people claim that public museums and art galleries will not be needed because people can see historical objects and works by using a computer. To what extent do you agree or disagree?

2. Some people say that it is not right for the government to spend so much money on artistic projects such as art galleries and sculptures. What is your opinion on the issue?

**Trả lời câu hỏi 3**

Trước hết, bạn phải đọc nhiều sách báo để có ý tưởng phong phú và gần gũi với thực tế. Thứ hai, bạn cần tìm hiểu các đề trọng tâm (gồm tổng cộng 48 đề được trích từ kho đề thật trong mười năm gần đây) và xem kỹ bài viết mẫu của các đề đó để có thể vận dụng linh hoạt khi gặp những đề khác. Đề thi hàng năm chủ yếu được viết lại, mở rộng hay tổng hợp từ các đề trọng tâm này.





## Mục 2 Ba sai lầm nghiêm trọng khi làm bài thi Viết IELTS

### 1. Tham khảo các bài viết mẫu tai hại

Nếu gõ từ khóa “IELTS sample writings” trên Google, bạn sẽ tìm được một số bài viết “mẫu” và trên thực tế, rất nhiều thí sinh tham dự kỳ thi IELTS đã học theo những bài viết này. Có thể tạm chia các bài đó thành hai nhóm:

#### ○ Nhóm bài viết bình thường

————— Nêu lợi ích và mặt bất lợi của sự vật, hiện tượng nào đó —————

1. AAA has improved the quality of our lives and is playing an important role in our daily life. The benefits AAA brings to us are far more than its disadvantages. However, we cannot ignore its problems.

2. On the positive side, AAA has enabled us to (1) (điền ưu điểm thứ nhất của AAA vào đây). For instance, (2) (nêu ví dụ làm rõ ưu điểm thứ nhất). Besides, (3) (ưu điểm thứ hai của AAA). Nowadays, (4) (nêu ví dụ làm rõ ưu điểm thứ hai). In addition, (5) (ưu điểm thứ ba của AAA).

3. On the negative side, (6) (điền nhược điểm thứ nhất của AAA vào đây). For example, (7) (nêu ví dụ làm rõ nhược điểm thứ nhất). Besides, (8) (nhược điểm thứ hai của AAA). Furthermore, (9) (nhược điểm thứ ba của AAA).

4. All in all, we cannot live without AAA for the conveniences it brings to us, but we should also be aware of the negative effects it creates on the modern life.

Nhận xét: Trong bài viết bình thường, ngoài đoạn mở đầu và đoạn kết luận hơi dài, phần giữa có khá nhiều từ nối, thể hiện được ưu điểm khi liệt kê các lợi ích và mặt bất lợi của sự vật, hiện tượng nào đó.

#### ○ Nhóm bài viết nổi bật

1. What is the most important feature of a job? Some people argue as if it is general truth that a high salary makes a job appealing. But others, in contrast, who give a frown of disapproval to money worship, resist admitting that a high wage is by no means unimportant as there are, obviously, some other reasons that can be seen in the meanwhile. Then after pondering the aforementioned question on many occasions, I have finally reached the opinion that job satisfaction is something worthy to do and I cannot skip it. There are numerous reasons why I hold a flinty manner, and I would explore only a few primary ones here.

2. There is some element of truth in these arguments, but they ignore a deeper and more basic fact that money is not the exclusively causal factor of work. From the ancient time, that goes without saying, ... That does not admit of any doubt...

3. Also, it is presumptuous to judge...only on the excuse I mentioned in the above paragraph. What is more, ...

4. As a whole, most of the characters that I mentioned with regard to work are also true for being useful to society.

5. Taking all the relative factors which influence and contribute to the attitude into account, we may safely reach the conclusion: essential, to some extent, as money importance is, job satisfaction or being useful for society is of far more consequence for an employee. If those who only acknowledge its/money's inviting facade can take the side effects it brings into consideration, then too much attention to money may not seem sagacious.

Nhận xét: Tất cả những phần được gạch dưới đều là ưu điểm của bài viết thuộc nhóm này: sử dụng cấu trúc câu đa dạng với nhiều loại mệnh đề, các loại phân từ làm trạng ngữ và từ cấp cao. Đặc biệt, đoạn thứ nhất có tám dòng với 113 từ đơn khiến số lượng từ của bài viết không còn cách xa con số 250 (số từ tối thiểu theo yêu cầu của đề). Nếu viết được như vậy thì có lẽ bạn sẽ rất phấn khởi và hy vọng mình sẽ “chinh phục” được giám khảo. Nhưng hãy xem giám khảo nhận xét thế nào.

Một giám khảo có kinh nghiệm tám năm chấm bài thi Viết IELTS đã chia sẻ như sau: *“Với những bài viết như vậy, đa số phần mở đầu đều thừa và người chấm rất khó thấy quan điểm của thí sinh; mặt khác, nó khiến thí sinh mất nhiều thời gian trong khi thời gian làm bài có hạn (40 phút), đồng thời ảnh hưởng đến độ dài bài viết (khoảng 280 từ), điều này dẫn đến phần trình bày ý chính bị hạn chế. Ngoài ra, viết giống bài mẫu càng làm cho giám khảo nghĩ rằng thí sinh đã học thuộc lòng, thậm chí nếu nội dung bài viết không liên quan đến yêu cầu của đề thì chắc chắn họ sẽ trừ điểm bài viết đó dựa trên tiêu chí Task Response”.*

Với chủ đề vừa nêu (các đoạn văn trên đều đề cập đến sự hài lòng trong công việc (job satisfaction)), chúng ta hãy xem cách viết của giám khảo:

Nowadays many adults have full-time jobs and the proportion of their lives spent doing such jobs is very high. Therefore, feelings about one's job reflect how an individual feels about his or her life as a whole. Because of this, job satisfaction is very important indeed for the well-being of that person. (52 words)

Nhận xét: Đoạn mở đầu này rất logic. Nhiều người trưởng thành làm việc toàn thời gian nên phần lớn cuộc sống của họ dành cho công việc (câu 1). Do đó, nhìn chung cảm nhận về công việc phản ánh cảm nhận của họ về cuộc đời mình (câu 2). Chính vì vậy mà sự hài lòng trong công việc thực sự rất quan trọng đối với họ (câu 3). Giám khảo đã



viết những ý có liên quan trực tiếp đến đề bài. Đây là điểm hoàn toàn khác với đoạn văn vừa đề cập trong bài viết thuộc nhóm nổi bật.

Đến đây, có lẽ bạn đã phần nào hiểu được cách đánh giá của giám khảo. Vậy hãy nhớ rằng các bài mẫu cao siêu là những bài không đáng tin cậy và chúng có thể khiến bạn bị mất khá nhiều điểm. Phần **Bốn dạng đề thi cơ bản của Task 2** (Mục 1, Chương 3) sẽ cho bạn những lời khuyên hữu ích để bài viết của bạn đáp ứng được các yêu cầu của giám khảo.

## 2. Sử dụng các từ “đao to búa lớn”

Một sai lầm nghiêm trọng nữa khi làm bài thi Viết IELTS là thí sinh hay dùng những từ có vẻ cao siêu, phức tạp. Nhiều thí sinh không dùng lối diễn đạt ngắn gọn, dễ hiểu mà lại cố dùng những từ bản thân mình chưa hiểu rõ. Họ nghĩ làm như vậy thì bài viết sẽ được thêm điểm.

Hãy so sánh hai bài viết sau (thông qua các đoạn trích) và đoán xem bài nào đạt điểm cao hơn.

### Topic

Using a computer every day can have more negative than positive effects on young children. Do you agree or disagree?

#### ○ Sample 1

Furthermore, it is obvious that teenagers are vulnerable mentally. We are living in an era when juveniles are exposed to a dazzling array of information, which contributes to the phenomenon that a growing number of the youth cannot resist the alluring and tantalising information from the internet. The figures carried by press, in all likelihood, colour the mind of the young generation or make detrimental affect on their perspective of the world as children tend to be more unable to distinguish right from wrong.

Admittedly, no one could deny the merits that computers bring about. With a wealth of technology swarm in, computers as a part of that, particularly enrich and spice up our life. Children have more access to broaden their horizon and enjoy knowledge information from the technology equipment. However, that could not consist the top priority we should take into consideration now.

#### ○ Sample 2

However, the main concern is about the type of computer activities that attract children. These are often electronic games that tend to be very intense and rather violent. The player is usually the “hero” of the game and too much exposure can encourage children to be self-centred and insensitive to others.

Even when children use a computer for other purposes, such as getting information or emailing friends, it is no substitute for human interaction. Spending time with other children and sharing non-virtual experiences is an important part of a child's development that cannot be provided by a computer.

In spite of this, the obvious benefits of computer skills for young children cannot be denied. Their adult world will be changing constantly in terms of technology and the Internet is the key to all the knowledge and information available in the world today. Therefore, it is important that children learn at an early age to use the equipment enthusiastically and with confidence as they will need these skills throughout their studies and working lives.

**Nhận xét:** Có lẽ bạn đã bị cuốn hút bởi vô số từ “rất kêu” trong Sample 1, thế nhưng bài viết này chỉ đạt 5,5 điểm. Còn Sample 2 là bài viết mẫu trong bộ Cambridge IELTS được xếp hạng expert.

Trong môn thi Viết IELTS, các từ giúp bài viết đạt điểm cao không phải là các từ khó mà là các từ đơn (cùng các kết hợp của nó) phù hợp với ngữ nghĩa hoặc ngữ cảnh của bài viết. Quyển sách này sẽ hướng dẫn bạn tích lũy các từ hay cụm từ theo chủ đề, ngữ cảnh cùng các kết hợp của từ trong quá trình đọc bài viết mẫu (xem phần Giới thiệu 48 đề trọng tâm trong kho đề của Task 2, Mục 2, Chương 3).

### 3. Đưa ra quan điểm thiên lệch hoặc quan điểm trung lập khó hiểu

Các đề nghị luận IELTS tạo cơ hội cho thí sinh trình bày quan điểm nên không có quan điểm nào được xem là đúng tuyệt đối hoặc bị xem là sai tuyệt đối. Khi viết, nhiều thí sinh đưa ra quan điểm thiên lệch, nghĩa là chỉ ủng hộ một phía nào đó. Quan điểm như vậy rất có thể không khách quan và thậm chí không chính xác.

Ví dụ, khi trình bày các ý để làm rõ quan điểm cho rằng *nên thử nghiệm thuốc và quy trình mới trên động vật* (animals should be used to test new drugs and procedures), ngoài việc thảo luận sự cần thiết của việc thí nghiệm trên động vật, bạn còn phải nghĩ đến nguyên nhân vì sao con người phản đối cách làm này, nghĩa là bạn phải nói rõ sở dĩ mình ủng hộ việc thí nghiệm trên động vật là vì nó có nhiều lợi ích hơn tác hại, chứ không phải hoàn toàn xem nhẹ sự sinh tồn của động vật. Chỉ có như vậy, các luận cứ mà bạn đưa ra mới hoàn chỉnh và chặt chẽ.

Do đó, khi viết, bên cạnh việc trình bày và chứng minh một cách thuyết phục quan điểm mình ủng hộ, bạn còn phải phân tích quan điểm đối lập. Trong văn nghị luận, các đoạn văn trình bày hai nội dung này lần lượt được gọi là đoạn lập luận và đoạn phản bác (xem phần Bốn dạng đề thi cơ bản của Task 2, Mục 1, Chương 3).

Ngoài ra, bạn cũng có thể trình bày quan điểm trung lập ở một số đề bài, tức là xem xét mặt tích cực và tiêu cực của một quan điểm nào đó hay ưu khuyết điểm của hai



quan điểm, nhưng bạn cần lưu ý là phải nêu nhận xét hoặc bày tỏ thái độ. Một số thí sinh chọn cách này chỉ vì muốn viết đủ số từ hoặc vì không biết bày tỏ thái độ như thế nào. Họ hiểu lầm rằng “trung lập” là không cần nói rõ ý kiến, không cần bình luận. Kết quả là những bài viết ấy thường bị mất điểm vì thiếu tính logic.

Ví dụ, với đề bài yêu cầu bàn về *lợi ích và mặt bất lợi của việc du học* (the advantages and disadvantages of studying abroad), nếu bạn chỉ đơn thuần liệt kê các ưu khuyết điểm của việc du học thì rất có thể bài viết sẽ có chỗ mâu thuẫn. Cách làm đúng là phải chứng minh rằng du học có những lợi ích nhất định nhưng cũng có những mặt bất lợi nhất định, vì vậy các du học sinh tương lai cần đưa ra quyết định dựa vào tình hình thực tế của bản thân (xem phần Bốn dạng đề thi cơ bản của Task 2, Mục 1, Chương 3).



www.nhantriviet.com

CHUYÊN TẬP TRẮC NGHIỆM VÀ TỰ LUẬN IELTS TOEFL 21

## Mục 3 Kế hoạch ôn luyện để chuẩn bị cho môn thi Viết IELTS

Xét về mặt thời gian, bạn nên chia quá trình luyện viết thành ba giai đoạn: giai đoạn 1 cần khoảng 1-2 tuần, giai đoạn 2 cần 3-4 tuần, giai đoạn 3 là giai đoạn bút phá về đích, cần 1-2 tuần. Nhìn chung, thời gian ôn thi lý tưởng là 5-7 tuần.

Nếu bạn đã có quyển sách này trong tay thì trước hết hãy đọc kỹ Chương 1. Sau đó, bạn hãy làm theo hướng dẫn sau.

Hãy học phần Task 2 trước vì bài luận ở Task 2 chiếm 2/3 tổng số điểm của môn viết. Ngoài ra, bài luận này còn giúp giám khảo dễ đánh giá khả năng phân tích logic (tức khả năng phân tích, trình bày và chứng minh, phê phán) của bạn cũng như có thể thấy rõ năng lực sử dụng ngôn ngữ của bạn. Bạn phải tập viết về nhiều chủ đề khác nhau nên cần đầu tư thời gian. Bạn nên dành khoảng một tháng hoặc hơn để tập viết luận cho các đề của Task 2 trong sách này.

Sau đó bạn hãy ôn luyện phần Task 1 khoảng ba tuần trước khi thi. Kinh nghiệm thực tế cho thấy phần Task 1 có nhiều mẫu câu dễ nhớ, bạn có thể học cấp tốc nhưng cũng rất dễ quên các mẫu câu này. Do đó, nếu bạn dành khoảng ba tuần cuối cùng của thời gian ôn thi để thực hành thì kết quả sẽ cao hơn. Dĩ nhiên bạn còn phải xem xét kiến thức tiếng Anh cơ bản và khả năng thực tế của mình để xác định khoảng thời gian ôn luyện thích hợp.

### Kế hoạch luyện viết luận cho Task 2

Những phần cần học	Mục tiêu	Phương pháp được đề nghị
Luyện viết câu (Chương 2)	Nắm bắt các phương pháp luận trong giúp bạn viết được những câu tiếng Anh hay (tổng cộng 37 câu)	Học và hiểu rõ từng phương pháp vừa đề cập.
	Viết những câu đơn chính xác nhưng hoàn toàn không đơn điệu (tổng cộng 35 câu)	Đọc các ví dụ. Hoàn thành các bài tập trong sách. Ôn tập toàn bộ 72 câu mỗi tuần một lần. Thời gian cần thiết: 2 giờ x 2 (cần học 2 lần, mỗi lần học 2 giờ).



Các dạng đề cơ bản của Task 2 và phương pháp viết luận ở Task 2 (Mục 1, Chương 3)

Nắm vững dạng thức và nội dung thông lệ của đề viết Task 2 thông qua bốn dạng đề cơ bản, nắm vững cấu trúc bài viết của các dạng đề này.

Đọc và nghiên cứu bài viết mẫu của từng dạng đề.

Tập viết theo bài mẫu.

Thời gian cần thiết: 2 giờ x 2.

### Giai đoạn 2: nâng cao kiến thức, tìm hiểu kho đề

Các đề trọng tâm trong kho đề của Task 2 (Mục 2, Chương 3)

Hiển rõ 48 "đề mẹ" được trích từ kho đề và các "đề con" mở rộng, tích lũy ý tưởng và học cách diễn đạt của bài viết mẫu.

Đọc kỹ bài viết mẫu của 48 "đề mẹ", học các từ hay trong bài viết mẫu.

So sánh "đề mẹ" và "đề con" mở rộng, liên kết các ý trong các đề thi, phân tích kỹ đề và tập trung vào chủ đề chính.

Luyện viết: kết hợp cách viết dành cho các dạng đề khác nhau và kiến thức tích lũy được khi tìm hiểu kho đề, chọn ra "đề con" và luyện viết, sau đó so sánh bài viết với các nội dung đã học và chỉnh sửa. Mỗi tuần luyện viết 3-5 bài.

Thời gian cần thiết: 2 giờ x 3 x 3 tuần (giai đoạn này có khá nhiều mục tiêu quan trọng nên bạn sẽ tốn nhiều thời gian).

### Giai đoạn 3: bứt phá về đích, tập trung ôn thi

72 câu trong phần luyện viết câu

Ôn tập 72 câu trong phần luyện viết câu.

Đọc lướt qua những nội dung đã học ở giai đoạn 2, kiểm tra xem có phần nào bị bỏ sót hay không và tiếp tục học những phần đó nếu có.

Thời gian cần thiết: 2 giờ x 2.

Kỹ năng làm bài thi

Tập làm bài thi mô phỏng kỳ thi thực tế.

Tùy ý chọn đề Task 1 và Task 2 trong sách này hoặc trong *Tuyển tập đề thi thật Cambridge IELTS Test* để tập làm bài thi, sau đó làm bài trong vòng một giờ và sửa lỗi.

Mỗi tuần chọn 3-5 đề để luyện viết.

Thời gian cần thiết: 2 giờ x 5.

Các “đề mẹ” quan trọng nhất trong kho đề

Ôn tập các đề mẹ quan trọng nhất trong kho đề và các đề dự đoán sẽ được ra thi trong cùng tháng

Đọc kỹ đề, tìm ý, viết dàn bài cho những đề này.

### Kế hoạch luyện viết bài mô tả biểu đồ cho Task 1

Những phần cần học

Mục tiêu

Phương pháp được đề nghị

#### Giai đoạn 1: tìm hiểu dạng đề và cách viết

Bài viết mô tả biểu đồ dạng số liệu (Mục 1, Chương 4)

Nắm vững đặc điểm và cách mô tả biểu đồ ở trạng thái động (có khoảng thời gian)

Tìm hiểu và nắm bắt cách sắp xếp thông tin trong bài viết mẫu của đề 1 (Mục 1, Chương 4).

Đọc kỹ bài viết mẫu.

Suy nghĩ xem làm thế nào để vận dụng kiến thức trong bài mẫu ấy khi mô tả các biểu đồ ở trạng thái động khác.

Tập viết một bài mô tả biểu đồ dạng này.

Thời gian cần thiết: 2 giờ x 3 (cần học 3 lần, mỗi lần học 2 giờ).

Nắm vững đặc điểm và cách mô tả biểu đồ ở trạng thái tĩnh (không có khoảng thời gian)

Đọc kỹ đề 6 (Mục 1, Chương 4), tìm hiểu cách sắp xếp thông tin trong bài viết mẫu của đề này, từ đó nắm bắt cách vận dụng kiến thức trong bài viết mẫu khi mô tả các biểu đồ ở trạng thái tĩnh khác.

Tập viết một bài mô tả biểu đồ dạng này.

Thời gian cần thiết: 2 giờ x 3.



Bài viết mô tả biểu đồ dạng hình ảnh  
(Mục 2, Chương 4)

Nắm vững đặc điểm và cách mô tả biểu đồ tiến trình

Tìm hiểu và nắm bắt cách sắp xếp thông tin trong bài viết mẫu của đề 1 (Mục 2, Chương 4).

Đọc kỹ bài viết mẫu.

Suy nghĩ xem làm thế nào để vận dụng kiến thức trong bài mẫu ấy khi mô tả các biểu đồ tiến trình khác.

Tập viết một bài mô tả biểu đồ dạng này.

Thời gian cần thiết: 2 giờ x 2.

Tìm hiểu và nắm bắt cách sắp xếp thông tin trong bài viết mẫu của đề 4 (Mục 2, Chương 4).

Đọc kỹ bài viết mẫu.

Suy nghĩ xem làm thế nào để vận dụng kiến thức trong bài mẫu ấy khi mô tả các bản đồ khác.

Tập viết một bài mô tả bản đồ.

Thời gian cần thiết: 2 giờ x 2.

### Giai đoạn 2: củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng

Từ ngữ cần thiết trong bài viết mô tả biểu đồ (Mục 3, Chương 4)

Tập hợp các phương pháp viết bài mô tả biểu đồ trên cơ sở ôn lại bài viết mẫu của bốn đề thật được đề cập ở giai đoạn 1.

Tích lũy từ vựng, nắm bắt các cách diễn đạt được sử dụng để mô tả các dạng biểu đồ.

Học thuộc lòng phần mở rộng từ vựng và các câu nổi bật trong bài viết mẫu của các đề thật.

Xem kỹ các từ ngữ hữu ích được dùng trong bài viết mô tả biểu đồ.

Rèn luyện kỹ năng viết:

- Luyện viết hai bài cho mỗi dạng đề, có thể chọn đề từ *Tuyển tập đề thi thật Cambridge IELTS Test 6-9*.
- Sửa lỗi cho bài viết dựa vào kiến thức đã học, xem kỹ các câu có cấu trúc và từ ngữ hay.

Thời gian cần thiết: 2 giờ x 4.

### Giai đoạn 3: nâng cao kỹ năng làm bài thi

Kỹ năng làm  
bài thi

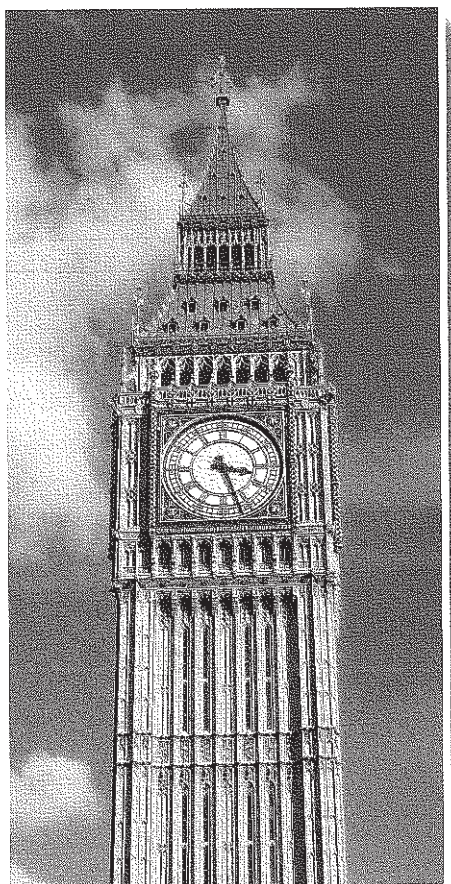
Ôn tập phương pháp  
viết bài mô tả bốn dạng  
biên có được giới thiệu  
ở Chương 1 và các cách  
diễn đạt thông dụng.

Tập làm bài thi trong  
thời gian ngắn hơn.

Tùy ý chọn đề nào đó trong *Tuyển tập đề thi thật Cambridge IELTS Test 6-9*, sau đó làm bài trong vòng 20 phút. Chọn ít nhất sáu đề để làm bài.

Sửa lỗi cho bài viết dựa vào kiến thức đã học.

Thời gian cần thiết: 1 giờ x 6.

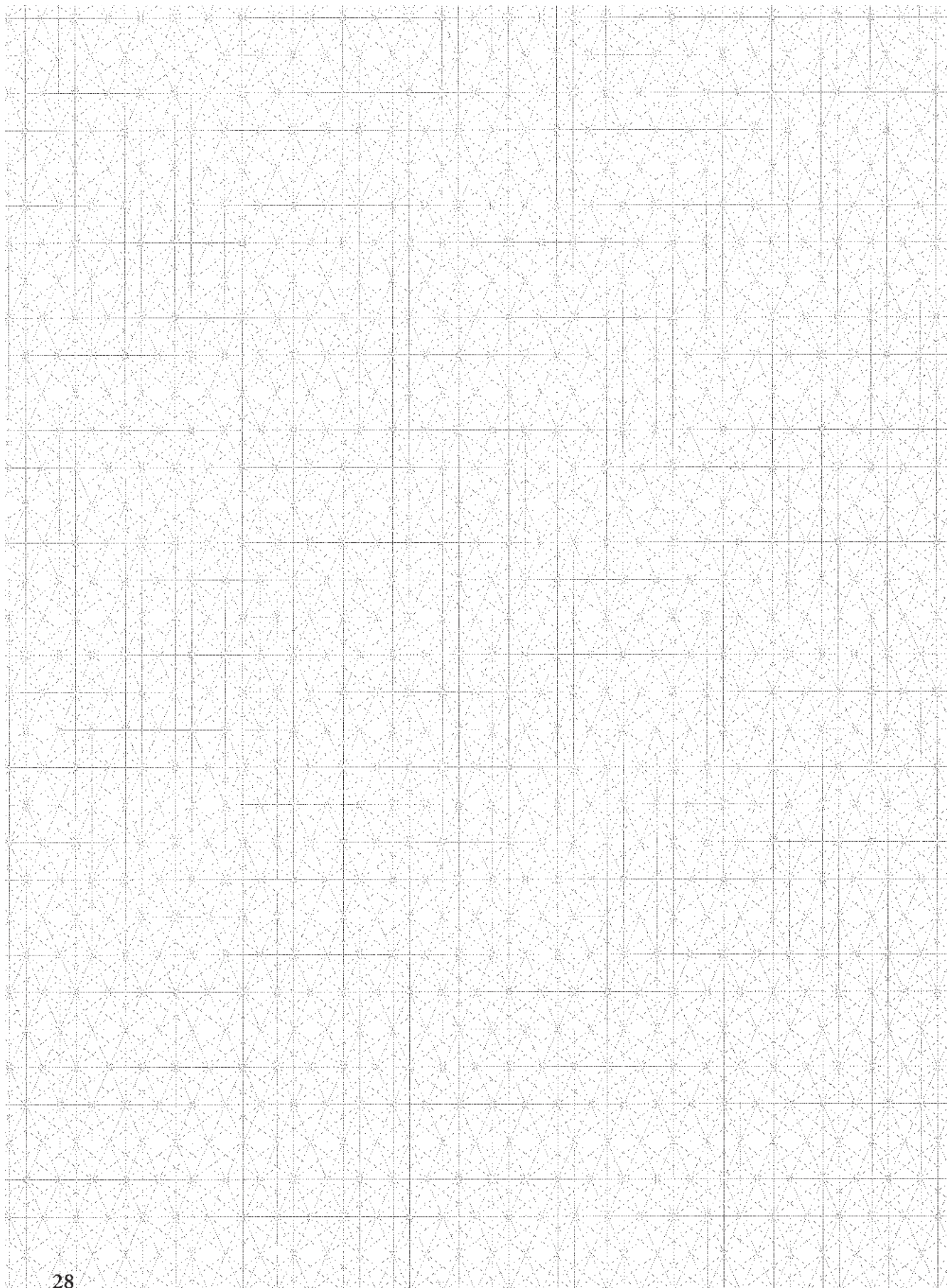




## Chương 2

Ngôn từ  
tạo nên  
bài viết hay







## Mục 1 Các từ/cụm từ hữu ích

Nói chung, bạn không cần học nhiều lý thuyết và cũng không cần biết nhiều thuật ngữ. Điều quan trọng nhất là bạn hãy quan sát, học hỏi và tập viết các câu hay, có sức biểu cảm, phù hợp với văn chính thống, từ đó nâng cao khả năng viết tiếng Anh của mình.

Một số học viên nghĩ rằng do mình không giỏi ngữ pháp nên không viết được (dĩ nhiên học viên cần phải giải quyết vấn đề này – xem phần **Câu đơn: đơn giản nhưng không đơn điệu**, Mục 2, trang 46). Nhưng có phải nếu giỏi ngữ pháp thì bạn sẽ viết được những câu văn hay? Trên thực tế, một số học viên rất giỏi ngữ pháp nhưng cũng không viết được câu hay, nguyên nhân là do kỹ năng viết không phải chỉ có được bằng cách đọc các sách ngữ pháp hay làm bài tập ngữ pháp. Ví dụ, với đề yêu cầu thảo luận về *giá trị của nghệ thuật đối với cá nhân và xã hội* (the value of arts to individuals and society), bạn có thể nghĩ đến các ý như: nuôi dưỡng tâm hồn, nâng cao đời sống tinh thần... Thực tế này cho thấy khi viết luận, thí sinh có xu hướng đưa vào bài viết những ý rất cao siêu, trừu tượng, xa rời thực tế.

Vậy làm thế nào để tránh lối viết như vậy? Câu trả lời rất đơn giản: hãy tư duy bằng tiếng Anh (think in English).

### 1. Ý tưởng cụ thể và thực tế sẽ giúp câu tiếng Anh của bạn trở nên gần gũi hơn

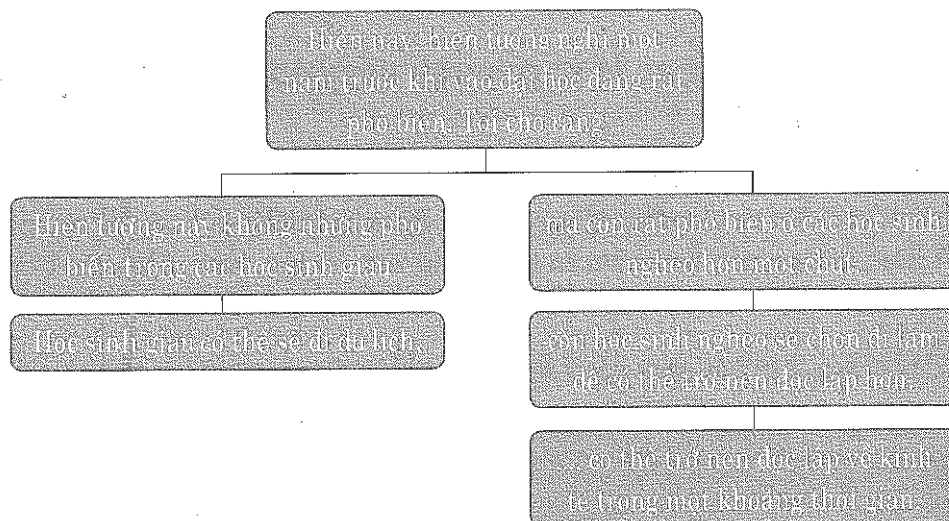
Hãy xem lại ví dụ trên. Bạn thấy rằng các ý vừa nêu rất trừu tượng, khái quát, nói cách khác là cao siêu và sáo rỗng. Hãy nhớ rằng **ngôn ngữ tiếng Anh có đặc trưng là tinh tế, thiết thực, chứa nhiều thông tin cụ thể và chi tiết**. Vì vậy, bước đầu tiên trong việc luyện viết là diễn đạt cụ thể, tránh đưa ra các ý trừu tượng, sáo rỗng.

Với đề bài sau, bạn hãy xem các ý được triển khai từng bước và cụ thể như thế nào.

In some countries, young people are encouraged to work or travel for a year between finishing high school and starting university studies. Discuss the advantages and disadvantages for young people who decide to do this.

	Gợi ý	Câu tiếng Anh của bạn
Cấp thứ nhất	Hiện nay, hiện tượng nghỉ một năm trước khi vào đại học đang rất phổ biến. Tôi cho rằng...	
Cấp thứ hai	Hiện nay, hiện tượng nghỉ một năm trước khi vào đại học đang rất phổ biến. <u>Hiện tượng này không những phổ biến trong các học sinh giàu mà còn rất phổ biến ở các học sinh nghèo hơn một chút.</u> Tôi cho rằng...	
Cấp thứ ba	Hiện nay, hiện tượng nghỉ một năm trước khi vào đại học đang rất phổ biến. <u>Hiện tượng này không những phổ biến trong các học sinh giàu mà còn rất phổ biến ở các học sinh nghèo hơn một chút.</u> <u>Học sinh giàu có thể sẽ đi du lịch, còn học sinh nghèo sẽ chọn đi làm để có thể trở nên độc lập hơn.</u> Tôi cho rằng...	

Nhận xét: Rõ ràng cách diễn đạt càng lúc càng cụ thể. Sơ đồ hình cây dưới đây sẽ giúp bạn hình dung rõ hơn.



### Câu tiếng Anh 1

It is quite common these days for students to have a break from studying after graduating from high school. This practice offers more advantages to the young high school graduates.

Nhận xét: Người viết chỉ sử dụng toàn câu đơn.



## Câu tiếng Anh 2

... The trend is not only common in rich students who have the money to travel, but also is evident among poorer students who choose to work and become independent. Personally, I think...

**Nhận xét:** Người viết đã đưa vào câu trên thông tin chi tiết hơn ở cấp độ ba. Vì vậy, thông tin của câu này trở nên cụ thể hơn. Về ngữ pháp, người viết đã khéo léo dùng kết hợp cấu trúc not only... but also và hai mệnh đề tính ngữ bắt đầu bằng who.

## Câu tiếng Anh 3

... The trend is not restricted to rich students who have the money to travel, but also is evident among poorer students who choose to work and become economically independent for a period of time. Personally, I think...

**Nhận xét:** Khi viết về *học sinh nghèo hơn* (poorer students), người viết đã thêm vào trạng từ economically (để bổ nghĩa cho independent) và cụm từ chỉ thời gian for a period of time, nhờ đó ý tưởng được triển khai cụ thể và cấu trúc câu trở nên chặt chẽ. Ngoài ra, từ common (*phổ biến*) trong câu tiếng Anh thứ 2 được thay bằng not restricted (*không bị giới hạn*) cũng cho thấy người viết có khả năng sử dụng từ một cách linh hoạt.

## Kết luận

Để tăng sức biểu cảm cho bài viết thì bạn phải trình bày các ý càng cụ thể càng tốt.

Sau đây là một số cách giúp bạn viết câu cụ thể, chi tiết. Tất cả các ví dụ đều được trích từ bài mẫu của giám khảo Cambridge. Bạn nên xem kỹ các câu mẫu, so sánh câu mẫu và câu bình thường rồi tập viết theo câu mẫu.

### ○ 1. Giới từ và cụm giới từ

Giới từ và cụm giới từ rất hữu ích trong việc cụ thể hóa một nhận xét hay khái niệm nào đó.

**Câu 1** They tend to be more independent, which is a very important factor in academic study and research, as well as giving them an advantage in terms of coping with the challenges of student life.

**Phân tích:** Về cơ bản, in và in terms of có nghĩa gần giống nhau (nghĩa là *trong việc*), được dùng để giới hạn phạm vi của các nội dung cần phân tích, giúp chúng trở nên sát thực tế. Để thấy rõ vấn đề, bạn hãy so sánh câu mẫu trên với câu sau đây:

**Câu bình thường:** They tend to be more independent, which is a very important factor and gives them an advantage.

**Câu 2** These children are often spoilt, not in terms of love and attention because working parents do not have time for this, but in more material ways.

Phân tích: Câu trên đưa ra nhiều thông tin cụ thể: cha mẹ đi làm nên không có thời gian dành sự yêu thương và quan tâm cho con cái mà chỉ bù đắp bằng vật chất.

Câu bình thường: These children are often spoilt by parents.

Hãy học cách sử dụng các giới từ/cụm giới từ rất hữu ích sau:

1. regarding ...; in/with regard to ... về
2. regardless of ... bất kể

**Câu 3** I find myself in complete agreement with them with regard to experiments for new medicine.

Phân tích: Cụm từ with regard to và cụm danh từ theo sau thể hiện rõ thái độ của người viết đối với vấn đề thí nghiệm trên động vật.

Câu bình thường: I totally agree with them.

**Câu 4** Physical punishments damaging the health of children should be dealt with according to laws regarding child abuse and physical assault.

Phân tích: Các bộ luật được cụ thể hóa bằng cụm từ bắt đầu bằng giới từ regarding.

Câu bình thường: Physical punishments should be dealt with according to laws.

**Câu 5** They are allowed to have whatever they want, regardless of price, and to behave as they please.

Phân tích: Cụm từ bắt đầu bằng giới từ regardless of được sử dụng để cụ thể hóa ý "bất cứ thứ gì chúng muốn".

Câu bình thường: They are allowed to have everything they want and to do whatever they want.

## ○ 2. Nêu ví dụ/liệt kê

Nêu ví dụ là một trong những cách thường gặp nhất để trình bày thêm thông tin và cụ thể hóa một ý tưởng nào đó, giúp luận cứ trở nên khách quan hơn và có chiều sâu. Bạn có thể dùng such as, các cụm danh từ hoặc các câu hoàn chỉnh để nêu ví dụ/liệt kê.

### 1. Dùng such as

**Câu 6** Even when children use a computer for other purposes, such as getting information or emailing friends, it is no substitute for human interaction.

**Phân tích:** Phần gạch dưới *other purposes* (*các mục đích khác*) là cụm từ mang nghĩa khái quát. Người viết đưa thông tin vào sau *such as* để cụ thể hóa cụm từ này, giúp người đọc dễ hình dung và hiểu rõ ý của người viết.

**Câu bình thường:** A computer cannot replace human interaction even if children use it for other things.

**Câu 7** There are plenty of well-made TV programmes that provide viewers with information on such diverse topics as history, science, medicine, foreign languages and economics.

**Phân tích:** Lưu ý là cụm từ *such as* được sử dụng linh hoạt: bạn có thể viết *such as* liền nhau hoặc dùng cấu trúc *such + danh từ + as*. Ngoài ra, *such as* có thể được thay bằng *like*, *ranging from... to...*

**Câu bình thường:** There are many good programmes on TV that provide us with different information.

## 2. Dùng các cụm danh từ

**Câu 8** Many people find their rewards unfair, especially when comparing these super salaries with those of top surgeons or research scientists, or even leading politicians who have the responsibility of governing the country.

**Phân tích:** Thông thường bạn nêu một thông tin khái quát trước rồi sử dụng các cụm danh từ để trình bày thông tin cụ thể.

**Câu bình thường:** Many people find their rewards unfair, especially when comparing these super salaries with those of other people.

## 3. Dùng các câu hoàn chỉnh

**Câu 9** In spite of all this, there are certain occasions when letters are still the number one choice. Wedding invitations always seem more formal and sincere if hand-written; holiday cards with ink will often delight us more; and a carefully written love letter may intrigue or move our beloved one more easily.

**Phân tích:** Để làm rõ cụm từ *certain occasions* (*một số dịp nhất định*), người viết đã liệt kê ba trường hợp cụ thể bằng câu hoàn chỉnh với các chủ ngữ: *wedding invitations* (*thiệp cưới*), *holiday cards* (*thiệp chúc mừng vào ngày lễ*) và *love letter* (*thư tình*).

**Câu bình thường:** Letters are more easily portable.



### ○ 3. Giải thích

Đối với các ý trừu tượng, bạn cần giải thích để giúp người đọc dễ hiểu.

**Câu 10** Talent is what distinguishes a person who has been trained to play a sport or an instrument from those who become good players. In other words, there is more to the skill than a learned technique.

**Phân tích:** Để làm sáng tỏ ý vừa trình bày trước đó, người viết đã diễn giải bằng nội dung theo sau cụm từ in other words.

Ở bài viết bình thường, người viết thường không giải thích rõ ý tưởng mình đưa ra. Vì thế, bài viết cũng thiếu các từ nối cần thiết.

**Câu 11** Overall, I think the ability to keep a clear perspective in life is a more essential factor in achieving happiness. By that I mean an ability to have a clear sense of what is important in our lives and what is not.

**Phân tích:** Cụm từ by that I mean được dùng để nêu ý nhằm giải thích rõ quan điểm được trình bày ở câu trước đó: The ability to keep a clear perspective in life is a more essential factor in achieving happiness.

Câu này cũng có thể được viết là: I think the ability to keep a clear perspective in life is a more essential factor in achieving happiness, by which I mean an ability to have a clear sense of what is important in our lives and what is not.

Ngoài ra, bạn có thể dùng các cụm từ sau để giải thích:

- ① (or) more precisely ... (hay) chính xác hơn
- ② that is ... nghĩa là
- ③ that is to say ... nghĩa là
- ④ or rather ... hay đúng hơn

Ví dụ

- This is a poem about death, or, more precisely, dying.
- Some poems are mnemonics, that is, they are designed to help you remember something.
- Some poems are mnemonics, that is to say, they are designed to help you remember something.
- In this exercise, the reader is encouraged to work out the meaning, or rather the range of meanings, of the poem.

**Luyện tập**

1. Dưới đây là đề bài và các câu viết về đề bài đó. Hãy đọc các câu này và cho biết câu nào được viết hay hơn, sau đó gạch dưới các từ/cụm từ diễn tả thông tin chi tiết.

Food can be produced more cheaply nowadays with improved fertilisers and better machinery. However, some methods may be dangerous to human health, and have negative effects on local communities. What is your opinion on this issue?

**Câu 1** Using fertilisers may damage people's health. According to some research by some scientists, some daily diseases are due to too much chemical substance in the food.

**Câu 2** Using fertilisers too much may damage people's health. According to some research by agricultural scientists, a large proportion of common diseases troubling the elderly result from the excessive chemical residues contained in the food they consume every day.

2. Điền từ/cụm từ thích hợp vào chỗ trống:

- Sometimes, discussing the merits and problems of the various forms of media is extremely complex. \_\_\_\_\_ the same thing can be both bad and good.
- Sometimes, discussing the merits and problems of the various forms of media is extremely complex, \_\_\_\_\_ the same thing can be both bad and good.

**Đáp án**

1. (1) Câu tiếng Anh 2 hay hơn.

(2) Using fertilisers too much may damage people's health. According to some research by agricultural scientists, a large proportion of common diseases troubling the elderly result from the excessive chemical residues contained in the food they consume every day.

2. (1) By this I mean

(2) 1. by which I mean 2. that is to say.

**2. Thủ thuật tránh cách diễn đạt tuyệt đối hóa**

Trong bài thi Viết IELTS, bạn nên tránh cách diễn đạt tuyệt đối hóa. Bạn cần thể hiện độ chính xác và tính khách quan trong quan điểm hay nội dung được trình bày. Đây là điều quan trọng trong văn phong học thuật. Nói chung, bạn chỉ cần sử dụng ngôn ngữ phù hợp là tránh được sự khái quát quá mức.

### ○ 1. Dùng động từ khiếm khuyết (modal verb)

Bạn hãy diễn đạt bằng tiếng Anh câu này: *Xem tivi quá nhiều sẽ khiến trẻ em bị cận thị.*

Có phải bạn đã viết như sau?

- Watching TV too much will lead to shortsightedness among children.

Bạn có dùng từ will không?

Hãy viết tiếp những câu sau bằng tiếng Anh:

- *Xem tivi sẽ ảnh hưởng đến việc học.*
- *Các cảnh bạo lực trên tivi sẽ khiến trẻ em trở nên bạo lực.*

Nếu bạn dùng will để diễn đạt ý sẽ trong các câu trên thì cho dù bài viết của bạn có các từ cao cấp khác, bạn vẫn không được điểm cao vì đã phạm sai lầm là tuyệt đối hóa vấn đề. Will có nghĩa là *nhất định sẽ, chắc chắn sẽ*, biểu thị sự tuyệt đối. Và bạn có chắc là nội dung bạo lực trên tivi khiến tất cả trẻ em trở nên bạo lực không?

Hãy tập viết câu như sau:

- ① Watching TV too much would lead to shortsightedness among children.
- ② Children's eyesight would be negatively affected by watching TV too much.

Đến đây, có lẽ bạn đã nhận ra ý nghĩa của các động từ khiếm khuyết trong tiếng Anh. Để tránh khái quát quá mức hoặc tránh cách diễn đạt tuyệt đối hóa, bạn hãy sử dụng các động từ khiếm khuyết ở dạng quá khứ vì chúng làm giảm mức độ khẳng định hay chắc chắn.

can/could

would

should/must

may/might

**Câu 1** If they could raise them to be considerate of others and to be social, responsible individuals, the whole community would benefit.

**Phân tích:** Người viết tỏ ra thận trọng khi trình bày ý kiến của mình bằng cách dùng động từ khiếm khuyết một cách phù hợp. Nếu bạn viết:

If they raise..., the whole community will benefit.  
thì như vừa trình bày ở trên, bạn đã tuyệt đối hóa vấn đề.

**Câu 2** High-quality nursery schools could be established that would support families more in terms of raising the next generation. The government should fund this kind of parental support, because this is no longer a problem for individual families, but for society as a whole.

**Phân tích:** Câu này đã diễn đạt các ý với mức độ khác nhau một cách rất chặt chẽ và thận trọng qua các động từ khiếm khuyết could, would và should.



**Câu 3** As this policy would also affect the cost of public transport, it would be very unpopular with everyone who needs to travel on the roads.

**Phân tích:** Khi dùng would ở cả hai mệnh đề, người viết thể hiện sự dè dặt và không khẳng định chắc chắn ý kiến chủ quan của mình. Một số bài thi không được điểm cao vì thí sinh đã sử dụng kiểu câu đảo ngược để nhấn mạnh ý chủ quan: Only in this way will we solve the problem of traffic jams!

### Luyện tập

Điền động từ khiếm khuyết thích hợp vào chỗ trống.

1. Sitting in front of a screen for too long \_\_\_\_\_ be damaging to both the eyes and the physical posture of a young child, regardless of what they are using the computer for.
2. But there are various measures that could be implemented that \_\_\_\_\_ have a huge effect on these problems.
3. Governments \_\_\_\_\_ help young couples about how to be good parents.
4. Parents \_\_\_\_\_ ensure that their children learn to enjoy other kinds of activities and not simply sit at home.

### Đáp án

- |                      |                  |
|----------------------|------------------|
| 1. can / may / would | 3. should / must |
| 2. would             | 4. must / should |

### ○ 2. Dùng trạng từ / cụm từ phù hợp

Muốn thể hiện quan điểm của mình một cách khéo léo và tránh tình trạng tuyệt đối hóa vấn đề, bạn cần sử dụng bốn nhóm từ sau.

Nhóm 1: Trạng từ chỉ tần suất

always  
often, usually, sometimes  
seldom, rarely, scarcely  
never

**Câu 4** These are often electronic games that tend to be very intense and rather violent. The player is usually the “hero” of the game and too much exposure may encourage children to be self-centred and insensitive to others.

**Phân tích:** So sánh câu trên với câu bình thường sau đây. Nhiều thí sinh thường dùng always và will, như vậy họ đã tuyệt đối hóa nhận định của mình.

Câu bình thường: They *always* use the computer to play electronic games; these games *are* very intensive and violent. The player is *always* the hero and playing computer games *will* make children self-centred.

**Câu 5** A child's education has never been about learning information and basic skills only.

**Phân tích:** Always, never và only là ba từ thể hiện rất rõ mức độ tuyệt đối. Trong các bài viết mẫu, bạn sẽ thấy giám khảo rất hạn chế dùng những từ này. Họ thường kết hợp not và always, never và only, not và only để làm giảm mức độ tuyệt đối.

Câu bình thường: A child's education has *never* been about learning information and basic skills.

Nhóm 2: Trạng từ chỉ mức độ

possibly, probably, perhaps  
generally, in general, by and large  
in some circumstances/cases  
to some extent, to a large extent

**Câu 6** They are generally more confident and independent than children who stay at home with their parents.

**Phân tích:** Các sự việc và hiện tượng thường có trường hợp ngoại lệ. Do đó, để tránh khái quát quá mức, chúng ta có thể dùng cụm từ in general hay by and large (*nói chung*)...

Câu bình thường: They *are (will be)* more confident and independent than children who stay at home with their parents.

**Câu 7** Good musicians or artists and exceptional sports stars have probably succeeded because of both good training and natural talent.

**Phân tích:** Người viết khéo léo đưa từ *probably* vào câu trên, nhờ đó nhận định trở nên khách quan, không bị đẩy đến mức tuyệt đối.

Câu bình thường:

① Good musicians and exceptional sports stars *have succeeded* because of both good training and natural talent.

② *It is* because of both good training and natural talent *that* good musicians and exceptional sports stars have succeeded. (Việc dùng kiểu câu nhấn mạnh *it is... that...* chứng tỏ người viết có trình độ về ngữ pháp, nhưng về mặt ngữ nghĩa, nó cho thấy sự khẳng định chắc chắn.)

**Câu 8** This is probably true to some extent.

**Phân tích:** Tương tự câu 7. Hãy so sánh câu này với câu bình thường sau đây.

Câu bình thường: This is *absolutely/totally* true.



Nhóm 3: Động từ/cụm động từ diễn tả sự không chắc chắn (seem/appear/tend to...  
be more/less likely to...

**Câu 9** Boys in single-sex schools are more likely to take cookery classes and to study languages, which are often thought of as traditional subjects for girls.

**Phân tích:** Trong câu này, người viết sử dụng cụm động từ *be more likely to do*, nhờ đó quan điểm đưa ra có sự chừng mực.

**Câu bình thường:** Boys in single-sex schools *will* take cookery classes and study languages, which are *always* thought of as traditional subjects for girls.

**Câu 10** They tend to be more independent, which is a very important factor in academic study and research.

**Phân tích:** *Tend to* trong câu này mang nghĩa là *có xu hướng*, tương tự *be more likely to do* trong câu 9. Nếu muốn giảm bớt mức độ chắc chắn, bạn có thể thay cụm từ này bằng *seem/appear*.

**Câu bình thường:** If..., they *will* be more independent...

Nhóm 4: Các cấu trúc diễn tả sự không chắc chắn (it is possible that...  
it is likely that...  
it is said that...

**Câu 11** Because it is more likely now that both parents work, there is little opportunity for children to stay in their own home up to that age.

**Phân tích:** Dù việc trẻ nhỏ đi nhà trẻ quá sớm (do cha mẹ đều đi làm) là hiện tượng rất phổ biến trong thực tế, nhưng người viết đã dùng cấu trúc *it is more likely that...* và từ *little* để thể hiện sự chật chẽ trong ý tưởng và tránh khẳng định chắc chắn.

**Câu bình thường:** Because *all* parents have to work, children *do not have* opportunity to stay in their own home up to that age.

**Câu 12** Even though it is unlikely that all workers will feel happy in their work, I think it is not unrealistic to promote job satisfaction in any job.

**Phân tích:** Cấu trúc *it is unlikely that* được dùng trước *all* có tác dụng bổ nghĩa và giới hạn nghĩa của từ đó, diễn đạt ý *không phải tất cả các nhân viên đều hài lòng*. Ở các bài viết thuộc nhóm bình thường, người viết chỉ có thể viết: *not all workers feel happy...* Ngoài ra, việc sử dụng *will feel* và *not unrealistic* tạo sự phong phú về mặt diễn đạt đồng thời cho thấy người viết có sự thay đổi trong cách nhìn nhận vấn đề.

**Câu bình thường:** Although *not all* workers feel happy in their work, I think *we/companies* should promote job satisfaction in any job.

### ○ 3. Từ hạn định

most

some

many

Đây là ba từ rất hữu ích. Nếu bạn không dùng thường xuyên các cụm từ như *some people* hay *some things* trong bài viết, thì việc dùng kết hợp ba từ này với danh từ liên quan đến đề bài sẽ giúp bạn tránh được sự khái quát quá mức.

**Câu 13** Attending school from a young age is good for most children.

**Phân tích:** Câu này có từ hạn định *most* nên hoàn toàn tránh được sự chủ quan. Khi diễn đạt câu sau bằng tiếng Anh: *Đi học lúc còn nhỏ tuổi có ích cho trẻ em*, đa số thí sinh sẽ viết: *Attending school from a young age is good for children*. Do không thêm *most* vào nên họ phạm lỗi khái quát quá mức.

**Câu bình thường:** *Attending school from a young age is good for children*.

**Câu 14** This relatively short working life may be some justification for the very high pay.

**Phân tích:** Trong câu trên, *some* bổ nghĩa cho danh từ *justification*. Từ hạn định này, cùng với hai từ *relatively* và *may*, giúp người viết thể hiện thái độ khiêm tốn.

**Câu bình thường:** *Their working life is short and this is the justification for the very high pay*.

**Câu 15** Today, education has become a priority for many parents seeking to secure a good future for their children in this rapidly changing world.

**Phân tích:** Trong câu này, người viết dùng *many* để bổ nghĩa cho *parents*, tương tự câu 13.

**Câu bình thường:** *Today, education has become the most important thing for all the parents*.

#### Luyện tập

Hãy sửa các câu sau để tránh cách diễn đạt tuyệt đối hóa.

1. Too much use of the Internet *leads* to social isolation.
2. This is *impossible* at home because they are the only child, or because their brothers or sisters are older or younger.
3. *All around the world* today, children start primary school at around the age of six or seven.
4. With the political will, such measures *will definitely* reduce the amount of rubbish we produce.



**Đáp án**

1. Too much use of the Internet can lead to social isolation.
2. This is often not possible at home because they are the only child, or because their brothers or sisters are older or younger.
3. In many places today, children start primary school at around the age of six or seven.
4. With the political will, such measures could really reduce the amount of rubbish we produce.

### 3. Cấu trúc so sánh và đối chiếu

Để nội dung bài viết trở nên cụ thể hơn, bạn hãy dùng cấu trúc so sánh. Những câu so sánh và đối chiếu các quan điểm, nhận định hay luận cứ khác nhau là những câu được đánh giá cao xét theo tiêu chí nội dung (Task Response).

#### ○ 1. So sánh (compare)

Để đạt điểm cao, bạn cần dùng cấu trúc so sánh phù hợp khi trình bày quan điểm của mình.

**Câu 1** They are generally more confident and independent than children who stay at home with their parents and who are not used to strangers or new situations.

**Phân tích:** Câu này đã so sánh trẻ được đi học sớm với trẻ không được đi học sớm. So với câu bình thường dưới đây, câu 1 dài hơn và hay hơn.

**Câu bình thường:** Children will be confident and independent if they go to school from a young age.

**Câu 2** Another advantage of going to school at an early age is that children develop faster socially.

**Phân tích:** Câu 2 được trích từ cùng bài viết mẫu với câu 1, cũng dùng cấu trúc so sánh.

**Câu 3** I think the solution to the problem lies with the families, who need to be more aware of the future consequences of spoiling their children.

**Phân tích:** Tương tự câu 1 và 2, câu này cũng dùng cấu trúc so sánh và là điểm nổi bật của bài viết.

## ○ 2. Đối chiếu (contrast)

Nhìn chung, đối chiếu yêu cầu kỹ năng viết cao hơn so sánh. Nó đòi hỏi thí sinh phải có khả năng sắp xếp thông tin trong bài viết và sử dụng ngôn ngữ tốt hơn.

- rather than
- instead/instead of
- not... but...
- unlike
- while/whilst/whereas

**Câu 4** Yet others think that spiritual paths, rather than either the material world or relationships with people, are the only way to true happiness.

Phân tích: Trong câu này, *rather than* (*thay vì*) có thể được thay bằng *instead of* hoặc *neither... nor..., but...*

- Yet others think that spiritual paths, instead of either the material world or relationships with people, are the only way to true happiness.
- Yet others think it is neither the material world nor relationships with people, but spiritual paths that are the only way to true happiness.

Câu bình thường: Others think that spiritual paths are the only way to true happiness.

**Câu 5** My own view is that there is no one major influence in a person's life. Instead, the traits we inherit from our parents and the situations and experiences that we encounter in life are constantly interacting.

Phân tích: Câu thứ nhất trình bày một ý phủ định, câu thứ hai dùng *instead* để nêu một ý trái ngược. Cách này đã làm nổi bật nhận định của người viết. Thông thường, các bài viết thuộc nhóm bình thường chỉ nêu ý khẳng định hoặc phủ định. Dĩ nhiên, không phải trường hợp nào bạn cũng cần đưa ra ý kiến khẳng định và phủ định cùng lúc. Điều quan trọng là bạn phải sử dụng các từ thể hiện sự đối chiếu một cách linh hoạt, hợp lý.

Câu bình thường: My own view is that there is no major influence in one's life.

**Câu 6** That is to say the information in such commercials is far from useful, but rather harmful.

Phân tích: Điểm nổi bật của câu này về cơ bản cũng giống câu 5. Người viết sử dụng cấu trúc *not... but...* nhưng đã linh hoạt thay *not* bằng *far from*.

Câu bình thường: That is to say the information in such commercials is very harmful.

**Luyện tập**

Đoạn bên dưới được trích từ bài viết của đề sau: *Tại sao mức sống giữa thành thị và nông thôn ở các nước đang phát triển lại có khoảng cách rất lớn?* (Why is the gap in the standard of living between the city and countryside is very large in developing countries?). Hãy đọc và điền vào chỗ trống dạng so sánh của các từ trong ngoặc.

Another reason is that the level of education in cities in less developed countries is generally much (1) (high) than in rural areas. (2) (good) teachers usually prefer to be where the living standards are (3) (good) and this leads to a situation where the schools in the countryside gradually fall (4) (far) behind. In addition, the schools in cities tend to be (5) (well) equipped and the students also have access to (6) (much) and (7) (good) information. For example, in Vietnam, it is normal for students to have access to computers in cities, but not so common in the countryside.

**Đáp án**

- |                        |           |
|------------------------|-----------|
| 1. higher              | 5. better |
| 2. Better              | 6. more   |
| 3. better              | 7. better |
| 4. further and further |           |

**4. Cấu trúc song song**

Cấu trúc song song là hình thức tu từ thường gặp trong văn viết tiếng Anh và cũng là cấu trúc các giám khảo thường dùng. Nó đề cập đến hai hay hơn hai thành phần song song trong câu đồng nhất hoặc đối xứng nhau về ý nghĩa và có cùng chức năng ngữ pháp. Cấu trúc song song thường được nối với nhau bằng các liên từ kết hợp đơn hoặc kép.

**Câu 1** Young adults may end up never returning to their studies or finding it difficult to readapt to an academic environment.

**Phân tích:** Liên từ kết hợp *or* giúp nội dung của câu được mở rộng và đầy đủ hơn, giúp người viết thể hiện quan điểm rõ hơn đồng thời cho thấy họ có khả năng kiểm soát được cách diễn đạt phức tạp.

**Câu 2** They may think that it is better to continue in a particular job or to do something completely different from a university course.

**Phân tích:** Câu này được trích từ cùng một bài viết mẫu với câu 1. Liên từ kết hợp *or* mang lại hiệu quả như câu 1.



**Câu 3** Satisfaction is also increased by a sense of responsibility for and loyalty to a team.

**Phân tích:** Liên từ kết hợp and được dùng để diễn tả hai ý song song, mang lại hiệu quả như câu 1.

**Câu 4** In conclusion, I think that long-term traffic and pollution reductions would depend on educating the public to use public transport more and on governments using public money to construct and run efficient systems.

**Phân tích:** Liên từ kết hợp and được dùng để làm rõ ý đứng sau cụm động từ depend on. Vì on là giới từ nên sau nó, người viết dùng danh động từ (educating) và cấu trúc phức hợp của danh động từ (governments using...).

**Câu 5** Without the natural talent, continuous training would be neither attractive nor productive; and without the training, the children would not learn how to exploit and develop their talent.

**Phân tích:** Về thứ nhất dùng liên từ kết hợp kép neither... nor.... Lưu ý là các từ đứng sau liên từ kép phải cùng từ loại, ở đây attractive và productive đều là tính từ. Về thứ hai nối với về thứ nhất bằng liên từ kết hợp and tạo thành câu ghép (compound sentence).

### Luyện tập

Viết lại từng nhóm câu sao cho ngắn gọn và hay hơn (chủ yếu dùng liên từ and/or).

Group 1 Firstly, a person needs to feel that they are doing valuable work.  
The work is valued.

Group 2 Boys in single-sex schools are more likely to take cookery classes.  
Boys in single-sex schools are more likely to study languages.

Group 3 When someone feels they are improving their skills or developing their skills through training opportunities, then there is a sense of progression.  
Then there is a sense of purpose.  
That sense rewards a worker.

Group 4 If sufficient sky trains and underground train systems were built in our major cities, then traffic on the roads would be dramatically reduced.  
If sufficient sky trains and underground train systems were effectively maintained in our major cities, then traffic on the roads would be dramatically reduced.

**Đáp án**

1. Firstly, a person needs to feel that they are doing valued and valuable work.
2. Boys in single-sex schools are more likely to take cookery classes and to study languages.
3. When someone feels they are improving or developing their skills through training opportunities, then there is a sense of progression and purpose that rewards a worker.
4. If sufficient sky trains and underground train systems were built and effectively maintained in our major cities, then traffic on the roads would be dramatically reduced.



www.nhantriviet.com

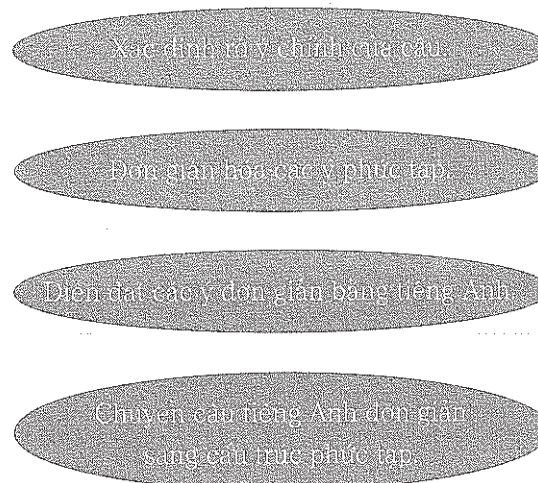
## Mục 2 Câu đơn: đơn giản nhưng không đơn điệu

Câu đơn là cơ sở để phát triển kỹ năng viết. Vậy trước tiên bạn phải viết được câu đơn vừa đúng vừa hay. Bạn phải viết câu sao cho đơn giản nhưng không đơn điệu (simple but not simplistic)!

### 1. Viết câu đơn đúng

#### Part 1 Làm thế nào để viết câu đúng?

**Phương pháp chủ yếu:** Trước tiên bạn phải xác định điểm cốt lõi của nội dung cần diễn đạt, sau đó phải đảm bảo các câu bạn viết phù hợp với cấu trúc cơ bản của câu tiếng Anh. Cuối cùng, hãy sửa lại và thêm thành phần bổ nghĩa sao cho hợp lý. Cụ thể, bạn nên áp dụng bốn bước sau để viết được câu đúng và phù hợp với mục đích giao tiếp (correct and communicative sentences):



Ví dụ: Để diễn đạt bằng tiếng Anh câu: *Tôi rất tự tin trong kỳ thi này*, bạn sẽ áp dụng ba bước đầu và viết:

- I have confidence in this exam. (cấu trúc chủ ngữ + động từ + tân ngữ + bổ ngữ)
- I am confident about this exam. (cấu trúc chủ ngữ + động từ nối + tính từ + bổ ngữ)

Bước thứ tư là chuyển câu tiếng Anh đơn giản sang cấu trúc phức tạp, cụ thể là thêm từ bổ nghĩa để mở rộng câu tiếng Anh đơn giản:

- I have *absolute/complete* confidence in this exam. (thêm tính từ bổ nghĩa cho danh từ confidence)
- I am/feel *very/fairly/quietly/reasonably* confident about this exam. (thêm trạng từ bổ nghĩa cho tính từ confident)



**Luyện tập**

Hãy dịch các câu sau sang tiếng Anh.

1. Dù vậy, không thể chối bỏ những lợi ích hiển nhiên của kỹ năng sử dụng máy tính đối với trẻ em.

2. Mạng Internet là chìa khóa mở ra toàn bộ kiến thức và thông tin sẵn có trên thế giới ngày nay.

**Đáp án**

1. In spite of this, the obvious benefits of computer skills for young children cannot be denied.
2. The Internet is the key to all the knowledge and information available in the world today.

**Nắm mẫu câu cơ bản (sentence pattern) của câu đơn tiếng Anh:**

1. Chủ ngữ + động từ nối + vị ngữ
2. Chủ ngữ + nội động từ
3. Chủ ngữ + ngoại động từ + tân ngữ
4. Chủ ngữ + ngoại động từ + tân ngữ gián tiếp + tân ngữ trực tiếp
5. Chủ ngữ + ngoại động từ + tân ngữ + bổ ngữ của tân ngữ

Trong tiếng Anh, cấu trúc câu cơ bản nhất gồm có chủ ngữ và động từ. Khi viết câu, bạn phải viết phù hợp với năm cấu trúc trên.

**Part 2** Thực hành mẫu câu○ **Pattern 1: Chủ ngữ + động từ nối + vị ngữ**

Động từ cơ bản nhất trong mẫu câu này là to be (câu A). Ngoài ra, bạn có thể dùng động từ nối khác (câu B). Cả hai câu này đều đúng, nhưng câu B giúp bạn tránh được cách diễn đạt tuyệt đối hóa và mang tính hình tượng hơn.

1. A: His statement is somewhat exaggerating.  
B: His statement sounds somewhat exaggerating.
2. A: People are more and more self-centred.  
B: People have become increasingly self-centred.
3. A: The nuclear weapon is still a threat to the world.  
B: The nuclear weapon remains a threat to the world.

4. A: The use of cars was constant in the 1990s.

B: The use of cars stayed constant in the 1990s.

5. A: As an energy, the nuclear technology is too expensive and risky.

B: As an energy, the nuclear technology has proven too expensive and risky.

### ○ Pattern 2: Chủ ngữ + nội động từ

Thí sinh dự thi IELTS thường dùng sai cấu trúc này cả trong khi nói lẫn khi viết. Nguyên nhân là do họ không nắm được động từ nào đó là nội động từ hay ngoại động từ.

6. Several problems would occur due to the overuse of computers.

Occur là nội động từ nên bạn không thể viết là occur problems mà phải viết như câu ví dụ: problems would occur. Tương tự, các nội động từ appear, exist, happen cũng không bao giờ có danh từ theo sau chúng.

7. In some countries, both single-sex and mixed schools co-exist.

Co-exist cũng là nội động từ, tương tự nội động từ occur trong câu 6. Bạn cũng có thể dùng cấu trúc there + exist/be: There exist both single-sex and mixed schools in some countries.

8. Opinions to this differ a lot.

Differ trong câu này có thể được thay bằng vary.

9. Children's obsession with the Internet serves as another example of computers' bad influences on the young minds.

Cấu trúc được sử dụng trong câu bình thường là: ... is another example of... So sánh câu này với câu ví dụ trên, chúng ta thấy từ serve được dùng rất đắt.

10. If our diet lacks Vitamin A, blindness may result.

Có lẽ bạn chỉ quen với cụm từ as a result hoặc result in nhưng ở câu này, result là nội động từ.

### ○ Pattern 3: Chủ ngữ + ngoại động từ + tân ngữ

Mẫu câu này tương đối dễ sử dụng. Điều quan trọng là bạn cần tích lũy và sử dụng thành thạo nhiều ngoại động từ cao cấp. Do đó, ngoài việc học năm câu ví dụ bên dưới, bạn cần ghi nhớ những ngữ động từ có liên quan được trích từ các bài viết mẫu của đề thật trong *Từ ngữ cần thiết trong bài viết IELTS*.

11. Certain news organisations have reputations for not presenting the news objectively.

Ngoại động từ have phải có tân ngữ trực tiếp reputation theo sau.

12. An increasing proportion of people in modern society know how to speak English.

Tân ngữ của đa số ngoại động từ không nhất thiết là một danh từ đơn giản mà có thể là danh ngữ bắt đầu bằng từ nghi vấn, ví dụ: know where to go, buy whatever they want.

13. The job suits neither his skills nor his personality.

Skills và personality là tân ngữ của ngoại động từ suit.

14. They should not learn to live in a virtual world.

Tân ngữ của một số ngoại động từ còn có thể là cụm động từ nguyên mẫu hoặc danh động từ (câu 14 và 15).

15. Some people claim that we should start using alternative energy sources.

**58 ngoại động từ thường được sử dụng nhất trong bài viết IELTS**

- have, own, serve, lack, satisfy, fulfil, cause, threaten, ease, expect, encourage, hope, intend, deny, doubt, mean, notice, propose, report, request, attempt, decide, desire, learn, need, promise
- bring, deny, give, grant, render, offer, pay, promise, sell, send, show, choose, leave, order, spare
- make, find, leave, keep, spend, consider, think, regard, discover, imagine, judge, suppose, prove, tell, assure, inform, warn

○ **Pattern 4: Chủ ngữ + ngoại động từ + tân ngữ gián tiếp + tân ngữ trực tiếp**

16. Subjects like history, geography and biology give students a valuable introduction to the forming of both the natural and human worlds.

Ngoại động từ give có tân ngữ gián tiếp là students và tân ngữ trực tiếp là a valuable introduction.

17. Some students would give a higher rating (tân ngữ trực tiếp) to the teacher (tân ngữ gián tiếp).

Câu này có thể được viết lại là: Some students would give the teacher a higher rating.

○ **Pattern 5: Chủ ngữ + ngoại động từ + tân ngữ + bổ ngữ của tân ngữ**

Trong tiếng Anh, một số ngoại động từ dù đã có tân ngữ theo sau nhưng ý nghĩa của chúng vẫn chưa hoàn chỉnh. Vì vậy, các ngoại động từ này cần có thêm thành phần bổ sung để làm rõ ý nghĩa, trạng thái của tân ngữ.

18. The government should keep everything in good order.

Keep sth in good order/in good condition là thành ngữ, có nghĩa là *duy trì mọi thứ trong tình trạng tốt*.

19. I find myself in complete disagreement with this opinion.

Câu này cùng nghĩa với câu: I completely disagree with this opinion. Nhưng nếu viết như vậy, bạn sẽ không thể hiện được khả năng viết của mình.



20. The advent of technology makes technical and occupational knowledge more crucial than ever before.

Câu này dùng cấu trúc **make sth + adj.**

## 2. Viết câu đơn hay

Trên cơ sở năm mẫu câu cơ bản vừa học, bạn cần thay đổi linh hoạt để viết câu đơn hay hơn và để bài viết không đơn điệu.

### ○ Pattern 1: Cấu trúc There + be

Cấu trúc **There + be** có nghĩa là *có, tồn tại, cần*. Đôi lúc, để tránh sự đơn điệu cho bài viết, bạn có thể dùng cấu trúc này thay cho mẫu câu chủ ngữ + động từ + tân ngữ.

1. With the advent of mass production and the improvement in living standard, there has been a greater need for advertising than ever before.

Câu bình thường: We have a greater need for advertising nowadays than ever before.

2. Ideally, there should be a body to monitor such experiments.

Câu bình thường: We need a body to monitor such experiments.

3. There is a widespread belief that increasing wealth encourages people to live farther out.

Để tránh dùng từ **people** làm chủ ngữ trong câu **People widely believe that...**, người viết đã khéo léo đổi động từ **believe** thành danh từ **belief**. Lưu ý: đây là câu phức vì có mệnh đề tính ngữ bổ nghĩa cho danh từ **belief**.

4. In fact, there are many advantages to having school experience at a young age.

Để đa dạng hóa cấu trúc câu của bài viết, người ta dùng câu này thay cho câu: **Having school experience at a young age has many advantages.** Lưu ý: sau giới từ **to** phải là danh động từ (**having**).

5. There is little opportunity for children to stay in their own home up to that age.

There is little diễn tả ý phủ định, có nghĩa là *hầu như không có*.

### ○ Pattern 2: Tân ngữ / Chủ ngữ It

It là tân ngữ/chủ ngữ hình thức. Đôi lúc người ta dùng it để tránh mở đầu câu bằng đại từ nhân xưng, giúp bài viết có sự đa dạng về cấu trúc câu.

6. They may find it difficult to readapt to the academic environment in universities.

Do dịch ý *Họ nhận thấy bản thân rất khó thích ứng...* nên rất nhiều thí sinh dự thi IELTS đã viết: They may find them/themselves difficult to readapt to the academic

environment. Nội dung cần diễn đạt ở đây không phải là *bản thân khó thích ứng* mà là *chuyện thích ứng là việc khó*, vì vậy, bạn chỉ có thể dùng *it*.

Nếu bạn viết:

They may find (that) it is difficult to readapt to the academic environment in universities.

thì đây là câu phức có mệnh đề tân ngữ. Trong phần được gạch dưới, *it* là chủ ngữ hình thức, được dùng để chỉ việc thích ứng với môi trường học thuật ở đại học (to readapt to...). Câu này cũng đúng nhưng không ngắn gọn như câu 6.

7. The use of computers makes it possible for students to study from home.

Bạn phải làm quen và sử dụng đúng cấu trúc *make it + adjective + for sb + to do sth* (tuyệt đối không được dịch từng từ mà viết thành *make students can study from home!*).

8. It has been suggested by numerous medical experts that this pollution is linked to illness such as cancer and asthma.

Thay vì viết *Many experts suggest that...*, bạn dùng chủ ngữ hình thức *it* để bài viết có sự đa dạng về cấu trúc câu.

Dưới đây là các mẫu câu tương tự câu 8:

It can be concluded that...

It has often been said that...

It is suggested that...

It is widely accepted/acknowledged that...

It is evident/clear/obvious that...

It is certainly true that...

It is imaginable that...

It is possible that...

It is quite common that...

### ○ Pattern 3: Cấu trúc bị động

Tiếng Việt thường dùng dạng chủ động. Còn trong văn viết tiếng Anh trang trọng hoặc học thuật, dạng bị động được dùng với tần suất cao hơn.

9. Public awareness should be raised to conserve freshwater resources – our lifeblood.

Nếu viết *we should raise...* thì cấu trúc câu trở nên đơn điệu.

10. In spite of this, the obvious benefits of computer skills for young children cannot be denied.

Nếu dùng chủ ngữ *we* trong câu này thì bài viết bị xếp vào loại tầm thường!

11. High-quality nursery schools that would support families more in terms of raising the next generation could be established.

Tương tự câu 10, nếu dùng chủ ngữ governments trong câu này thì bài viết cũng bị xếp vào loại tầm thường!

#### ○ Pattern 4: Cấu trúc động từ nguyên mẫu/phân từ

Việc sử dụng cấu trúc động từ nguyên mẫu hoặc phân từ có ba lợi ích:

- Cho thấy bạn có thể dùng chính xác các dạng của động từ (tiêu chí chấm điểm từ vựng).
- Cho thấy bạn có thể dùng các cấu trúc câu đa dạng (tiêu chí chấm điểm ngữ pháp).
- Cho thấy bạn có thể liên kết các thành phần trong câu một cách hiệu quả (tiêu chí chấm điểm tính mạch lạc).

12. To be a valuable member of any community is not like learning a simple skill.

Cấu trúc chính trong câu này là A is not like B, nhưng ở đây chủ ngữ bắt đầu bằng động từ nguyên mẫu có to; like là giới từ nên động từ theo sau nó phải ở dạng V-ing.

13. Persuading manufacturers and travellers to adopt this new technology would be a more effective strategy for improving air quality, especially in cities.

Cấu trúc chính trong câu này là A would be a strategy for B. Ở đây chủ ngữ bắt đầu bằng phân từ V-ing.

14. Knowing there is a direct relationship between the quality of work and the amount of money earned is important for developing a strong work ethic.

Cấu trúc chính trong câu này là A is important for B, cùng dạng với cấu trúc chính của câu 13; know và develop được chuyển sang dạng V-ing. The amount of money earned là hình thức rút gọn của ... money that is earned.

15. The use of cars increased steadily from just over 5% in 1960 to 23% in 1980, reaching almost 40% by 2000, whereas the popularity of buses has declined since 1960, falling from just under 35% in 1960 to 27% in 1980 and only 15% in 2000.

Câu này có nhiều thông tin và nhiều dấu phẩy. Nếu không chú ý kỹ, người viết sẽ phạm lỗi ngữ pháp và hai câu độc lập sẽ trở nên rời rạc vì được nối bằng dấu phẩy.

Câu bình thường: The use of cars increased steadily from just over 5% in 1960 to 23% in 1980 and reached almost 40% by 2000, whereas the popularity of buses has declined since 1960. It fell from just under 35% in 1960 to 27% in 1980 and only 15% in 2000.



Bằng cách chuyển các động từ làm vị ngữ trong câu bình thường là *reached* và *fell* sang dạng *reaching* và *falling*, bạn đã liên kết các thành phần trong câu một cách linh hoạt, qua đó cho thấy mình nắm vững kiến thức về ngữ pháp và tính mạch lạc.

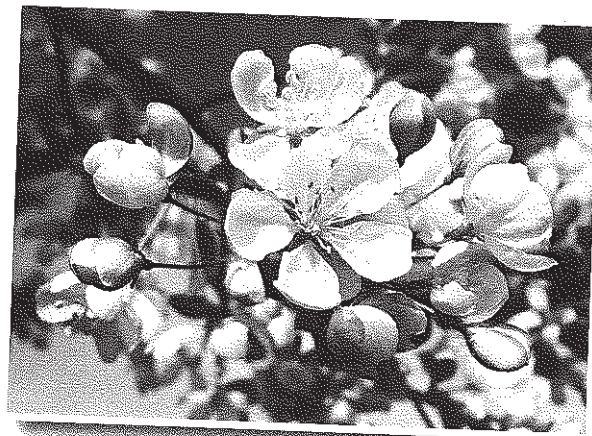
### Luyện tập

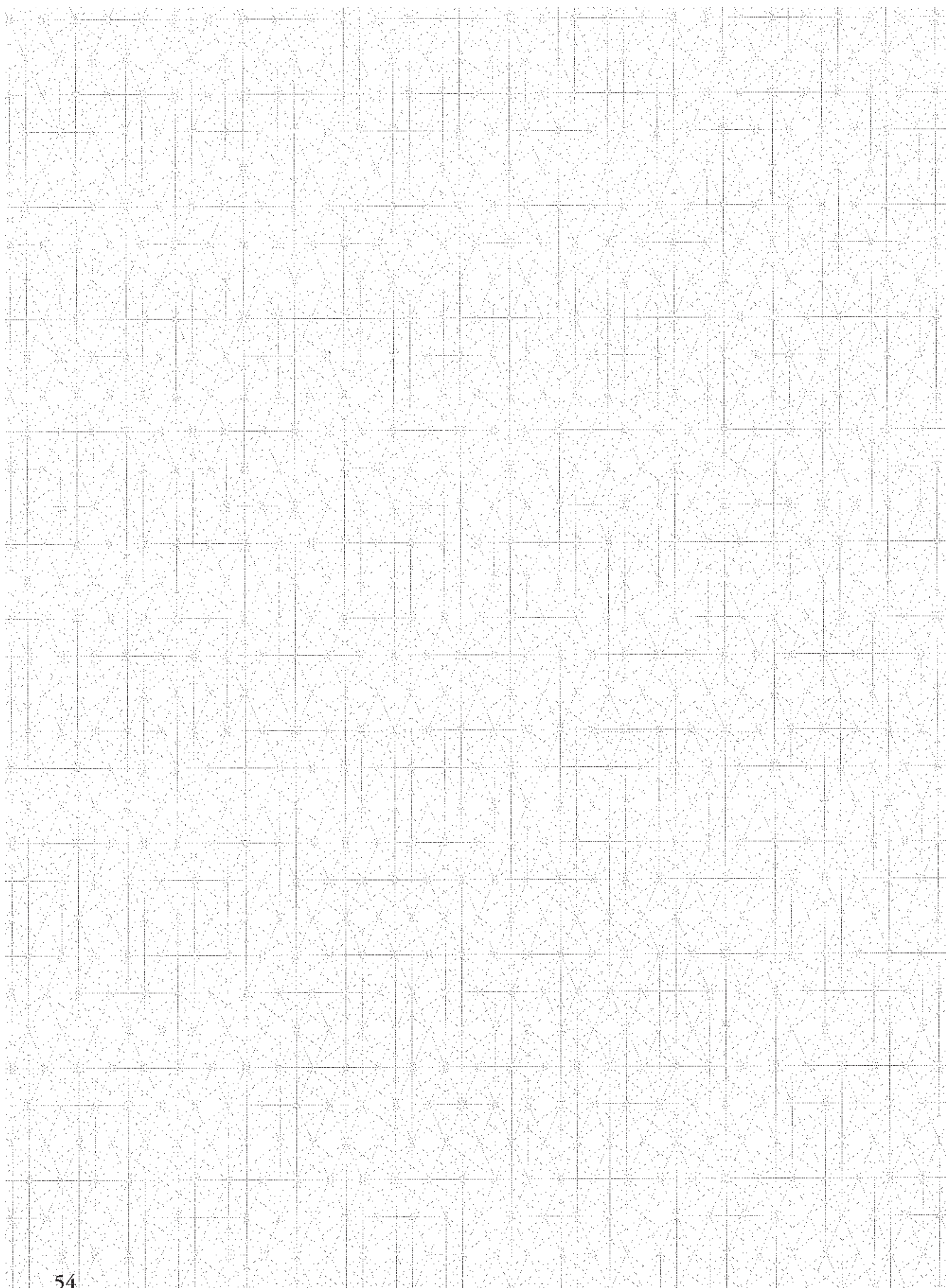
Điền vào chỗ trống dạng đúng của động từ (to do/doing/done).

1. Many people find their rewards unfair, especially when \_\_\_\_\_ (compare) these super salaries with those of top surgeons or research scientists, or even \_\_\_\_\_ (lead) politicians who have the responsibility for \_\_\_\_\_ (govern) the country.
2. \_\_\_\_\_ (sit) in front of a screen for too long can be damaging to both the eyes and the physical posture of a young child.
3. I believe that \_\_\_\_\_ (attend) school from a young age is good for most children.
4. Today, education has become a priority for many parents \_\_\_\_\_ (seek) to secure a good future for their children in this rapidly \_\_\_\_\_ (change) world.
5. Convenience is also very important in modern life, so we buy \_\_\_\_\_ (package) or canned food that can be transported from long distances.

### Đáp án

- |                                |                     |
|--------------------------------|---------------------|
| 1. comparing/leading/governing | 4. seeking/changing |
| 2. Sitting                     | 5. packaged         |
| 3. attending                   |                     |





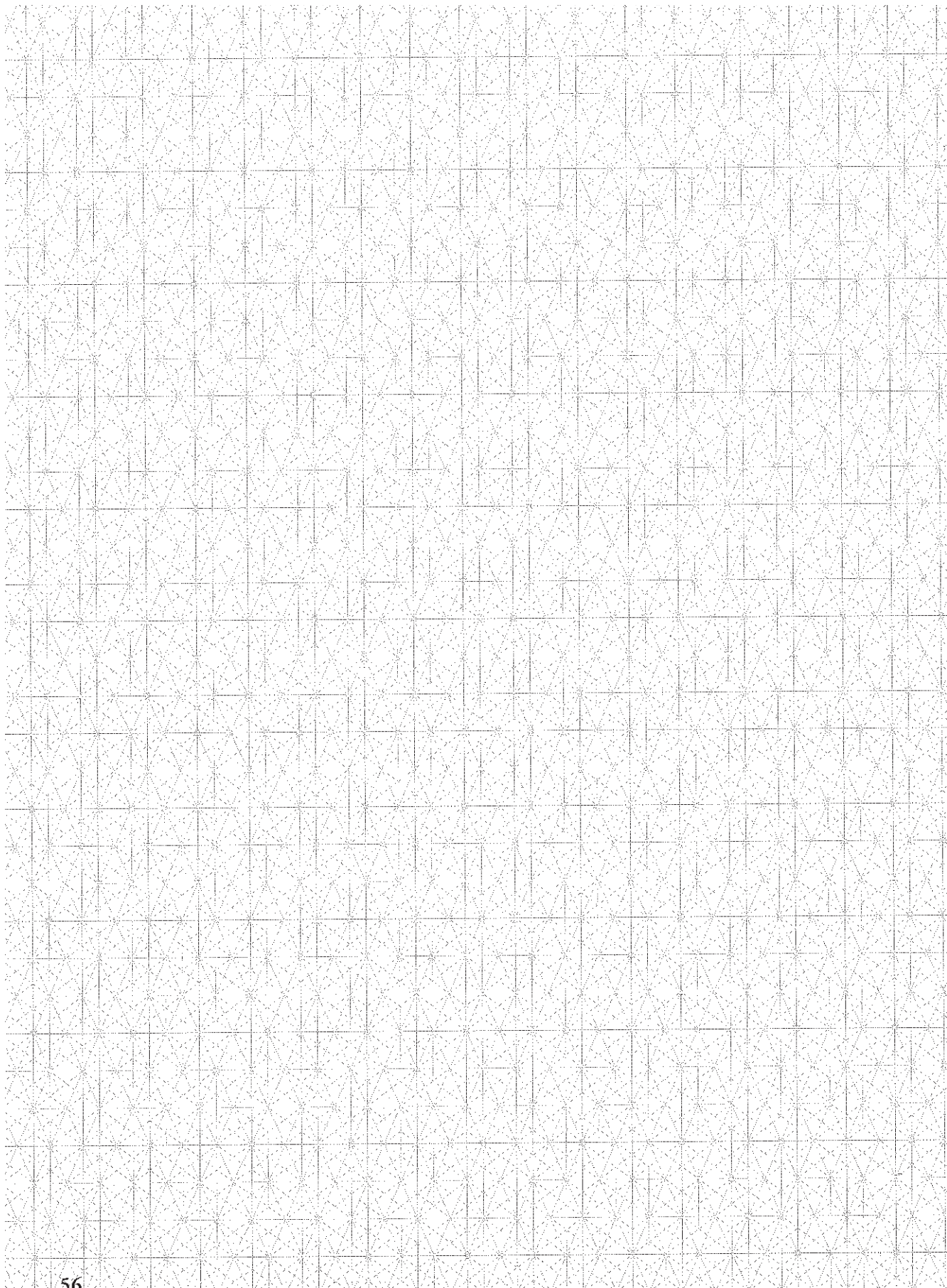


## Chương 3

### Kỹ năng viết luận cho Task 2

[www.nhantriviet.com](http://www.nhantriviet.com)





## Mục 1 Bốn dạng đề thi cơ bản của Task 2

Nếu theo dõi khoảng 50 đợt thi IELTS hằng năm thì bạn sẽ nắm được dạng thức và nội dung thường gặp của đề viết Task 2 thông qua bốn dạng đề thi thật được trình bày sau đây.

### Đề 1

**a**

In some countries young people are encouraged to work or travel for a year between finishing high school and starting university studies. Discuss the advantages and disadvantages for young people who decide to do this. (đang đề thảo luận một thuận lợi và bất lợi của sự việc hay hiện tượng nào đó)

### Bài mẫu tham khảo (1): Ủng hộ quan điểm không học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học (taking a gap year)

It is quite common these days for young people in many countries to have a break from studying after graduating from high school. The trend is not restricted to rich students who have the money to travel, but is also evident among poorer students who choose to work and become economically independent for a period of time.

The reasons for this trend may involve the recognition that a young adult who passes directly from school to university is rather restricted in terms of general knowledge and experience of the world. By contrast, those who have spent some time earning a living or travelling to other places have a broader view of life and better personal resources to draw on. They tend to be more independent, which is a very important factor in academic study and research, as well as giving them an advantage in terms of coping with the challenges of student life.

However, there are certainly dangers in taking time off at that important age. Young adults may end up never returning to their studies or finding it difficult to readapt to an academic environment. They may think that it is better to continue in a particular job, or to do something completely different from a university course. But overall, I think this is less likely today, when academic qualifications are essential for getting a reasonable career.

My view is that young people should be encouraged to broaden their horizons. That is the best way for them to get a clear perspective of what they are hoping to do with their lives and why. Students with such a perspective are usually the most effective and motivated ones and taking a year off may be the best way to gain this.

Chúng ta hãy phân tích cấu trúc của bài mẫu này.

Bài mẫu (1) ủng hộ quan điểm *không học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học* (taking a gap year).

Ở đoạn 1, bằng lời lẽ ngắn gọn, người viết trực tiếp đưa ra vấn đề cần thảo luận: rất nhiều học sinh (cả học sinh giàu lẫn học sinh nghèo) chọn phương án *không học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học* (taking a gap year). Điều quan trọng là viết ngắn gọn đoạn mở đầu.

Đoạn 2 là đoạn lập luận. Bằng biện pháp so sánh/đối chiếu, người viết chứng minh rằng những học sinh lựa chọn phương án không học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học sẽ có ưu thế hơn. Trong văn nghị luận, đoạn này là phần đưa ra luận điểm phụ, trình bày luận điểm đó một cách cụ thể, thuyết phục để bảo vệ quan điểm của bài viết. Đây cũng là đoạn quyết định điểm số của bài viết.

Đoạn 3 là đoạn phản bác hoặc nhượng bộ. Những học sinh chọn phương án không học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học có thể sẽ đối mặt với những ảnh hưởng tiêu cực nào đó. Nhưng ngay sau đó, người viết cho biết rằng ngày nay học sinh có thể tránh được những ảnh hưởng tiêu cực tiềm ẩn này tương đối dễ dàng, từ đó tiến thêm một bước trong việc chứng minh quan điểm của mình. Lưu ý là ngoài việc đưa ra các luận cứ thích hợp để bảo vệ quan điểm mà mình ủng hộ, bạn còn phải biết đánh giá một cách khách quan các quan điểm đối lập. Đoạn lập luận và đoạn phản bác tạo thành phần thân bài.

Đoạn 4 là đoạn kết luận. Đoạn này nhắc lại quan điểm (luận điểm chính) của bài viết (tức ủng hộ việc không học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học) đồng thời nhấn mạnh một lần nữa tầm quan trọng của việc này.

Chúng ta đã phân tích cấu trúc của bài mẫu (1). Bây giờ, bạn hãy xem bài viết này có thể được áp dụng cho hai đề thi dưới đây không.

b

Some people think students who go straight from secondary school to university obtain less benefit and contribute less than those who work for a year between finishing secondary school and going to university. To what extent do you agree or disagree? (đang đề thảo luận một quan điểm)

c

While some think high school graduates should probably take a year off to go travelling or work for a period of time before going to university, others believe it is better for them to begin university life right after high school. Discuss both views and give your opinion. (đang đề thảo luận hai quan điểm)



Bạn dễ dàng thấy được ba đề a, b và c có cách viết khác nhau nhưng có nội dung hoàn toàn giống nhau, đó là các học sinh nên hay không nên học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học. Vì vậy, bạn có thể sử dụng một bài viết cho cả ba đề này, nghĩa là bài mẫu (1) hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu của đề b và c.

### Kết luận 1: Tổng kết dạng đề nghị luận trong Task 2

Các đề a, b, c thuộc dạng đề nghị luận (Argumentation). Yêu cầu của đề là thảo luận một quan điểm, thảo luận hai quan điểm, thảo luận lợi ích và mặt bất lợi của sự việc hay hiện tượng nào đó. Đây là dạng đề thường gặp nhất trong các dạng đề ở Task 2.

Sau khi phân tích ba đề trên, bạn có thể thấy rằng cấu trúc của bài viết không phụ thuộc vào cách viết của đề bài. Bạn chỉ cần xác định đề bài được ra thì thuộc dạng đề nghị luận thì các bài viết của đề này có cấu trúc gần như giống hệt nhau.

Chúng ta hãy tìm hiểu xem liệu có thể dùng các cấu trúc khác để viết cho ba đề a, b, c này không.

### Bài mẫu tham khảo (2): Ủng hộ quan điểm học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học (going straight to university)

While taking a year off before attending university may seem appealing to many, actually few decisions have as much potential to negatively influence our life trajectory.

By the time high school graduation rolls around, some students are so burned out that they cannot imagine going straight to university. The idea of taking a year off could be the option for many who want to have a good long rest. Though it might be true that a few students really make the most of “doing nothing” to develop their thoughts about life later on, how many high school graduates are genuinely aware of the fact that it is no easy task to take and plan a seemingly “lazy” year off?

Bypassing the traditional path of entering university with their graduating class, these students have the disadvantage of being at least one year behind others, which means a year behind other peers from this point onwards – delayed graduation, postponed career, and so on. It is not only the psychological stress, but the possibility of missing opportunities on many fronts, such as the job market.

Sometimes, life has a way of upsetting even the most careful plans to return to school. Occasionally, individuals may become preoccupied with a relationship or family concerns to such a degree that a return to university no longer makes sense, let alone the fact that students are often exposed to the temptations and evils of the outside world. Because a gap year breaks the momentum of students' studies and may make it a real challenge for

them to adjust to the demands of university studies, many students put off their plans indefinitely, always planning to return to school at a better time, but never actually managing to do so.

Travelling around for six months at significant expense with half a year left doing nothing, or suddenly recognising the worthlessness of a part-time job where they are run off their feet is not what high school students are dreaming of. Taking a year off may not necessarily be a bad thing but certainly involves a considerable change in one's life course with potential downside and unexpected developments.

**Chúng ta hãy phân tích cấu trúc của bài mẫu này.**

Bài mẫu (2) ủng hộ quan điểm *học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học* (going straight to university).

Ở đoạn 1, cũng bằng lời lẽ ngắn gọn, người viết trực tiếp đưa ra vấn đề cần thảo luận và nêu rõ quan điểm (luận điểm chính): việc không học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học có vẻ rất hấp dẫn nhưng thật ra có thể ảnh hưởng tiêu cực đến học sinh.

Đoạn 2 nêu ý phản bác để thể hiện sự nhượng bộ. Người viết đưa ra những lý do khiến học sinh chọn phương án không học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học, nhưng ngay sau đó nêu lên sự hoài nghi để dẫn vào phần thảo luận bên dưới.

Đoạn 3 và 4 là đoạn lập luận. Người viết lần lượt trình bày hai luận điểm phụ để làm rõ những khó khăn và thử thách mà học sinh có thể sẽ đối mặt khi chọn phương án không học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học.

Đoạn 5 là đoạn kết luận. Một lần nữa, người viết nhắc lại quan điểm của mình: những học sinh chọn phương án không học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học có thể sẽ khó thực hiện những dự định như mong muốn, qua đó nhấn mạnh rằng mọi người nên thận trọng khi lựa chọn.

### **Bài mẫu tham khảo (3): Quan điểm trung lập**

The advantages and disadvantages of taking a "gap year" between secondary school and university have become a key question for many people. There is no clear evidence to suggest that taking a break between secondary school and university is beneficial. Some believe it is and others disagree.

Let us look at the arguments for having a break. Many people think that doing something other than studying for a year or so will give the young person a broader perspective on life. It seems to many people that young people do not know much about how "the real world" works. A gap year can help to address this lack of knowledge. The break also gives a young person a chance to discover what they are really interested in doing with their

lives. Since many young people finish secondary school without a clear idea of what they want to study or what job they would like to do, the advantage is clear.

The main disadvantage that people mention is that taking a break can lead to a loss of study skills picked up whilst at secondary school. However, many people counter that it is not so difficult to recall these skills after a year out of full-time study. Another disadvantage is that young people may not have enough time to develop any real skills in a worthwhile job. Employers are very unlikely to give good jobs to people who will only be with the company for a relatively short period.

Overall, I think that the costs and benefits of taking time away from study before going to university depend on the individual. If the person knows what they want to study, a break is less likely to be beneficial, unless they can get a job in that field during the break. A person who is less certain and feels the need to develop their knowledge of “the real world” is probably better off taking time out from studying.

**Chúng ta hãy phân tích cấu trúc của bài mẫu này.**

Bài mẫu (3) đưa ra quan điểm trung lập.

Ở đoạn 1, cũng bằng lời lẽ ngắn gọn, người viết trực tiếp đưa ra vấn đề cần thảo luận và cho biết mọi người có ý kiến khác nhau về việc không học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học (taking a gap year).

Đoạn 2 chủ yếu trình bày những lợi ích mà học sinh có thể có được từ việc không học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học.

Đoạn 3 chủ yếu trình bày những khó khăn và thử thách mà việc này có thể mang lại cho học sinh.

Đoạn 4 là đoạn kết luận. Người viết khẳng định quan điểm (luận điểm chính) của bài viết: học sinh nên căn cứ vào nhu cầu thực tế của bản thân để xác định xem nên hay không nên học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học.

Sau khi xem ba bài mẫu tham khảo vừa trình bày, chúng ta có thể rút ra được:

#### **Kết luận 2: Cấu trúc thường gặp trong bài viết của dạng đề nghị luận ở Task 2**

Cấu trúc thường gặp trong bài viết của dạng đề nghị luận ở Task 2 (thảo luận một quan điểm, thảo luận hai quan điểm, thảo luận lợi ích và mặt bất lợi của sự việc hay hiện tượng nào đó) chủ yếu được chia thành ba loại:



➤➤ (1) Cấu trúc ủng hộ một quan điểm nào đó, như bài mẫu tham khảo (1)

**Đoạn mở đầu:**

1. Viết một đến hai câu giới thiệu nội dung cần thảo luận mà đề bài đã nêu.
2. Trong đoạn mở đầu, có thể nói rõ quan điểm mà bài viết ủng hộ, tức luận điểm chính.

**Đoạn lập luận (phần thân bài):**

1. Trình bày luận điểm phụ thứ nhất và diễn giải sáng rõ để bảo vệ luận điểm chính.
2. Trình bày luận điểm phụ thứ hai và diễn giải sáng rõ để bảo vệ luận điểm chính.

**Đoạn phản bác (phần thân bài):**

1. Nêu quan điểm đối lập, trình bày dẫn chứng cho thấy quan điểm đối lập cũng có khía cạnh hợp lý.
2. Nêu lý lẽ để chỉ ra rằng quan điểm đối lập vẫn thiếu sức thuyết phục, từ đó tiến thêm một bước trong việc khẳng định quan điểm của mình.

**Đoạn kết luận:**

1. Nhắc lại quan điểm mà bài viết ủng hộ (luận điểm chính).
2. Mở rộng vấn đề đã được thảo luận nhưng tránh nêu thêm quan điểm mới.

**Lưu ý:**

Bạn có thể đổi vị trí của đoạn lập luận và đoạn phản bác trong phần thân bài tùy theo cách trình bày và diễn giải của mình, nhưng cần đảm bảo là đoạn lập luận cung cấp nhiều thông tin hơn đoạn phản bác.

➤➤ (2) Cấu trúc phản đối quan điểm nào đó, như bài mẫu tham khảo (2)

**Đoạn mở đầu:**

1. Viết một đến hai câu giới thiệu nội dung cần thảo luận mà đề bài đã nêu.
2. Trong đoạn mở đầu, có thể nói rõ bạn phủ định quan điểm nào đó được nhắc đến ở đề bài, tức luận điểm chính.

**Đoạn phản bác (phần thân bài):**

1. Nêu quan điểm đối lập với quan điểm của bạn để thể hiện sự nhượng bộ. Phân tích sơ lược quan điểm này.
2. Chỉ ra những điểm sai lệch trong quan điểm đối lập.

**Đoạn lập luận (phần thân bài):**

1. Trình bày luận điểm phụ thứ nhất và diễn giải sáng rõ để phủ định quan điểm đã nêu ở đoạn mở đầu.
2. Trình bày luận điểm phụ thứ hai và diễn giải sáng rõ để phủ định quan điểm đã nêu ở đoạn mở đầu.

**Đoạn kết luận:**

1. Nhắc lại quan điểm của bài viết (luận điểm chính).
2. Mở rộng vấn đề đã được thảo luận nhưng tránh nêu thêm quan điểm mới.

**Lưu ý:**

Với cấu trúc này, người viết thường nêu ý phản bác trước, sau đó mới lập luận để khẳng định quan điểm của mình. Tuy nhiên, bạn cũng có thể đổi vị trí của đoạn lập luận và đoạn phản bác trong phần thân bài tùy theo cách trình bày và diễn giải của mình, nhưng cần đảm bảo là đoạn lập luận cung cấp nhiều thông tin hơn đoạn phản bác.

**🔗 (3) Cấu trúc thể hiện quan điểm trung lập, như bài mẫu tham khảo (3)**

**Đoạn mở đầu:**

1. Viết một đến hai câu giới thiệu nội dung cần thảo luận mà đề bài đã nêu.
2. Trong đoạn mở đầu, nêu rõ quan điểm trung lập của bài viết (luận điểm chính): quan điểm đề bài đưa ra vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực hoặc cả hai quan điểm đều có khía cạnh hợp lý.

**Đoạn thứ nhất của phần thân bài: chứng minh một mặt của luận điểm chính**

1. Trình bày luận điểm phụ thứ nhất để chứng minh mặt này của luận điểm chính.
2. Trình bày luận điểm phụ thứ hai để chứng minh mặt này của luận điểm chính.

**Đoạn thứ hai của phần thân bài:** chứng minh mặt còn lại của luận điểm chính

1. Trình bày luận điểm phụ thứ nhất để chứng minh mặt còn lại của luận điểm chính.
2. Trình bày luận điểm phụ thứ hai để chứng minh mặt còn lại của luận điểm chính.

**Đoạn kết luận:**

1. Nhắc lại quan điểm trung lập của bài viết (luận điểm chính).
2. Mở rộng vấn đề đã được thảo luận nhưng tránh nêu thêm quan điểm mới.

**Lưu ý:**

Hãy nhớ rằng không có sự phân biệt chính phụ giữa hai đoạn của phần thân bài. Hai đoạn này chỉ bàn về hai mặt của luận điểm chính nên chúng có quan hệ song hành, bổ sung cho nhau. Khi trình bày các luận điểm, bạn cần tránh tạo sự đối lập, mâu thuẫn.

## Đề 2

**a**

Some people argue that teaching children of different abilities together benefits all of them. Others believe that intelligent children should be taught separately and given special treatment. Discuss both views and give your own opinion. (dùng để thảo luận hai quan điểm)

Bây giờ bạn hãy đọc các bài mẫu tham khảo được viết theo ba cấu trúc vừa trình bày.

### **Bài mẫu tham khảo (1): Ủng hộ quan điểm dạy riêng nhóm học sinh ưu tú (teaching children separately)**

Today, it is quite common for many schools to practice an “elite students” policy, where the intelligent students are selected and given special treatment. Personally, I think this practice generally has more benefits on several different levels.

The most obvious advantage lies in the fact that it allows teachers to employ different pedagogic strategies suited to particular groups of pupils. For example, for the more intelligent students who are more likely to have a quicker mind and stronger thirst for knowledge, teachers or tutors can include something more difficult or complex in their syllabus, catering for the special needs. On the other hand, for some other students who are not that intelligent and may be slow at learning or acquiring new knowledge or skills, a



correspondingly suitable teaching strategy then is highly desirable. In this case, the separate teaching scheme is generally good for both groups of students, since teachers can thereafter design different courses and teaching methods catering for their special needs.

Of course, those who are in support of integrated teaching may argue that separating one from another is a violation of individual rights and that everyone should be treated equally regardless of their intelligence. I think the notion of equality is not the issue. The less intelligent students can be allowed to choose some advanced courses originally designed for those fast learners, and vice versa.

Overall, I think it is not bad to separate students and nurture them individually. The authorities should take into consideration their pupils' own preference as to being in or out of one particular group so that the benefits of this system can be maximised.

**Chúng ta hãy phân tích cấu trúc của bài mẫu này.**

Bài mẫu (1) ủng hộ quan điểm *dạy riêng nhóm học sinh ưu tú* (teaching children separately).

Đoạn 1 giới thiệu vấn đề cần thảo luận: ngày nay nhiều trường ủng hộ kế hoạch “giáo dục học sinh ưu tú”, sau đó nêu rõ quan điểm của bài viết: ủng hộ việc dạy riêng nhóm học sinh ưu tú.

Đoạn 2 là đoạn lập luận, trình bày những lợi ích của việc chia lớp để dạy học theo khả năng của học sinh.

Đoạn 3 là đoạn phản bác. Trước tiên, người viết bày tỏ sự nhượng bộ bằng cách đưa ra những vấn đề mà một số người cho rằng có thể sẽ phát sinh khi chia lớp để dạy học theo khả năng của học sinh, nhưng ngay sau đó, người viết chỉ ra rằng sự lo lắng này không phải là mấu chốt của vấn đề đồng thời cho biết thêm ưu điểm của việc dạy học theo khả năng thực tế của học sinh.

Đoạn 4 là đoạn kết luận. Người viết nhắc lại quan điểm của mình đồng thời bổ sung một ý: phải xét đến nguyện vọng của bản thân học sinh khi dạy học theo trình độ.

**Bài mẫu tham khảo (2): Ủng hộ quan điểm dạy chung học sinh đủ mọi khả năng (teaching children together)**

Endowed with different talents, every individual contributes to our society in different ways, so to treat every student equally is a common practice in most schools today. However, many schools are now entertaining the idea that intelligent students should be taught separately and given special treatment so as to nurture more “elite students”. Generally, I believe that schools should continue with their traditional strategy.

It is true that teaching intelligent students together might improve their study efficiency to some extent, for being in a competitive atmosphere, their potential abilities in academic studies could be developed as much as possible. But schools and parents should also realise it is dangerous to oversimplify the situation here.

The top priority of education at any level should be the development of one's personality and morality. But what makes it a mockery is that a separate teaching scheme usually focuses on the academic studies of students exclusively, so children are evaluated only by their performance on examinations. Consequently, instead of becoming outstanding, those selected children are made to run away from a normal but essential part of growing up. What is worse, those who are rejected from studying with the gifted students suffer huge psychological pressure from their parents for not being "good" enough.

Schools, especially primary schools, are needed because of their inborn abilities to provide children a relaxing and friendly environment for study. Students who are talented in one way may need help or inspiration in other fields. So before making young minds ready for the competitive world too early, let them study and live in a cooperative way for this is also an approach they need.

**Chúng ta hãy phân tích cấu trúc của bài mẫu này.**

Bài mẫu (2) ủng hộ quan điểm *dạy chung học sinh đủ mọi khả năng* (teaching children together).

Đoạn 1 nêu vấn đề cần thảo luận: dù đa số trường vẫn dạy theo phương pháp truyền thống, nghĩa là cho học sinh học chung mà không phân biệt trình độ, nhưng một số trường cho rằng nên phân loại học sinh và dạy riêng những học sinh thông minh; sau đó nói rõ quan điểm của bài viết: vẫn nên dạy theo cách truyền thống.

Đoạn 2 là đoạn phản bác, trước hết thể hiện sự nhượng bộ: trình bày những lý do khiến một số trường chọn cách dạy riêng nhóm học sinh ưu tú, nhưng sau đó nêu cảnh báo để dẫn dắt vào phần thảo luận bên dưới.

Đoạn 3 là đoạn lập luận. Người viết chỉ ra rằng dạy riêng nhóm học sinh ưu tú là phương pháp chẳng những không mang tính giáo dục cao mà còn gây áp lực tâm lý cho học sinh và phụ huynh.

Đoạn 4 là đoạn kết luận. Người viết nhấn mạnh tầm quan trọng của việc dạy chung học sinh đủ mọi khả năng và nhắc lại quan điểm của bài viết.

### Bài mẫu tham khảo (3): Quan điểm trung lập

Some people claim that children of different abilities should be educated together, while others think that it is a good idea to teach the intelligent children separately and offer them special treatment. This essay will examine both opinions.

Teaching children together regardless of their level of intelligence has been the most common way in schools for a long time. The reason for this practice is the idea that children should be given equal access to education, for school decisions are based on the belief that every student has the potential to become an outstanding individual. Also it is necessary to realise that different children own distinct gifts and abilities, which makes them talented in some areas but perhaps in need of help or inspiration in other fields. So being in a cooperative environment, students are more likely to learn from each other and get to know how to get along well with others, which are very important skills in today's world. Therefore, many of us claim that children benefit from their experience of this diversity.

On the other hand, the separate teaching scheme allows teachers or tutors to employ different pedagogic strategies suited to different groups of pupils. It is true that intelligent children are always those who tend to have a quicker mind and stronger thirst for knowledge, so a relatively more complicated syllabus should be adopted to develop their potential in academic studies as much as possible, and a correspondingly suitable teaching method could be used to help those less intelligent students learn more efficiently. Thus, teaching children separately allows teachers to design different courses catering to their special needs, which benefits all of them.

Overall, it is hard to choose between these two approaches for each of them has its unique way of helping students. Schools and parents should think about their priorities in educating their children and minimise the possible downside of the method they might choose.

**Chúng ta hãy phân tích cấu trúc của bài mẫu này.**

Bài mẫu (3) đưa ra quan điểm trung lập.

**Đoạn 1** là đoạn mở đầu. Người viết giới thiệu rằng mọi người có ý kiến khác nhau về việc dạy học (một số người cho rằng nên dạy riêng nhóm học sinh ưu tú còn một số người cho rằng nên dạy chung học sinh đủ mọi khả năng), sau đó nêu rõ bài viết sẽ xem xét cả hai quan điểm.

**Đoạn 2** trình bày những lợi ích của việc dạy chung học sinh đủ mọi khả năng.

**Đoạn 3** trình bày những lợi ích của phương pháp dạy riêng nhóm học sinh ưu tú.

**Đoạn 4** là đoạn kết luận. Người viết nhắc lại quan điểm của mình: mỗi cách dạy học có ưu điểm riêng, nhà trường và các bậc cha mẹ nên cân nhắc để có lựa chọn phù hợp.

Bạn có thể sử dụng ba bài mẫu này cho đề b và c dưới đây.



**b**

Some people think children should be taught separately according to their levels of intelligence. To what extent do you agree or disagree? (đang đề thảo luận một quan điểm)

**c**

Today, more and more schools choose to teach intelligent students separately and give them special treatment. Do the advantages of this practice outweigh the disadvantages? (đang đề thảo luận lợi ích và mặt bất lợi của sự việc hay hiện tượng nào đó)

Qua việc phân tích các đề bài trên, hãy nhớ rằng bạn có thể sử dụng linh hoạt ba cấu trúc để viết cho ba dạng đề thường gặp của văn nghị luận IELTS.

Sau đây, chúng ta sẽ tìm hiểu các dạng đề ít gặp hơn.

### Đề 3

In many countries, more and more young people are unable to find jobs after graduation. What problems do you think youth unemployment will cause to the individual and society? What can be done to cope with this problem?

### Bài mẫu tham khảo

With the tendency that graduates are finding it increasingly difficult to find jobs after schools or university, youth unemployment is now becoming an issue for many countries in the world. This essay will look at the severe consequences it may lead to and put forward some potential solutions.

Obviously, one of the most immediate effects of youth unemployment is that those jobless graduates cannot find a way to earn a living, thus unable to support themselves and their families or to cover the loans which they might have for their expensive education, creating much pressure on themselves and their families, both financially and psychologically. So they may be easily haunted by pessimism and distress.

However, this is far from a personal or private problem; actually it is also a problem for society as a whole. When the rate of youth unemployment rises, it may increase the chance of social instability, for the jobless young people with resentment and disappointment may easily form gangs or groups to commit robbery or other more serious crimes.

The possible solutions are always under discussion at both personal and government level. Some people suggest that government allowance for the unemployed should be made a

policy in order to maintain social stability as well as give them a better living. Some others think postgraduates' enrolment should be enlarged to ease the problem to a certain extent. But these are only expedient to put off the problem rather than resolve it. A more important thing concerning young graduates themselves should be taken into consideration; that is, they should be advised to lower their unrealistic expectations and embark on some seemingly more fundamental work, for example, that in the communities or rural areas, which is indeed not that "bad". This may work efficiently to reduce the current unemployment rates.

**Chúng ta hãy phân tích cấu trúc của bài mẫu này.**

**Đoạn 1** giới thiệu chủ đề *tình trạng thất nghiệp trong giới trẻ* (youth unemployment) và cho biết nhiệm vụ trọng tâm của bài viết: trình bày những hệ quả của tình trạng thất nghiệp trong giới trẻ đồng thời đề xuất các giải pháp cho vấn đề này.

**Đoạn 2** chỉ ra các hệ quả của tình trạng nói trên đối với cá nhân.

**Đoạn 3** nêu các hệ quả của tình trạng nói trên đối với xã hội.

**Đoạn 4** là đoạn kết luận, người viết đề xuất các giải pháp.

### Kết luận 3: Dạng đề thảo luận (discussion) trong Task 2 và cấu trúc bài viết của dạng đề này

Ngoài dạng đề nghị luận (argumentation), Task 2 còn có dạng đề được ra với yêu cầu đúng thứ hai là dạng đề thảo luận (discussion). Khác với đề nghị luận, đề thảo luận không yêu cầu thí sinh trình bày quan điểm và đánh giá các quan điểm mà yêu cầu thí sinh phân tích sự việc hay hiện tượng nào đó. Nói cách khác, thí sinh sẽ phân tích nguyên nhân, ảnh hưởng của sự việc hay hiện tượng này và đưa ra cách giải quyết vấn đề. Bài viết của dạng đề thảo luận có cấu trúc rất đơn giản, bạn chỉ cần căn cứ vào yêu cầu của đề bài và lần lượt phân tích các ý liên quan trong các đoạn. Sau đây là cấu trúc thường được sử dụng trong bài viết của dạng đề này.

**Đoạn mở đầu:**

1. Viết một hay hai câu giới thiệu sự việc hay hiện tượng mà đề bài đã nêu.
2. Trong đoạn mở đầu, có thể nói rõ nhiệm vụ của bài viết (dựa vào yêu cầu của đề): phân tích nguyên nhân, ảnh hưởng của sự việc hay hiện tượng này và đề xuất các giải pháp.

**Đoạn thứ nhất của phần thân bài:** thực hiện nhiệm vụ thứ nhất của bài viết

1. Phân tích khía cạnh thứ nhất của nhiệm vụ thứ nhất.
2. Phân tích khía cạnh thứ hai của nhiệm vụ thứ nhất.



**Đoạn thứ hai của phần thân bài:** thực hiện nhiệm vụ thứ hai của bài viết

1. Phân tích khía cạnh thứ nhất của nhiệm vụ thứ hai.
2. Phân tích khía cạnh thứ hai của nhiệm vụ thứ hai.

**Đoạn kết luận:**

1. Tóm gọn nội dung chính của bài viết.
2. Mở rộng nội dung bài viết nhưng tuyệt đối tránh đưa vào ý mới.

#### Đề 4

Increasing the price of petrol is the best way to solve growing traffic and pollution problems. To what extent do you agree or disagree? What other measures do you think might be effective?

#### Bài mẫu tham khảo

There is no doubt that traffic and pollution from vehicles have become huge problems, both in cities and on motorways everywhere. Solving these problems is likely to need more than a simple rise in the price of petrol.

While it is undeniable that private car use is one of the main causes of the increase in traffic and pollution, higher fuel costs are unlikely to limit the number of drivers for long. As this policy would also affect the cost of public transport, it would be very unpopular with everyone who needs to travel on the roads. But there are various other measures that could be implemented and that would have a huge effect on these problems.

I think to tackle the problem of pollution, cleaner fuels need to be developed. The technology is already available to produce electric cars that would be both quieter and cleaner to use. Persuading manufacturers and travellers to adopt this new technology would be a more effective strategy for improving air quality, especially in cities.

However, traffic congestion will not be solved by changing the type of private vehicle people can use. To do this, we need to improve the choice of public transport services available to travellers. For example, if sufficient sky trains and underground train systems were built and effectively maintained in our major cities, then traffic on the roads would be dramatically reduced. Long-distance train and coach services should be made attractive and affordable alternatives to driving our own car for long journeys.

In conclusion, I think that long-term traffic and pollution reductions would depend on educating the public to use public transport more and on governments using public money to construct and run efficient systems.



**Chúng ta hãy phân tích cấu trúc của bài mẫu này.**

Ở đoạn 1, người viết nêu nội dung cần thảo luận: lượng xe ngày càng tăng và tình trạng ô nhiễm do xe cộ gây ra đã trở thành vấn đề khá nghiêm trọng, sau đó nói rõ quan điểm: chỉ tăng giá xăng thì không thể giải quyết được vấn đề.

Đoạn 2 thể hiện sự nhượng bộ: người viết chỉ ra rằng dù việc sử dụng xe cá nhân là nguyên nhân chủ yếu của vấn đề nhưng tăng giá xăng sẽ ảnh hưởng đến giao thông công cộng, vì vậy đây không phải là giải pháp tốt nhất. Từ đó, người viết dẫn vào phần tiếp theo.

Đoạn 3 đề xuất phương án giải quyết vấn đề: sử dụng nguồn năng lượng sạch.

Đoạn 4 đề xuất phương án tiếp theo: phát triển phương tiện giao thông công cộng là biện pháp hiệu quả hơn.

Đoạn 5 nhấn mạnh nội dung đã được thảo luận của bài viết: giải pháp cơ bản giúp giải quyết vấn đề giao thông và ô nhiễm một cách hiệu quả về lâu dài là giáo dục người dân sử dụng phương tiện giao thông công cộng nhiều hơn, đồng thời kêu gọi chính phủ đầu tư xây dựng hệ thống giao thông công cộng.

#### **Kết luận 4: Dạng đề tổng hợp trong Task 2**

Task 2 còn có một dạng đề được ra theo cách linh hoạt hơn: dạng đề tổng hợp. Dạng đề này thường yêu cầu thí sinh chia biết ý kiến về một vấn đề đồng thời đề xuất giải pháp cho vấn đề đó. Để làm bài tốt khi gặp dạng đề tổng hợp, bạn cần nắm vững hai dạng đề vừa trình bày (dạng đề nghị luận và dạng đề thảo luận).

#### **Luyện tập**

Hãy đọc các đề sau và lập dàn ý cho từng đề.

1.

Some people believe that unpaid community work (for example, working for a charity, teaching sports to children) should become a compulsory part of the high school curriculum. To what extent do you agree or disagree?

2.

Some people suggest higher education should be funded by the government, while others think students should pay the course fees themselves. Discuss both views and give your opinion.



3.

People today can perform everyday tasks such as shopping, banking or even business transactions without meeting others face to face. What are the effects it may have on individuals and society as a whole? Is it a positive or negative development?

4.

It is generally acknowledged that families now are not as close as they used to be. What are some possible reasons for this and what can be done to reverse the trend?

### Đáp án

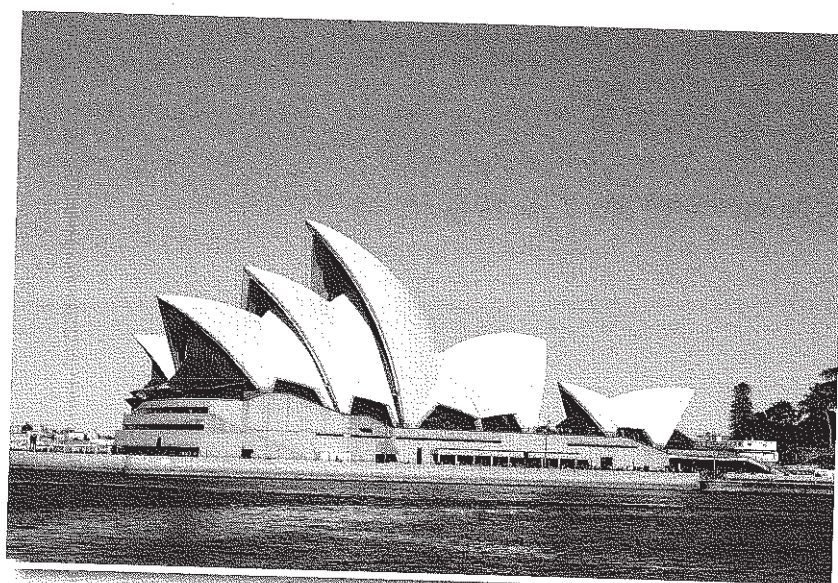
Hãy xem bài viết mẫu của các đề sau:

1. Question 11 (trang 255)

3. Question 10 (trang 97)

2. Question 9 (trang 95)

4. Question 24 (trang 129)





## Mục 2 Giới thiệu 48 đề trọng tâm trong kho đề của Task 2

Trong mục này, chúng tôi sẽ giới thiệu với bạn 48 “đề mẹ”. Đây là những đề được chọn từ hơn 450 đề thi thật trong kho đề của những năm 2002-2013. Các đề khác chủ yếu được sửa đổi dựa vào những đề gốc này.

**Một số điều lưu ý liên quan đến 48 đề trọng tâm và các bài viết mẫu trong mục này**

1. Như đã trình bày ở mục trước, bài luận của mỗi đề có thể được viết theo ba cách khác nhau. Vì vậy, chúng tôi chỉ cung cấp một bài viết mẫu cho mỗi đề.
2. Khi thi thật, bạn có thể sử dụng các ý tưởng và từ ngữ trong bài viết mẫu, nhưng phải sử dụng linh hoạt sao cho phù hợp với bộ câu bài viết cũng như trình độ thực tế của bạn về ngữ pháp, nghĩa là bạn phải biết sử dụng đúng chỗ, đúng lúc nhằm thể hiện rõ nhất quan điểm của mình.

Phần tiếp theo sẽ giúp bạn hiểu rõ hơn việc áp dụng linh hoạt bài mẫu.

Giả sử bạn dự thi ngày 9 tháng 11 năm 2013 và gặp đề thi sau:

Some people believe that young people who commit serious crimes should be punished in the same way as adults. To what extent do you agree?

Bạn nên viết gì với đề bài này? Trước tiên, hãy xem qua các gợi ý sau:

<b>Yêu cầu của đề</b>	Có quan điểm cho rằng nên trừng phạt trẻ vị thành niên phạm tội nặng theo phương thức giống như tội phạm thành niên. Hãy cho biết bạn đồng ý với quan điểm này ở mức độ nào.
<b>Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kẻ phạm tội gây tổn thất cho người bị hại.</li> <li>• Cách trừng phạt nói trên có tác dụng răn đe rất lớn, cảnh cáo những người có khả năng sẽ phạm tội, nhất là thiếu niên.</li> <li>• Việc trừng phạt nặng, ví dụ phạt tù với thời gian thì hành án quá lâu, sẽ không có tác dụng. Sau khi ra tù, các phạm nhân – nhất là phạm nhân vị thành niên – sẽ có cuộc sống rất khó khăn.</li> </ul>
<b>Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thiếu niên phạm tội do những nguyên nhân đặc thù, ví dụ do đặc điểm của lứa tuổi, do cha mẹ thiếu sự quan tâm và giáo dục. Vì vậy, chúng ta nên phân biệt việc trừng phạt tội phạm vị thành niên và tội phạm đã thành niên.</li> </ul>



Sau khi nghĩ ra được những lý do vừa nêu, bạn có thể diễn đạt chúng bằng tiếng Anh và dùng từ phù hợp không? Nếu đã học kỹ đề Question 37.3 và Question 39 của mục này, bạn sẽ thấy rằng mình không phải mất thời gian tìm ý mà có thể bắt tay vào viết ngay.

**Question 39** Some people think the best way to reduce crime is to give longer prison sentences. Others, however, think there are better ways to reduce crime. Discuss both views and give your opinion. (xem bài viết mẫu của Question 39 ở phần sau)

Với các ý đã được cung cấp khi học bài viết mẫu của Question 39, bạn có ngay trong đầu các lý do ủng hộ/phản đối quan điểm được nêu ở đề bài mà chúng ta đang xem xét, nhưng bạn phải chú ý đến từ then chốt là *thiếu niên* (young people). Bạn có thể sử dụng hầu hết từ vựng của bài viết mẫu.

**Question 37.3** Recent figures show that crimes committed by young people are increasing in major cities throughout the world. Discuss some possible reasons and how to solve this problem. (xem dàn ý của Question 37.3 ở phần sau)

Tương tự, với các ý đã được cung cấp khi học dàn ý của Question 37.3, bạn nghĩ ra ngay nguyên nhân phạm tội của thiếu niên; tuy nhiên, bạn phải làm nổi bật tính chất đặc thù của nguyên nhân để giải thích cho sự khác biệt trong cách trừng phạt đối với hai loại tội phạm. Bạn cũng có thể sử dụng tất cả các từ vựng trong dàn ý.

Vậy là bạn đã biết cách áp dụng linh hoạt bài viết mẫu, bây giờ hãy đọc kỹ 48 đề sau (các đề được ra thi hàng năm có khá nhiều điểm tương đồng với những đề này), sau đó xem kỹ bố cục bài viết, ghi chú các ý quan trọng và học thuộc các cấu trúc hoặc mẫu câu in nhậm để có kiến thức cần thiết khi làm bài thi viết.

### Question 1

In some countries young people are encouraged to work or travel for a year between finishing high school and starting university studies. Discuss the advantages and disadvantages for young people who decide to do this.

### Bài mẫu tham khảo

It is quite common these days for young people in many countries to have a break from studying after graduating from high school. The trend is not restricted to rich students who have the money to travel, but is also evident among poorer students who choose to work and become economically independent for a period of time.

The reasons for this trend may involve the recognition that a young adult who passes directly from school to university is rather restricted in terms of general knowledge and experience of the world. By contrast, those who have spent some time earning a living or travelling to other places have a broader view of life and better personal resources to draw on. They tend to be more independent, which is a very important factor in academic study and research, as well as giving them an advantage in terms of coping with the challenges of student life.

However, there are certainly dangers in taking time off at that important age. Young adults may end up never returning to their studies or finding it difficult to readapt to an academic environment. They may think that it is better to continue in a particular job, or to do something completely different from a university course. But overall, I think this is less likely today, when academic qualifications are essential for getting a reasonable career.

My view is that young people should be encouraged to broaden their horizons. That is the best way for them to get a clear perspective of what they are hoping to do with their lives and why. Students with such a perspective are usually the most effective and motivated ones and taking a year off may be the best way to gain this.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận lợi ích và mặt bất lợi của *việc không học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học* (taking a gap year). Các đề liên quan bàn về mối quan hệ giữa *học tập* (academic studies) và hoạt động thực tiễn.

#### Question 1.1

Some people believe that unpaid community work (for example, working for a charity, teaching sports to children) should become a compulsory part of the high school curriculum. To what extent do you agree or disagree? (ngày 12 tháng 5 năm 2007)

### Gợi ý

① Đề này có chủ đề giống Question 1 (viết tắt là Q1), yêu cầu thí sinh thảo luận vấn đề: có nên xem những việc phục vụ cộng đồng không lương là môn học bắt buộc ở trường phổ thông hay không. Cả hai đề đều bàn về sự kết hợp giữa giáo dục và hoạt động thực tiễn. Bài viết của đề này có thể được sử dụng cho những đề bàn về các nội dung như: làm thế nào để thiếu niên phát triển toàn diện, trừng phạt *tội phạm thiếu niên* (young/teenager criminals) như thế nào. Bạn có thể đưa ra giải pháp là giúp các em trở thành tình nguyện viên phục vụ cộng đồng.

② Nếu bạn cần bài viết mẫu đạt điểm cao, hãy đọc bài mẫu tham khảo của Q1.1 ở phần phụ lục.



<b>Yêu cầu của đề</b>	Có quan điểm cho rằng những việc phục vụ cộng đồng không lương nên trở thành môn học bắt buộc ở trường phổ thông. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này ở mức độ nào.
<b>Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Những công việc như vậy giúp học sinh có <i>tầm nhìn rộng hơn về cuộc sống</i> (have a broader view of life), từ đó các em trở nên độc lập hơn (giống ý trong bài mẫu của Q1).</li> </ul>
<b>Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thời gian ở lớp có hạn, áp lực học <i>các môn học thuật</i> (academic subjects) rất lớn.</li> <li>Bắt buộc học sinh làm công việc này có thể sẽ không mang lại hiệu quả.</li> </ul>

**Question 1.2**

In many countries children are engaged in some kind of paid work. Some people regard this as completely wrong, while others consider it as valuable work experience, important for learning and taking responsibility. What are your opinions on this? (IELTS 3, TEST 3)

**Gợi ý**

<b>Yêu cầu của đề</b>	Ở nhiều nước, học sinh được khuyến khích tham gia các công việc được trả lương. Cho biết ý kiến của bạn về vấn đề này.
<b>Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Những công việc như vậy giúp học sinh có <i>tầm nhìn rộng hơn về cuộc sống</i> (have a broader view of life), từ đó các em trở nên độc lập hơn (giống ý trong bài mẫu của Q1).</li> </ul>
<b>Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Việc học <i>các môn học thuật</i> (academic subjects) gây áp lực rất lớn cho học sinh nên có thể các em không có thời gian để làm những công việc này.</li> <li>Một số công việc thuộc về <i>lao động chân tay</i> (physical labour) có thể ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất của học sinh và cũng không thể giúp các em có được kinh nghiệm hữu ích khi làm việc.</li> </ul>

(\*) Đề này được trích từ Task 2 thuộc bộ đề 3 loại A (Academic) của bộ đề thi thật trong quyển Cambridge IELTS 3. Những chỗ có ký hiệu tương tự ở phần sau cũng mang ý nghĩa như vậy. Nếu đứng sau TEST có mẫu tự A hoặc B thì điều đó cho biết đề này là Task 2 của Test A hay B thuộc loại G (General Training).



**Question 2**

Some people argue that teaching children of different abilities together benefits all of them. Others believe that intelligent children should be taught separately and given special treatment. Discuss both views and give your own opinion.

**Bài mẫu tham khảo**

Today, it is quite common for many schools to practice an “elite students” policy, where the intelligent students are selected and given special treatment. Personally, I think this practice generally has more benefits on several different levels.

The most obvious advantage lies in the fact that it allows teachers to employ different pedagogic strategies suited to particular groups of pupils. For example, for the more intelligent students who are more likely to have a quicker mind and stronger thirst for knowledge, teachers or tutors can include something more difficult or complex in their syllabus, catering for the special needs. On the other hand, for some other students who are not that intelligent and may be slow at learning or acquiring new knowledge or skills, a correspondingly suitable teaching strategy then is highly desirable. In this case, the separate teaching scheme is generally good for both groups of students, since teachers can thereafter design different courses and teaching methods catering for their special needs.

Of course, those who are in support of integrated teaching may argue that separating one from another is a violation of individual rights and that everyone should be treated equally regardless of their intelligence. I think the notion of equality is not the issue. The less intelligent students can be allowed to choose some advanced courses originally designed for those fast learners, and vice versa.

Overall, I think it is not bad to separate students and nurture them individually. The authorities should take into consideration their pupils’ own preference as to being in or out of one particular group so that the benefits of this system can be maximised.

**Các đề liên quan trong kho đề**

Đề này yêu cầu thảo luận vấn đề: nên dạy chung các học sinh có năng lực khác nhau hay phân lớp để dạy riêng những học sinh thông minh. Các đề liên quan bàn về phương pháp dạy và học ở nhà trường như chia lớp/nhóm để dạy theo giới tính, trí thông minh, thành tích...

## Question 2.1

Some people think that school should put students in different classes according to their academic ability, while others believe that students of different abilities should be educated together. Please discuss both views and then present your own opinion. (ngày 3 tháng 3 năm 2007)

## Gợi ý

Yêu cầu của đề	Thảo luận lợi ích và mặt bất lợi của việc chia lớp để dạy học dựa vào khả năng hay thành tích học tập của học sinh (tham khảo bài viết mẫu của Q2).
Lợi ích	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chia lớp để dạy theo trình độ của học sinh là cách dạy có lợi cho cả học sinh giỏi lẫn học sinh không giỏi (hãy dùng các từ như <i>syllabus</i> (giáo trình), <i>curriculum</i> (chương trình học) trong bài viết).</li> </ul>
Mặt bất lợi	<ul style="list-style-type: none"> <li>Học sinh sẽ bị <i>đối xử không công bằng</i> (unfair/unequal treatment) (hãy phân tích để làm rõ mối lo ngại này).</li> </ul>

## Question 2.2

Some teachers argue that students learn more effectively when they study in groups while others believe it is better for them to study alone. What is your opinion? (ngày 30 tháng 8 năm 2008)

## Gợi ý

Yêu cầu của đề	Thảo luận xem cách học nào – <i>học theo nhóm</i> (study in groups) hay <i>học một mình</i> (study alone) – có hiệu quả hơn đối với học sinh (dàn bài này ủng hộ việc học theo nhóm).
Lý do ủng hộ việc học theo nhóm	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sự <i>khích lệ qua lại</i> (encouragement and motivation) hay <i>động lực của nhóm</i> (group dynamic) sẽ giúp học sinh càng cố gắng học, các em sẽ học chăm chỉ trong thời gian lâu hơn (so sánh với việc học một mình). Ví dụ khi học từ mới, nếu học một mình thì học sinh sẽ dễ quên, nhưng nếu học theo nhóm nhỏ thì các em sẽ nhớ lâu hơn.</li> <li>Khi học theo nhóm nhỏ, học sinh có thể <i>trao đổi qua lại</i> (interaction/communication) và <i>hoàn thành tốt bài tập</i> (task completion), nhờ đó các em sẽ càng nỗ lực học.</li> <li>Học theo nhóm còn có một <i>lợi ích nữa</i> (additional benefit) là học sinh có <i>thêm cơ hội giao tiếp</i> với bạn cùng nhóm (more chance to socialise). Điều này cũng giúp các em chăm học và học tốt hơn.</li> </ul>



**Lý do  
phản đối  
việc học  
theo nhóm**

- Các học sinh trong nhóm có học lực/nhân thân khác nhau (diversity in their academic ability/background) hoặc có khi nhóm không tập trung vào trọng tâm mà chỉ tán gẫu.
- Tuy nhiên, giáo viên cũng có cách để khắc phục tình trạng vừa nêu, ví dụ thầy/cô tăng cường *giám sát/hướng dẫn khi nhóm hoạt động* (supervision/guidance on progress).

**Question 3**

Since science and technology are becoming more and more important in modern society, schools should spend more time on teaching these subjects rather than on arts and humanities. To what extent do you agree or disagree?

**Bài mẫu tham khảo**

Some people claim that scientific and technological subjects should receive more emphasis in schools, given the importance of these subjects in the modern world. However, others think that this is not a sufficient reason to neglect education in arts and humanities.

Obviously, there is little doubt that science and technology have had a great influence on modern society. The commonly cited examples of the Internet boom and the need to keep pace with a fast-changing global economy show us the importance of familiarising the next generation with science and technology. But does it mean that arts and humanities should take up a smaller proportion of students' curriculum?

Arts and humanities, it is argued, help students to gain a better vision of the past and how the world has changed and continues to change over time. In other words, arts and humanities help them to think to understand the mistakes made in the past, but also to reflect upon the great things humanity has accomplished. However, with the never-ending demand for new technologies and inventions, society is starting to pay less attention to the importance of arts and humanities. Therefore, some people are wondering whether subjects in arts and humanities should give way to courses focusing on science and technology. It is imaginable that if this really happened, the younger generations today would lack the skills of critical thinking, knowledge of how the world turns around us, and suffer in their ability to read, reason and communicate.

At a time when so much is happening to change the way we work and live, the way we relate to one another and the way we relate to the rest of the world, we actually need more knowledge and a better understanding of our shared history, philosophy and literature so that the lessons of the past are not lost. Therefore, I believe arts and humanities should not be given less attention in schools today, and the planning of a reasonable curriculum should consider the overall benefits to the students.



### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận vấn đề: nhà trường có nên dành nhiều thời gian hơn để dạy các môn khoa học và kỹ thuật thay vì các môn nghệ thuật, khoa học xã hội và nhân văn, tức là bàn về *chương trình giảng dạy của nhà trường* (what should be on the school curriculum). Ví dụ Đại học Oxford có các khoa và chuyên ngành sau:

- **Nhân văn (humanities):** ngôn ngữ và văn học (language and literature), lịch sử (history), triết học (philosophy), mỹ thuật (fine arts)...
- **Toán, lý và khoa học đời sống (mathematical, physical & life sciences):** toán học (maths), vật lý (physics), máy tính (computer), kỹ thuật (engineering), động vật học (zoology)...
- **Khoa học xã hội (social sciences):** kinh tế học (economics), địa lý (geography), tâm lý (psychology)...
- **Y khoa (medical sciences):** y học lâm sàng (clinical medicine), thần kinh học (neurology), dược học (pharmacology)...

Trong kho đề có khá nhiều đề yêu cầu thảo luận về chương trình dạy và học. Hãy xem các đề sau.

#### Question 3.1

Schools should emphasise academic subjects, which are more important for future jobs, rather than sports and music. What is your opinion? (ngày 8 tháng 5 năm 2019)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	Có quan điểm cho rằng: nhà trường nên xem trọng các môn học thuật hơn các môn thể dục và âm nhạc. Cho biết ý kiến của bạn về vấn đề này.
Xem trọng các môn học thuật	<p><b>Lợi ích:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Điều này có thể giúp học sinh có đủ kiến thức cần thiết khi tìm việc làm. Các môn học thuật thật sự rất quan trọng đối với nghề nghiệp tương lai của học sinh. Trong thực tế, khi thông báo tuyển dụng, <i>các nhà tuyển dụng</i> (employers) rất quan tâm đến <i>bằng cấp hoặc chứng chỉ</i> (degrees/diplomas/certificates/qualifications) của ứng viên, vì vậy nhà trường cần chú trọng giảng dạy các môn học thuật.</li> </ul> <p><b>Mặt bất lợi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Việc tập trung vào các môn học thuật sẽ làm phát sinh một số <i>vấn đề</i> (problems), ví dụ năng lực thực tế của học sinh không tương ứng với thành tích học tập, thiếu <i>kỹ năng sống</i> (social/life skills)...</li> </ul>

Xem trọng thể dục và âm nhạc	<p><b>Lợi ích:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Việc dạy thể dục và âm nhạc có lợi cho <i>sự phát triển toàn diện</i> (comprehensive development), <i>giúp học sinh có ưu thế hơn</i> trong công việc (give sb an advantage).</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Điều này còn nuôi dưỡng <i>sở thích</i> (hobbies) của học sinh – đây cũng là yếu tố rất quan trọng trong cuộc sống.</li> </ul> <p><b>Mặt bất lợi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><i>Thời gian ở trường là có hạn</i> (limited school time). Nếu học sinh tốn nhiều thời gian để học thể dục và âm nhạc thì thời gian học các môn học thuật sẽ bị rút ngắn, và các em buộc phải bổ sung kiến thức của những môn này trong giờ <i>ngoại khóa</i> (extracurricular).</li> </ul>

### Question 3.2

Some people think that teachers should be responsible for teaching students how to judge right from wrong and how to behave well. Some say that teachers should only teach students academic subjects. Discuss both views and give your opinion. (topic 28 tháng 5 năm 2011)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	<p>Một số người cho rằng giáo viên nên có trách nhiệm giáo dục đạo đức cho học sinh. Một số người lại cho rằng giáo viên chỉ cần dạy các môn học thuật. Hãy thảo luận hai quan điểm này và cho biết ý kiến của bạn.</p>
Lý do ủng hộ việc giáo viên dạy các môn học thuật kết hợp với giáo dục đạo đức	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đạo đức tốt và hành vi chuẩn mực là điều rất quan trọng đối với học sinh, giúp các em <i>tự chủ và sống có kỷ luật hơn</i> (better self-control, better discipline), có thể sống tốt hơn trong <i>cộng đồng lớn hơn</i> (a larger community); nếu không có <i>các chuẩn mực về đạo đức</i> (moral standards), các em dễ mắc sai lầm, thậm chí phạm tội.</li> <li>Giáo dục đạo đức cho học sinh cũng là vấn đề xã hội. Ví dụ hiện nay, <i>học sinh tiểu học, thiếu niên</i> (schoolchildren, teenagers) có <i>vấn đề về hành vi</i> (behaviour problems). Vì vậy, nhà trường càng nên chú trọng giáo dục đạo đức bên cạnh việc giảng dạy các môn học thuật.</li> </ul>
Lý do ủng hộ việc giáo viên chỉ dạy các môn học thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thời gian ở lớp có hạn nên nhà trường phải xem việc cung cấp kiến thức là nhiệm vụ trọng tâm.</li> <li>Cha mẹ có trách nhiệm giáo dục đạo đức cho con cái nên giáo viên không cần đảm nhận việc này (có thể tham khảo bài mẫu của Q5).</li> </ul>



## Question 3.3

The government thinks that the education system should be up to date. The following is a list of the subjects taught in school. Which do you think are the two most important subjects and which one is the least important for young people? (ngày 1 tháng 3 năm 2008)

- literature
- mathematics
- physics
- psychology
- geography
- sports
- economics
- music
- history
- foreign languages

## Gợi ý

① Đề này cũng bàn về chủ đề dạy và học nhưng ít gặp. Bạn cần đọc kỹ đề (lưu ý những chỗ gạch dưới).

② Bạn có thể xem bài viết mẫu của Q3.3 ở phần phụ lục.

<b>Yêu cầu của đề</b>	Hãy cho biết trong 10 môn học được liệt kê ở đề bài, hai môn học nào quan trọng nhất và một môn học nào ít quan trọng nhất đối với học sinh.
<b>Ý kiến về hai môn học quan trọng nhất</b>	Có thể chọn ngoại ngữ và toán (bạn có thể sử dụng các ý trong dàn bài của Q3.1): <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các môn này ảnh hưởng đến nghề nghiệp tương lai của học sinh.</li> <li>• Chúng cũng ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của cá nhân.</li> </ul>
<b>Ý kiến về môn học ít quan trọng nhất</b>	Có thể chọn <i>thể dục</i> (sports): <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đây là một thách thức đối với <i>chương trình giảng dạy</i> (curriculum) vốn đã quá tải, học sinh có thể <i>học thể dục ngoài chương trình chính khóa</i> (learn it outside the formal education system).</li> </ul>

## Question 4

In many countries schools have severe problems with student behaviour. What do you think are the causes of this? What solutions can you suggest?

## Bài mẫu tham khảo

Poor student behaviour seems to be an increasingly widespread problem and I think that modern lifestyles are probably responsible for this.

In many countries, the birth rate is decreasing so that families are smaller with fewer children. These children are often spoilt, not in terms of love and attention because working



parents do not have the time for this, but in more material ways. They are allowed to have whatever they want, regardless of price, and to behave as they please. This means that the children grow up without consideration for others and without any understanding of where their standard of living comes from. When they get to school age, they have not learnt any self-control or discipline. They have less respect for their teachers and refuse to obey rules in the way that their parents did.

Teachers continually complain about this problem and measures should be taken to combat the situation. But I think the solution to the problem lies with the families, who need to be more aware of the future consequences of spoiling their children. If they could raise them to be considerate of others and to be social, responsible individuals, the whole community would benefit.

Perhaps parenting classes are needed to help them to do this, and high-quality nursery schools could be established that would support families more in terms of raising the next generation. The government should fund this kind of parental support because this is no longer a problem for individual families, but for society as a whole.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận các nguyên nhân khiến học sinh có hành vi không tốt và đề xuất cách giải quyết vấn đề. Sau đây là các đề liên quan:

① Đề bài yêu cầu thảo luận về *vấn đề hành vi* (behaviour problems) như *trốn học* (skip classes/play truant), *bắt nạt bạn trong trường* (school bullying), *không kính trọng cha mẹ/thầy cô/người lớn tuổi/những người khác* (less respect for parents/teachers/the elderly/others)...

② Đề bài yêu cầu thảo luận về *vấn đề tâm lý* (psychological problems) như *vô cảm* (indifferent and unsociable), thậm chí *tự sát* (commit suicide)...

③ Đề bài yêu cầu thảo luận về *vấn đề phạm tội* (crime) (tham khảo bài viết mẫu của Q37, Q37.3).

④ Đề bài yêu cầu thảo luận về *tình trạng thất nghiệp trong giới trẻ* (youth unemployment) (tham khảo bài viết mẫu của Q6).

### Gợi ý

① Về cơ bản, các đề trên đều yêu cầu thảo luận về nguyên nhân của *các vấn đề xảy ra ở thanh thiếu niên* (youth problems).

② Chúng tôi đã chọn ra các đề tiêu biểu cho nội dung vừa nêu kèm theo bài viết mẫu. Bạn hãy đọc bài viết mẫu của Q5, Q6, Q37.

Nguyên nhân của các vấn đề xảy ra ở thanh thiếu niên

- Sự thiếu sót trong *việc giáo dục của nhà trường* (school education)
- Sự thiếu sót trong *việc giáo dục của cha mẹ* (parent education)
- Ảnh hưởng của *phương tiện truyền thông đại chúng* (mass media)

### Question 5

Some people think that parents should teach children how to be good members of society. Others, however, believe that school is the place to learn this. Discuss both views and give your own opinion.

### Bài mẫu tham khảo

A child's education has never been about learning information and basic skills only. It has always included teaching the next generation how to be good members of the society. Therefore, this cannot be the responsibility of the parents alone.

In order to be a good member of any society, the individual must respect and obey the rules of their community and share their values. Educating children to understand the need to obey rules and respect others always begins in the home and is widely thought to be the responsibility of parents. They will certainly be the first to help children learn what is important in life, how they are expected to behave and what role they will play in their world.

However, learning to understand and share the value system of a whole society cannot be achieved just in the home. Once a child goes to school, they are entering a wider community where teachers and peers will have just as much influence as their parents do at home. At school, children will experience working and living with people from a whole variety of backgrounds from the wider society. This experience should teach them how to co-operate with each other and how to contribute to the life of their community.

But to be a valuable member of any community is not like learning a simple skill. It is something that an individual goes on learning throughout life and it is the responsibility of every member of a society to take responsibility for helping the younger generation to become active and able members of that society.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận xem cha mẹ hay nhà trường chịu trách nhiệm giáo dục trẻ trở thành thành viên tốt của xã hội, các đề liên quan bàn về *việc giáo dục của gia đình/cha mẹ* (family/parent education) và *việc giáo dục của nhà trường/giáo viên* (school/teacher education) đối với sự trưởng thành của *thế hệ sau* (the next generation).

**Question 5.1**

Some people think teachers have a greater influence than parents on the development of a child's intelligence and social skills. Do you agree or disagree? (ngày 6 tháng 9 năm 2008)

**Question 5.2**

Research indicates that the characteristics we are born with have much more influence on our personality and development than any experiences we may have in our life. Which do you consider to be the major influence? (IELTS 5, TEST 4)

**Gợi ý**

① Q5.1 và Q5.2 đề cập đến vấn đề gần giống nhau, đó là yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của trẻ. Bạn hãy tham khảo bài viết mẫu của Q5.2 ở phần phụ lục.

② Dưới đây là dàn bài tham khảo của Q5.1:

<b>Yêu cầu của đề</b>	Một số người cho rằng giáo viên có ảnh hưởng đến sự phát triển trí lực và kỹ năng sống của trẻ nhiều hơn cha mẹ. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này.
<b>Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khi trẻ đi nhà trẻ, thời gian trẻ ở cạnh giáo viên nhiều hơn ở với cha mẹ.</li> <li>• Giáo viên có nhiều kỹ năng và kiến thức chuyên môn về sự phát triển của trẻ nên càng dễ gây ảnh hưởng đối với trẻ.</li> </ul>
<b>Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trẻ chịu ảnh hưởng từ cha mẹ nhiều hơn nhờ <i>gen di truyền</i> (genes inherited from parents).</li> <li>• Ba năm đầu đời, do ở nhà nhiều nên trẻ chủ yếu chịu ảnh hưởng từ cha mẹ. Trong khoảng thời gian này, những ảnh hưởng của cha mẹ đối với trẻ về mọi mặt sẽ <i>có tính quyết định</i> (decisive).</li> </ul>

**Question 5.3**

Children who are brought up in families which do not have large amounts of money are better prepared to deal with the problems of adult life than children brought up in wealthier families. Do you agree or disagree? (ngày 3 tháng 9 năm 2005)



## Gợi ý

Yêu cầu của đề	Có quan điểm cho rằng trẻ nhà nghèo có thể đương đầu với các thách thức trong tương lai tốt hơn trẻ nhà giàu. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này.
Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trẻ nhà nghèo phải độc lập giải quyết vấn đề sớm hơn, cả trong học tập lẫn trong các hoạt động khác. Trẻ có tính <i>tự lập</i>, có sự <i>tự tin</i> và có kỹ năng <i>giải quyết vấn đề</i> (self-reliant, confident, problem-solving).</li> <li>Trẻ nhà nghèo ít được nuông chiều nên ít có khả năng <i>hư hỏng</i> (be spoiled).</li> </ul>
Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sự giáo dục mà trẻ tiếp nhận, dù ở gia đình hay nhà trường, có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc giúp trẻ <i>sẵn sàng đương đầu với những thách thức khi trưởng thành</i> (readiness to cope with challenges of their adult life); <i>các gia đình giàu thường có khả năng cung cấp cho con cái nền học vấn tốt hơn</i> (richer families tend to buy better education for their children).</li> <li><i>Các gia đình giàu có thể hỗ trợ con cái nhiều hơn</i> (richer families can provide a stronger network for their children).</li> </ul>

## Question 5.4

Some scientists believe that studying of behaviour of three year-old children can tell which children would grow up to be criminals. To what extent in your opinion is a crime a product of human nature? Is it possible to stop children from growing up to be criminals? (ngày 13 tháng 8 năm 2005)

## Gợi ý

Yêu cầu của đề	Một số nhà khoa học cho rằng qua việc nghiên cứu hành vi của trẻ ba tuổi, chúng ta có thể đoán được trẻ có phạm tội hay không khi trưởng thành. Có quan điểm cho rằng phạm tội là sản phẩm của bản tính con người. Hãy cho biết bạn đồng ý với quan điểm này đến mức nào và liệu có thể ngăn chặn tình trạng trẻ em trở thành tội phạm khi trưởng thành hay không (hai câu hỏi trong đề có liên quan với nhau: nếu phạm tội là sản phẩm của bản tính thì việc ngăn chặn người ta phạm tội có thể sẽ rất khó).
----------------	---

Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cách đặt vấn đề của đề này giống đề Q5.2: ảnh hưởng của <i>bản tính con người</i> (human nature) đối với hành vi phạm tội. Bạn có thể trình bày về tác động của gen, yếu tố di truyền, mối liên hệ giữa điều này và hành vi phạm tội của trẻ.</li> </ul>
Lý do phản đối quan điểm của đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>Gen và yếu tố di truyền không ảnh hưởng nhiều đến trẻ. Ví dụ ở <i>một cặp song sinh cùng trứng</i> (identical twins), có thể một người là <i>tấm gương đạo đức</i> (role model) còn người kia là <i>tội phạm</i> (criminal).</li> <li>Con người phạm tội chủ yếu là do chịu tác động của các yếu tố sau khi sinh, ví dụ cách giáo dục của cha mẹ, cách giáo dục của nhà trường, sự sai lệch của phương tiện truyền thông (bạn có thể tham khảo bài viết mẫu của Q4).</li> </ul>

### Question 5.5

Some people think parents themselves need to spend time reading to or telling stories to children, while others think children can read by themselves through a variety of sources, such as books and the Internet. Discuss both views and give your own opinion. (ngày 4 tháng 11 năm 2010)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	Một số người cho rằng cha mẹ nên dành thời gian đọc sách hay kể chuyện cho con nghe. Một số người khác cho rằng trẻ có thể tự đọc thông qua nhiều nguồn khác nhau như sách và mạng Internet. Hãy thảo luận hai quan điểm này và cho biết ý kiến của bạn.
Lý do ủng hộ quan điểm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> <li><i>Trẻ sẽ được lợi nhiều hơn khi có sự giám sát hoặc hướng dẫn phù hợp của cha mẹ / chọn tài liệu đọc phù hợp</i> (proper guidance or supervision ensures wider benefits/ select the proper reading materials).</li> <li>Việc đọc không chỉ là vấn đề cung cấp kiến thức mà quan trọng hơn, nó <i>xây dựng quan hệ gia đình gần gũi hơn</i> (bring parents and children closer/build a closer family relationship).</li> </ul>
Lý do ủng hộ quan điểm thứ hai	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trẻ có thể <i>cảm thấy hứng thú hơn, việc đọc sẽ có hiệu quả hơn</i> (can be better interested and motivated, yielding better results).</li> <li><i>Việc này cũng giúp bồi dưỡng khả năng tự học và tự đọc của trẻ</i> (develop their autonomy in learning/reading).</li> </ul>



**Question 6**

In many countries, more and more young people are unable to find jobs after graduation. What problems do you think youth unemployment will cause to the individual and society? What can be done to cope with this problem?

**Bài mẫu tham khảo**

With the tendency that graduates are finding it increasingly difficult to find jobs after schools or university, youth unemployment is now becoming an issue for many countries in the world. This essay will look at the severe consequences it may lead to and put forward some potential solutions.

Obviously, one of the most immediate effects of youth unemployment is that those jobless graduates cannot find a way to earn a living, thus unable to support themselves and their families or to cover the loans which they might have for their expensive education, creating much pressure on themselves and their families, both financially and psychologically. So they may be easily haunted by pessimism and distress.

However, this is far from a personal or private problem; actually it is also a problem for society as a whole. When the rate of youth unemployment rises, it may increase the chance of social instability, for the jobless young people with resentment and disappointment may easily form gangs or groups to commit robbery or other more serious crimes.

The possible solutions are always under discussion at both personal and government level. Some people suggest that government allowance for the unemployed should be made a policy in order to maintain social stability as well as give them a better living. Some others think postgraduates' enrolment should be enlarged to ease the problem to a certain extent. But these are only expedient to put off the problem rather than resolve it. A more important thing concerning young graduates themselves should be taken into consideration; that is, they should be advised to lower their unrealistic expectations and embark on some seemingly more fundamental work, for example, that in the communities or rural areas, which is indeed not that "bad". This may work efficiently to reduce the current unemployment rates.

**Đề bài liên quan trong kho đề**

Đề này yêu cầu thảo luận về tình trạng thanh niên không tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp và đề xuất cách giải quyết, đề bài liên quan bàn về việc tuyển nhân viên của nhà tuyển dụng.



## Question 6.1

Nowadays, some employers think academic qualities are more important than life experience and personal qualities when they choose employees. Why does this take place? And is this a negative or positive development? (ngày 13 tháng 10 năm 2007)

## Gợi ý

Yêu cầu của đề	<p>Ngày nay, khi tuyển nhân viên, một số nhà tuyển dụng xem chất lượng học tập quan trọng hơn kinh nghiệm sống và đạo đức cá nhân. Hãy cho biết vì sao có tình trạng này và điều đó tốt hay xấu.</p>
Nguyên nhân của tình trạng được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các nhà tuyển dụng cho rằng <i>thành tích học tập tốt hơn</i> (better academic performance) thông thường đồng nghĩa với việc ứng viên có năng lực hơn, ví dụ năng lực <i>tư duy phê phán, quản lý chiến lược, giải quyết vấn đề</i> (critical thinking, strategic management, problem-solving). Những năng lực này đều <i>có thể được áp dụng vào công việc</i> (transferable), vì vậy ứng viên đó sẽ có khả năng <i>làm việc tốt hơn</i> (better work performance).</li> <li>• Trong việc chọn nhân viên, tiêu chuẩn này càng được xem trọng vì nó <i>thiết thực và hiệu quả hơn</i> (more cost-effective and practical).</li> </ul>
Mặt tích cực và mặt tiêu cực của tình trạng được nêu ở đề bài	<p><b>Mặt tích cực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Việc xem trọng thành tích học tập có lợi ở chỗ giúp nhà tuyển dụng chọn được người tài phù hợp với yêu cầu công việc.</li> <li>• Việc này cũng <i>khuyến khích người trẻ chăm chỉ học tập</i> (encourage academic pursuit among youngsters), giúp họ không ngừng phấn đấu vươn lên.</li> </ul> <p><b>Mặt tiêu cực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tình trạng vừa nêu khiến nhà trường và học sinh chỉ chú trọng <i>các môn học thuật</i> (academic subjects). Điều này làm phát sinh hàng loạt vấn đề (bạn có thể tham khảo bài viết mẫu của Q3).</li> </ul>

## Question 7

Schooling is no longer necessary, since more and more information is accessible on the Internet, and students can study just as well at home. To what extent do you agree or disagree?

## Bài mẫu tham khảo

The Internet is developing at a surprising speed and is changing our whole way of life. For example, it is claimed that the abundant information on the Internet makes it possible for students to study at home, instead of going to schools as they did before. It is true that the Internet does play some part in the learning process today, but I believe, it is far from enough to ensure an education as comprehensive and wholesome as schools do.

In today's world, the Internet is a master key to almost all the knowledge and information available. So a good understanding of computer technology will give a student an edge in searching for and making use of the information for their studies. For instance, students who know how to make the most of the powerful search engines such as Google tend to find more detailed information about the subjects discussed in class so as to gain a deeper insight into the events or experiments and acquire a multidimensional understanding of current issues. However, this does not automatically mean the Internet can play all the roles a school can, not to mention taking its place.

School education always is, and will remain, essential for one's upbringing because it is not only a platform to impart knowledge but also a stage to educate an individual about values and attitudes. Studying and living in an environment where students will be encouraged by their teachers and accompanied by their peers benefits them in a wider range. They are more likely to know how to be themselves while fitting in a group, how to develop their critical thinking while learning to take advice from others. On the other hand, the Internet can hardly serve these functions. And when students are well exposed to all kinds of information provided by the huge database of the Internet, it is the judgement students learn from schools that helps them distinguish between right and wrong.

Overall, I think schools will continue playing the leading role in education, and the Internet will be a complementary part to it.

## Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận về ảnh hưởng của mạng Internet đối với cách giáo dục theo truyền thống của nhà trường, các đề liên quan bàn về vai trò của công nghệ hiện đại đối với việc giáo dục thế hệ sau.

### Question 7.1

It is not necessary for students to go to school because more and more information is accessible on the Internet. Instead, children can study at home. Do you agree or disagree? (trước năm 2003)

Đề này giống Q7 nên chúng tôi không cung cấp dàn bài chi tiết.



**Question 7.2**

In which areas of education do you think computers are more important and in which areas do you think teachers are more important? (ngày 19 tháng 5 năm 2007)

Đề này cũng giống Q7, bạn chỉ cần sử dụng các ý trong bài viết mẫu của Q7 để trả lời hai câu hỏi của đề.

**Question 7.3**

Lectures have been used to teach large numbers of students. Now as advanced technologies are available for education, some people believe that technology can replace lectures as the main way to teach large numbers of students. Do you agree or disagree? (ngày 14 tháng 7 năm 2007)

**Gợi ý**

Đề này cũng giống Q7 vì ở trường (at schools), giáo viên thường giảng bài cho các lớp đông học sinh (teachers give lectures to large numbers of students). Từ đó, bạn dễ dàng thảo luận vấn đề: liệu công nghệ hiện đại có thể thay thế được bài giảng (lectures) hay không.

Yêu cầu của đề	Một số người cho rằng công nghệ hiện đại có thể thay thế cách dạy truyền thống qua các bài giảng. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này.
Lý do ủng hộ công nghệ hiện đại	<ul style="list-style-type: none"> <li>Học sinh được cung cấp tài liệu học tập phong phú hơn, thường là được cung cấp <i>trực tuyến</i> (online). Điều này giúp các em tăng thêm <i>khả năng tiếp cận thông tin</i> (availability and accessibility) sau giờ học hay khi ở nhà.</li> <li>Nhờ công nghệ hiện đại, các cuộc trao đổi riêng giữa giáo viên và học sinh diễn ra thuận lợi hơn (ví dụ thông qua email hay Facebook). Việc này tương đối khó thực hiện khi giáo viên dạy trong lớp học theo cách truyền thống.</li> </ul>
Lý do ủng hộ cách dạy truyền thống qua các bài giảng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khi trao đổi qua lại ngay tại lớp, giáo viên và học sinh đang <i>giao tiếp và tương tác trực diện</i> (face-to-face communication and interaction). Nhờ vậy, giáo viên có thể giảng bài một cách <i>linh hoạt</i> (flexible/flexibility), <i>điều chỉnh tiến độ dạy học và nội dung của bài học</i> (adjust the process of teaching and content) căn cứ vào phản hồi của học sinh.</li> <li>Giáo viên có thể tổ chức <i>nhiều hoạt động nhóm hơn</i> (more group work/team work), điều này giúp tăng cường sự hợp tác giữa các học sinh.</li> </ul>



**Question 8**

Many people believe that the main aim of university education is to help graduates find better jobs, while some people believe that a university education has wider benefits for individuals and society as a whole. Discuss both views and give your opinion.

**Bài mẫu tham khảo**

Universities play very important roles in the modern world. While many people argue university education should focus on giving graduates an edge in the job market, personally, I think it has a larger role to play for both individuals and society as a whole.

The practical function of university education (that is, a way for students to find better jobs in the future) has been accorded increased importance by the general public because more and more people today pin their hopes on studying in universities to gain a better chance of employment, which is also the very goal that drives the majority of parents who support their children financially through university. Considering the fact that the tuition fees for higher education are far from a small sum of money to many families, and with the uncertainty of a competitive job market, paying more attention to the employment issue of universities' graduates can be well justified. However, this does not mean the main function of university education is, or should be, career-oriented.

Just as the most important function of education at any level is to develop the personality of an individual and the significance of one's life to himself or herself and to others, universities grant students the chance to understand themselves and their society better. Therefore, what a university should mainly focus on is the development of students' personality and morality, which would benefit its students over their whole lives not only in terms of starting a career, but in terms of what lies behind a job — having a clear perspective of what is important in life, what roles they will play in the world, and of course how they will contribute to their communities. Obviously, this is also closely related to the development of a nation in the long term, for only with people trying to live their lives to the fullest can a country have a bright future. That is why many people, from Plato and Bacon to today's educationalists, claim university education should give access to knowledge and truth for their own sake, as it is supposed to be enlightening and inspiring.

Thus, I firmly believe the main purpose of pursuing university education is and always will be more than getting trained for a decent job. It is to benefit individuals and society in a much wider sphere than that of the workplace.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận về mục tiêu chính của giáo dục đại học, các đề liên quan bàn về mục đích và vai trò của giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng (bạn có thể liệt kê một số mục tiêu của giáo dục như: nghiên cứu khoa học và tạo sự thay đổi, hỗ trợ tìm việc, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, quan trọng hơn là đào tạo nhân tài, kế thừa và giảng dạy về văn hóa, văn minh, giúp học sinh trau dồi đạo đức). Sau đây là các cách diễn đạt liên quan đến chủ đề này:

research and innovation  
equip students with employable skills  
boost economic development by research or teaching  
help develop students' personality or morality  
pass down/inherit traditions/certain aspects of a civilisation

Lưu ý là khi trả lời câu hỏi, bạn phải bám sát nội dung câu hỏi. Các ý mà bạn đưa ra trong bài viết phải được củng cố bằng những chi tiết cụ thể và ví dụ thực tế. Không nên sử dụng các mục nêu trên một cách máy móc bởi chúng chỉ là ý khái quát chứ không phải luận điểm hay luận chứng. Sau đây là các đề liên quan trong kho đề:

#### Question 8.1

Some people think that teachers should be responsible for teaching students how to judge right from wrong and how to behave well. Some say that teachers should only teach students academic subjects. Discuss both views and give your opinion. (ngày 28 tháng 5 năm 2011)

Nội dung này đã được thảo luận ở Q3.2. Một lần nữa, bạn có dịp thảo luận về vấn đề nên dạy cho học sinh điều gì xét từ góc độ mục đích của giáo dục.

#### Question 8.2

It is generally believed that education is of vital importance to the development of individuals and the well-being of society. What should education consist of to fulfil these functions? (ngày 12 tháng 3 năm 2005)

### Gợi ý

Trong đề bài này, well-being có nghĩa là *sự an sinh*, consist of có nghĩa là *bao gồm*, fulfil these functions có nghĩa là *thực hiện tốt các chức năng này* (có thể được thay bằng *serve these functions*).



<b>Yêu cầu của đề</b>	Giáo dục rất quan trọng đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội. Hãy cho biết giáo dục nên có những nội dung nào để thực hiện tốt các chức năng này.
<b>Các ý tham khảo</b>	<p>Về cơ bản, bạn có thể sử dụng các ý trong bài viết mẫu của Q8.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trước tiên, chương trình giáo dục nên có các môn học thuật, nhà trường nên tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng liên quan đến nghề nghiệp tương lai của học sinh.</li> <li>• Bên cạnh đó, chương trình giáo dục cũng cần có nội dung dạy về kỹ năng sống, giáo dục đạo đức cho học sinh.</li> </ul>

**Question 8.3**

Some people think universities should provide knowledge and skills related to students' future career; others think the true function of the university is to give access to knowledge for its own sake. What is your opinion of the main function of university? (nguồn: *IELTS Training*, 2007)

**Gợi ý**

<b>Yêu cầu của đề</b>	Một số người cho rằng đại học nên cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng liên quan đến nghề nghiệp tương lai. Một số người khác cho rằng đại học chỉ cần cung cấp kiến thức thuần túy. Hãy cho biết ý kiến của bạn về chức năng chính của đại học.
<b>Lý do ủng hộ quan điểm thứ nhất</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bạn có thể sử dụng các ý trong bài viết mẫu của Q8 (phần liên quan đến nghề nghiệp).</li> <li>• Việc cung cấp kiến thức thuần túy <i>giúp ích cho các hoạt động học tập/nghiên cứu khoa học</i> (help justify the scholarly activities/academic research). <i>Các môn học thuật chỉ nhằm trang bị kiến thức và sự hiểu biết thuần túy, bất chấp giá trị thương mại</i> (academics should be allowed to pursue knowledge and understanding for their own sake, regardless of commercial value).</li> </ul>
<b>Lý do ủng hộ quan điểm thứ hai</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Các trường đại học có ứng dụng quan trọng về mặt kinh tế và xã hội</i> (universities have vital social and economic application).</li> </ul>



**Question 9**

Some people suggest higher education should be funded by the government, while others think students should pay the course fees themselves. Discuss both views and give your opinion.

**Bài mẫu tham khảo**

Higher education today is the key to individuals' development and a country's long-term success. However, it is noticeable that today a large proportion of students find it difficult to afford the increasing tuition fees for institutions like universities. In the debate over whether governments should pay for higher education, I personally believe they should offer some financial help, such as study loans to economically disadvantaged students at least.

Along with a tendency to hold that higher education is not compulsory, many people claim that it should be funded by students themselves instead of the government. This indeed reduces governments' financial burdens to a certain extent, since the budget of the government is not unlimited, especially when considering the fact that in some places people do not even have equal access to primary education. But the limitation of this practice is also obvious – that students from impoverished families might be put at an extreme disadvantage as they cannot be guaranteed an equal chance to pursue further education.

As a result, others then suggest that all costs should be borne by the government, thus making higher education available to all its citizens, regardless of their financial situation. But, in contrast, it seems somewhat unfair to those taxpayers who are not planning to study in a college or university. Moreover, the theory of making governments cover all the costs for higher education for everyone is impractical. If it were otherwise, why are there only a few governments of countries with small populations now applying this policy?

Therefore, I think a good way to tackle this issue is to offer government loans to those who require financial help in finishing their higher education, as it ensures economic status will not be an obstacle for students to apply for colleges or universities studies, and at the same time the government does not have to shoulder a financial burden beyond its capacities. What is more, students will be highly motivated, for they have to make the most of their time in schools so as to be capable of finding a decent job to pay off the loan in the near future.

**Các đề liên quan trong kho đề**

Đề này yêu cầu thảo luận vấn đề: chi phí đào tạo ở *bậc cao học* (higher education) nên do chính phủ hay cá nhân chi trả, các đề liên quan bàn về việc ai sẽ trả chi phí giáo dục và yêu cầu cho biết lý do. Với dạng đề vừa nêu, bạn cần trình bày các ý cơ bản như:

ai sẽ được lợi từ giáo dục; áp lực tài chính đối với một trong hai phía là quá lớn: ngân sách của chính phủ có hạn, khả năng chi trả của gia đình sinh viên cũng có hạn, nhất là những gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

### Question 9.1

Higher education can be funded in several ways such as the following: 1. All costs paid by the government; 2. All costs paid by the students; 3. All costs paid by government loans which students have to pay back after graduation. Please discuss both the advantages and disadvantages of these three theories and decide which is the best. (ngày 25 tháng 8 năm 2011)

Đề này giống Q9 nhưng đưa ra thêm một lựa chọn: *vay vốn chính phủ* (government loans) – đây chính là nội dung được trình bày ở phần kết luận trong bài viết mẫu của Q9. Với đề này, bạn có thể sử dụng bài viết mẫu của Q9.

### Question 9.2

It is right that college graduates earn higher salaries than the less well-educated in the community. But they should also pay the full cost of their studies. Do you agree or disagree? (tháng 11 năm 2007)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	Có quan điểm cho rằng sinh viên nên chi trả toàn bộ học phí bởi vì họ sẽ được trả lương cao hơn những người có trình độ học vấn thấp hơn trong xã hội. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này.
Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sinh viên được lợi từ quá trình đào tạo, chi trả học phí là vấn đề của cá nhân.</li> <li>Ngân sách của chính phủ có hạn, chính phủ có thể không gánh nổi chi phí quá lớn cho việc đào tạo.</li> </ul>
Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không những bản thân sinh viên mà xã hội cũng được lợi từ chương trình giáo dục, vì càng có nhiều người tiếp cận chương trình giáo dục thì xã hội càng phát triển. Do đó chính phủ nên có trách nhiệm trong việc này.</li> <li>Nhiều sinh viên không có khả năng chi trả học phí nên cần được chính phủ hỗ trợ, nhất là những sinh viên xuất thân trong các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.</li> </ul>



**Question 9.3**

Some people think that the government should pay the course fees of those who want to go to university. Do you agree or disagree? (ngày 3 tháng 11 năm 2007)

Bạn có thể sử dụng các ý trong bài viết mẫu của Q9.

**Question 10**

People today can perform everyday tasks such as shopping, banking or even business transactions without meeting others face to face. What are the effects it may have on individuals and society as a whole? Is it a positive or negative development?

**Bài mẫu tham khảo**

Thanks to technological advances, especially the development of communication technology, today many daily tasks can be accomplished without us meeting each other face to face. Generally, I tend to believe it has more positive influence on our lives.

It is evident that fulfilling some tasks over modern technologies such as cell phones, the Internet and other computer network is highly efficient. In the past, if people had the need to do the shopping, they had to go to the shopping mall; but today, all can be done with the click of a mouse and the goods will be delivered home, even at a lower price. And we used to need to go to the bank and wait in a desperately long line if we wanted to make a transaction from one bank account to another; instead now we may comfortably make use of the self-banking service at home provided we have access to the Internet. Actually almost all banks and financial organisations are well-connected to the Internet, which promotes the development of international trade and the world economy dramatically. Thus, obviously, the convenience and efficiency of life has been improved significantly due to the technological advances.

However, that is not to say that lack of face-to-face communication brings no problems. One of the biggest concerns is safety. With the increasing virus threats and well-trained hackers, online deals are well exposed to all kinds of risks and losses, for example, the widespread problem of identity theft. Another worry may lie in the fact that people might become somewhat indifferent and feel isolated in the long run without spending enough time with others in person. So when making the most of the good changes brought by technology, we should be aware of its potential downside and find a way to minimise the negative impacts of it.

Overall, there are both favourable and unfavourable effects on individuals and society if everyday tasks are performed without the need of seeing each other. But, personally, I am quite optimistic about its future, and I think people and countries alike will benefit from it on a new level soon.



### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận về lợi ích và mặt bất lợi của mạng Internet trong những công việc thường ngày như mua sắm, gửi tiền ở ngân hàng, giao dịch kinh doanh; các đề liên quan bàn về ảnh hưởng của công nghệ hiện đại đối với cuộc sống hàng ngày của con người và sự phát triển của xã hội.

#### Question 10.1

Some believe that modern telecommunication devices have many benefits for people, while others think otherwise. What is your opinion? (ngày 24 tháng 5 năm 2007)

#### Gợi ý

Đề này yêu cầu bạn cho biết ý kiến về lợi ích và mặt bất lợi của các thiết bị viễn thông tân tiến/phương tiện hiện đại, chẳng hạn điện thoại qua máy tính, các trang mạng xã hội (social networking sites) như email, Facebook, Twitter và các công cụ nhắn tin tức thời (instant messaging tools) như Skype, MSN. Về cơ bản, bạn có thể sử dụng các ý trong bài viết mẫu của Q10.

<b>Yêu cầu của đề</b>	Cho biết ý kiến của bạn về lợi ích và mặt bất lợi của các thiết bị viễn thông tân tiến/phương tiện hiện đại đối với con người.
<b>Lợi ích</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhờ các thiết bị viễn thông tân tiến/phương tiện hiện đại mà công việc được thực hiện nhanh chóng, thuận lợi, ít tốn kém, không bị hạn chế về thời gian, địa điểm. Ví dụ, ứng viên thường nộp hồ sơ xin du học ở các trường đại học nước ngoài qua mạng Internet, ứng viên có thể được phỏng vấn tuyển dụng hoặc xin du học qua Skype mà không cần đến tận nơi.</li> <li>Các thiết bị/phương tiện này giúp con người giữ liên lạc thuận lợi hơn, thúc đẩy hoạt động giao tiếp.</li> </ul>
<b>Mặt bất lợi</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chúng có độ an toàn thấp.</li> <li>Chúng khiến con người ít có sự giao tiếp trực diện.</li> </ul>

#### Question 10.2

Using a computer every day can have more negative than positive effects on young children. Do you agree or disagree? (IELTS 6, TEST 8)

Đề này yêu cầu thảo luận về những ảnh hưởng của việc sử dụng máy tính đối với trẻ em (children). Hãy tham khảo bài viết mẫu của Q10.2 ở phần phụ lục.

**Question 10.3**

Many people believe that the increasing use of modern technology at work and in leisure is reducing people's creativity. To what extent do you agree or disagree? (ngày 19 tháng 2 năm 2005)

Đề này yêu cầu thảo luận về những ảnh hưởng của công nghệ hiện đại, nhưng là ảnh hưởng đối với khả năng sáng tạo của con người. Hãy tham khảo bài viết mẫu của Q10.3 ở phần phụ lục.

**Question 10.4**

Some parents do not buy TV sets for they think television is harmful to their children's creativity. Do you agree or disagree? (trước năm 2005)

Đề này là sự kết hợp của Q10.2 và Q10.3, yêu cầu thảo luận về những ảnh hưởng của tivi – một sản phẩm tiêu biểu của công nghệ hiện đại – đối với khả năng sáng tạo của trẻ em.

<b>Yêu cầu của đề</b>	Có quan điểm cho rằng tivi có ảnh hưởng tiêu cực đối với khả năng sáng tạo của trẻ. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này.
<b>Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khi xem tivi, trẻ có khuynh hướng tiếp nhận thông tin một cách bị động, ít có cơ hội chủ động sáng tạo.</li> <li>• Nếu không mua tivi, cha mẹ có thể dành nhiều thời gian hơn để đọc sách cho con nghe và cùng con thực hiện các hoạt động như tập thể dục, chơi trò chơi...</li> </ul>
<b>Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Việc xem các chương trình phù hợp vào những thời điểm phù hợp thật ra có thể giúp trẻ em mở rộng tầm nhìn, từ đó nâng cao khả năng sáng tạo của trẻ.</li> <li>• Việc này giúp trẻ có cơ hội tiếp nhận nhiều thông tin và tích lũy nhiều kiến thức hơn.</li> </ul>

**Question 11**

With the increasing use of mobile phones and computers, fewer people tend to write letters. Some people even think the skill of writing letters will disappear completely. To what extent do you agree or disagree? How important do you think letter writing is?



## Bài mẫu tham khảo

Now people can communicate with anyone in the world with a click of a mouse or a call on a mobile phone. So someone is worried that letter writing might disappear completely one day.

It is undeniable that, in terms of speed, computers and mobile phones surely beat the traditional ways of communication, such as letter writing. Obviously, the information travels much faster by mobile phone conversation or email than sitting down, writing the letter, mailing it and waiting on a response. Today people do not always have the time to put pen to paper, and sometimes immediate contact with someone is needed in many cases. Therefore, to many people, writing letters is not the first choice of communication any more.

However, in spite of all this, there are certain occasions when letters are still the number one choice. Wedding invitations always seem more formal and sincere if hand-written; holiday cards with ink will often delight us more; and a carefully written love letter may intrigue or move our beloved one more easily. So letter writing is still necessary even in this Internet era and sometimes unique with its physical being as against other virtual forms of communication. Clearly, there is still a place for the hand-written letter and there is no evidence that this place will be taken by technology in the future.

Overall, I believe different ways of communication suit different situations, and none of them is going to disappear. So the skill of writing letters would exist as long as human civilisation does.

## Đề bài liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận vấn đề: việc sử dụng phổ biến điện thoại di động và máy tính sẽ khiến kỹ năng viết thư biến mất hoàn toàn, đề bài liên quan bàn về những tác động của công nghệ đối với các kỹ năng và lối sống truyền thống.

### Question 11.1

When a country develops its technology, the traditional skills and ways of life will die out. It is pointless to try and keep them alive. To what extent do you agree or disagree with this opinion? (IELTS 3, TEST 2)

## Gợi ý

### Yêu cầu của đề

Có quan điểm cho rằng khi một đất nước phát triển về công nghệ thì những kỹ năng và lối sống truyền thống sẽ biến mất, bảo tồn chúng là việc vô ích. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này.



Lý do ủng hộ  
quan điểm được  
nêu ở đề bài

Lý do phản đối  
quan điểm được  
nêu ở đề bài

- Kỹ năng và lối sống truyền thống có lẽ không *phù hợp / bắt kịp sự phát triển của xã hội* (suit/catch up with the social development). Ví dụ trước kia, người ta đi mua sắm ở các khu thương mại hay *chợ luôn đông đúc khách hàng* (open market filled with customers) thì hiện giờ, cùng với sự phát triển của các trang mạng thương mại điện tử, người ta mua sắm qua mạng. Một ví dụ khác là ngày nay, thư viết tay không còn tiện lợi và không được gửi đi nhanh chóng như tin nhắn điện thoại hay email, do đó lượng người viết thư tay ngày càng ít đi.
- Không phải tất cả các kỹ năng và lối sống truyền thống đều sẽ biến mất, chúng vẫn rất cần thiết trong một số tình huống, ví dụ kỹ năng viết thư tay (bạn có thể sử dụng các ý trong bài viết mẫu của Q11).

### Question 12

Space research is a waste of money. The government should spend money on improving conditions of people living on earth. To what extent do you agree or disagree?

### Bài mẫu tham khảo

The funding of space exploration was, and still is, a source of constant debate.

Some people claim that the huge amount of money spent on space research should have been used to make lives better on earth. They might be wondering what the point of studying the universe is when there seems to be an endless litany of problems in our daily lives, such as poverty and famine. Although their concerns need to be acknowledged and understood, I think they are perhaps oversimplifying the situation here; instead, we need to look beyond financial measurements on this issue.

One of the keenest arguments for continuing space research is that it has allowed us to make so many technological advances which have shaped everyday life in the modern world. For example, a multitude of man-made satellites orbiting the earth have offered us a great range of information and functions that are transcending all previous barriers to communication and limits to knowledge. As a result, now we have accurate real-time weather forecast to suggest how we should dress and what activities to plan for the next day; television pictures and radio signals can be achieved 24 hours a day in many places; GPS can unerringly guide us to our destinations; mobile phones connect us without heed of geographical boundaries. Therefore, as a matter of fact, we owe much that we have taken for granted in our daily lives to space research.

www.nhantriviet.com

More importantly, furthering our understanding of how the universe came into being and ultimately how we ourselves came to exist is another huge endeavour that space research contributes to, because the capability to look back on reality's history means the possibility of looking forward into the future. Obviously, this cannot be measured solely in terms of money.

So personally, I firmly believe that the necessity and significance of exploring outer space is and will always be irreplaceable.

### Đề bài liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận vấn đề: chính phủ nên tài trợ cho các nghiên cứu không gian hay nên dùng tiền vào việc nâng cao mức sống của người dân. Dưới đây là đề bài liên quan:

#### Question 12.1

Should government money be spent on space research or on the Earth? (*March 2003*)

Đề này tương tự Q12 nên bạn hãy tham khảo bài viết mẫu trên.

#### Question 13

Some people think that scientific research should be controlled and carried out by the government rather than private companies. To what extent do you agree or disagree?

### Bài mẫu tham khảo

Countries are making great strides in scientific research today, but the optimal structure for it, that is, whether it should be controlled and carried out by the government, is still a debate among many.

Some people claim that it is important for the government to control scientific research. They point out that many researches are in the national interest and involve highly classified information, such as research into nuclear technology and military development, so of course they should only be carried out by the government. Also, sometimes scientific research is designed and conducted purely for the advancement of knowledge or the study of theories, which means results cannot be guaranteed, and there is little incentive for the private sector to invest in these areas; therefore, governments need to take a leading role in such kind of research.

Others, however, argue that there are reasons for private companies to participate in scientific research. They believe that research conducted in corporate labs is more closely aligned with market needs — research into medicine and cosmetics, for example, which is

not always a governmental priority. Besides, private-owned institutes have certain advantages in financing scientific research and their profit motive tends to result in a more efficient allocation of resources. Thus, obviously, it is necessary for the private sector to invest in this area.

Overall, I think that both the government and the private sector should be actively involved in scientific research and more encouragement should be given to the cooperation and coordination between different research institutes including state-owned research organisations, universities and corporate labs to accelerate the development of technology so as to benefit human life on a larger scale.

Đề này có sự tiếp nối đề Q12, yêu cầu thảo luận về việc thực hiện và giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học.

#### Question 14

Some people think that good health is important to everyone, so medical services should not be run by profit-making companies. Do the disadvantages of private health care outweigh the advantages?

### Bài mẫu tham khảo

A great deal of debate has been raised in recent decades over the issue of “two-tier” health care. That is, while the public system is struggling, there is a dispute going on over whether or not the usage of private hospitals should be promoted.

People who oppose a two-tier system say that it may result in one system that is far better than the other, attracting the best doctors and the best equipment, and that those who cannot afford private or do not wish to pay will only be able to obtain second-rate health care. But it is very hard to imagine why people should be denied more choices in medical service when the only governmental challenge is to make sure that no citizen is deprived of appropriate medical care because of financial need.

As a matter of fact, a private health care system grants freedom to choose the medical service suitable for different patients and promises increased efficiency at low prices due to competition and specialised institutions. Many people today are choosing private medical service to gain the reassurance of knowing that treatment is available promptly in the event of illness or injury. Also, more people are willing to turn to some private hospitals because stiff competition drives them to keep offering better services with lower costs.

Another thing that cannot be ignored is that privatised medical system tends to promote innovations in medical science. Compared to the public sector, profit-making companies have more sources of capital and larger tolerance for risks. So while the government is



having a hard time guaranteeing the basic demands for health care, private-owned companies play an important part in the research and development of advanced treatment and new drugs.

So overall, I believe that the advantages of private health care far outweigh any disadvantages and that private, profit-making companies should be encouraged to enter the health care market to compete with the public sector.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này bàn về vấn đề: dịch vụ y tế nên được cung cấp bởi chính phủ/các đơn vị công hay các đơn vị tư nhân. Sau đây là các đề liên quan:

#### Question 14.1

Some people say that governments should pay for public health care and education, while others say that it is not governments' responsibility. Please discuss both views and give your own opinion. (ngày 20 tháng 1 năm 2007)

Đề này yêu cầu thảo luận vấn đề: chăm sóc y tế và giáo dục có phải là trách nhiệm của chính phủ hay không. Do đề này rất thường xuất hiện nên chúng tôi sẽ trình bày riêng (xem Q15).

#### Question 14.2

To what extent should the government provide services such as defence, infrastructure, and health, and to what extent should these services be provided by private companies and individuals? (trước năm 2003)

### Gợi ý

Đề này yêu cầu thảo luận về *các dịch vụ* (services) được cung cấp bởi khu vực công (public) và khu vực tư (private), nhưng các dịch vụ không chỉ giới hạn ở *giáo dục* (education) và *y tế* (health) mà được mở rộng: *quốc phòng/an ninh* (national defence/security), *cơ sở hạ tầng* (infrastructure).

#### Yêu cầu của đề

Hãy cho biết chính phủ nên cung cấp các dịch vụ như quốc phòng, cơ sở hạ tầng, y tế ở mức độ nào và các công ty tư nhân, cá nhân nên cung cấp những dịch vụ này ở mức độ nào.

#### Các ý tham khảo

Bạn có thể sử dụng các ý trong bài viết mẫu của Q14:

- Chính phủ nên cung cấp những dịch vụ này vì chúng rất quan trọng. Nhưng điều đó không có nghĩa là chính phủ gánh hết mọi chi phí, bởi

với *ngân sách có hạn* (limited budget), nếu làm như thế thì chính phủ phải *tăng mức thuế* (increase the tax rates).

- Cho phép các đơn vị tư nhân tham gia cung cấp những dịch vụ này không hẳn là điều bất lợi.

### Question 15

Some people say that governments should pay for public health care and education, while others say that it is not governments' responsibility. Please discuss both views and give your own opinion.

### Bài mẫu tham khảo

How to finance the increasing costs of health care and education has become a major concern to many. While some insist that they should be provided by governments for free, others think otherwise, holding that it is not the responsibility of the government. Generally, I believe that the government should cover some part of the bills at least.

A sound health care system and quality education for its citizens are fundamental and essential to the well-being of a country, so they should be among the top priorities of a government's agenda, along with other issues such as sovereignty and national security. That is to say that the government has the responsibility to take care of its people in terms of their health and education.

It is also true that the budget of the government is not unlimited, and there are simply too many issues that need to be dealt with and paid for. It is imaginable that taxes will definitely be raised if all the costs of public health care and education are paid by the government. This is especially true in some developing countries with huge populations. Obviously, too much taxation imposed on individuals is not justified.

Therefore, I think a good way to take care of this issue is that part of the health care cost and education fees are covered by the government, especially for those economically disadvantaged people and families. At the same time, quality private health care and education systems should be encouraged and monitored by some legislation and authorities to make sure that most kinds of medical and educational demands are met while the government's finite budget will not be exhausted.

To conclude, the government has an indispensable role to play in developing a healthy and educated society, but the financial burden on its shoulder should not be neglected.



**Các đề liên quan trong kho đề**

Đề này yêu cầu thảo luận vấn đề: chính phủ có nên chi trả các chi phí y tế và giáo dục của người dân hay không; các đề liên quan bàn về vấn đề sức khỏe cộng đồng, lĩnh vực y tế, giáo dục, yêu cầu cho biết chính phủ nên dùng tiền vào việc gì và dùng như thế nào.

**Question 15.1**

"Prevention is better than cure." Out of a country's health budget, a large proportion should be diverted from treatment to spending on health education and preventative measures. To what extent do you agree or disagree with this statement? (IELTS 2, TEST 2)

**Gợi ý**

<b>Yêu cầu của đề</b>	Có quan điểm cho rằng "phòng bệnh hơn chữa bệnh", phần lớn ngân sách y tế của một nước nên được chuyển từ việc điều trị bệnh sang giáo dục sức khỏe và các biện pháp dự phòng. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này.
<b>Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• <i>Ngân sách y tế</i> của một nước có hạn (limited health budget) nên cần được <i>ưu tiên</i> (should be prioritised). Giáo dục về sức khỏe và phòng bệnh thật sự là việc rất quan trọng. Chẳng hạn, các bệnh như HIV/AIDS, <i>sốt rét</i> (malaria), <i>ung thư phổi</i> (lung cancer)... có liên quan mật thiết với thói quen hàng ngày của con người; nếu để mắc bệnh thì việc điều trị sẽ tốn kém hơn và hiệu quả không cao.</li></ul>
<b>Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Phương pháp điều trị bệnh và khoa học-kỹ thuật rất quan trọng. Nếu không có sự cải tiến về phương pháp điều trị cũng như sự tiến bộ về khoa học-kỹ thuật thì có thể bác sĩ sẽ không cứu được bệnh nhân, chẳng hạn những bệnh nhân mắc bệnh ung thư, HIV/AIDS. Việc cải tiến phương pháp điều trị và tạo bước đột phá trong khoa học-kỹ thuật đòi hỏi phải đầu tư nhiều tiền, vì vậy chính phủ <i>phải gánh vác trách nhiệm này</i> (should shoulder this responsibility).</li><li>• Giải pháp tốt hơn là chính phủ nên đầu tư thêm tiền vào lĩnh vực y tế, có thể khuyến khích các đơn vị tư nhân tham gia (bạn có thể tham khảo các ý trong bài viết mẫu của Q14 và Q15).</li></ul>

**Question 15.2**

Some people think it is more important for the government to spend public money on promoting a healthy lifestyle in order to prevent illness than to spend it on the treatment of people who are already ill. To what extent do you agree or disagree? (Agar, 21 tháng 3 năm 2009)



Cách đặt vấn đề của đề này giống Q15.1, bạn có thể sử dụng các ý trong dàn bài của Q15.1.

### Question 15.3

Some people believe that the government should increase the number of sports facilities to improve public health, while others believe this has little effect and we need other measures to improve it. Discuss and give your own opinion. (ngày 28 tháng 2 năm 2009)

#### Gợi ý

<b>Yêu cầu của đề</b>	Một số người cho rằng chính phủ nên tăng cường số lượng thiết bị thể thao để cải thiện sức khỏe cộng đồng. Một số người khác cho rằng điều này có tác động không đáng kể và chúng ta cần những biện pháp khác. Hãy thảo luận hai quan điểm này và cho biết ý kiến của bạn.
<b>Lý do ủng hộ quan điểm thứ nhất</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khi được cung cấp các thiết bị thể thao, người dân dù thuộc giới tính, độ tuổi nào cũng có thể tìm được môn thể thao yêu thích – điều này có ích cho họ.</li> </ul>
<b>Lý do ủng hộ quan điểm thứ hai</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ngày nay, ở các khu dân cư cũng có các thiết bị thể thao nhưng nhiều người vẫn không sử dụng để tập thể dục. Vì vậy, vấn đề không nằm ở chỗ thiếu thiết bị, không đơn giản là việc chính phủ tăng cường thiết bị thể thao.</li> <li>• Chính phủ nên khuyến khích người dân có lối sống lành mạnh hơn, ví dụ sử dụng ít dầu ăn, muối và đường, hạn chế ăn các loại thức ăn nhanh, thường xuyên sử dụng phương tiện giao thông công cộng...; những việc này rất quan trọng đối với sức khỏe.</li> </ul>

### Question 15.4

Scientists say we eat too much junk food and that it is harmful to our health. Some people believe the solution to this problem lies with education, but others argue education is useless. Discuss both views and give your opinion. (ngày 11 tháng 12 năm 2010)

#### Gợi ý

Đề này cũng liên quan đến vấn đề *sức khỏe cộng đồng* (public health), cụ thể là *thức ăn nhanh* (junk food) và ảnh hưởng bất lợi của nó; nội dung cần thảo luận là giáo dục có mang lại hiệu quả trong việc giải quyết vấn đề này hay không. Hãy tham khảo bài viết mẫu của Q15.4 ở phần phụ lục.

Yêu cầu của đề	Các nhà khoa học chỉ ra rằng chúng ta ăn quá nhiều thức ăn nhanh và điều đó có hại cho sức khỏe. Một số người cho rằng giải pháp cho vấn đề này nằm ở việc giáo dục. Một số người khác lại cho rằng giáo dục cũng chẳng có ích lợi gì. Hãy thảo luận hai quan điểm này và cho biết ý kiến của bạn.
Lý do ủng hộ quan điểm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giáo dục cũng mang lại lợi ích ở mức độ nhất định. <i>Các chiến dịch vì sức khỏe cộng đồng</i> (public health campaigns) được phát sóng trên tivi sẽ giúp mọi người nhận thức được tác hại của <i>thức ăn nhanh</i> (junk food), ví dụ nó gây ra <i>béo phì</i> (obesity), <i>các vấn đề về tim</i> (heart problems)...</li> <li>Để giải quyết vấn đề này, chúng ta cần kết hợp các biện pháp khác nhau.</li> </ul>
Lý do ủng hộ quan điểm thứ hai	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khi nấu ăn, nên hạn chế dùng dầu ăn, muối, đường.</li> <li>Đánh thuế cao các cửa hàng thức ăn nhanh (ví dụ McDonald's), như vậy giá của thức ăn nhanh sẽ tăng lên và mọi người có thể sẽ hạn chế dùng loại thức ăn này.</li> </ul>

### Question 16

Some people believe that air travel should be restricted because it causes serious pollution and uses up the world's fuel resources. To what extent do you agree or disagree?

### Bài mẫu tham khảo

Aeroplanes are becoming the top choice of transportation for more and more people, as they are by far the fastest way to travel between cities and countries. While some people claim air travel should be limited because of its massive emissions of carbon dioxide and relatively high fuel consumption, I personally think that they are oversimplifying the situation.

Admittedly, air travel produces greenhouse gases and is fuel-consuming, but one fact that needs to be highlighted is that the main source of the world's emissions is private cars rather than aeroplanes. Further, alternative energy sources are being explored and some have already come into being. It is imaginable that in the near future planes will be powered by cleaner energy. Besides, industrial pollution is still the number one source of pollution, so it is unfair and unreasonable to blame all these on air travel or even put restrictions on it.

Rather, air travel plays an irreplaceable role in our daily lives and world economy. The most obvious merit of travelling by air is its speed, which means geographical limitations are not a problem any more. Every hour of every day, millions of business and leisure travellers alike are taking advantage of aeronautical technology to hurtle safely through



the air in a metal tube. People are therefore granted the chance to be able to attend a meeting in a different city or visit an old friend living far away and make it home the very next day or even the same day if needs be. Thus, the convenience and efficiency of life has been improved dramatically, and we are actually leading a lifestyle that used to be completely impossible. On a larger scale, the system of air travel, more importantly, supports the global economy by connecting business across the world. Companies today have many offices overseas; countries import and export goods between each other on a daily basis. Without aeroplanes, none of this would be easy, or perhaps even exist.

So overall, I am optimistic about the future of air travel and firmly believe that, as one of the most important parts of the world's transportation infrastructure, it should be invested in and developed even more.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận vấn đề: có nên hạn chế *việc đi lại bằng máy bay* (air travel) hay không, các đề liên quan bàn về *việc đi lại và phương tiện giao thông* (travel and modes of transport) cùng các vấn đề phát sinh. Phương tiện giao thông gồm có máy bay, xe hơi và phương tiện giao thông công cộng, còn các vấn đề phát sinh chủ yếu là vấn đề ô nhiễm môi trường, hao tổn nhiên liệu và tắc nghẽn giao thông.

#### Question 16.1

Air transport is increasingly used to export types of fruit and vegetables to countries where those plants cannot grow or are out of season. Some say it is a good thing, but others think this use of air transport cannot be justified. Discuss both views and give your own opinion. (trước năm 2003)

### Gợi ý

Đề này yêu cầu thảo luận về lợi ích và mặt bất lợi của việc chuyên chở *rau quả* (fruit and vegetables) bằng máy bay. Khi trình bày ý kiến, bạn hãy kết hợp ưu, nhược điểm của việc chuyên chở bằng máy bay với ưu, nhược điểm của việc nhập khẩu rau quả.

Yêu cầu của đề	Một số người cho rằng chuyên chở rau quả bằng máy bay là hợp lý. Một số người khác cho rằng điều đó không hợp lý. Hãy thảo luận hai quan điểm này và cho biết ý kiến của bạn (dàn bài này ủng hộ quan điểm thứ nhất).
Lý do ủng hộ quan điểm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng máy bay vừa giúp chúng ta vận chuyển sản phẩm nhanh chóng vừa <i>giữ cho nông sản được tươi</i> (keep the produce fresh).</li> <li>Người tiêu dùng có thể <i>có nhiều hàng để chọn lựa</i> (the variety of food choice).</li> </ul>



Lý do phản đối quan điểm thứ nhất (thể hiện sự nhượng bộ)

- Chuyên chở bằng máy bay có thể khiến giá rau quả tăng cao (thực tế không hẳn như vậy, việc vận chuyển hàng hóa bằng máy bay cỡ lớn không tốn kém lắm).
- Chuyên chở bằng máy bay có thể làm gia tăng tình trạng ô nhiễm môi trường (nên hạn chế chuyên chở bằng máy bay đối với những mặt hàng *không cần thiết* (non-essential), rau quả là mặt hàng *cần thiết* (essential) nên chúng ta có thể chuyên chở bằng máy bay).

### Question 16.2

In some countries, it is possible to have a wide variety of foods transported from all over the world. To what extent do you think the benefits of this development outweigh the drawbacks? (ngày 23 tháng 2 năm 2008)

#### Gợi ý

Đề này có sự mở rộng so với đề Q16 và Q16.1, yêu cầu thảo luận về lợi ích và mặt bất lợi của việc vận chuyển thực phẩm hay mua bán thực phẩm trên phạm vi toàn cầu.

Yêu cầu của đề	Ở một số quốc gia, người dân có thể thưởng thức đa dạng các loại thực phẩm được nhập từ các nước trên thế giới. Hãy cho biết lợi ích của sự phát triển này có vượt trội hơn những mặt bất lợi không.
Các ý tham khảo	Về cơ bản, bạn có thể sử dụng các ý trong dàn bài của Q16.1. Hãy chỉ ra lợi ích, mặt bất lợi của phương tiện vận chuyển trong việc chuyên chở thực phẩm. Để làm rõ quan điểm của mình, bạn có thể nêu ví dụ về việc chuyên chở rau quả bằng máy bay.

### Question 16.3

Unlimited car use has brought us a lot of problems. What are these problems? And should we discourage people from using cars? (ngày 8 tháng 9 năm 2007)

#### Gợi ý

Yêu cầu của đề	Việc dùng xe hơi không hạn chế gây ra rất nhiều vấn đề. Hãy cho biết đó là những vấn đề gì và chúng ta có nên khuyến khích mọi người hạn chế dùng xe hơi hay không.
----------------	---

Vấn đề	<p>Những vấn đề nảy sinh do dùng xe hơi một cách tự do:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Áp lực đối với môi trường (ví dụ: <i>khí thải từ xe hơi</i> (car emissions) gây ô nhiễm môi trường)</li> <li>• <i>Tắc nghẽn giao thông ở các thành phố lớn hoặc thậm chí ở nông thôn</i> (traffic jams/congestions in big cities or even in the countryside)</li> <li>• <i>Khủng hoảng năng lượng</i> (energy crisis)</li> </ul>
Nên hạn chế dùng xe hơi	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trình bày quan điểm của bạn: nên hạn chế sử dụng xe hơi, sau đó nêu ví dụ (xem bài viết mẫu của Q16.3 ở phần phụ lục).</li> </ul>

## Question 16.4

The long-distance flight consumes more fuel than a car consumes in several years, and causes the same amount of pollution as cars. So some people think we should abandon non-essential flights (such as for tourism), and that this would be more efficient than restricting car use. What is your opinion? (ngày 5 tháng 4 năm 2008)

## Gợi ý

Yêu cầu của đề	<p>Một chuyến bay đường dài tiêu thụ nhiều nhiên liệu hơn một chiếc xe hơi tiêu thụ trong nhiều năm và gây ô nhiễm bằng mức xe hơi gây ô nhiễm. Vì vậy, một số người cho rằng nên hủy các chuyến bay không cần thiết, điều này sẽ có hiệu quả hơn việc hạn chế sử dụng xe hơi (xét về phương diện bảo vệ môi trường và tiết kiệm nhiên liệu/nguồn năng lượng). Cho biết ý kiến của bạn về vấn đề này.</p>
Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chuyến bay đường dài có vẻ tiêu thụ rất nhiều nhiên liệu nhưng trên thực tế, lượng nhiên liệu tiêu thụ tính theo bình quân đầu người lại không cao. Ví dụ, một cuộc điều tra của EU cho thấy với chuyến bay A380 bán đủ vé, <i>lượng nhiên liệu tiêu thụ mỗi dặm cho một người</i> (fuel consumption per person per mile) còn ít hơn lượng nhiên liệu được sử dụng để chạy xe hơi trong thành phố.</li> <li>• Chuyến bay đường dài có ưu thế riêng nên <i>không thể thay thế được</i> (there is no substitute) (bạn có thể kết hợp ý này với các ý trong bài viết mẫu của Q16).</li> <li>• Chuyến bay đường dài gây ô nhiễm môi trường nhưng với mức độ ít hơn mức xe hơi gây ra. Người ta đang xem xét cách giải quyết vấn đề này qua việc nghiên cứu và khai thác <i>năng lượng mới/năng lượng thay thế</i> (new energy/alternative energy).</li> </ul>



**Question 16.5**

Cheap air travel is welcomed because some people think it will give ordinary people more freedom to travel by air. However, others suggest that air travel should be more expensive in order to discourage people from travelling by air, as it will cause environmental problems. Discuss both views and give your opinion. (ngày 14 tháng 6 năm 2008)

**Gợi ý****Yêu cầu của đề**

Một số người ủng hộ việc áp dụng mức giá rẻ cho hành khách đi lại bằng máy bay. Một số người cho rằng nên bán vé máy bay với giá đắt hơn để khuyến khích mọi người hạn chế đi lại bằng máy bay. Hãy thảo luận hai quan điểm vừa nêu và cho biết ý kiến của bạn (dàn bài này ủng hộ quan điểm thứ nhất).

**Lợi ích của việc đi lại bằng máy bay với giá rẻ**

Bạn có thể sử dụng các ý trong bài viết mẫu của Q16 để trình bày về ưu điểm của việc đi lại bằng máy bay với giá rẻ:

- Đi lại nhanh chóng, thuận tiện.
- Giá vé rẻ nên càng có nhiều người chọn máy bay làm phương tiện đi lại và hưởng những lợi ích từ việc này.
- Giá vé rẻ thì càng có nhiều người đi lại bằng máy bay nên sẽ càng có nhiều *chuyến bay* (flights). Điều này càng gây ô nhiễm môi trường và gây áp lực đối với nguồn năng lượng (bạn có thể tham khảo các ý trong bài viết mẫu của Q16, các ý trong dàn bài của Q16.4). Tuy nhiên, chúng ta có thể giải quyết vấn đề này bằng cách khai thác nguồn năng lượng thay thế hay phát triển nguồn năng lượng mới.

**Mặt bất lợi của việc đi lại bằng máy bay với giá rẻ (thể hiện sự nhượng bộ)****Question 17**

Increasing the price of petrol is the best way to solve growing traffic and pollution problems. To what extent do you agree or disagree? What other measures do you think might be effective?

**Bài mẫu tham khảo**

There is no doubt that traffic and pollution from vehicles have become huge problems, both in cities and on motorways everywhere. Solving these problems is likely to need more than a simple rise in the price of petrol.



While it is undeniable that private car use is one of the main causes of the increase in traffic and pollution, higher fuel costs are unlikely to limit the number of drivers for long. As this policy would also affect the cost of public transport, it would be very unpopular with everyone who needs to travel on the roads. But there are various other measures that could be implemented that would have a huge effect on these problems.

I think to tackle the problem of pollution, cleaner fuels need to be developed. The technology is already available to produce electric cars that would be both quieter and cleaner to use. Persuading manufacturers and travellers to adopt this new technology would be a more effective strategy for improving air quality, especially in cities.

However, traffic congestion will not be solved by changing the type of private vehicle people can use. To do this, we need to improve the choice of public transport services available to travellers. For example, if sufficient sky trains and underground train systems were built and effectively maintained in our major cities, then traffic on the roads would be dramatically reduced. Long-distance train and coach services should be made attractive and affordable alternatives to driving our own car for long journeys.

In conclusion, I think that long-term traffic and pollution reductions would depend on educating the public to use public transport more and on governments using public money to construct and run efficient systems.

### Đề bài liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận xem việc tăng giá xăng có phải là cách tốt nhất để giải quyết vấn đề giao thông và ô nhiễm vốn ngày càng nghiêm trọng hay không, đề bài liên quan (chính là đề Q16.3) bàn về việc có nên hạn chế sử dụng xe hơi hay không. Vì đề bài liên quan có mối liên hệ chặt chẽ với Q16 nên bạn hãy kết hợp hai đề Q16 và Q17 khi ôn tập.

#### Question 17.1

Unlimited car use has brought us a lot of problems. What are these problems? And should we discourage people from using cars? (ngày 8 tháng 9 năm 2007)

Bạn cần nhận ra mối liên hệ giữa các đề: câu trả lời cho câu hỏi *what are these problems?* ở đề này chính là cụm từ *traffic and pollution problems* (đã được nhắc đến ở Q17). Khi các đề có nhiều mối liên hệ thì bạn có thể sử dụng ý của đề này để trả lời cho câu hỏi của đề kia.

**Question 18**

Some people think that individuals can do nothing to improve the environment, and only the government and big companies can make a difference. To what extent do you agree or disagree?

**Bài mẫu tham khảo**

Environmental issues have long been a concern for many, and today, no one would deny the importance of protecting the environment. As for how to achieve this end, I think it calls for collective actions from individuals, big companies and the government.

It is true that some environmental problems people are facing today may seem too big for individuals to address alone, such as climate change, the energy crisis and so on. Consequently, many people have the misconception that only the government and large companies have the authority, funds and manpower to solve them. Unfortunately, such an attitude is merely something that stems from ignorance or illusions of inadequacy.

The fact is that without individual efforts, any rules and regulations or large projects designed to improve the environment will without a doubt end in failure. So individuals' participation is necessary and actually irreplaceable along with the actions taken by the government and big companies.

More importantly, all the seemingly little things people do in daily lives can, when added up, make a huge difference in contributing to solutions, for example, recycling household waste, reducing energy consumption such as water and electricity and taking more public transport rather than driving around in private cars. Obviously, if more individuals start to make a change in their daily lives, a brand new environmental status quo might come into existence.

In conclusion, I believe it is a comprehensive task to tackle the environmental problems, which needs the coordination and cooperation of individuals, enterprises and the government, even at an international level. But if one thing is certain, it is that any efforts would be less effective without individuals' involvement.

**Đề bài liên quan trong kho đề**

Đề này yêu cầu thảo luận về vai trò của *cá nhân* (individuals) và *tổ chức* (organisations) (tổ chức có thể là chính phủ, doanh nghiệp, các tổ chức khác) trong việc bảo vệ môi trường, đề bài liên quan cũng bàn về vấn đề bảo vệ môi trường nhưng được nâng lên tầm quốc tế.

## Question 18.1

Environmental problems are too big for individual countries and individual people to address. We have reached the stage where the only way to protect the environment is at an international level. To what extent do you agree or disagree with this statement? (ngày 7 tháng 8 năm 2011)

## Gợi ý

Yêu cầu của đề	<p>Vấn đề môi trường không còn là vấn đề có thể được giải quyết bởi một quốc gia hay cá nhân nào đó mà đòi hỏi phải có sự hợp tác quốc tế. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm vừa nêu ở mức độ nào (dàn bài này ủng hộ quan điểm cho rằng bảo vệ môi trường cần có sự hợp tác của nhiều phía).</p>
Các ý tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sự tham gia tích cực của cá nhân hay một quốc gia nào đó có ý nghĩa rất quan trọng. Ví dụ, nếu Mỹ và Ấn Độ không tham gia <i>cắt giảm khí thải carbon</i> (reduce their carbon emissions) thì thế giới sẽ rất khó giải quyết vấn đề <i>Trái đất nóng lên</i> (global warming).</li> <li>• Nhưng nếu không có sự hợp tác quốc tế thì một số vấn đề về môi trường sẽ khó có thể được giải quyết triệt để. Ví dụ, nỗ lực của một quốc gia không thể ngăn được tình trạng Trái đất nóng lên; việc giải quyết vấn đề này đòi hỏi phải có sự hợp tác giữa các nước như hợp tác về kỹ thuật, vốn, các nước cùng ký kết <i>Nghị định thư Kyoto</i> (Kyoto Protocol), tham gia <i>Hội nghị biến đổi khí hậu Copenhagen</i> (Copenhagen Climate Change Conference)...</li> </ul>

## Question 19

Nowadays we are producing more and more rubbish. Why do you think this is happening? What can governments do to help reduce the amount of rubbish produced?

## Bài mẫu tham khảo

I think it is true that in almost every country today each household and family produces a large amount of waste every week. Most of this rubbish comes from the packaging from the things we buy, such as processed food. But even if we buy fresh food without packaging, we still produce rubbish from the plastic bags used everywhere to carry commodities home.

The reason why we have so much packaging is that we consume so much more on a daily basis than families did in the past. Convenience is also very important in modern life, so we buy packaged or canned food that can be transported from long distances and stored until we need it, first in the supermarket, and then at home.



However, I think the amount of waste product is also a result of our tendency to use something once and throw it away. We forget that even the cheapest plastic bag has used up valuable resources and energy to produce. We also forget that it is a source of pollution and difficult to dispose of.

I think, therefore, that governments need to raise this awareness in the general public. Children can be educated about environmental issues at school, but adults need to take action. Governments can encourage such actions by putting taxes on packaging, such as plastic bags, by providing recycling services and by fining households and shops that do not attempt to recycle their waste.

With the political will, such measures could really reduce the amount of rubbish we produce. Certainly nobody wants to see our resources used up and our planet poisoned by waste.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận về nguyên nhân dẫn đến tình trạng rác thải ngày càng nhiều và đề xuất giải pháp để hạn chế tình trạng này, các đề liên quan bàn về áp lực của lối sống (lifestyle) cá nhân trong xã hội hiện đại đối với môi trường và nguồn tài nguyên. Vấn đề chủ yếu ở đây là *chủ nghĩa tiêu dùng* (consumerism).

#### Question 19.1

Many people say that we have developed into a "throw-away" culture because we are filling up our environment with many plastic bags and with rubbish that we cannot fully dispose of. To what degree do you agree with this opinion and what measures can you recommend to reduce this problem? (ngày 6 tháng 8 năm 2005)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	Nhiều người cho rằng xã hội chúng ta dần hình thành <i>văn hóa "vứt đi"</i> (a "throw-away" culture) bởi vì chúng ta ném ra môi trường đầy các túi nilông và rác thải <i>không thể tiêu hủy được</i> (not be disposed of) hoàn toàn. Hãy cho biết bạn có đồng ý với quan điểm này không và đề xuất giải pháp để hạn chế tình trạng vừa nêu.
Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ngày nay, người thành phố dùng rất nhiều bao bì (bao bì chứa thực phẩm, bao bì bọc bên ngoài trang phục, quà tặng...) rồi vứt đi sau khi sử dụng (bạn có thể tham khảo bài viết mẫu của Q19).</li> </ul>

Giải pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Để thuận tiện trong một số công việc, con người sử dụng rất nhiều túi nhựa và sản phẩm dùng một lần khác, ví dụ <i>đũa dùng một lần</i> (disposable chopsticks), <i>tã giấy</i> (nappies), thậm chí <i>cây thông Giáng sinh</i> (Christmas trees).</li> <li>• Chính phủ nên bắt đầu từ việc giáo dục trẻ em và cần cung cấp dịch vụ thu gom rác hiệu quả hơn (bạn có thể tham khảo bài viết mẫu của Q19).</li> </ul>
-----------	---

### Question 19.2

Now many people are living in a "throw-away" society where they tend to throw away things they have only used for a short time. What do you think are the causes and what problems might it cause? (ngày 1 tháng 12 năm 2011)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	Hãy cho biết đâu là nguyên nhân dẫn đến xã hội "vứt đi" ngày nay và điều này gây ra những vấn đề gì.
Nguyên nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Người ta sử dụng <i>thực phẩm đóng hộp</i> (packaged/canned food), <i>các sản phẩm dùng một lần</i> (disposable products) vì chúng tiện lợi cho sinh hoạt hàng ngày (bạn có thể tham khảo bài viết mẫu của Q19 và dàn bài của Q19.1).</li> </ul>
Vấn đề	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Văn hóa "vứt đi" dẫn đến việc sử dụng lãng phí nguồn tài nguyên (tham khảo bài viết mẫu của Q19).</li> <li>• Điều này còn gây ô nhiễm môi trường vì các sản phẩm dùng một lần <i>rất khó tiêu hủy</i> (difficult to dispose of). Ví dụ, các <i>bãi rác</i> (landfill) chất đầy túi nilông có thể làm ô nhiễm đất đai và nguồn nước, nếu tiêu hủy chúng thì không khí sẽ bị ô nhiễm.</li> </ul>

### Question 19.3

Nowadays, people always throw old things away when they buy new things, but some people claim that the broken things should be repaired and used again. What factors cause the throw-away phenomenon? What effects does this phenomenon have? (ngày 6 tháng 12 năm 2012)



## Gợi ý

Yêu cầu của đề	Ngày nay, người ta luôn vứt đồ cũ đi khi mua đồ mới, nhưng một số người cho rằng nên sửa các vật dụng hư hỏng để dùng lại. Hãy cho biết đâu là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng vừa nêu và nó có những ảnh hưởng gì.
Nguyên nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các sản phẩm dùng một lần rất <i>tiện lợi</i> (convenient/comfortable), <i>hiệu quả</i> (efficient), giúp con người <i>tiết kiệm thời gian</i> (time-saving), ví dụ, <i>đũa dùng một lần</i> (disposable chopsticks), túi nilông... (bạn có thể tham khảo bài viết mẫu của Q19, dàn bài của Q19.1, Q19.2).</li> <li>• <i>Sản xuất hàng loạt</i> (mass production) khiến hàng hóa có giá rất rẻ.</li> </ul>
Ảnh hưởng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hiện tượng nói trên tạo ra áp lực đối với môi trường và nguồn tài nguyên (bạn có thể tham khảo dàn bài của Q19.2).</li> </ul>

## Question 20

It has been suggested that everyone in the world wants to own a car, a TV and a fridge. Do you think the disadvantages of such a development outweigh the advantages?

## Bài mẫu tham khảo

In this essay, I shall look at some of the advantages and disadvantages of people all over the world having consumer goods such as cars, TVs and refrigerators.

First of all, it seems clear that the majority of people in the world would like to have certain consumer goods that almost all people in the economically developed Western world already have. We can find this in countries like Thailand and India where people are working to develop economies to make this happen. However, there are some people, even in the developed world, who do not want these things.

The main advantage, in my opinion, of people having these things if they want them is that it will hopefully make their lives better through travel, the provision of information and the ability to store food better. Through buying these things, they will also stimulate the economy and provide employment opportunities for people. This, in turn, should raise living standards.

The main disadvantage, as far as I can see, is that providing these goods for the whole population of the world, which is growing every day, is likely to have great negative environmental effects. More materials will be required to make the goods. More energy will be required to operate them. History shows us that competition for materials and energy between countries is a major cause of conflict.



In conclusion, I think that if we are to provide these goods for all the people in the world who want them, we will need to consider how the resources of the world are to be properly managed. I think that the aim is a good one, but achieving it will be difficult.

### Đề bài liên quan trong kho đề

Đề này là sự tiếp nối của Q19, yêu cầu thảo luận về việc mọi người đều muốn sở hữu *hàng tiêu dùng* (consumer goods) trong cuộc sống hiện đại và ảnh hưởng của việc đó – nói cách khác là bàn về *lối sống* (lifestyle) của con người trong xã hội hiện đại cùng những tác động của *chủ nghĩa tiêu dùng* (consumerism). Sau đây là đề bài liên quan.

#### Question 20.1

Development in technology causes environmental problems. Some people think the solution to these problems is that everyone accepts a simpler way of life, while others say that technology can solve these problems. Discuss both views and give your opinion. (ngày 12 tháng 2 năm 2009)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	Phát triển trong công nghệ gây ra nhiều vấn đề về môi trường. Một số người nghĩ rằng giải pháp cho những vấn đề này là mọi người chấp nhận lối sống đơn giản hơn. Một số người khác cho rằng công nghệ có thể giải quyết được những vấn đề đó. Hãy thảo luận cả hai quan điểm vừa nêu và cho biết ý kiến của bạn (dàn bài này ủng hộ quan điểm thứ nhất).
Lý do ủng hộ lối sống đơn giản hơn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mỗi người trên thế giới đều muốn sở hữu xe hơi, tivi và tủ lạnh (everyone in the world wants to own a car, a TV and a fridge) – nói cách khác là sở hữu nhiều <i>hàng tiêu dùng</i> (consumer goods). Điều này gây ra rất nhiều vấn đề (bạn có thể tham khảo bài viết mẫu của Q20). Chỉ khi con người hạn chế nhu cầu của mình thì các vấn đề đó mới được giải quyết triệt để.</li> <li>Ngày nay, xã hội dần hình thành <i>văn hóa "vứt đi"</i> (develop into a throw-away culture), vì sự tiện lợi mà sử dụng các sản phẩm dùng một lần, vứt bỏ rất nhiều thứ dùng chưa được bao lâu, tạo ra quá nhiều rác. Nếu con người giảm bớt nhu cầu của mình thì các vấn đề này mới được giải quyết (bạn có thể tham khảo bài viết mẫu của Q19 và dàn bài của Q19.1, Q19.2, Q19.3).</li> </ul>

Vai trò của công nghệ (thể hiện sự nhượng bộ)

- Dĩ nhiên, con người cũng cần đến sự phát triển của công nghệ, ví dụ xe hơi sử dụng nguồn năng lượng mới có thể sẽ không gây ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, nếu con người không biết hạn chế nhu cầu của mình thì sự tiến bộ mới do công nghệ mang lại cũng sẽ gây ra nhiều vấn đề mới. *Trái đất có thể phục vụ nhu cầu của chúng ta nhưng không thể thỏa mãn sự tham lam của chúng ta* (the earth can satisfy our needs but not our greed).

### Question 21

In many cities, planners have separated schools, homes, shops and offices into specific areas which are widely separated from each other. Do you think the advantages of this policy outweigh the disadvantages for city residents?

### Bài mẫu tham khảo

In this essay, I will look at whether situating schools, homes, shops and offices far away from each other in cities is advantageous or not.

One reason that city planners locate these places away from each other is to create zones which are residential, for business and for industry. To a certain extent, I think this is a good idea. For example, most people would prefer not to live near an industrial area. Also, having shops located in a particular area (such as the centre of a town) has the advantage of allowing people to go to several of them at one time. However, there may be situations where this is not such a good idea. For example, most people would probably like to be relatively near to schools — especially primary schools — so that their children do not face long journeys. In addition, having shops near one's home is very useful if you suddenly need an item such as bread or milk.

Another reason for locating these places far away from each other is so that particular areas (town centres, for instance) do not become overcrowded and have traffic jams during rush hours. Solving this problem is not as easy as positioning shops, offices and homes far from each other. People often do not like to travel far to work. Moreover, if big employers are located near to each other, this is likely to result in traffic jams as people go to and from work.

Overall, I think that such a policy's disadvantages outweigh the advantages. If people have most of the facilities they need nearby, it is likely to make an area more desirable to live in and reduce the amount of time people spend travelling.



### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận về lợi ích và mặt bất lợi của việc quy hoạch thành phố theo các khu vực độc lập. Cách quy hoạch khá phổ biến đó gắn liền với quá trình phát triển của nhiều thành phố, ví dụ, người ta chia thành phố thành các khu vực như khu dành cho khoa học-kỹ thuật, khu dành cho giáo dục, khu nhà ở. Các đề liên quan bàn về những vấn đề phát sinh do sự phát triển của thành phố hay quá trình đô thị hóa trong xã hội hiện đại và yêu cầu đề xuất giải pháp cho những vấn đề này.

#### Question 21.1

Traffic and housing problems in major cities would be solved by moving big companies, factories and their employees to the countryside. Do you agree or disagree? (Hánoc năm 2013)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	Vấn đề giao thông và nhà ở tại các thành phố lớn có thể được giải quyết bằng cách di dời các công ty lớn, nhà máy cùng nhân viên về nông thôn. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này.
Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Đại đa số có xu hướng sống xa trung tâm thành phố (most people tend to live farther out) nhưng lại làm việc ở khu vực này nên đi lại vất vả. Nếu các công ty lớn và nhà máy được di dời ra vùng ngoại ô hay nông thôn thì nhiều người sẽ không phải vào khu vực trung tâm thành phố làm việc mỗi ngày, nhờ đó tình hình giao thông sẽ được cải thiện.</i></li> <li>• Nông thôn rất rộng, chúng ta dễ giải quyết vấn đề nhà ở hơn.</li> </ul>
Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các công ty lớn không muốn di dời vì <i>cơ sở hạ tầng/môi trường xung quanh/sự hỗ trợ (infrastructure/surroundings/support)</i> ở nông thôn không tốt, điều này <i>ảnh hưởng xấu đến việc kinh doanh (negative influence on their business)</i>.</li> <li>• Vấn đề giao thông và nhà ở không phải bắt nguồn từ việc các công ty lớn và nhà máy nằm ở khu vực trung tâm thành phố, vì vậy chúng ta nên dùng các biện pháp khác như hạn chế đi lại, hạn chế mua sắm...</li> </ul>

#### Question 21.2

There are more and more cars in the cities. Pedestrians and cyclists are endangered by the traffic. Gardens and streets give way to car parks and traffic. How do city planners satisfy all people's needs? (Hánoc năm 2003)



## Gợi ý

Yêu cầu của đề	Trong thành phố ngày càng có nhiều xe hơi, điều này đe dọa sự an toàn của người đi bộ và người đi xe hai bánh. Khu vực trồng cây xanh trong công viên và đường phố nhường chỗ cho bãi đỗ xe và việc lưu thông của xe cộ. Hãy cho biết <i>các nhà quy hoạch đô thị</i> (city planners) phải quy hoạch như thế nào để có thể đáp ứng nhu cầu của mọi người.
Phương án quy hoạch	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cải thiện hệ thống giao thông công cộng, đặc biệt là <i>hệ thống tàu điện ngầm</i> (metro system), để thu hút thật nhiều người sử dụng; điều này có thể làm giảm bớt <i>lượng xe hơi cá nhân</i> hay <i>tình trạng tắc nghẽn giao thông</i> (private cars, traffic on the road). Mặt khác, hệ thống giao thông dưới lòng đất sẽ không ảnh hưởng đến khu vực trồng cây xanh trong công viên.</li> <li>• Thiết kế mạng lưới giao thông sao cho khoa học, hợp lý hơn, ví dụ xây <i>đường hầm và cầu vượt</i> (underpasses and overpasses), <i>làn đường dành riêng cho xe máy</i> (special bike freeways/lane).</li> <li>• Xây dựng <i>các gara, bãi đỗ xe nhiều tầng</i> (multi-storey car parks/parking garages) hay <i>khu vực đỗ xe dưới lòng đất</i> (underground parking areas) để tiết kiệm không gian trên mặt đất.</li> </ul>

## Question 22

People receive plenty of information from news reports presented by journalists. However, some people claim that we cannot believe the news that is presented to us. What is your opinion on the issue? What qualities do you think journalists should have?

## Bài mẫu tham khảo

We are living in the age of information where people get the information they want by various means, such as radio, TV and of course the Internet.

Some people claim that it is necessary to consider the source of the information first when deciding whether to believe the news, because certain news organisations today have reputations for not presenting the news objectively, while some others are under the control of the government or certain organisations that seek to manipulate the media.

Some others think that a more important but difficult thing that recipients of information nowadays need to do is to separate facts from opinions, which means the necessity to be critical readers or audiences. This is simply because in an age where various technologies and techniques are available to almost every individual, some news providers might tailor facts with cameras or some computer software to cater for the appetite of more viewers so as to maximise profits, which will mislead the public's opinion and mood.

Journalists, as the main providers of news and information, should be more reasonably objective, disciplined and determined for the core value of their profession and the trust of the general public. They are expected to make more news reports to reflect happenings from all walks of life with as many perspectives as possible so as to remind people of what is going on with their lives and of course to push and monitor governments to handle the newly found problems properly and shortly.

To sum up, generally, I think people should be more careful and critical of the news presented by the media, since a large amount of information we receive today is not objective and impartial enough, and journalists should try harder to live up to the hope of the public.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận vấn đề: tin tức mà nhà báo cung cấp có đáng tin cậy hay không và nhà báo nên có những phẩm chất gì, các đề liên quan bàn về những ảnh hưởng và vai trò của *phương tiện truyền thông đại chúng* (mass media) như báo giấy, tivi, mạng Internet. Phương tiện truyền thông thường khó tách rời *quảng cáo* (advertising). Trong các đề thi IELTS, đây là hai chủ đề lớn có mối liên hệ mật thiết (về đề bài liên quan đến quảng cáo, hãy xem Q23).

#### Question 22.1

It is common that TV news programmes show images of disasters and violence to the public. Discuss the reasons and the effects on individuals and on society. (ngày 15 tháng 12 năm 2007)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	Các chương trình tin tức trên tivi thường đưa những hình ảnh về thảm họa và bạo lực. Hãy cho biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng này cũng như những ảnh hưởng của các chương trình đó đối với cá nhân và xã hội.
Nguyên nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>Những hình ảnh như vậy có thể <i>thu hút nhiều khán giả hơn</i> (attract more audiences), <i>mang đến cho người xem sự tò mò/quan tâm đến điều bất thường</i> (cater for viewers' curiosity/interest in sth unusual).</li> <li>Sự cạnh tranh giữa các đài truyền hình hay các chương trình tin tức khiến <i>các nhà sản xuất</i> (producers/makers) càng muốn tìm kiếm những sự kiện liên quan đến thảm họa và bạo lực (bạn có thể tham khảo bài viết mẫu của Q22).</li> </ul>



## Ảnh hưởng

- Những hình ảnh về thảm họa và bạo lực có thể khiến mọi người càng *bi quan* (pessimistic).
- *Đặc biệt* (in particular), *các cảnh bạo lực* (violent images/scenes) không tốt cho trẻ em.

## Question 22.2

Compare the advantages and disadvantages of three of the following as media for communicating information. State which you consider to be the most effective (IELTS 4: TEST 1)

- Comics
- Books
- Radio
- Television
- Film
- Theatre

## Gợi ý

Trong số các đề bàn về phương tiện truyền thông, đề này có phần đặc biệt vì yêu cầu thí sinh thảo luận hiệu quả của các phương tiện truyền thông khác nhau trong thời đại thông tin.

## Yêu cầu của đề

Chọn ra ba phương tiện truyền thông từ danh sách cho sẵn trong đề bài và so sánh các mặt thuận lợi, bất lợi của chúng; sau đó hãy cho biết theo bạn thì phương tiện nào hiệu quả nhất (đàn bài này chọn ba phương tiện: sách, radio, tivi).

## So sánh ba phương tiện truyền thông

## • Sách (books)

Mặt thuận lợi: *dễ dàng mang theo đến bất cứ nơi nào* (portable/can be taken wherever you go), *giữ được lâu/bền* (long-lasting/enduring).

Mặt bất lợi: *thiếu tính kịp thời so với các tin tức được phát sóng trực tiếp trên radio/tivi* (not so timely, compared with the live broadcasts on radio/TV).

## • Radio (radio)

Mặt thuận lợi: *có âm thanh* (audio), *kịp thời* (timely), *thuận tiện khi đang lái xe* (convenient while driving).

Mặt bất lợi: *không có hình ảnh* (no images/pictures).

## • Tivi (television)

Mặt thuận lợi: *kịp thời* (timely), *có âm thanh* (audio), *hình ảnh* (video), *nói chung là tốt nhất* (generally the best).

Mặt bất lợi: *khó mang theo* (portability is low).



Phương tiện truyền thông hiệu quả nhất

- Dù còn những hạn chế nhưng tivi là phương tiện truyền thông hiệu quả nhất (television is the most efficient, despite its drawbacks).

### Question 22.3

Some people think that the news media are a negative influence on society. What is your opinion? (ngày 25 tháng 6 năm 2015)

### Gợi ý

Đề này có mối liên hệ chặt chẽ với đề Q22 và Q22.1. Nếu đồng ý với quan điểm của đề bài, bạn chỉ cần kết hợp các ý trong bài viết mẫu của Q22 và các ý trong dàn bài của Q22.1, sau đó nêu ví dụ về các tin giả mạo và các bản tin tiêu cực.

### Question 23

Advertising encourages consumers to buy in quantity rather than promoting quality. To what extent do you agree or disagree?

### Bài mẫu tham khảo

Today, many people are becoming convinced that advertising is more concerned with encouraging bulk purchases than with encouraging the production of quality goods through competition.

Advertising can be viewed from two standpoints. One is that it is primarily concerned with getting people to purchase items that they would not otherwise buy. The other is that it continues to inform consumers, thereby promoting competition between producers and service providers. I believe that the truth lies somewhere between the two.

Many kinds of advertising nowadays clearly encourage large purchases, in particular through offering consumers such deals as “two for the price of one”, offering large containers at a lower cost, or through offering substantial discounts for purchasing several of the same products at once. Such items could include everyday household goods, washing powder for example, or items that are regularly consumed more than one at a time, such as cans of drinks. In fact, many enterprises successfully specialise in supplying goods in bulk to consumers. The idea is that people will consume more quickly if they have many of the items at home rather than having to go out and buy the items individually every time they need them.

On the other hand, some products are naturally not available for bulk purchase. This is especially true of items that are particularly expensive or items that a person is unlikely to change for new ones in a relatively short period of time, for example cars and houses.

Advertisements for such products are more likely to stress the quality of the product than its price, since most people will not simply go for the cheapest one, but for one that meets their expectations in other ways.

To conclude, I believe that advertisers should take the market for their products into consideration when advertising and decide accordingly whether they wish to focus on selling in bulk or on competing on the basis of the quality of their products.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận vấn đề: quảng cáo khuyến khích người tiêu dùng mua thật nhiều sản phẩm hay giúp họ mua được sản phẩm tốt hơn, các đề liên quan bàn về ảnh hưởng của quảng cáo đối với con người. Khi đọc bài viết mẫu, bạn hãy chú ý cách dùng các từ liên quan đến quảng cáo: ad/advert/advertising/advertisement/advertise.

#### Question 23.1

The high sales of popular consumer goods reflect the power of advertising but not the real needs of the society in which they are sold. To what extent do you agree or disagree with this statement? (IELTS 6, TEST 1)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	Hàng hóa tiêu dùng hàng ngày được tiêu thụ với số lượng lớn phản ánh sức ảnh hưởng của quảng cáo đối với con người chứ không phải nhu cầu thật sự của xã hội. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này ở mức độ nào.
Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quảng cáo khuyến khích mọi người <i>mua thật nhiều sản phẩm</i> (buy in quantity) (tham khảo đoạn 3 trong bài viết mẫu của Q23).</li> <li>Nhà sản xuất <i>mời các ngôi sao ca nhạc/nhân vật nổi tiếng quảng cáo cho sản phẩm</i> (employ pop stars/celebrities to advertise their products), những người hâm mộ các nhân vật này có thể mua sản phẩm được quảng cáo dù sản phẩm ấy chưa hẳn cần thiết đối với họ.</li> </ul>
Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li><i>Khách hàng trưởng thành thường biết rõ họ cần gì hay không cần gì</i> (adult consumers generally have strong judgement as to what they need or do not need).</li> <li><i>Thu nhập bình quân</i> (average income) của mọi người có hạn, họ chỉ có thể mua những thứ cần thiết ở mức độ nhất định chứ không phải mua các sản phẩm theo lời quảng cáo, ví dụ mẫu quảng cáo về các loại dầu gội có thể rất cuốn hút người xem nhưng chưa chắc họ sẽ mua những loại dầu gội đó.</li> </ul>



## Question 23.2

Customers are faced with increasingly more advertisements because of competition between companies. To what extent do you think consumers are influenced by advertisements? What measures do you think can protect them? (ngày 10 tháng 5 năm 2012)

## Gợi ý

Yêu cầu của đề	Người tiêu dùng ngày nay đối mặt với ngày càng nhiều quảng cáo. Hãy cho biết người tiêu dùng bị ảnh hưởng bởi quảng cáo đến mức nào và những biện pháp nào có thể bảo vệ họ.
Ảnh hưởng của quảng cáo	Hãy tham khảo bài viết mẫu của Q23 và dàn bài của Q23.1. <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhà sản xuất mời các ngôi sao giới thiệu về sản phẩm.</li> <li>Nhà sản xuất sử dụng các chiến thuật khuyến mãi để khuyến khích người tiêu dùng mua thật nhiều sản phẩm.</li> </ul>
Biện pháp bảo vệ người tiêu dùng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chính phủ nên <i>yêu cầu</i> (require or force) các phương tiện truyền thông khi tham gia quảng cáo cho sản phẩm phải <i>đảm bảo rằng những mẫu quảng cáo là đáng tin cậy/không đánh lừa người tiêu dùng</i> (ensure that the ads are reliable/trustworthy/not cheating).</li> <li>Đặc biệt, đối với người tiêu dùng là trẻ vị thành niên, cha mẹ phải có <i>sự hướng dẫn phù hợp</i> (proper guidance).</li> </ul>

## Question 23.3

Some people believe advertisements encourage us to value slim figures and lead to too much concern with body shape and size. Do you agree or disagree? (Writing for IELTS<sup>®</sup>)

## Gợi ý

Yêu cầu của đề	Một số người tin rằng quảng cáo khiến chúng ta xem trọng vóc dáng mảnh mai cũng như chú ý quá mức đến vóc dáng và cân nặng. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm vừa nêu (dàn bài này không ủng hộ quan điểm đó).
Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài (thể hiện sự nhượng bộ)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Người mẫu thường được mời giới thiệu sản phẩm trong các mẫu quảng cáo nên thường khiến người ta có ý nghĩ rằng <i>vóc dáng thon gọn/mảnh mai được ưa chuộng/hấp dẫn hơn</i> (slim figures are more desirable/attractive).</li> </ul>

(\*) Tên sách (đề bài vừa nêu trước đó được trích từ quyển sách này).



Lý do phản đối  
quan điểm được  
nêu ở đề bài

- Nhà sản xuất mời các người mẫu có vóc dáng mảnh mai quảng cáo cho sản phẩm vì muốn đáp ứng nhu cầu về mặt thẩm mỹ của mọi người chứ không phải khiến họ hiểu nhầm.
- Người ta xem trọng *vóc dáng mảnh mai* (slim figures) vì muốn *giữ gìn sức khỏe* (keep/stay healthy), vì họ biết *thừa cân* (overweight) sẽ không tốt cho sức khỏe.
- Tóm lại, việc mọi người chú trọng đến vóc dáng và cân nặng không phải là lỗi của quảng cáo.

#### Question 23.4

Advertising will discourage us from being different individuals and make us all want to do or look the same. What is your opinion? (ngày 27 tháng 10 năm 2012)

#### Gợi ý

Yêu cầu của đề

Quảng cáo khiến chúng ta không còn là những cá thể khác nhau mà ngày càng giống nhau. Cho biết ý kiến của bạn về vấn đề này.

Lý do ủng hộ  
quan điểm được  
nêu ở đề bài

- Nhà sản xuất mời các ngôi sao được công chúng yêu thích giới thiệu về sản phẩm, hy vọng những người hâm mộ các ngôi sao này sẽ đua nhau mua sản phẩm theo phong trào (bạn có thể sử dụng các ý trong dàn bài của Q23.1).
- *Những người mẫu mảnh mai* (slim models) xuất hiện trong các mẫu quảng cáo *khích lệ người ta đánh giá cao vóc dáng mảnh mai và sẽ tìm cách để mình trở nên thon gọn* (encourage people to value slim figures and become slim) (xem dàn bài của Q23.3).

Lý do phản đối  
quan điểm được  
nêu ở đề bài

- Mọi người đều có quan điểm riêng cũng như khả năng phán đoán, do vậy họ không bị ảnh hưởng bởi quảng cáo (bạn có thể xem dàn bài của Q23.1).

#### Question 23.5

Nowadays a large amount of advertising is aimed at children. Parents object to such pressure on children. But some advertisers claim that there is useful information in these advertisements. Discuss both views and give your opinion. (ngày 7 tháng 11 năm 2007)

### Gợi ý

① Đề này cũng yêu cầu thảo luận về những ảnh hưởng của quảng cáo nhưng là ảnh hưởng đối với trẻ em. Bạn có thể tham khảo các ý nói về ảnh hưởng của quảng cáo đối với con người trong bài viết mẫu/dàn bài của các đề trước nhưng trình bày sao cho phù hợp với đối tượng mà đề bài yêu cầu: trẻ em (xem bài viết mẫu của Q23.5 ở phần phụ lục).

② Sau đây là đề bài có cùng nội dung với đề trên nhưng được viết theo cách khác: In some countries, advertisers increase the amount of advertising which tries to persuade children to buy snacks, toys and other goods. Parents object to such pressure on children. But some advertisers claim that there is useful information in these advertisements. Discuss both views and give your opinion. (ngày 2 tháng 9 năm 2006)

#### Question 24

It is generally acknowledged that families now are not as close as they used to be. What are some possible reasons for this and what can be done to reverse the trend?

### Bài mẫu tham khảo

With the ever-increasing pace of modern life, the bonds within families have suffered dramatically in recent decades. There are many ways in which this could have occurred, and it is high time that people should be aware of it and actually do something to minimise the side effects on their own families.

The primary factor leading to the significant reduction of family closeness, I believe, is the intrusion of technology into family life. In the past, there were much fewer technological diversions in daily lives. For example, people did not have computers to play with or mobile phones to chat on; instead they communicated with each other in person, and the more they communicated, the closer they might have become. Conversely, parents and children nowadays are constantly using different kinds of communication tools, with which they have sacrificed their limited time at home to work on building up relationships with people they barely meet in real life on social networking websites. Although they do spend some time together, they may just rush through things so that they can get back to their technological products. Obviously, this will reduce a large amount of quality family time.

Additionally, more and more working parents tend to spend the majority of their time in the office or even work overtime at home, as they want to ensure an advantageous position in the face of stiff competition. Consequently, they have little time to be with their children, which may easily result in an increasing sense of alienation in the family. A similar case happens to children who are often sent to boarding schools and return home once a week, or even a month due to many working parents not having enough time to look after their children after school.



To solve this problem, I think, a crucial factor is to ensure families spend sufficient time together and enhance communication between their members. For instance, parents should set a good example by cutting down the time spent on technological devices at home, such as placing restrictions on internet usage and finding more chances to regularly talk to their children. A very good way for family members to have more quality time together is to find or create an activity or a game that all members will take part in and do that once every week as a family tradition, or parents and children could also choose a special day every month as their family day, so they could secure a moment to visit museums or have a picnic somewhere in the park. More importantly, parents should always remember that they are working for a better life with their families, not living to work, and as for children, some more traditional values about family closeness should be imparted to them whether at home or school so as to help them shape a correct attitude towards family.

Overall, I believe that great efforts from both parents and children are necessary to reverse the trend.

### Đề bài liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận về nguyên nhân khiến các thành viên trong gia đình ngày càng xa cách và giải pháp cho vấn đề đó, đề bài liên quan bàn về nguyên nhân làm phát sinh các vấn đề trong mối quan hệ gia đình cũng như mối quan hệ giữa người với người của xã hội hiện nay và ảnh hưởng của các vấn đề ấy đối với gia đình, xã hội.

#### Question 24.1

Nowadays people are busy with work and do not have enough time to spend with family and friends. Why? What are the effects on families and on society as a whole? (ngày 12 tháng 4 năm 2018)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	Ngày nay mọi người đều bận rộn với công việc nên không có đủ thời gian dành cho gia đình và bạn bè. Hãy cho biết nguyên nhân của tình trạng này và điều đó gây ra những ảnh hưởng gì đối với gia đình, xã hội.
Nguyên nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ai cũng phải <i>mang tiền về cho gia đình</i> (bring home the bacon), <i>bị áp lực về việc thăng tiến và tăng lương</i> (pressure for promotion and salary increase).</li> <li>• <i>Cạnh tranh ở nơi công sở diễn ra khốc liệt</i> (fierce competition in the workplace), <i>tình hình kinh tế/tài chính trở nên tồi tệ hơn</i> (worse financial/economic situations).</li> </ul>
Ảnh hưởng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tình trạng vừa nêu khiến các thành viên trong gia đình trở nên bất hòa hay xa cách, thậm chí khiến <i>tỉ lệ ly hôn</i> (divorce rate) gia tăng.</li> </ul>

**Question 25**

As most people spend a major part of their adult life at work, job satisfaction is an important element of individual well-being. What factors contribute to job satisfaction? How realistic is the expectation of job satisfaction for all workers?

**Bài mẫu tham khảo**

Nowadays many adults have full-time jobs and the proportion of their lives spent in the workplace is very high. Therefore, feelings about one's job reflect how an individual feels about his or her life as a whole, and because of this, job satisfaction is very important indeed for the well-being of that person.

Employees receive job satisfaction in a number of ways. Firstly, a person needs to feel that they are doing valued and valuable work, so positive feedback from superiors is very important in this regard. A sense of fulfilment is also encouraged if a worker feels the job is worth doing because it contributes to society or the economy as a whole. Secondly, when someone feels they are improving or developing their skills (through training opportunities, for example) then there is a sense of progression and purpose that rewards a worker. The sense of belonging to a team or a working community also contributes to job satisfaction because colleagues help each other to enjoy their working lives. Satisfaction is also increased by a sense of responsibility for and loyalty to a team.

Of course not everyone enjoys their work. Hard economic realities mean that many people have little choice of the kind of job they can get. In some cases, an employee is working in a job that suits neither their skills nor their personality. Some jobs are repetitive and boring, and labour relations may be poor and lead to resentment and insecurity rather than to job satisfaction.

However, even though it is unlikely that all workers will feel happy in their work, I think it is not unrealistic to promote job satisfaction in any job. If the factors identified above are implemented, then any job can be improved and more workers can feel a greater degree of job satisfaction.

**Các đề liên quan trong kho đề**

Đề này yêu cầu thảo luận về những yếu tố tạo nên mức độ hài lòng trong công việc của nhân viên và cách làm tăng cảm giác hài lòng đó, các đề liên quan bàn về *vấn đề công việc* (employment) và phát triển *nghề nghiệp* (career).



**Question 25.1**

An increasing number of people change their career and place of residence several times during their lives. Is this a positive or negative development? (ngày 19 tháng 6 năm 2010)

**Gợi ý**

<b>Yêu cầu của đề</b>	Ngày càng có nhiều người thay đổi công việc và chỗ ở nhiều lần trong đời. Hãy cho biết điều đó tốt hay xấu (dàn bài này ủng hộ quan điểm cho rằng đây là điều tích cực).
<b>Lý do ủng hộ quan điểm nói trên</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xét từ góc độ cá nhân, con người ngày càng có nhiều sự lựa chọn và không ngừng tìm kiếm cơ hội để phát triển bản thân hơn nữa. Nếu ví dụ để so sánh tình hình thực tế trước kia và hiện nay: điều này ít xảy ra ở Việt Nam cách đây 30 năm; có nhiều người cả đời chỉ làm một công việc, tự trói buộc bản thân và không phát huy được năng lực tiềm ẩn của cá nhân.</li> <li>Xét từ góc độ tập thể, ngày càng có nhiều người thay đổi công việc và chỗ ở, hiện tượng này <i>góp phần làm cho xã hội/cộng đồng năng động/sôi nổi hơn</i> (help bring about a more dynamic/vibrant community/society).</li> </ul>
<b>Lý do phản đối quan điểm nói trên (thể hiện sự nhượng bộ)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Một số người cho rằng <i>cuộc sống như vậy không ổn định</i> (not a stable life), tuy nhiên, ảnh hưởng tiêu cực của nó không đáng kể.</li> </ul>

**Question 25.2**

Some countries have introduced a law to limit working hours for employees. Why is this kind of law introduced? Do you think it is a positive or negative development? (ngày 9 tháng 10 năm 2010)

**Gợi ý**

Hãy xem bài viết mẫu của Q25.2 ở phần phụ lục.

<b>Yêu cầu của đề</b>	Một số nước ban hành luật giới hạn giờ làm việc của người lao động. Hãy cho biết vì sao luật này được ban hành và điều đó là tích cực hay tiêu cực (dàn bài này ủng hộ quan điểm cho rằng đây là điều tích cực).
-----------------------	--

**Lý do ủng hộ quan điểm nói trên**

- Người lao động có thể dành nhiều thời gian hơn cho người thân và con cái. Việc này rất quan trọng (tham khảo bài viết mẫu của Q24).
- Giới hạn giờ làm việc cũng có nghĩa là bảo vệ lợi ích cho người lao động.
- Việc này còn góp phần làm tăng mức độ hài lòng của họ trong công việc, giúp họ làm việc tích cực, nhiệt tình hơn và đạt hiệu quả cao hơn.

**Question 26**

Happiness is considered very important in life. Why is it difficult to define? What factors are important in achieving happiness?

**Bài mẫu tham khảo**

Happiness is very difficult to define because it means so many different things to different people. While some people link happiness to wealth and material success, others think it lies in emotions and loving personal relationships. Yet others think that spiritual paths, rather than either the material world or relationships with people, are the only way to true happiness.

Because people interpret happiness for themselves in so many different ways, it is difficult to give any definition that is true for everyone. However, if there are different kinds of happiness for different individuals, then the first step in achieving it would be to have a degree of self-knowledge. A person needs to know who he or she is before being able to know what it is that makes him or her happy.

Of course, factors such as loving relationships, good health, the skills to earn a living and peaceful environment all contribute to our happiness too. But this does not mean that people without these conditions cannot be happy.

Overall, I think an ability to keep clear perspectives in life is a more essential factor in achieving happiness. By that I mean an ability to have a clear sense of what is important in our lives (the welfare of our families, the quality of our relationships, making other people happy, and so on) and what is not (a problem at work, getting annoyed about trivial things, and so on).

Like self-awareness, this is also very difficult to achieve, but I think these are the two factors that may be the most important for achieving happiness.

**Các đề liên quan trong kho đề**

Đề này yêu cầu thảo luận về các yếu tố quan trọng tạo nên hạnh phúc, các đề liên quan đề cập đến những quan niệm khác nhau về hạnh phúc.



## Question 26.1

Some people believe that personal happiness is directly related to economic success. Others argue that happiness depends on entirely other factors. Discuss both of the views and give your own opinion. (tên: Li, tháng 10 năm 2012)

## Gợi ý

Yêu cầu của đề	Một số người cho rằng sự thành công về kinh tế mang lại hạnh phúc cá nhân. Một số người khác cho rằng hạnh phúc tùy thuộc vào các yếu tố hoàn toàn khác. Hãy thảo luận hai quan điểm đó và cho biết ý kiến của bạn (dàn bài này ủng hộ quan điểm thứ hai).
Lý do ủng hộ quan điểm thứ nhất (thể hiện sự nhượng bộ)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sự thành công về kinh tế là điều rất quan trọng vì nhờ đó, người ta có thể <i>trở nên độc lập về kinh tế</i> (become economically independent), <i>mang tiền về cho gia đình</i> (bring home the bacon). Nếu không có <i>việc làm/thu nhập tốt</i> (decent job/income), một người có thể sẽ gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống và không được hạnh phúc như mong muốn.</li> </ul>
Lý do ủng hộ quan điểm thứ hai	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các yếu tố khác cũng rất quan trọng, ví dụ <i>khả năng tự ý thức</i> (self-awareness) (bạn có thể tham khảo ý này ở bài viết mẫu của Q26). Nếu chỉ có sự sung túc/đầy đủ về mặt vật chất mà không có những yếu tố như vậy thì chưa chắc người ta cảm thấy hạnh phúc.</li> </ul>

## Question 26.2

In some countries, young people are not only richer but also safer and healthier than ever before. However, they are less happy. What do you think are the causes of this? What solutions can you suggest? (tên: Li, tháng 9 năm 2012)

## Gợi ý

Yêu cầu của đề	Ở một số nước, thế hệ trẻ giàu có, an toàn và khỏe mạnh hơn trước. Tuy nhiên, họ ít hạnh phúc hơn. Hãy cho biết vì sao lại có hiện tượng như thế và đề xuất giải pháp cho vấn đề này.
Nguyên nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>Yếu tố chính mang lại hạnh phúc không chỉ là những thứ được nhắc đến trong đề bài mà còn là những yếu tố khác quan trọng hơn, ví dụ <i>hiểu bản thân</i> (self-knowledge), <i>quan điểm rõ ràng về cuộc sống</i> (clear perspectives of life), <i>các mối quan hệ tình cảm</i> (loving relationships) (như vậy đề này cũng giống Q26).</li> </ul>
Giải pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhà trường và gia đình nên hướng dẫn các bạn trẻ để họ có được những điều vừa nêu.</li> </ul>

**Question 27**

Most countries want to improve their standard of living through economic development, while others think social values are lost as a result. Do you think the advantages of economic development outweigh the disadvantages?

**Bài mẫu tham khảo**

People's living standards are largely improved due to economic development. However, arguing that social values are lost as a result, some contend that the disadvantages of economic development outweigh the advantages. I strongly disagree and will outline both views in my essay.

Economic development brings about considerably significant advantages. Generally speaking, people's livelihood is substantially improved. Also, the domains of politics, culture and technology derive observable benefit from economic progress. Therefore, more and more people are living at a higher standard with regard to both material and spiritual aspects. These advantages are being enjoyed by us and should not be ignored.

Some argue that the loss of social values means our society is deteriorating. However, I would say that social values keep changing to adapt to society. For instance, years ago some students might race into a burning forest to put out wildfires. Nowadays, students are educated to ask for help from others in such cases. The change in social values gives priority to life instead of property. Life should be undeniably respected in this case. As a result, social values should be pondered as time passes. In addition, not all social values are actually shared by all people. As the saying goes, "one man's meat is another's poison." The loss of or change in social values is bound to be accepted with delight by some.

A loss of social values is not necessarily a bad thing, as new social values will come into being along with economic development. More importantly, the advantages of economic development outweigh the disadvantages.

**Các đề liên quan trong kho đề**

Đề này yêu cầu thảo luận xem sự phát triển kinh tế có làm mất đi những giá trị xã hội hay không, các đề liên quan bàn về sự phát triển kinh tế và những vấn đề phát sinh.

**Question 27.1**

Nowadays men are becoming more and more greedy and selfish. We should return to older, traditional values and show respect for family and local community. To what extent do you agree or disagree? (ngày 14 tháng 5 năm 2011)



## Gợi ý

Yêu cầu của đề	Ngày nay, con người ngày càng trở nên tham lam và ích kỷ. Chúng ta nên quay về với những giá trị truyền thống trước đây và tôn trọng gia đình, tôn trọng cộng đồng. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm vừa nêu ở mức độ nào (dàn bài này không ủng hộ quan điểm đó).
Các ý tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Con người <i>tham lam</i> (greedy) là vấn đề đã xuất hiện từ lâu chứ không phải bây giờ mới xuất hiện. <i>Chúa Giêsu/Khổng Tử/Đức Phật (Jesus/Confucius/Buddha)</i> từng phê phán thói xấu này.</li> <li>• Chúng ta cần tuyên truyền để mọi người có ý thức <i>tôn trọng gia đình và cộng đồng</i> (respect for family and local community). Ví dụ, chính phủ có thể thực hiện việc này qua <i>các chiến dịch quảng cáo trên tivi</i> (television advertising campaigns) và các hoạt động cộng đồng chứ không nhất thiết phải <i>trở về quá khứ</i> (return to the past).</li> <li>• Chúng ta có thể tuyên truyền, khuyến khích mọi người làm tình nguyện viên hay quyên góp giúp đỡ người khác. Việc này có thể làm <i>tăng quan hệ tốt đẹp giữa người với người và sự an sinh của cộng đồng/xã hội</i> (more harmonious interpersonal relationship and well-being of the community or society) (bạn có thể tham khảo đoạn 3 trong bài viết mẫu của Q27 hoặc xem bài mẫu của Q44).</li> </ul>

## Question 27.2

Economic progress is one way to measure the success of a country, while some people think other factors are also important. What other factors should be considered? Among these factors, do you think one is any more important than the others? (main 25 tháng 10 năm 2008)

## Gợi ý

Yêu cầu của đề	Phát triển kinh tế là cách đo lường sự thành công của một đất nước, một số người lại cho rằng các yếu tố khác cũng quan trọng. Hãy cho biết ngoài yếu tố nói trên thì chúng ta nên xem xét những yếu tố nào và trong số những yếu tố đó thì có yếu tố nào quan trọng nhất không.
Các yếu tố cần xem xét	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có rất nhiều yếu tố cần xem xét, ví dụ: sự phát triển của khoa học-kỹ thuật, vấn đề giáo dục, văn hóa, vệ sinh, y tế, kể cả vấn đề đạo đức của con người – con người <i>tham lam/vô cảm hơn</i> (more greedy/indifferent) hay <i>biết quan tâm/tôn trọng người khác</i> (caring/respecting others) (xem Q27.1). Tất cả các yếu tố này đều rất quan trọng.</li> </ul>

**Yếu tố  
quan trọng  
nhất**

- Tôi cho rằng không có yếu tố nào quan trọng/nổi trội cả; tất cả các yếu tố cần được xem trọng ở mức phù hợp để đảm bảo cho sự phát triển thuận lợi hơn của xã hội cũng như người dân (there is no major/overwhelming factor; all should be appropriately valued for the better development of society and people living in it).

### Question 28

Some people think that by paying taxes they have contributed enough to their society. Others think there are other responsibilities besides paying taxes. Discuss both views and give your opinion.

### Bài mẫu tham khảo

I believe that the individual members of society have more responsibilities than simply paying their taxes. In this essay, I shall outline the key ones.

Paying taxes is certainly a responsibility of citizens. It is necessary for some services to be provided by governments (such as national defence). Other services may be provided by governments depending on their (and their citizens') wishes (education and a health service, for example). It can be argued that this is all people need to do regarding their social responsibilities. After all, the government can now use the money as necessary. However, I think this is not the only responsibility citizens have.

Many people argue that another responsibility citizens must have is to obey the law. Of course, there may be situations where some people might find adjusting the law to be necessary, but many laws are useful, for example ones which are against violent behaviour or theft. If the majority of people start breaking these kinds of laws, society will quickly collapse into chaos.

A lot of people also argue that it is necessary for citizens to follow other, unwritten, laws or customs in their everyday lives. Whilst it is not against the law to be rude to other people, being polite does help society to function in a better way, making it easier to communicate with others and get things done. For example, shopping might not be so easy if customers and sales staff were generally rude to each other.

In summary, I think that there are other responsibilities that people have to society, aside from a financial contribution in the form of taxes. Whilst these contributions may not be financial, they help society to function.

www.nhantriviet.com



### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận vấn đề: ngoài nghĩa vụ nộp thuế, có phải mỗi công dân còn có những trách nhiệm khác đối với xã hội; các đề liên quan thường đề cập đến mối quan hệ giữa *cá nhân* (individuals)/chính phủ và *cộng đồng/xã hội* (community/society) cùng những trách nhiệm của cá nhân/chính phủ đối với cộng đồng/xã hội.

Năm chủ đề trọng tâm và từ vựng liên quan	Đề bài liên quan
Sức khỏe: live a healthy lifestyle	Q15.2
Bảo vệ môi trường: help reduce rubbish, protect the environment, be more environmentally friendly	Q19 và đề bài mở rộng liên quan
Pháp luật: obey the law/rules of the society	Q28
Đạo đức: moral behaviours, respect others/families/traditions	Q27.1, Q29.5
Quyên góp: donate to charities	Q48

#### Question 29

In many countries, the elderly proportion of the population is increasing steadily. Does this trend have positive or negative effects on society?

### Bài mẫu tham khảo

In recent decades, people are living much longer than ever before; therefore, the proportion of the elderly is increasing steadily in many countries. Generally, I think it is more a blessing than a curse for modern society.

Some people may argue that old people are not physically strong enough, so a larger proportion of old people might lead to a less energetic development of society. However, modern sciences and technologies have enabled the old to meet the challenges of modern life. For example, in the past, people who were aged over sixty were likely to be rather fragile in physical condition. But today, most senior citizens are in good health, and many of them still engage in many activities in life due to medical innovations and scientific exercises. Thus, nowadays age does not necessarily equal a lack of energy and high spirits.

Some others may argue that young people might be deprived of their opportunities to develop their abilities as more old people could mean that they have more chances to occupy essential social positions. But they are oversimplifying the situation. For instance, enterprises, as profit-oriented bodies, will always decide the recruiting and promoting of employees according to their strengths and abilities. If the young are not offered the chances, it usually proves that they are not as capable as older generations.

As a matter of fact, there are quite a few jobs that are especially suitable for old people — jobs that call for more experience than physical power. And more importantly, the information era has attached great importance to experience and intelligence compared to the past. Hence, old people are qualified to contribute much more to the society at present time.

In summary, I am quite optimistic about the future of the so-called “ageing society”, which presents us with at least as many chances as challenges, if not more.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận về ảnh hưởng của tình trạng già hóa dân số đối với xã hội; các đề liên quan đề cập đến người già và tình trạng già hóa dân số ngày càng gia tăng trong xã hội, bàn về cách đối xử với người già và chăm sóc người già, những thách thức và cơ hội mà xã hội hiện đại mang đến cho người già.

#### Question 29.1

Some people think companies should encourage executive employees to leave at the age of 55 in order to give opportunities to the younger generation. Do you agree or disagree? (trước năm 2003)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	<p>Một số người cho rằng các công ty nên khuyến khích cán bộ điều hành nghỉ hưu lúc 55 tuổi để nhường cơ hội cho thế hệ trẻ. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này.</p>
Các ý tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trước tiên, bạn có thể khẳng định mình không đồng ý với quan điểm được nêu ở đề bài.</li> <li>• Người ủng hộ quan điểm trên cho rằng người già tuổi cao sức yếu, khả năng sáng tạo giảm sút và không bằng người trẻ. Do đó, người già nên nghỉ hưu, nhường cơ hội cho người trẻ (nhưng trên thực tế, cùng với những tiến bộ về y học và sự phát triển của khoa học-kỹ thuật, người già vẫn có đủ sức khỏe để tiếp tục làm việc và đóng góp cho xã hội).</li> <li>• Người ủng hộ quan điểm trên còn cho rằng người già nghỉ hưu lúc 55 tuổi thì người trẻ càng có nhiều cơ hội, điều này có ích cho sự phát triển của các doanh nghiệp bởi người trẻ <i>năng động/nhiệt tình hơn</i> (more enthusiastic/energetic) (tuy nhiên, kinh nghiệm và năng lực cũng là yếu tố quan trọng).</li> <li>• Tóm lại, bạn khẳng định rằng mình không đồng ý với quan điểm được nêu ở đề bài.</li> </ul>



## Question 29.2

Some people think that people should save up for retirement. To what extent do you agree or disagree? (ngày 23 tháng 8 năm 2007)

## Gợi ý

Yêu cầu của đề	Một số người cho rằng mọi người nên dành dụm tiền để sống khi về hưu. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này ở mức độ nào.
Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"><li>• Lập kế hoạch hưu trí cho bản thân (private pension plans) sẽ giúp người ta có cuộc sống độc lập hơn khi về già và không cần dựa vào con cháu hay số tiền trợ cấp dưỡng lão ít ỏi.</li><li>• Việc này góp phần làm giảm bớt gánh nặng tài chính cho chính phủ (help ease the government's financial burdens), nhờ đó chính phủ có thể đầu tư nhiều hơn vào các lĩnh vực quan trọng khác như giáo dục, cơ sở hạ tầng.</li></ul>
Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"><li>• Suốt hơn 30 năm làm việc, bằng cách nộp thuế (paying taxes), người già đã đóng góp đáng kể cho xã hội (make significant contributions to the society); vì vậy, chính phủ nên có một chương trình toàn diện như hệ thống bảo hiểm quốc gia để hỗ trợ người già (the government should have a comprehensive scheme such as national insurance system to support the elderly).</li><li>• Một số người có hoàn cảnh không may, chẳng hạn người già ở những gia đình có hoàn cảnh khó khăn hoặc ở những vùng nghèo (e.g. old people in the disadvantaged families or poor areas), nên không thể dành dụm đủ tiền để sống khi về già. Vì vậy, họ rất cần khoản lương hưu/sự hỗ trợ về tài chính (financial aid/pension) từ chính phủ.</li></ul>

## Question 29.3

Some people believe that the government should help and look after old people, but others believe that people should save money for their future lives. Discuss both views and give your opinion. (ngày 6 tháng 6 năm 2013)

Với đề này, bạn có thể sử dụng các ý trong dàn bài của Q29.2.

### Question 29.4

The older generation often holds traditional ideas on the correct way of life, thinking and behaviour. Most people argue that it is not helpful for the younger generations to prepare for modern life in the future. To what extent do you agree or disagree? (ngày 19 tháng 1 năm 2008)

#### Gợi ý

<b>Yêu cầu của đề</b>	Người già thường giữ khư khư quan điểm truyền thống về lối sống, cách suy nghĩ và hành vi đúng. Đa số mọi người tranh luận rằng cách nghĩ này không giúp thế hệ trẻ chuẩn bị cho cuộc sống hiện đại ở tương lai. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này ở mức độ nào.
<b>Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Người già có quan điểm <i>bảo thủ</i> (conservative), không thích nghi với xã hội ngày càng phát triển. Ví dụ, một số người già cho rằng cả đời chỉ nên làm một nghề chứ không nên đổi nghề, cho rằng làm việc ở <i>công ty nhà nước</i> (state-owned companies) thì tốt hơn, <i>không cổ súy chuyện làm việc cho doanh nghiệp tư nhân</i> (not encourage entrepreneurship).</li> </ul>
<b>Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Người già có nhiều kinh nghiệm trong công việc, cuộc sống cũng như trong việc đối nhân xử thế, có thể <i>cho</i> người trẻ <i>sự chỉ dẫn và lời khuyên hữu ích</i> (provide useful advice and guidance/consultancy), giúp người trẻ <i>để thích nghi với xã hội/nơi làm việc hơn</i> (better adapt to the society/workplace).</li> </ul>

### Question 29.5

In modern society, it has been observed that the elderly are not duly respected in some countries. Discuss the reasons why this has occurred and the effects it might have on our society. (ngày 8 tháng 7 năm 2006)

#### Gợi ý

<b>Yêu cầu của đề</b>	Trong xã hội hiện đại, người già không được tôn trọng đúng mức ở một số quốc gia. Hãy cho biết những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này và ảnh hưởng của điều đó đối với xã hội.
<b>Nguyên nhân</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Người già có quan điểm bảo thủ, <i>thích can thiệp vào cuộc sống của thế hệ trẻ</i> (want to interfere in the lives of the younger generation). Ví dụ, quan điểm của người già về thực trạng sống chung trước hôn nhân của giới trẻ có thể vấp phải sự phản đối hoặc thái độ thiếu tôn trọng của người trẻ (xem dàn bài của Q29.4).</li> </ul>

www.nhantriviet.com



## Ảnh hưởng

- Việc chăm sóc và hỗ trợ người già tạo ra gánh nặng cho xã hội (bạn có thể tham khảo các ý trong dàn bài của Q29.2).
- Nhà trường và gia đình chưa làm tốt việc giáo dục giới trẻ để họ tôn trọng người già.
- Người già có vai trò rất quan trọng, họ đã cống hiến rất nhiều cho gia đình và xã hội. Không tôn trọng họ là *không công bằng* (unfair); nếu tình trạng này xảy ra, *chuẩn mực đạo đức trong cộng đồng sẽ suy thoái* (public morality standards would decline).
- Người già có nhiều kinh nghiệm, họ cũng có năng lực, có thể cống hiến nhiều hơn nữa. Nếu họ không được tôn trọng thì đây quả là *sự lãng phí nguồn nhân lực quý giá cho xã hội* (a waste of the valuable human resources for the society) (bạn có thể tham khảo bài viết mẫu của Q29).

## Question 29.6

Some people argue that younger people are not suitable for important positions in the government while others think it is a good idea. Discuss both views and give your own opinion. (ngày 10 tháng 7 năm 2010)

Đề này yêu cầu thảo luận vấn đề: người trẻ có phù hợp với những vị trí quan trọng trong cơ quan nhà nước hay không. Hãy xem bài viết mẫu của Q29.6 ở phần phụ lục.

## Question 30

The position of women in society has changed markedly in the last twenty years. Many of the problems young people now experience, such as juvenile delinquency, arise from the fact that many married women now work and are not at home to care for their children. To what extent do you agree or disagree?

## Bài mẫu tham khảo

It is certainly true that the position of women in society has undergone a dramatic change in the past twenty years but I do not feel that this is a direct cause of the indisputable increase in juvenile-related problems during this period.

It is now accepted that young women should find work on leaving school; indeed, to rely totally on their parents' financial support is no longer an option in many families. Likewise, once they get married, the majority of women continue working since the financial pressure of setting up a house and establishing a reasonable standard of living often requires two incomes.

Twenty years ago, it was common for women to give up work once they had children and devote their time to caring for their children. This is no longer the general rule and the provision of professionally-run childcare facilities and day nurseries has removed much of the responsibility for child rearing that used to fall to mothers. However, these facilities come at a cost and often require two salaries coming into a family to be afforded.

I do not believe that the increase in the number of working mothers has resulted in children being brought up less well than previously. Indeed, it could be argued that by giving mothers the opportunity to work and earn extra money, children can be better provided for than previously. There is more money for luxuries and holidays and a more secure family life is possible. Of course, there are limits as to the amount of time that ideally should be spent away from home and the ideal scenario would be for one of the parents (often the wife) to have a part-time job and thus be available for their children before and after school. It is important to establish the correct balance between family life and working life.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận về nguyên nhân làm phát sinh nhiều vấn đề ở thiếu niên ngày nay (như phạm tội ở tuổi vị thành niên), yêu cầu cho biết có phải điều đó xuất phát từ thực tế: nhiều phụ nữ vẫn đi làm khi đã lập gia đình và không thể chăm sóc con cái chu đáo; các đề liên quan bàn về vấn đề bình đẳng giới trong nghề nghiệp, trong lĩnh vực giáo dục, chính trị.

#### Question 30.1

In spite of the many advances women have made in education and employment, they continue to be at a disadvantage when it comes to pay and promotion. In your view, what should be done to promote equality of opportunity for men and women in the workplace? (*Writing for IELTS*)

Đề này bàn về vấn đề bình đẳng giới trong công việc. Hãy tham khảo bài viết mẫu của Q30.1 ở phần phụ lục.

#### Question 30.2

In some countries there are women taking positions in male-dominated occupations such as police officers and soldiers. Some people believe that women are not suited to such work. To what extent do you agree or disagree? (*trước năm 2003*)

### Gợi ý

Hãy tham khảo bài viết mẫu của Q30.2 ở phần phụ lục.



Yêu cầu của đề	Ở một số quốc gia, phụ nữ nắm giữ những vị trí trong các nghề thường do đàn ông đảm trách như cảnh sát và quân nhân. Một số người cho rằng phụ nữ không phù hợp với những công việc đó. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này ở mức độ nào.
Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Một số người cho rằng những nghề thường do nam giới đảm trách như cảnh sát và quân nhân đòi hỏi <i>sức mạnh</i> (physical power) và <i>hình thể</i> (body mass). Phụ nữ khó đáp ứng được những yêu cầu này.</li> <li>• Tuy nhiên, do sự phát triển của khoa học-kỹ thuật hiện đại, <i>nhiệm vụ</i> (responsibilities) chính hiện nay của quân nhân và cảnh sát đã thay đổi, nhiệm vụ đó không phải chỉ cần điều kiện thể lực mà còn cần <i>trí thông minh/sự hiểu biết về tâm lý</i> (intelligence/psychology). Không có bằng chứng nào cho thấy rằng phụ nữ kém hơn nam giới về <i>mặt sinh học</i> (biologically).</li> <li>• Phụ nữ <i>cẩn thận, chú ý đến chi tiết nhiều hơn</i> (detail-oriented, careful) và rất giỏi xử lý các mối quan hệ xã hội. Đây là <i>những đặc điểm cá tính rất quý báu</i> (valuable personality traits) mà cảnh sát và quân nhân của xã hội hiện đại cần có.</li> </ul>

Đề này cũng có thể được diễn đạt theo cách khác: In many countries, women are not able to join the army on an equal basis with men but some people think that women should be members of the army, navy and air force. To what extent do you agree or disagree? (ngày 10 tháng 1 năm 2004)

### Question 30.3

Universities should accept equal numbers of males and females to study in every subject. Do you agree or disagree? (IELTS 5 TEST 1)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	Có quan điểm cho rằng các trường đại học nên tiếp nhận số lượng sinh viên nam và nữ bằng nhau trong mọi ngành học. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này.
Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sinh viên nam và nữ có năng lực và trí thông minh ngang nhau, vì vậy các trường đại học không nên có <i>sự phân biệt đối xử về giới tính</i> (sex discrimination) hay thiên kiến về giới trong chuyên ngành nào đó (nhưng điều này không có nghĩa là các trường cần phải tuyển số sinh viên nam và nữ ngang nhau trong tất cả các chuyên ngành).</li> </ul>

Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>Một số chuyên ngành <i>không đáp ứng sở thích của các em (sinh viên nữ) và không hứa hẹn triển vọng tốt đẹp trong nghề nghiệp</i> (do not cater for their interests and not guarantee good career prospects), do đó các trường đại học không thể ép buộc sinh viên nữ học các chuyên ngành đó.</li> <li>Tiếp nhận số sinh viên nam và nữ bằng nhau trong mọi ngành học <i>sẽ là sự lãng phí nghiêm trọng nguồn lực giáo dục</i> (would be a dramatic waste of educational resource).</li> <li>Các trường nên <i>tuyển sinh dựa vào năng lực của sinh viên và xem xét những sở thích hoặc nguyện vọng của các em</i> (enrol students based on their own merits and take their interests or wills into consideration) chứ không nên xem trọng vấn đề giới tính.</li> </ul>
--	---

## Question 30.4

Throughout history, male leaders often made society more violent and full of conflict. If women governed the world, it would be a more peaceful one. To what extent do you agree or disagree? (ngày 2 tháng 12 năm 2006)

## Gợi ý

Yêu cầu của đề	Lịch sử cho thấy nhiều cuộc bạo loạn và xung đột thường xảy ra trong các xã hội do nam giới lãnh đạo. Giả như phụ nữ lãnh đạo thế giới thì thế giới này sẽ bình yên hơn. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này.
Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nam giới có tính <i>hung hăng (aggressive)</i>, nữ giới thì <i>ôn hòa/nhún nhường (moderate/modest)</i>; vì vậy dường như nữ giới nắm quyền lãnh đạo thì xã hội sẽ bình yên hơn. Chẳng hạn, khi <i>đàm phán và hòa giải trong lĩnh vực ngoại giao (diplomatic mediation and negotiation)</i>, Hillary Clinton đã từng giữ <i>vai trò sứ giả hòa bình (role of a peacekeeper)</i>.</li> <li>Có lẽ nữ giới thiên về <i>sự hợp tác (collaboration and cooperation)</i> khi giải quyết vấn đề.</li> </ul>
Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li><i>Các nhà lãnh đạo về chính trị (political leaders)</i> gánh vác trách nhiệm và đưa ra các quyết định chủ yếu là vì lợi ích quốc gia chứ không liên quan đến giới tính. Trong lịch sử có những nhà lãnh đạo nữ về đối nội thì <i>cai trị tàn bạo/áp bức (rule like a tyrant/be tyrannical/oppressive)</i> còn về đối ngoại thì <i>phát động chiến tranh chống lại các nước/thuộc địa khác (declare wars against other countries/colonies)</i>, ví dụ Võ Tắc Thiên của Trung Quốc, Elizabeth I của Anh.</li> </ul>



**Question 31**

Food can be produced more cheaply nowadays with improved fertilisers and better machinery. However, some methods may be dangerous to human health, and have negative effects on local communities. What is your opinion on the issue?

**Bài mẫu tham khảo**

Today, advanced technology is increasingly applied to food production so we can produce food more cheaply in larger quantities and wider ranges than ever before. The number of starving people in the world has been dramatically reduced over recent decades, and a wider variety of food can reach the common household. These obvious benefits cannot be denied.

Despite all these merits, it is believed that some of the methods used in food production are dangerous for consumers' health. For instance, the wide use of some chemical fertilisers and pesticides, though increasing productivity, also threatens people's health because some chemicals will remain in the food and be detrimental to one's fitness.

Another disadvantage is the potential impact on local communities. For example, as a result of the wide use of modern machinery and advanced farming techniques requiring less manpower, many people have moved from rural communities to urban areas to find work, destroying rural communities that have existed for generations.

Also, people are worried about the genetically modified foods that are becoming available. Although most scientists agree that they are safe to be part of our diet, the fact is that there might be unknown long-term effects of consuming them.

To conclude, I think that some methods involving modern technologies are indeed harmful to both human health and local communities. But that is not to say that we should return to a barbarian lifestyle. Rather, practical solutions should be worked out to maximise the benefits of farming technology and to minimise its side effects.

**Đề bài liên quan trong kho đề**

Đề này yêu cầu thảo luận về những ảnh hưởng của khoa học-kỹ thuật đối với sức khỏe con người và cộng đồng khi khoa học-kỹ thuật được ứng dụng trong nông nghiệp và sản xuất thực phẩm. Đề bài liên quan bàn về những tiến bộ của khoa học-kỹ thuật trong sản xuất thực phẩm cùng ảnh hưởng của nó.

**Question 31.1**

The range and quality of food have been improved by advancements in science and technology. Discuss the advantages and disadvantages of these advancements. (ngày 11 tháng 8 năm 2007)

**Gợi ý**

<b>Yêu cầu của đề</b>	Những tiến bộ của khoa học-kỹ thuật đã cải thiện chủng loại và chất lượng của thực phẩm. Hãy thảo luận về lợi ích và mặt bất lợi của những tiến bộ này.
<b>Lợi ích</b>	<p>Sự cải thiện nguồn thực phẩm được thể hiện ở ba mặt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Chủng loại</i> (range)</li> <li>• <i>Chất lượng</i> (quality)</li> <li>• <i>Số lượng</i> (quantity)</li> </ul>
<b>Mặt bất lợi</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Những tiến bộ trong khoa học-kỹ thuật có <i>tác động xấu đến sức khỏe và môi trường</i> (negative influences on health and environment).</li> </ul>

**Question 32**

In many less-developed countries, the gap in the standard of living between the city and countryside is very large. What are the reasons? How could the gap be reduced?

**Bài mẫu tham khảo**

Many less-developed countries are experiencing a wide difference in living standards between the cities and the rural areas. In this essay, I shall look at two reasons why this is happening and how the gap might be made smaller.

One reason that cities are much more developed than rural areas in less-developed countries is that the governments have focused on making the cities look good for investment. In Vietnam, for example, the government has clearly focused on making Ha Noi and Ho Chi Minh city particularly attractive to outside investment. This strategy has clearly worked, but also results in a great disparity in living standards.

Another reason is that the level of education in cities in less-developed countries is generally much higher than that in rural areas. Better teachers usually prefer to be where the living standards are better and this leads to a situation where the schools in the countryside gradually fall further and further behind. In addition, the schools in cities tend to be better equipped and the students also have access to more and better information. For example, in Vietnam, it is normal for students to have access to computers in cities, but not so common in the countryside.



There are several ways in which the gap could be reduced. Some suggest having teachers from the cities go to work in the countryside for a while. However, I think that more investment in rural schools would be more appropriate, as this would allow school and teachers from rural areas to develop more independently. As for the issue of investment, if the government makes it more advantageous for companies to locate in rural areas, perhaps through taxation and/or better infrastructure, it may provide more opportunities for those areas to catch up with the cities.

To summarise, there are many reasons why the living standards in rural and urban areas differ so much in less-developed countries and the government has a range of responsibilities for reducing this gap.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận về nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt lớn trong mức sống giữa thành phố và nông thôn tại các nước đang phát triển và đề xuất cách giải quyết; các đề liên quan bàn về vấn đề đô thị hóa cũng như sự khác biệt giữa thành phố và nông thôn, thường yêu cầu thí sinh thảo luận về nguyên nhân của tình trạng này, những ảnh hưởng tiêu cực của nó và đưa ra giải pháp tương ứng.

#### Question 32.1

The movement of people from agricultural areas to cities to work can cause serious problems in both places. What are the serious problems and what measures can be taken to solve the problems? (topic: 17 tháng 7 năm 2010)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	Hãy cho biết những vấn đề nghiêm trọng nào có thể xảy ra khi người dân từ vùng nông thôn đến thành phố làm việc và đề xuất giải pháp cho những vấn đề này.
Vấn đề	<p>Những ảnh hưởng đối với vùng nông thôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Một số nơi người ta bỏ đi gần hết (some places are nearly evacuated), chỉ còn người già và trẻ em (left with the old and the young). Họ ít nhận được sự hỗ trợ, quan tâm (less support and care for them). Điều này gây ra các vấn đề xã hội (social problems), ví dụ người già trở thành người giữ căn nhà vắng người (empty-nesters).</li> <li>• Việc người dân rời nông thôn đến thành phố làm việc gây tác động xấu đến sự phát triển bền vững của vùng nông thôn (negative influences on the sustainable development of the rural areas).</li> </ul>

Giải pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Điều đó cũng <i>không tốt cho truyền thống và văn hóa nơi đây</i> (not good for traditions and culture there).</li> </ul> <p>Những ảnh hưởng đối với thành phố:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li><i>Việc có quá nhiều người đổ về thành phố</i> (too many people swarming into cities) tạo ra nhiều áp lực về giao thông và nhà ở. Ví dụ, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đang đối mặt với những vấn đề này.</li> <li>Tình trạng nói trên cũng gây ra <i>các vấn đề về an ninh/những lo ngại về an ninh</i> (security concerns/problems), vấn đề tội phạm.</li> </ul> <p>Chính phủ nên <i>đầu tư nhiều hơn vào nông thôn, chẳng hạn xây dựng cơ sở hạ tầng/chính sách thuế tốt hơn cho các công ty muốn đặt nhà máy của họ ở nông thôn</i> (more investment in rural areas, i.e. better infrastructure/taxation policy for companies that would like to base their factories in the countryside).</p>
-----------	--

## Question 32.2

Some people think the rise in living standards in a country seems to only benefit cities rather than rural areas. What problems may these differences cause? How to reduce these problems? (ngày 26 tháng 10 năm 2013)

## Gợi ý

Yêu cầu của đề	<p>Một số người nghĩ rằng việc nâng cao mức sống trong một đất nước dường như chỉ có lợi cho các thành phố chứ không phải các vùng nông thôn. Hãy cho biết sự khác biệt đó gây ra những vấn đề gì và làm thế nào để giảm thiểu các vấn đề này.</p>
Vấn đề	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sự khác biệt nói trên khiến mọi người có cảm giác <i>bất công</i> (unfair), có thể khiến người dân nông thôn <i>căm ghét</i> (resent) người dân thành phố; giữa họ dễ xảy ra <i>xung đột</i> (conflicts). Điều này ảnh hưởng đến <i>sự ổn định xã hội</i> (social stability).</li> <li>Người dân nông thôn đến thành phố tìm việc ngày càng nhiều sẽ làm phát sinh hàng loạt vấn đề (bạn có thể tham khảo dàn bài của Q32.1).</li> </ul>
Giải pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chính phủ nên hỗ trợ nông thôn bằng cách đầu tư vào lĩnh vực giáo dục ở nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp chuyển đến vùng nông thôn (bạn có thể tham khảo đoạn thứ tư trong bài viết mẫu của Q32).</li> </ul>



## Question 32.3

People living in big cities are facing many problems today. What are the problems? Should the government encourage people to live in regional towns? (ngày 14 tháng 2 năm 2008)

## Gợi ý

Yêu cầu của đề	Hãy cho biết người dân ở các thành phố lớn đang đối mặt với những vấn đề gì và chính phủ có nên khuyến khích người dân sống ở các tỉnh không.
Vấn đề	<p>Người dân sống tại các thành phố lớn đang đối mặt với những vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Vấn đề giao thông</li> <li>• Vấn đề nhà ở</li> <li>• Vấn đề rác thải, chất lượng không khí (waste disposal/air quality).</li> </ul>
Giải pháp	<p>Chính phủ nên khuyến khích người dân sống ở các tỉnh và thị trấn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Điều này sẽ làm giảm bớt ở mức độ nhất định những vấn đề mà các thành phố lớn (mega cities/metropolises) đang đối mặt (trên thực tế, chính phủ đã sử dụng nhiều biện pháp để giải quyết những vấn đề nói trên nhưng các biện pháp đó mang lại hiệu quả rất thấp).</li> <li>• Việc khuyến khích người dân sống ở các tỉnh và thị trấn còn giúp chính phủ phân phối công bằng hơn nguồn tài nguyên của xã hội (fairer distribution of social wealth) để nguồn tài nguyên đó đến được với nhiều người.</li> </ul>

## Question 33

Should animals be used in testing new drugs and procedures?

## Bài mẫu tham khảo

Every year, millions of animals undergo painful suffering or death in the name of scientific research into the effects of drugs, food additives, cosmetics and other chemical products. While most people think animal testing is necessary, others are upset by what they see as needless suffering. This essay looks at some of the positive and negative aspects of animal testing.

Many medical treatment and procedures have been developed from experiments on animals. Since animals share many features with humans, scientists use animals to test the safety and effectiveness of newly developed drugs before pilot testing on small groups of patients. Medical teams practice new operating techniques such as transplants on animals. Without animal testing, many procedures or new drugs would be extremely unsafe.

However, many people are concerned that animals are suffering unnecessarily. They do not believe that every new drug needs to be tested on animals, especially with the huge database of knowledge we have, and modern computer models. They are also worried that many animal tests are ineffective, pointing out that many drugs have had to be withdrawn from the market despite extensive testing. They particularly feel that animal testing should not be used for non-essential products such as cosmetics and cleaning products. Furthermore, some campaigners would like to see certain tests replaced and more humane methods used.

We need to make sure that the millions of animals that are used for testing new products are guaranteed a minimum of suffering. Although some animal testing may be unavoidable at present, treating our fellow creatures as mercifully as possible will demonstrate our humanity.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận vấn đề: có nên thử nghiệm thuốc và quy trình mới trên động vật hay không, các đề liên quan bàn về vấn đề bảo vệ động vật.

#### Question 33.1

Some people think that the use of animals for experimentation is cruel; others think it is good for the development of science. Discuss both sides and give your opinion. (ngày 17 tháng 9 năm 2005)

### Gợi ý

Đề này bàn về việc thử nghiệm trên động vật. Việc này là tàn nhẫn hay cần thiết cho sự phát triển của khoa học? Chúng ta có thể tránh sử dụng động vật trong những thí nghiệm nào? Dựa vào sự phát triển của khoa học-kỹ thuật, chúng ta có thể tránh làm hại động vật trong những thí nghiệm nào? Hãy xem bài viết mẫu của Q33.1 ở phần phụ lục.

#### Question 33.2

Now many people think that we are spending too much money and time on protecting wild animals. The money should be better spent on humans. Do you agree or disagree? (tháng năm 2003)

### Gợi ý

#### Yêu cầu của đề

Ngày nay nhiều người nghĩ rằng chúng ta dành quá nhiều tiền và thời gian cho việc bảo vệ động vật hoang dã. Chúng ta nên dành số tiền đó cho con người. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này.



Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Động vật thuộc <i>cấp thấp hơn so với con người/tầng bậc sinh vật</i> (inferior to human/biological hierarchy), động vật phụ thuộc vào loài người. Do đó, trước tiên chúng ta nên xem xét các vấn đề và nhu cầu của con người (bạn có thể tham khảo bài viết mẫu của Q33.1).</li> <li>• Chi phí bảo vệ động vật hoang dã ngày nay khiến người ta phải kinh ngạc trong khi ở nhiều nơi, việc cung cấp nước sạch, nhu yếu phẩm và chăm sóc y tế ở mức cơ bản – những điều cần thiết cho đời sống con người – lại đang thiếu nguồn vốn để thực hiện.</li> </ul>
Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bảo vệ động vật hoang dã sẽ góp phần vào việc bảo vệ giống loài và sự đa dạng sinh học, điều này rất quan trọng đối với hệ sinh thái toàn cầu và sự phát triển bền vững.</li> <li>• Các hoạt động của con người đã gây ra những vấn đề rắc rối hiện tại, con người phải có trách nhiệm "<i>giải quyết mớ hỗn độn đó</i>" ("clean up the mess").</li> </ul>

### Question 33.3

Some people think it is acceptable to use animals in any way for the benefit of human beings, while others think it is not justifiable. Discuss both sides and give your opinion. (ngày 2 tháng 2 năm 2008)

Đề này về cơ bản là cách diễn đạt khác của đề Q33.1. Hãy tham khảo bài viết mẫu của Q33.1.

### Question 34

The importance of biodiversity is being increasingly recognised as more species come under threat. What can be done to maintain biodiversity?

### Bài mẫu tham khảo

As natural resources come under increasing pressure, the list of endangered plants and animals continues to grow. The causes are many: developments in agriculture, mining, forestry and transport. Some would argue that the loss of biodiversity is a price we must pay for progress. In my view, however, there is much that governments can and should do to protect the world's plants and animals.

Governments could promote greater understanding of plants and animals by investing in the research and preservation efforts of universities, zoos and botanical institutes. This may ensure the survival of individual species and produce tangible benefits in the form of

new medicines and products. However, this strategy alone would do little to protect the whole ecosystems that are under threat.

An alternative strategy would be to protect natural habitats by expanding nature reserves. This would have immediate positive consequences for those areas by preserving delicate ecosystems. However, this strategy also has limitations. It does not protect from phenomena such as acid rain and water pollution, which can cross boundaries and affect large areas.

The most effective solution is to limit the damage at source. Companies that engage in practices that harm the environment should be required to demonstrate that they have taken all reasonable efforts to minimise the damage. Public contracts for roads and buildings should only be awarded to firms that have a good environmental track record.

The strategies outlined above: preservation, protection and, above all prevention, can do much to reverse the destruction that threatens the world's plants and animals. The aesthetic and practical benefits of doing so are well worth the cost.

### Đề bài liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận về tầm quan trọng của sự đa dạng sinh học và đề xuất các biện pháp bảo vệ, đề bài liên quan bàn về việc bảo vệ sự đa dạng sinh học và ý thức cùng hành động của con người trước vấn đề đó.

#### Question 34.1

Far too little has been done to prevent animals and plants from becoming extinct, although people have been aware of this problem for a long time. Why do you think people take little action on this matter, and how should we help change the situation? (ngày 3 tháng 12 năm 2015)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	Tuy biết rõ một số động thực vật đứng trước nguy cơ tuyệt chủng nhưng con người ít có hành động thiết thực. Hãy cho biết vì sao con người ít hành động và chúng ta nên làm gì để thay đổi tình trạng này.
Nguyên nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>Một số người cho rằng bảo vệ động thực vật là vấn đề quá lớn, cá nhân không thể giải quyết được. Đây chủ yếu là trách nhiệm của chính phủ và các doanh nghiệp lớn.</li> <li>Một số người cho rằng chúng ta không thu được nhiều <i>lợi ích hữu hình</i> (tangible benefits) sau những nỗ lực nhất định hay sau khi bỏ ra số tiền nhất định để bảo vệ động thực vật – chúng ta <i>rất khó xác định</i> (difficult to measure) lợi ích của việc này.</li> </ul>



## Giải pháp

- Nhiều người không nhận thức rõ *những hậu quả nghiêm trọng của việc đánh mất sự đa dạng sinh học* (the severe consequences of loss of biodiversity).
- Nhà trường nên có chương trình giảng dạy về bảo vệ động thực vật để thế hệ trẻ nhận thức được vấn đề đồng thời tác động trở lại phụ huynh.
- Chính phủ cần triển khai *các chiến dịch trong cộng đồng về tầm quan trọng của việc bảo vệ động thực vật* (public campaigns on the importance of ...) để thay đổi nhận thức sai lệch của không ít người.

## Question 35

Fossil fuels (for example, coal, oil, natural gas) are the main sources of energy in many countries, but in some countries the use of alternative sources of energy is encouraged. Is it a positive or negative development?

## Bài mẫu tham khảo

I think that the focus on alternative, renewable sources of energy in some countries is an excellent idea and that countries that concentrate on fossil fuels seriously need to consider what they are doing. In this essay I shall explain why.

One simple point is that fossil fuels are bad for our environment. The use of fossil fuels leaves behind particles in the air which can cause breathing disorders and pollute the natural world. The environment is naturally able to deal with a certain amount of pollution, but humans are now so numerous and our use of fossil fuels is so vast that this has now become impossible. As a result, we are faced with choosing renewable forms of energy or destroying our natural environment.

Another point is that fossil fuels will eventually run out. This is a simple matter of logic. It takes millions of years for fossil fuels to form, yet it takes us far less time to use them. The problem is that nobody is sure about exactly when fossil fuels will run out. This is largely due to the fact that we do not know where it all is.

Some people claim that we can start using alternative energy sources when the fossil fuels run out, but this is not a real option. When fossil fuels really start running out, there will almost certainly be wars over the remaining supply and, perhaps more importantly, we will need a good supply of fossil fuels to create the energy required to construct wind turbines, solar panels and other equipment that alternative energy requires.

To conclude, it seems obvious to me that we need to start developing alternative energy on a large scale now, rather than waiting.

### Đề bài liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận về sự cần thiết của việc phát triển nguồn năng lượng mới để thay thế nhiên liệu hóa thạch, đề bài liên quan bàn về việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước sạch.

#### Question 35.1

Nowadays, fresh water is insufficient in some parts of the world. Discuss the causes for this and some solutions. (trước năm 2003)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	Thảo luận về những nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu nước sạch ở một số nơi trên thế giới và đề xuất giải pháp cho vấn đề này.
Nguyên nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khí hậu: <i>biến đổi khí hậu</i> (climate change) khiến một số nơi <i>gánh chịu các đợt hạn hán trầm trọng/thiếu mưa</i> (suffer from severe droughts/lack of rain).</li> <li>• Nguồn nước ô nhiễm (water pollution): sự ô nhiễm hóa học sinh ra trong quá trình phát triển nông nghiệp hay công nghiệp.</li> <li>• Dân số gia tăng (population growth): ví dụ dân số Ấn Độ là 1,2 tỉ người trong khi quốc gia này vốn thiếu hụt nguồn nước. Điều đó khiến <i>lượng nước dùng tính trên đầu người</i> (per capita water use) rất ít.</li> </ul>
Giải pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chính phủ hay các cơ quan bảo vệ môi trường nên tổ chức nhiều <i>chiến dịch quảng cáo trên tivi/mạng Internet để giáo dục quần chúng</i> (advertising campaigns on TV/the Internet to educate the public), giúp họ nhận thức được tình trạng thiếu nước sạch và hậu quả của tình trạng này, từ đó biết tiết kiệm nước, không lãng phí nguồn <i>nước sạch</i> (fresh water) vốn có hạn.</li> <li>• Chính phủ nên khuyến khích mọi người có <i>lối sống "xanh" hơn/lối sống thân thiện với môi trường</i> (greener lifestyle/eco-friendly lifestyle), <i>hạn chế gây ô nhiễm môi trường và hạn chế vứt rác</i> (less pollution and less rubbish).</li> </ul>



**Question 36**

Differences between countries are becoming less evident nowadays. People tend to have the same films, music, brands, TV channels, and so on. To what extent do you think the disadvantages outweigh the advantages?

**Bài mẫu tham khảo**

As a result of the accelerating process of globalisation in various aspects, young people in different countries are more likely to enjoy the same music, films or television programmes, which inevitably results in some similarities between different countries.

Some people may claim that it is more a curse than a blessing for the world. One argument commonly raised is that this process will be damaging to the globe's diversity. When locals are bombarded with foreign products or culture, they may gradually abandon their traditional values or ways of life, so this would have a negative impact on their national or cultural identities in the long run. Some people even quote numerous examples such as the Eskimo in Alaska to illustrate their points of view. While this is particularly true of some minority cultures, I want to point out that they are still special cases instead of the general rule.

Generally speaking, sharing something across the globe can contribute to a deeper mutual understanding between different nations. For example, a piece of country music by John Denver may well shed light on the peaceful daily life of Americans while a love song written by Trinh Cong Son (one of the most well-known song writers in Vietnam) may introduce to Westerners a much more familiar Vietnam. What is more, an experience of some alien cultures may encourage more appreciation of the local ones, rather than assimilation or malfunction. There is overwhelming evidence on this when we consider Japan, or Vietnam, or even the US, which tend to incorporate the international elements into the local culture.

To conclude, I am quite optimistic about the prospect of an increasingly similar world. Of course, some minority groups may be put at a disadvantage for they cannot receive equal attention as the superpowers. So I also advocate that governments or other bodies should make efforts to bring these minorities into the international horizon.

**Các đề liên quan trong kho đề**

Đề này yêu cầu thảo luận về lợi ích và mặt bất lợi của hiện tượng nền văn hóa các nước ngày càng giống nhau (không còn sự khác biệt rõ rệt), các đề liên quan bàn về sự đa dạng văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa.

## Question 36.1

Some people suggest when people move to a new country they should accept the new culture as their own, rather than have separate minority groups which have their own different cultures. To what extent do you agree? (ngày 29 tháng 8 năm 2005)

## Gợi ý

Yêu cầu của đề	<p>Một số người cho rằng những người di cư đến một đất nước xa lạ nên tiếp nhận nền văn hóa mới chứ không nên giữ bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Hãy cho biết bạn đồng ý với quan điểm đó ở mức độ nào (đàn bài này ủng hộ quan điểm cho rằng người di cư nên tiếp nhận nền văn hóa mới đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc mình).</p>
Các ý tham khảo	<p>Người di cư nên tiếp nhận nền văn hóa mới:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Người di cư có thể <i>thích nghi với cuộc sống ở nơi cư trú</i> (fit into the local life) tốt hơn, nhờ đó họ sẽ có công việc tốt hơn và có trải nghiệm tích cực hơn.</li><li>• Nền văn hóa mới có rất nhiều <i>ưu điểm và nét riêng</i> (merits and uniqueness), có thể <i>mang đến những góc nhìn mới và mở ra nhiều khả năng mới</i> (provide new perspectives and open up new possibilities), giúp mọi người giải quyết vấn đề từ nhiều góc độ. Vì vậy, người di cư không nên <i>cô lập mình với xã hội/nền văn hóa mới</i> (stay isolated from the new society/culture).</li></ul> <p>Người di cư cần giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• <i>Các di sản văn hóa riêng của họ cũng quý giá và độc đáo không kém</i>, người di cư nên <i>trân trọng những nét văn hóa đó và lưu truyền lại cho thế hệ mai sau</i> (heritages in their own culture are similarly invaluable and unique, should be appreciated and passed down).</li></ul>

## Question 36.2

Exposure to international media, for example, films, TV and magazines, has an impact on the local culture. Do the advantages of this exposure outweigh its disadvantages? (ngày 25 tháng 11 năm 2006)

## Gợi ý

Đề này yêu cầu thảo luận về những ảnh hưởng của phương tiện truyền thông quốc tế đối với nền văn hóa địa phương.



<b>Yêu cầu của đề</b>	Nền văn hóa địa phương sẽ bị ảnh hưởng khi người dân tiếp xúc với phương tiện truyền thông quốc tế như điện ảnh, truyền hình, tạp chí. Hãy cho biết lợi ích và mặt bất lợi của việc này.
<b>Lợi ích</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Việc tiếp xúc với phương tiện truyền thông quốc tế làm phong phú đời sống tinh thần của người dân địa phương, giúp họ tiếp cận với nhiều loại hình giải trí và mở rộng tầm hiểu biết. Ví dụ, người xem tivi các nước có thể thưởng thức chương trình <i>Thần tượng nước Mỹ</i> và <i>phim bom tấn Hollywood</i> (American Idol and Hollywood blockbuster).</li> </ul>
<b>Mặt bất lợi</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sự tiếp xúc đó khiến người dân địa phương, nhất là <i>giới trẻ</i> (the younger generation), càng <i>ngưỡng mộ/đánh giá cao</i> (admire/appreciate) văn hóa ngoại lai, từ đó <i>xem nhẹ/từ bỏ</i> (devalue/give up) văn hóa truyền thống của dân tộc mình.</li> <li>Các nền văn hóa ngày càng <i>trở nên bị đồng hóa</i> (become assimilated), điều này ảnh hưởng đến <i>sự đa dạng văn hóa</i> (cultural diversity).</li> </ul>

**Question 36.3**

We tend to have a mixture of people from different cultures and ethnic groups in a country. Why? Is this a positive or negative development? (Được 13 tháng 10 năm 2012)

**Gợi ý**

<b>Yêu cầu của đề</b>	Hãy cho biết nguyên nhân dẫn đến hiện tượng các dân tộc có khuynh hướng ngày càng hòa nhập và điều đó là tốt hay xấu (lợi ích/mặt bất lợi của hiện tượng này).
<b>Nguyên nhân</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhiều người chọn du lịch, học tập, làm việc, cư trú ở nhiều nơi để có <i>các trải nghiệm phong phú về văn hóa</i> (rich cultural experiences) và <i>hiểu biết về thế giới</i> (global understanding). Ví dụ, người châu Á sang nước Mỹ, người Mỹ sang các nước châu Á.</li> </ul> <p>Đưa ra quan điểm của bạn: xu thế nêu trên có lợi nhiều hơn (bạn có thể tham khảo bài viết mẫu của Q36).</p>
<b>Lợi ích / mặt bất lợi</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xu thế này <i>tăng cường sự hiểu biết và giao tiếp hỗ tương</i> (enhance the mutual understanding and communication) giữa những người thuộc các nền văn hóa khác nhau.</li> <li>Xu thế này cũng làm phong phú trải nghiệm của mỗi cá nhân, giúp họ có cơ hội phát triển hơn nữa.</li> </ul>

**Question 37**

The government should control the amount of violence in films and on television in order to decrease the number of violent crimes in society. To what extent do you agree or disagree with this opinion?

**Bài mẫu tham khảo**

The violent crimes are increasing at a two-digit figure in recent decades worldwide. It is likely that people always blame the violent films or TV programmes for this. Personally, I tend to believe that the government should control the amount of violence in the media to bring down crime rates but that is far from enough to achieve the end.

The problem with violence in films and on television is that its viewers who are often exposed to it are more likely to imitate the violent solutions when they find themselves in difficulty. This is particularly true if they are young children, who are not mature enough and more prone to violent images or actions. So the government should be responsible for controlling and censoring what are going to be broadcast on TV or in films. For example, governments should be firmer about ratings of the films to make sure that children are not allowed the chance to watch them in the cinema.

However, the mere efforts of the government are becoming insufficient today, when many kinds of violent materials are available for consumption on DVDs, or more often on the Internet to be downloaded mostly for free. To better control the unsuitable images or programmes, parents have a definitely irreplaceable role to play, which is to supervise what their children do and pay more attention to them lest they might be led astray and end up committing crimes.

To sum up, it is evident that governments should impose strict controls on the violence in the media, but we should not place all the blame on the media. More introspection of adults and their efforts are needed to reduce the amount of violent crimes in modern society as well.

**Các đề liên quan trong kho đề**

Đề này yêu cầu thảo luận vấn đề: chính phủ có nên kiểm soát các nội dung bạo lực trong phim ảnh và trên tivi để giảm bớt tình trạng phạm tội trong xã hội hay không, các đề liên quan bàn về mối quan hệ giữa phương tiện truyền thông, khoa học-kỹ thuật và tình trạng phạm tội cũng như nguyên nhân phạm tội. Người ta phạm tội chủ yếu là do các nguyên nhân sau:

- ① Ảnh hưởng của gia đình (parenting/family reasons)
- ② Sự giáo dục của nhà trường (schooling/education)



- ③ Ảnh hưởng của phương tiện truyền thông (mass media/TV/film/the Internet)  
 ④ Ảnh hưởng của khoa học-kỹ thuật (video games/electronic games/computers)

**Question 37.1**

Some information in films, books and on the Internet has a bad influence on young people and even on society. Some think such information should be controlled. Do you agree or disagree? (trước năm 2005)

**Gợi ý**

<b>Yêu cầu của đề</b>	Một số thông tin trong sách, phim ảnh và trên mạng Internet có ảnh hưởng tiêu cực đến giới trẻ và thậm chí là xã hội. Một số người cho rằng nên kiểm soát những thông tin như thế. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này.
<b>Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài</b>	<p>Nên kiểm soát hợp lý các thông tin trong sách, phim ảnh và trên mạng Internet:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Một số nội dung liên quan đến bạo lực và tình dục sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến thanh thiếu niên, <i>dẫn đến tình trạng hành vi của họ có vấn đề</i> (lead to their problem behaviours), thậm chí <i>lôi kéo người khác phạm tội</i> (tempt someone to commit crimes).</li> <li>Tốt nhất là chính phủ thiết lập <i>hệ thống kiểm duyệt</i> (rating system).</li> </ul>
<b>Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Việc kiểm soát thông tin có thể <i>bị lạm dụng như một cái cớ để hạn chế quyền tự do ngôn luận của mọi người</i> (abused as an excuse to limit people's freedom of speech).</li> </ul>

**Question 37.2**

Some people think that the news media has a negative effect on society. What is your opinion? (năm 25 tháng 6 năm 2008)

**Gợi ý**

Đề này yêu cầu thảo luận về ảnh hưởng của *phương tiện thông tin* (news media) đối với xã hội. Nội dung vừa nêu có liên quan đến mối quan hệ giữa phương tiện thông tin và vấn đề phạm tội. Bạn có thể tham khảo các ý nói về ảnh hưởng tiêu cực của phương tiện truyền thông đã được trình bày trong bài viết mẫu của Q37 và tham khảo dàn bài của Q22.1.

**Question 37.3**

Recent figures show that crimes committed by young people are increasing in major cities throughout the world. Discuss some possible reasons and how to solve this problem. (ngày 22 tháng 1 năm 2005)

**Gợi ý**

Đề này yêu cầu thảo luận về nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu niên phạm tội ngày càng gia tăng ở các thành phố lớn và đề xuất giải pháp cho vấn đề đó. Bạn có thể tham khảo các ý liên quan ở bài viết mẫu của Q37 và dàn bài của Q37.1. Lưu ý là khi viết, bạn phải bám sát cụm từ quan trọng trong đề: **major cities** (thành phố lớn) – cách đơn giản nhất là hãy nhắc lại **big/major cities** (hoặc **metropolis**) khi trình bày từng nguyên nhân.

<b>Yêu cầu của đề</b>	Tình trạng thiếu niên phạm tội ở các thành phố lớn ngày càng gia tăng. Hãy cho biết nguyên nhân của tình trạng này và đề xuất giải pháp.
<b>Nguyên nhân</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các em xem <i>những hình ảnh bạo lực trong phim và trên tivi</i> (scenes of violence in films and on TV).</li> <li>• Các em tiếp nhận <i>những thông tin không phù hợp trong sách hoặc trên mạng Internet</i> (unsuitable information in books or on the Internet).</li> <li>• Các em <i>thiếu sự chăm sóc và giáo dục của cha mẹ</i> (lack of parent care and education).</li> </ul>
<b>Giải pháp</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chính phủ nên <i>kiểm soát những thông tin không phù hợp</i> (control unsuitable information) trên các phương tiện truyền thông, ví dụ kiểm soát thông qua <i>hệ thống kiểm duyệt</i> (rating system) nghiêm ngặt.</li> <li>• Cha mẹ nên dành nhiều thời gian ở bên con cái, đặc biệt là khi con cái truy cập mạng hay xem phim.</li> </ul>

**Question 38**

Detailed reporting of crime has had effects. Consequently, such details should not be reported in the media. To what extent do you agree or disagree?

**Bài mẫu tham khảo**

The media has had a long history of crime reporting. The right of the media to do this is rarely disputed, but the way in which it does often comes under criticism. One issue that has been discussed a lot recently is the details that should be published.



Those who believe that as many details as possible should be published point to the demand for such information from the public and the principle of freedom of information. And many members of the public believe that the more information they have, the better they can protect themselves from criminals. However, I think they are ignoring some potential side effects of this act.

The main reason I think why the media should not give many details of crimes is simply because it would alert the criminal to what the police know and do not know. This could allow the criminal to adjust his or her behaviour and avoid detection or capture. Sometimes it actually might work as a kind of tutorial providing clues or tips to potential criminals. What is worse, giving certain details could cause danger to the victim, his or her families and any witnesses. As is shown in many crime reports, some people get interviewed or offer help to the police. Coverage involving that could easily get innocent people into serious trouble or even life-threatening situations.

To conclude, I believe that the police should control the amount of information given to the media and victims of and witnesses to crimes should think carefully when talking to the media. This is not to say that crimes should not be reported, only that there is insufficient reason for so many details to be included.

Yêu cầu của đề là hãy cho biết phương tiện truyền thông có nên đưa tin các chi tiết liên quan đến vấn đề phạm tội hay không. Đề này là sự tiếp nối của Q37, bàn về mối liên hệ giữa phương tiện truyền thông và tình trạng phạm tội. Bạn hãy tham khảo bài viết mẫu của Q37.

#### Question 39

Some people think the best way to reduce crime is to give longer prison sentences. Others, however, think there are better ways to reduce crime. Discuss both views and give your opinion.

#### Bài mẫu tham khảo

How to lower the crime rate is a constant concern for the government, and opinions on how to go about this are deeply divided.

In the past, imprisonment could deter people from committing crimes to a large extent. But today it seems that simply putting people behind bars will not lead to a drop in crime; instead, the crime rate has been increasing dramatically over recent decades. Therefore, people who are used to the conservative way of dealing with crime suggest longer sentencing should be put into practice.

At first glance, a longer period of time being locked up in prison seems to be a tougher punishment, but as a matter of fact, it neither is severe enough to hardened or habitual criminals, nor makes any difference in rehabilitation of offenders. Actually, imprisonment should be used carefully; otherwise, it will be a total waste of resources or an obstacle to actually solving the problems.

So when looking for ways to handle criminals or deter potential lawbreakers, the government needs to get to the root of the offending behaviour and, more importantly, to deter reoffending. Then it is necessary for us to think about the motives of most criminals and analyse why it is hard for released prisoners to readjust to a normal life. One of the principal reasons is, I believe, the lack of life chances. By that I mean, they have almost no chance of education, medical care and employment, so they can barely make ends meet and survive. Thus, dealing with the issue of how to help these people is at the core of coping with crime-related problems. In this case, the government should try harder to enhance social welfare systems so as to offer basic life standards to its people and work out some solutions, or build up a system to help those misguided people get back on the right track.

In the end, I believe that the purpose of any punishment is not punishment itself but to prevent potential crimes and further, everyone deserves another chance and some help from the government to face up to life again. Education, medical care and job training would be more effective in achieving this end than prison, at least to most of the criminals.

### Đề bài liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận vấn đề: trừng phạt kẻ phạm tội với thời gian thi hành án lâu hơn có giúp giảm bớt tỉ lệ tội phạm hay không, đề bài liên quan bàn về việc nên trừng phạt tội phạm như thế nào.

#### Question 39.1

Sending criminals to prison is not the best method of dealing with them. Education and job training are better ways to help them. Do you agree or disagree? (giao) 18 tháng 6 năm 2005)

### Gợi ý

Đề bài trên về cơ bản giống Q39, bàn về vấn đề nên trừng phạt tội phạm như thế nào. Đề này đưa ra quan điểm cho rằng cách xử lý tội phạm tốt nhất là giáo dục và đào tạo nghề cho họ chứ không phải chỉ đơn giản là giam họ trong tù.

#### Yêu cầu của đề

Giam tội phạm trong tù không phải là biện pháp xử lý tốt nhất, cách tốt hơn là giáo dục và đào tạo nghề cho họ. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này.



Lý do ủng hộ  
quan điểm  
được nêu ở  
đề bài

- Có ý kiến cho rằng việc tuyên án tù đối với tội phạm sẽ giúp bảo vệ pháp luật, khiến tội phạm khiếp sợ. Nhưng những người này lại không thể mưu sinh sau khi ra tù nên có thể họ sẽ tiếp tục phạm tội.
- *Giáo dục và đào tạo nghề* (education and job training) có thể giúp tội phạm có *những kỹ năng sinh tồn* (survival skills) cần thiết, *có lại cơ hội được sinh sống bình thường* (have a second chance to live a normal life), đồng thời giúp họ giảm bớt *lòng căm thù* (resentment) đối với xã hội; nhờ đó khả năng họ tái phạm lỗi lầm sẽ giảm mạnh.

#### Question 40

What are the purposes of places such as museums and how should they be funded?

### Bài mẫu tham khảo

Places such as museums play an irreplaceable role in modern lives. This essay will outline the main functions of them and suggest some possible ways in which they could be funded.

Public museums and art galleries are institutions that collect and safeguard historical or artistic objects and works and make artifacts and specimens accessible, which they hold in trust for society. In a way, **they are the only source of living history and perhaps an insight into the future world that lies before us.** So the significance of them also lies in their role as a national memory bank.

High importance is also placed on the role of museums in providing an ideal learning environment, enabling children and adults to enter worlds that they may otherwise never get to know. Now many museums set aside study days to allow more intensive exploration of the cultural background of an exhibition or area of the collections. And with the rise of technology, public museums and art galleries are able to provide the masses with interactive education on the spot. Visitors can experience hundreds of exhibits and investigate them further using scientific tools and instruments that are provided to encourage visitors to make observations, look for relationships and draw their own conclusions.

On a more materialistic level, museums contribute significantly to the country's revenue, as they are a source of tourist attraction. Actually, those famous national or public museums bring in visitors from all over the world, which generate flourishing profits for the hotel, food and retail industries. So I think museums should be mainly funded by the government. In this case, free entry can attract more people to come to visit them so as to fulfil their roles as public assets to a larger extent.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận về mục đích của những nơi như bảo tàng và việc nên tài trợ cho những nơi đó như thế nào. Các đề liên quan bàn về chức năng của nghệ thuật và việc chính phủ có nên tài trợ cho các dự án nghệ thuật hay không.

#### Question 40.1

Some people say that it is not right for the government to spend so much money on artistic projects such as art galleries and sculptures. What is your opinion on the issue? (trước năm 2003)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	Một số người cho rằng chính phủ không nên chi quá nhiều tiền vào các dự án nghệ thuật như các phòng triển lãm mỹ thuật và xây dựng tượng điêu khắc. Cho biết ý kiến của bạn về vấn đề này.
Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các dự án nghệ thuật không liên quan nhiều đến cuộc sống của con người, đó chỉ là sở thích của một số ít người.</li> <li>• <i>Ngân sách</i> của chính phủ <i>có hạn</i> (limited budget), chính phủ còn nhiều vấn đề quan trọng hơn cần giải quyết như giáo dục, y tế, giao thông công cộng.</li> </ul>
Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các dự án nghệ thuật có ý nghĩa quan trọng (tham khảo bài viết mẫu của Q40).</li> <li>• Các dự án này <i>không có nhiều nguồn tài trợ/nguồn thu</i> (not so many funding sources/streams of income) nên những người thực hiện dự án có thể sẽ gặp khó khăn nếu chính phủ không tài trợ.</li> </ul>

#### Question 40.2

Some people claim that arts such as painting and music cannot affect people's lives directly. The government should spend money on other things. What is your opinion? (ngày 28 tháng 7 năm 2012)

Đề này về cơ bản tương tự đề Q40.1 nên bạn có thể sử dụng các ý trong dàn bài của Q40.1.



**Question 40.3**

Some people think that the government should provide assistance to all kinds of artists (for example, painters, musicians, poets), while others think it is a waste of money. What is your opinion? (*ngày 22 tháng 5 năm 2007*)

Đề này cũng giống đề Q40.1 nên bạn có thể sử dụng các ý trong dàn bài của Q40.1.

**Question 40.4**

At present, although science has been developing at a high speed, people still have a high opinion of artists such as musicians, painters and writers. What can the arts tell us about life that science cannot? (*ngày 16 tháng 7 năm 2011*)

Đề này tương đối khó và ít gặp nhưng bạn cũng cần chuẩn bị. Hãy đọc kỹ bài viết mẫu của Q40.4 ở phần phụ lục.

**Question 41**

Some people claim that public museums and art galleries will not be needed because people can see historical objects and works by using a computer. To what extent do you agree or disagree?

**Bài mẫu tham khảo**

Some people today are questioning the role that public museums and art galleries play, because they think historical objects and works can be appreciated through computers. Personally, I firmly believe these places are still highly desirable even in this era of advanced technology.

Compared with the virtual world presented by computers, museums and galleries are actually real places, where people are allowed to get a more comprehensive and direct feeling about the works on display because their vision is not limited to the size of their screen, but is exposed to life-size objects and their surroundings. By contrast, the vicarious experience people might get with computers is merely a general overview which is less likely to impress or move people.

More importantly, public museums and art galleries are institutions that collect and safeguard historical or artistic objects and works, and make artifacts and specimens accessible, which they hold in trust for society. In a way, they are the only source of living history and perhaps an insight into the future world that lies before us. So the significance of them also lies in their role as a national memory bank.

With the rise of technology, public museums and art galleries of today are able to provide the masses with interactive education on the spot. For example, visitors can experience hundreds of exhibits and investigate them further using scientific tools and instruments that are provided to encourage visitors to make observations, look for relationships and draw their own conclusions.

Now, we can get a clear perspective of the actual roles that places such as public museums and art galleries play. And computer technology is more like an excellent supplement to them but will never be a substitute.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận vấn đề: các bảo tàng và phòng triển lãm mỹ thuật có cần thiết không khi người ta có thể xem các hiện vật lịch sử và tác phẩm nghệ thuật qua máy tính, các đề liên quan yêu cầu biết ý kiến về ảnh hưởng của khoa học-kỹ thuật đối với những địa điểm văn hóa có nhiều người lui tới.

#### Question 41.1

Maintaining public libraries is a waste of money since computer technology is so advanced that the Internet and computers can replace them. To what extent do you agree or disagree? (ngày 19 tháng 2 năm 2007)

#### Gợi ý

Đề này là sự tiếp nối của đề Q41, cũng yêu cầu thảo luận về ảnh hưởng của khoa học-kỹ thuật đối với địa điểm văn hóa có nhiều người lui tới, nhưng địa điểm được đề cập ở đây là *thư viện* (libraries) chứ không phải *bảo tàng* (museums) và *phòng triển lãm mỹ thuật* (art galleries). Bạn có thể tham khảo các ý chính trong bài viết mẫu của Q41 vì đó cũng là các ý cần trình bày đối với đề này: các sản phẩm của khoa học-kỹ thuật như *máy vi tính/mạng Internet* (computers/the Internet) là *công cụ bổ sung tích cực/rất tốt* (positive supplement) nhưng không thể thay thế *sách/thư viện* (books/libraries).

#### Question 41.2

The main purpose of libraries is to provide books. Therefore, they should not use limited resources and space to provide videos, DVDs, and so on. Do you agree or disagree? (ngày 26 tháng 11 năm 2005)

#### Gợi ý

Đề này cũng thảo luận về ảnh hưởng của khoa học-kỹ thuật đối với thư viện. Hãy tham khảo các ý trong bài viết mẫu của Q41 và nêu rõ quan điểm: thư viện có thể cung



cấp DVD hay *sách điện tử* (e-books), đó là *công cụ bổ sung tích cực/rất tốt* (positive supplement) nhưng *sách in* (paperback/hardback books) vẫn là nguồn tài liệu chủ yếu.

**Question 42**

Fashion trends are difficult to follow. Some people think that they primarily exist just to sell clothes so we should not follow them. To what extent do you agree with this opinion?

**Bài mẫu tham khảo**

Fashion is becoming more and more important in a person's choice of clothing. As a result, some people think fashion trends exist only for the selling of clothes. Personally, I believe that fashion is far more than that, though people do not have to follow it.

In an age where mass media is not only a source of information, but also dictates a sense of taste and style, people tend to follow what celebrities wear and buy the brands that are advertised to them. There are always cases of people who fall prey to the fast-changing trends in clothing ending up with wasted time and money. So it is understandable that some may have concerns about following fashion.

On the other hand, however, the function of clothing nowadays is not just to keep warm; the way people dress also speaks for their personalities, professions and attitudes. Paying some attention to trends in clothing helps people learn to choose the right look that shows their respect for others and reflects their personality traits better, because fashion designers display individualism in their work to inspire people to be creative in finding or creating their own styles.

On a larger scale, fashion is a way to interpret traditions, social values and ways of life during a period of time in a particular place, and fashion trends reflect the changes and innovation in that society. For example, during the Middle Ages, women covered most parts of their body in public places because sexual freedom was extremely repressed and people were extremely religious, whereas today in Europe, females are free from many restrictions on clothing. It is safe to say that fashion is the outcome of culture and the study of fashion is actually the research into the cultural evolution of human beings.

Overall, I think that fashion today mirrors modern society. It is a reflective and creative discipline and it is not defined solely by clothing choices, but also conveyed through the way we carry ourselves, our personalities and our views of the world.

**Các đề liên quan trong kho đề**

Đề này yêu cầu thảo luận về thời trang và việc chúng ta có nên chạy theo thời trang hay không, các đề liên quan bàn về thời trang và lối sống của chúng ta.

**Question 42.1**

In some societies, fashion is becoming more and more important in choosing clothes. Why is this the case? Do you think it is a positive or negative development? (ngày 8 tháng 11 năm 2008)

**Gợi ý**

<b>Yêu cầu của đề</b>	Ở một số xã hội, thời trang đang trở nên ngày càng quan trọng trong việc chọn trang phục. Hãy cho biết vì sao có hiện tượng như vậy và điều đó có tốt không (dàn bài này ủng hộ quan điểm cho rằng đây có thể là điều tiêu cực).
<b>Nguyên nhân</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hiện tượng nói trên xuất hiện chủ yếu là do ảnh hưởng của phương tiện truyền thông, quảng cáo.</li> <li>• Nhiều người cho rằng đây là sự lựa chọn thể hiện cá tính.</li> </ul>
<b>Mặt bất lợi</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Xu thế vừa nêu có khả năng hình thành <i>văn hóa/lối sống "vứt đi"</i> (throw-away lifestyle/culture), điều này dẫn đến hệ quả là con người sử dụng lãng phí nguồn tài nguyên (xem dàn bài của đề Q19.1, Q19.2, Q19.3).</li> </ul>

**Question 42.2**

The tendency of human beings to copy one another is shown in the popularity of fashion in clothes and consumer goods. Do you agree or disagree? (ngày 13 tháng 7 năm 2013)

**Gợi ý**

Đề này tiếp tục bàn về thời trang nhưng ở phạm vi rộng hơn: thời trang có phản ánh *xu hướng con người bắt chước nhau* (the tendency of human beings to copy one another) hay không.

<b>Yêu cầu của đề</b>	Xu hướng con người bắt chước nhau được thể hiện qua việc họ ăn mặc và sử dụng hàng tiêu dùng giống nhau. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này.
<b>Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Các nhãn hiệu quần áo và hàng tiêu dùng nào đó thể hiện thị hiếu/địa vị xã hội/nhân thân</i> (certain brands of clothes and consumer goods indicate the taste/social status/identity). Khi mua sắm, có những người muốn <i>thể hiện mình bằng những thứ được nhiều người mong ước đó</i> (identify themselves with those desired icons), ví dụ dòng điện thoại iPhone.</li> </ul>



Lý do phản  
đối quan  
điểm được  
nêu ở đề bài

- Nhiều người không muốn mình giống người khác. *Thời trang* (fashion) gắn liền với sự đa dạng về chủng loại, do đó việc chạy theo thời trang chủ yếu thể hiện con người muốn theo đuổi sự khác biệt, cá tính và sáng tạo.

### Question 43

Should old buildings be destroyed and replaced with modern ones?

### Bài mẫu tham khảo

In the contemporary age, there is constant debate over preserving history versus making progress. In terms of the old buildings, many people assert that they should be better protected while some others claim that they should be knocked down to make way for new ones.

It is widely acknowledged that many old buildings are protected today because they are culturally valuable to a nation. Like a native language, many historical buildings form a cultural identity and keep a unique record of a country, so they possess significant value to research into the past and play an important function in the education of future generations. Moreover, old buildings, if utilised and preserved properly, could actually contribute to economic development. For example, Westminster Abbey in London, the Eiffel Tower in Paris and the Imperial Citadel of Thang Long in Ha Noi, as icons and landmarks of the city and nation, attract countless tourists every year, which brings millions of dollars in revenue for the government.

Nevertheless, we are not advocating equal treatment for all old buildings, and some of them do need to be torn down, partly because of safety concerns, and partly because they need to be replaced to meet the need of social development, such as to raise the utilisation rate of land. Despite this, many more historical buildings deserve our protection and we should not be blind to their worth; otherwise, we will regret loss in years to come.

In summary, I believe that the protection of old buildings does not stand in the way of progress at all; instead, it plays an indispensable role in preserving history and creating values in modern life. Governments should think carefully before making a move and deep awareness of conservation of ancient architecture should be highly promoted as well.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận vấn đề: có nên phá bỏ các công trình/tòa nhà cổ để xây các công trình/tòa nhà hiện đại hay không, các đề liên quan bàn về công trình kiến trúc cổ và việc xây dựng các công trình mới.

**Question 43.1**

Many old buildings are protected by law, because they are part of a nation's history. However, some people think they should be knocked down to make way for new ones because people need houses and offices. How important is it to maintain old buildings? Should history stand in the way of progress? (ngày 12 tháng 6 năm 2004)

**Gợi ý**

Bạn có thể sử dụng các ý trong bài viết mẫu của Q43.

**Question 43.2**

Modern buildings have changed the appearance of cities and towns. Some people argue we should build all buildings in traditional styles to protect the cultural identity. To what extent do you agree or disagree? (ngày 11 tháng 6 năm 2005)

**Question 43.3**

Modern buildings are appearing in large numbers. Some people believe that we should build our buildings in traditional styles. To what extent do you agree or disagree? (ngày 9 tháng 12 năm 2006)

**Gợi ý**

Về cơ bản, Q43.2 và Q43.3 đưa ra yêu cầu giống nhau: thảo luận xem có nên xây các tòa nhà theo phong cách truyền thống để giữ gìn truyền thống văn hóa của một thành phố/quốc gia hay không. Bài viết của hai đề này có nội dung giống nhau.

<b>Yêu cầu của đề</b>	Một số người cho rằng chúng ta nên xây các tòa nhà theo phong cách truyền thống. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này.
<b>Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Một số thành phố cổ hay khu vực cổ xưa là những địa điểm có ý nghĩa lịch sử, các công trình kiến trúc mới nên được xây dựng theo phong cách tương tự. Đây là cách để chúng ta <i>trân trọng và bảo vệ văn hóa truyền thống cùng di sản lịch sử</i> (respect and protect the traditional culture and historical heritage). Ví dụ, tại khu vực xung quanh hồ Hoàn Kiếm của thủ đô Hà Nội, chúng ta nên xây các công trình kiến trúc mới có phong cách thống nhất với phong cách của các công trình cổ ở đây; tại khu vực xung quanh <i>thư viện Bodleian/tòa nhà Radcliffe Camera</i> (Bodleian Library/Radcliffe Camera) của Đại học Oxford, chúng ta nên xây các công trình mới có phong cách giống phong cách của các công trình kiến trúc này. <i>Những tòa nhà cao chọc trời (skyscrapers)</i> có vẻ không phù hợp với những khu vực như vậy.</li> </ul>



Lý do  
phản đối  
quan điểm  
được nêu  
ở đề bài

- Một số công trình kiến trúc mới có thể được xây theo *phong cách hiện đại (modern style)*, ví dụ *các tòa nhà/cao ốc văn phòng (office buildings/towers)*; chúng ta nên xem *mục đích sử dụng (to serve its purpose)* là điều quan trọng. Bên cạnh đó, các công trình phải thể hiện *sự đa dạng về phong cách (diversity of styles)*, ví dụ *sân vận động quốc gia (National Stadium)* của Hà Nội là công trình *giàu sức sáng tạo/trí tưởng tượng (full of creativity/imagination)*, *tòa nhà Seagram (Seagram Building)* của New York được xem là công trình tiêu biểu về *thẩm mỹ và chức năng (functionalist aesthetic)*.

#### Question 43.4

It is more important for a building to serve a purpose than to look beautiful. Architects do not need to worry about producing a building as a work of art. To what extent do you agree or disagree? (ngày 17 tháng 12 năm 2005)

#### Gợi ý

Đề này yêu cầu thảo luận về sự cân bằng giữa kiểu dáng đẹp và tính hữu dụng của công trình kiến trúc.

Yêu cầu  
của đề

Có quan điểm cho rằng đối với một công trình kiến trúc, tính hữu dụng quan trọng hơn kiểu dáng đẹp mắt. Hãy cho biết bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm đó (dàn bài này ủng hộ quan điểm cho rằng một công trình kiến trúc nên có cả hai đặc điểm vừa nêu).

Lý do ủng hộ  
quan điểm  
được nêu ở  
đề bài

- Các công trình kiến trúc dù là nhà ở hay văn phòng đều phải đảm bảo những chức năng cần thiết (nghĩa là phải có tính hữu dụng). Nhà ở phải đáp ứng được những nhu cầu của con người, nhất là trẻ em và người già. Chẳng hạn, trong nhà nên có *máy điều hòa nhiệt độ (air-conditioning)* để *làm mát (keep cool)* vào mùa hè và *hệ thống sưởi (central heating)* để *giữ ấm (keep warm)* vào mùa đông. Nếu nhà ở chỉ *đẹp (look beautiful)* mà không *đáp ứng những chức năng này (serve these functions)* thì cuộc sống của *người dân (residents)* sẽ bị ảnh hưởng.

Lý do phản  
đối quan  
điểm được  
nêu ở đề bài

- Khi xây dựng nhà ở, bên cạnh các chức năng cần thiết của ngôi nhà, chúng ta còn phải chú ý đến *hình dáng bên ngoài, cách thiết kế nội thất (outside looking/appearance, interior design style)*.

- Nhờ đó, ngôi nhà không những giúp người dân có cuộc sống thoải mái mà còn có thể *trở thành một phần quan trọng của phong cảnh xung quanh / cộng đồng* (become an important part of the surrounding landscape/community). Ví dụ, nhiều ngôi nhà ở gần Đại học Oxford có lịch sử mấy trăm năm. Khi xây các công trình kiến trúc mới, *hội đồng địa phương* (local council) vừa xét đến các chức năng đảm bảo cho cuộc sống hiện đại vừa xét đến cách thiết kế để xem công trình mới đó có hài hòa với các công trình kiến trúc khác trong khu vực hay không. Nhờ vậy, các công trình mới vừa giữ được phong cách truyền thống vừa đáp ứng được nhu cầu của con người thời hiện đại.

#### Question 44

International sporting events make an important contribution to international peace. To what extent do you agree or disagree with this opinion?

#### Bài mẫu tham khảo

International sporting events have become a unique part in today's world, whether it is the Olympics, the World Cup, or games between club teams from different countries. Generally, I think that these competitions have indeed brought people closer worldwide.

Today, international sporting occasions are actively participated in by many countries or nationalities around the world and more and more nations have put these events on their agendas. For the host nation, it is a great chance to showcase their country to the world in terms of its traditions, customs and social values. As to the athletes and visitors from foreign places, they get the perfect opportunity to communicate with people from a whole different background, regardless of their beliefs, skin colours and races. People say that sporting events like these might be the only occasions when people are willing to learn to understand and appreciate each other regardless of differences and disputes because of the inborn features of sports, and therefore it is widely thought that they are hugely beneficial to humanity.

However, with the constant parade of doping cases, people start to question the meaning of these events. It is true that some athletes risk their careers, health, and reputations to cheat their way to the top of the games, but it is also important to recognise that there are far more athletes who are competing in the true spirit of sportsmanship. So although there might be controversy, international sporting events overall bring people together for a good reason and that is why we can see people still cheering for others even when their national teams lose the game.



To conclude, I believe that international sporting events play an irreplaceable role in contributing to world peace, for they remind us that we are actually one species, even if we speak another language, look different, or are born in a faraway land.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận vấn đề: các sự kiện thể thao quốc tế có góp phần quan trọng vào hòa bình thế giới hay không, các đề liên quan bàn về thể thao và việc giao lưu quốc tế.

#### Question 44.1

Popular events like the World Cup in football and other international sporting occasions are essential in easing international tensions and releasing patriotic emotions in a safe way. To what extent do you agree or disagree with this opinion? (IELTS 3, TEST 1)

Đề này về cơ bản giống đề Q44. Bạn có thể tham khảo các ý trong bài viết mẫu của Q44.

#### Question 44.2

Some people believe that national sports teams and individual men and women who represent their country should be financially supported by the government. Others think they should be funded by non-governmental organisations. What is your opinion? (ngày 29 tháng 4 năm 2006)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	Một số người cho rằng chính phủ nên tài trợ cho các đội thể thao quốc gia và các cá nhân đại diện cho đất nước. Một số người khác cho rằng các tổ chức phi chính phủ nên tài trợ cho họ. Cho biết ý kiến của bạn về vấn đề này.
Lý do ủng hộ quan điểm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> <li>Họ đại diện cho đất nước (they represent their country), thi đấu vì màu cờ sắc áo/tổ quốc của họ (fight for the honour of their motherland), ví dụ đoạt huy chương vàng ở Thế vận hội Olympic (winning gold medals in the Olympic Games).</li> <li>Việc thi đấu của họ là phi lợi nhuận (non-profit), họ không thể tự kiếm tiền.</li> </ul>
Lý do ủng hộ quan điểm thứ hai	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ngân sách của chính phủ có hạn, chính phủ nên ưu tiên đầu tư cho các lĩnh vực khác như y tế, giáo dục...</li> </ul>

- Các đội thể thao quốc gia và vận động viên có *giá trị thương mại* (commercial values) khá lớn, có thể kiếm nhiều tiền hay nhận *tài trợ* (sponsorship) bằng cách *quảng cáo cho* các công ty, tham gia *các hoạt động thương mại khác* (advertise for.../advertising campaigns/commercial activities).

#### Question 44.3

Successful sports professionals can earn a great deal more money than people in other important professions. Some people think this is fully justified while others think it is unfair. Discuss both these views and give your own opinion. (IELTS 6. TEST 2)

#### Gợi ý

Đề trên bàn về mức thu nhập cao của các vận động viên thể thao chuyên nghiệp và yêu cầu cho biết điều này có hợp lý hay không. Bạn có thể nêu các ý: nguồn gốc thu nhập (tham khảo dàn bài của Q44.2), *những nỗ lực/sự hi sinh* (efforts/sacrifice) và mức độ *đóng góp* (contribution) của họ cho xã hội. Để biết nội dung cụ thể hơn, hãy đọc bài viết mẫu của Q44.3 ở phần phụ lục.

#### Question 45

Do the problems brought by international travel outweigh the advantages?

#### Bài mẫu tham khảo

Today, many people prefer to spend holidays in foreign countries, and increasingly more nations are opening their doors to welcome foreign visitors. Generally, I think it is a good thing.

For visitors, travelling to another country can be eye-opening and rewarding. In foreign places, people get the chance to learn about various customs, lifestyles and rituals, so they tend to be more broad-minded. And journeys to places such as nature reserves or resorts are always relaxing and refreshing, which allows people to take a break from the hustle and bustle of city life.

Apart from the individual benefits, many more positive influences can be easily noted. International travel undoubtedly creates more employment opportunities, adding to the revenue of the host country and increasing income of local residents. This is the very reason that it is encouraged. More importantly, international tourism helps to promote the understanding between different nations or ethnic groups. During their travel in an alien country, tourists may find its people unexpectedly hospitable and friendly or vice versa.



From a long-term point of view, some people might be concerned that if foreign visitors swarm into a country in unsustainable amounts, it may be damaging to the preservation of local culture in terms of religion, language or some customs. This could be true to some extent, but the obvious merits brought by international tourism clearly outweigh its disadvantages, and rules and regulations have already been taken by many countries to minimise its negative impacts on both local residents and their communities.

So overall, I believe in this age of globalisation people and nations all benefit from the development of the international tourist industry in general.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận về lợi ích và mặt bất lợi của du lịch quốc tế; các đề liên quan bàn về du lịch trong nước, du lịch quốc tế, yêu cầu cho biết những ảnh hưởng của du lịch và cách phòng tránh những rắc rối có thể xảy ra. Thường thì bạn cần nêu các ý liên quan đến bốn khía cạnh:

- ① Giao lưu văn hóa (enhance cultural communication and mutual understanding)
- ② Những ảnh hưởng tiêu cực đối với văn hóa địa phương (local culture/customs)
- ③ Phát triển kinh tế (boost local economy)
- ④ Những ảnh hưởng đối với môi trường (threaten the environment/ecosystem).

#### Question 45.1

An increasing number of developing countries are expanding their tourist industry. Why do you think it is the case? And do you think it is positive? (ngày 2 tháng 6 năm 2007)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	Ngày càng có nhiều nước đang phát triển mở rộng ngành du lịch. Hãy cho biết vì sao có hiện tượng như vậy và điều đó có tốt không (dàn bài này ủng hộ quan điểm cho rằng việc mở rộng ngành du lịch mang lại lợi ích nhiều hơn).
Nguyên nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>Việc này dĩ nhiên có lợi cho các nước đang phát triển: tạo ra nhiều việc làm cho người dân, giúp nhiều người trên thế giới hiểu rõ hơn về nền văn hóa của đất nước họ đến du lịch (bạn có thể tham khảo các ý nói về lợi ích của du lịch trong bài viết mẫu của Q45 nhưng lưu ý là ở đây, bạn phải tập trung vào ngành du lịch của các nước đang phát triển).</li> </ul>
Lợi ích và mặt bất lợi	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hãy nêu một ảnh hưởng bất lợi trước để thể hiện sự nhượng bộ, ví dụ việc mở rộng ngành du lịch sẽ tạo áp lực lớn đối với môi trường tự nhiên.</li> </ul>

- Chỉ ra rằng vấn đề vừa nêu có thể được giải quyết bằng cách nào đó: *nếu có kế hoạch và biện pháp bảo vệ phù hợp thì các quốc gia đó có thể đạt được sự phát triển lâu dài* (provided there are proper planning and protection, it is possible to enjoy sustainable development).
- Đưa ra kết luận: *đó là sự phát triển tốt toàn diện* (it is an overall positive development).

## Question 45.2

International travel makes people more prejudiced rather than broad-minded. Why? What measures can be taken to address this problem? (ngày 21 tháng 8 năm 2008)

## Gợi ý

Đề này từng được ra thi với câu đầu tiên được diễn đạt theo cách khác:

International tourism creates tension rather than understanding between people from different nations.

Yêu cầu của đề	Du lịch quốc tế khiến con người có thành kiến hơn thay vì khoan dung, cởi mở. Hãy cho biết vì sao có tình trạng như vậy và đâu là giải pháp cho vấn đề này.
Nguyên nhân	<p>Nguyên nhân khiến người dân địa phương có thành kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Du khách có thể vô ý để lộ thái độ thiếu tôn trọng văn hóa địa phương, ví dụ cư xử khiếm nhã ở nơi thờ cúng hoặc thậm chí khiến người dân địa phương cảm thấy khó chịu</i> (tourists may unknowingly show disrespect for local culture, for example, behave improperly in a religious place or even offend local people).</li> <li>• <i>Thanh niên địa phương có thể bị cuốn hút bởi văn hóa/lối sống mà du khách mang đến, điều này có thể bị xem là mối đe dọa đối với văn hóa địa phương</i> (local youngsters may be attracted by the culture/lifestyles brought by tourists; this may be regarded as a threat to local culture).</li> </ul>
	<p>Nguyên nhân khiến du khách có thành kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Du khách có xu hướng đưa ra kết luận dựa vào những điều mắt thấy tai nghe rồi nảy sinh thành kiến với văn hóa hoặc con người địa phương, ví dụ họ cho rằng một số tập tục là không văn minh hay man rợ, thấp kém hơn nền văn minh của họ</i> (tourists themselves</li> </ul>



Giải pháp	<p>tend to generalise what they have seen or heard and develop biased views on local people or culture, e.g. certain practices are not civilised, or barbarian, inferior to their own civilisation).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các công ty du lịch phải chỉ dẫn cho du khách về những điều cơ bản trong phong tục/truyền thống của đất nước họ sắp đến thăm (travel agencies should take the onus/responsibility of guiding tourists about the essentials of customs/traditions of the destination country).</li> <li>• Du khách cần tìm hiểu kỹ về nơi mình sẽ đến (tourists themselves should do some research before going to some place).</li> <li>• Du khách góp phần bảo vệ môi trường và văn hóa địa phương, ví dụ bằng cách sử dụng phương tiện đi lại thân thiện với môi trường (tourists help protect local culture and environment, for example, by taking green transport).</li> </ul>
-----------	---

### Question 45.3

Some believe that cultural traditions will be destroyed by the money-making attractions aimed at tourists. Others think it is the only way to save these cultural traditions. Discuss both views and show your own opinion. (ngày 19 tháng 3 năm 2005)

### Gợi ý

Đề này cũng bàn về lợi ích và mặt bất lợi của du lịch nhưng tập trung vào khía cạnh truyền thống văn hóa.

Yêu cầu của đề	<p>Một số người tin rằng những cách “mời” tiền khách du lịch sẽ hủy hoại các truyền thống văn hóa. Những người khác cho rằng đó là cách duy nhất để gìn giữ các truyền thống văn hóa. Hãy thảo luận hai quan điểm vừa nêu và cho biết ý kiến của bạn (dàn bài này ủng hộ quan điểm cho rằng ngành du lịch nói chung sẽ không gây tổn hại cho văn hóa địa phương mà góp phần bảo vệ nền văn hóa ấy).</p>
Các ý tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nêu các ý thể hiện sự nhượng bộ trước: một số người cho rằng phát triển du lịch sẽ gây hại cho truyền thống văn hóa của địa phương, vì người dân địa phương, nhất là giới trẻ, có thể bị cuốn hút bởi lối sống/văn hóa (lifestyle/culture) mà du khách mang đến (tham khảo dàn bài của Q45.2). Sự lo ngại này là dễ hiểu (understandable) nhưng không phải là vấn đề căn cơ (it is not the general rule).</li> </ul>

- Trong đa số trường hợp, việc phát triển ngành du lịch *góp phần bảo vệ di sản văn hóa địa phương và thúc đẩy sự phát triển của nó* (help protect the local cultural heritage and promote its development). Bởi ngành du lịch mang lại nguồn tài chính, giúp chúng ta xây dựng nhiều công trình hơn để gìn giữ một số giá trị truyền thống; ngành này cũng giúp nhiều người hiểu và *trân trọng văn hóa địa phương* (appreciate local culture), nhờ vậy truyền thống văn hóa của địa phương sẽ càng có nhiều *người ủng hộ* (followers) và truyền thống đó sẽ không thể mất đi (ví dụ các làng nghề truyền thống, các ngành thủ công mỹ nghệ ở địa phương...).

**Question 45.4**

Tourism is an excellent way to develop a country, but it can also bring some harm. How can countries ensure that tourism promotes the development? (ngày 12 tháng 2 năm 2011)

**Gợi ý**

Đề này yêu cầu thảo luận vấn đề: một quốc gia nên làm thế nào để gia tăng lợi ích và giảm thiểu những ảnh hưởng bất lợi khi phát triển ngành du lịch. Bạn có thể kết hợp các ý ở dàn bài của Q45.1 và Q45.2, tập trung vào những ảnh hưởng của du lịch đối với môi trường cũng như truyền thống văn hóa của địa phương.

**Question 46**

Several languages die out every year. Some people do not think it is important and say that our life will be simpler with fewer languages. To what extent do you agree or disagree?

**Bài mẫu tham khảo**

According to some statistics, half the world's 6800 languages are likely to die out within two generations — that is, one language would vanish every ten days. I am sure that this is a curse rather than a blessing for our society, especially in the long run.

Some people might argue that fewer languages will make life much simpler and more convenient, for we do not have to bother to adopt a totally new tongue or employ a translator or an interpreter to understand people from other nations. This could be true especially when cost-effectiveness and convenience are mainly considered. However, it is far from true when we take other side effects into consideration as well.



At the very least, extinction of various tongues is obviously a heavy loss to the study of languages — linguistics, which relies on comparisons between languages. If some minority languages die out, especially those without any recorded form, they will be forever lost to science.

A more significant point that should be noted is that to be simple means to be monotonous. If languages, especially the minority ones, are disappearing at the current speed mentioned above, the great cultural diversity will be impossible to preserve, for no culture can continue without its language. In such cases, most people would speak the same language and think in a similar way; consequently, critical thinking would be a strange thing to people. And with diverse cultures and traditions lost, national identities might be blurred and monotonousness and dullness might result, which is never the consequence desired by anyone today.

In conclusion, the dying out of languages is indeed a huge loss to the cultural diversity of the world today, and there is no way of compensation at all. So I think it is time individuals and governments alike made a move to try to preserve the current languages we still have.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận về hiện tượng một số ngôn ngữ trên thế giới biến mất và ảnh hưởng của hiện tượng đó. Các đề liên quan bàn về chủ đề ngôn ngữ như việc học ngoại ngữ, việc phát minh một ngôn ngữ mới mang tính quốc tế.

#### Question 46.1

Should we invent a new language for people from different countries to use for the international communication? Do you think there are more benefits or more problems with it? (ngày 18 tháng 8 năm 2007)

### Gợi ý

Yêu cầu của đề	Hãy cho biết chúng ta có nên phát minh một ngôn ngữ mới mang tính quốc tế hay không và điều này mang lại lợi ích nhiều hơn hay gây ra rắc rối nhiều hơn.
Lý do ủng hộ việc phát minh ngôn ngữ mới	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ngôn ngữ mới giúp cho việc giao lưu/giao dịch quốc tế trở nên dễ dàng hơn, ví dụ dù đi đến đâu, bạn cũng có thể giao tiếp được, giống như tiếng Latin vào thời Trung cổ (facilitate international communication/trades, e.g. wherever you go, you can understand or be understood; like Latin in the Medieval Times).</li> </ul>

Lý do phản đối việc phát minh ngôn ngữ mới	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ngôn ngữ mới sẽ tạo được sự bình đẳng vì mọi người không có thành kiến với nó xét về mặt ngôn ngữ hay văn hóa, <i>chẳng hạn nó có lợi thế hơn tiếng Anh với tư cách là ngôn ngữ toàn cầu/giúp bảo tồn di sản văn hóa có khả năng bị Anh ngữ đe dọa</i> (e.g. advantage over English as a global language/help preserve cultural heritage that may be endangered by English).</li> <li>• <i>Ngôn ngữ nhân tạo</i> (artificial language) không có sự hỗ trợ của văn hóa nên chưa chắc sẽ được nhiều người đón nhận, sự ra đời của quốc tế ngữ đã chứng minh điều đó – <i>quốc tế ngữ được cho là có hai triệu người sử dụng, con số này chiếm chưa tới 1% dân số thế giới</i> (e.g. Esperanto is said to have 2 million users, which only makes up less than 1% of the world's population).</li> <li>• Tạo ra một ngôn ngữ mới là <i>không hiệu quả</i> (not cost-effective), vì vậy cách tốt nhất là sử dụng tiếng Anh.</li> </ul>
--	--

## Question 46.2

Millions of people every year move to English-speaking countries such as Australia, Britain or America in order to study at school, college or university. Why do so many people want to study in English? Why is English such an important international language? (IELTS 2, TEST B)

## Gợi ý

Yêu cầu của đề	<p>Hàng năm có hàng triệu người du học ở các nước nói tiếng Anh như Úc, Anh, Mỹ. Hãy cho biết vì sao có nhiều người muốn học bằng tiếng Anh và vì sao tiếng Anh là ngôn ngữ quốc tế quan trọng như vậy.</p>
Nguyên nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Các nước nói tiếng Anh là nơi có những trường đại học tốt nhất/những hệ thống giáo dục tiên tiến nhất</i> (best universities/most advanced education systems are in English-speaking countries).</li> <li>• <i>Các công trình nghiên cứu/bài viết học thuật đều được viết bằng tiếng Anh</i> (academic research/journal articles in English).</li> <li>• <i>Người biết tiếng Anh có lợi thế khi tìm việc làm</i> (gain themselves an advantage in their job-hunting).</li> </ul>



## Question 46.3

Some experts believe that it is better for children to begin to learn a foreign language in primary school than in secondary school. Do the advantages outweigh the disadvantages? (ngày 20 tháng 10 năm 2007)

## Gợi ý

Yêu cầu của đề	<p>Một số chuyên gia cho rằng trẻ bắt đầu học ngoại ngữ ở bậc tiểu học sẽ tốt hơn bắt đầu học ở bậc trung học. Hãy cho biết lợi ích và mặt bất lợi của việc trẻ học ngoại ngữ ở bậc tiểu học (dàn bài này sẽ trình bày các lý do ủng hộ và phản đối quan điểm được nêu ở đề bài).</p>
Lý do ủng hộ quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trong giai đoạn phát triển then chốt, trẻ dễ tiếp thu ngôn ngữ mới hơn/trẻ sẽ chuyển từ ngôn ngữ mẹ đẻ sang ngôn ngữ mới thuận lợi hơn (in a key developmental stage, it is easier to pick up another language/less negative transfer from their mother tongue).</li> <li>• So với phương pháp giảng dạy ở bậc trung học thì phương pháp giảng dạy ở bậc tiểu học linh động hơn/thú vị hơn/tạo cho học sinh nhiều động lực hơn (more flexible teaching styles/more interesting/more motivation).</li> <li>• Bằng chứng trong công trình nghiên cứu về sự tiếp thu ngôn ngữ thứ hai cho thấy trẻ rất có thể trở thành người thông thạo đồng đều cả hai ngôn ngữ (research evidence from Second Language Acquisition shows they are more likely to become balanced bilinguals).</li> </ul>
Lý do phản đối quan điểm được nêu ở đề bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Việc bắt đầu học ngoại ngữ ở bậc tiểu học sẽ làm tăng thêm gánh nặng, áp lực cho học sinh/làm giảm bớt thời gian dành cho thể thao hoặc các hoạt động khác (increase students' burden, pressure/less time for sports or other activities).</li> </ul>

## Question 47

Some people say that giving aid to poor countries has more negative effects than positive ones. To what extent do you agree or disagree?

## Bài mẫu tham khảo

In this age of globalisation, nations are more closely bonded than ever before. So it is quite common for rich countries to give international aid to the more impoverished ones.

The positive sides of this practice are easily noted. With foreign investment, there tend to be more chances of employment in less developed places, which means more income for the local people and greater social stability for the local communities. More direct benefits can also be noticed in the fields of education and medical care. As a result of medical donations, and some dedicated medical teams in particular, some prevalent diseases have been controlled or eradicated in several poor nations. And with the support of educational resources from developed countries, more schools have been set up in impoverished countries, so people there have more accesses to education, which actually helps to promote the development of those places in the long run.

On the other hand, people who claim giving aid is more of a curse than a blessing may argue that the poorest nations are typically badly governed, where corruption, official incompetence, and the failure to protect basic property rights are capable of rendering the aid not just useless but harmful. This is indeed a problem. However, the point here is not that we should be sceptical of the concept of international aid itself, but that the way we implement it should be improved.

Overall, I am supportive of the idea that richer countries have a moral responsibility to help poor ones and this endeavour has more benefits than drawbacks and should therefore be encouraged.

### Các đề liên quan trong kho đề

Đề này yêu cầu thảo luận về việc viện trợ cho các nước nghèo và những ảnh hưởng của việc đó. Các đề liên quan bàn về viện trợ quốc tế và những nội dung liên quan như cách thức viện trợ, đối tượng nhận viện trợ.

#### Question 47.1

Improvements in health, education and trade are essential for the development of poorer nations. The governments of richer nations should take more responsibility for helping the poorer nations in such areas. To what extent do you agree or disagree with this opinion? (IELTS 3, TEST 4)

Đề này là cách diễn đạt khác của đề Q47. Bạn có thể sử dụng các ý trong bài viết mẫu của Q47.



## Question 17.2

Nowadays some people like to give help or donate to local communities directly where people need help. Other people prefer to give money to national or international charity organisations. What is your opinion? (ngày 10 tháng 6 năm 2006)

## Gợi ý

Yêu cầu của đề	<p>Ngày nay, một số người thích trực tiếp hỗ trợ/ quyên góp cho cộng đồng địa phương nơi có người đang cần sự giúp đỡ. Một số người khác thích giúp tiền thông qua các tổ chức từ thiện quốc gia hay quốc tế. Cho biết ý kiến của bạn về vấn đề này.</p>
Lý do ủng hộ cách hỗ trợ trực tiếp	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trực tiếp hỗ trợ/ quyên góp cho những người hay cộng đồng đang cần sự giúp đỡ là việc làm hữu ích vì nó hình thành <i>quan hệ trực tiếp giữa người quyên góp và người nhận hỗ trợ</i> (more direct relationship between the donors and aid receivers), giúp chúng ta <i>biết rõ số tiền quyên góp sẽ được chuyển đến đâu</i> (clear about where the aid is going) và có thể <i>làm giảm nguy cơ tham nhũng</i> (reduce the possibility of corruption).</li> <li>• Hỗ trợ trực tiếp là cách làm <i>linh động hơn</i> (more flexible). Ngoài việc hỗ trợ bằng tiền mặt, chúng ta có thể giúp đỡ cộng đồng hay cá nhân nào đó bằng những cách khác như <i>hỗ trợ chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ về giáo dục, cung cấp thông tin về đầu tư</i> (it is possible to give aid in different ways other than money, e.g. health care, education, investment information).</li> </ul>
Lý do ủng hộ cách hỗ trợ thông qua tổ chức từ thiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các tổ chức từ thiện có <i>nhiều thông tin hơn về những người cần sự giúp đỡ và thực hiện công việc hỗ trợ một cách chuyên nghiệp hơn</i> (have richer information or profiles of people in need and more expertise in aid giving): họ có thể hỗ trợ bằng tiền mặt, cung cấp hàng hóa, hỗ trợ đào tạo nghề...</li> <li>• Các tổ chức từ thiện có thể <i>giúp đỡ nhiều người trong phạm vi rộng hơn</i> (can provide aid to more people in a wider range), ví dụ ở <i>những thành phố/vùng miền khác nhau hoặc các nước khác nhau</i> (e.g. in different cities/areas of a country or different countries). Nếu hỗ trợ trực tiếp, <i>người quyên góp</i> (donors) sẽ gặp khó khăn trong trường hợp này.</li> </ul>

**Question 47.3**

Some people think that organisations should only offer help to people of their own country. But others believe that these organisations should give aid to people in great need wherever they live. Discuss both views and give your opinion. (ngày 9 tháng 1 năm 2010)

**Gợi ý**

<b>Yêu cầu của đề</b>	Một số người cho rằng các tổ chức (tổ chức từ thiện, tổ chức phi chính phủ) chỉ nên giúp đỡ người dân nước mình. Nhưng những người khác tin rằng các tổ chức này nên giúp đỡ những người thật sự cần sự trợ giúp cho dù họ sống ở đâu. Hãy thảo luận hai quan điểm này và cho biết ý kiến của bạn.
<b>Các ý tham khảo</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các tổ chức từ thiện, tổ chức phi chính phủ nên giúp đỡ người dân nước mình. Như vậy họ sẽ hiểu rõ hơn tình hình của các địa phương trong nước, có phương án hỗ trợ <i>khả thi</i> (feasible), cung cấp đúng những thứ người dân đang cần <i>một cách hiệu quả</i> (cost-effective).</li> <li>Tuy nhiên, các tổ chức đó, đặc biệt là các tổ chức của những nước phát triển, không thể chỉ dừng lại ở việc giúp đỡ người dân nước mình. Họ cũng cần phải giúp đỡ người dân ở các nước đang phát triển (tham khảo các ý nói về lý do của việc này trong bài viết mẫu của Q47).</li> </ul>

**Question 48**

Nowadays a lot of charities and organisations have set up a number of special days to attract people's attention, like National Children's Day and National Non-Smoking Day. Why do they do so and what will the effects be?

**Bài mẫu tham khảo**

I shall give reasons why some charities have used special days to attract attention to their causes and suggest what the effects of this might be.

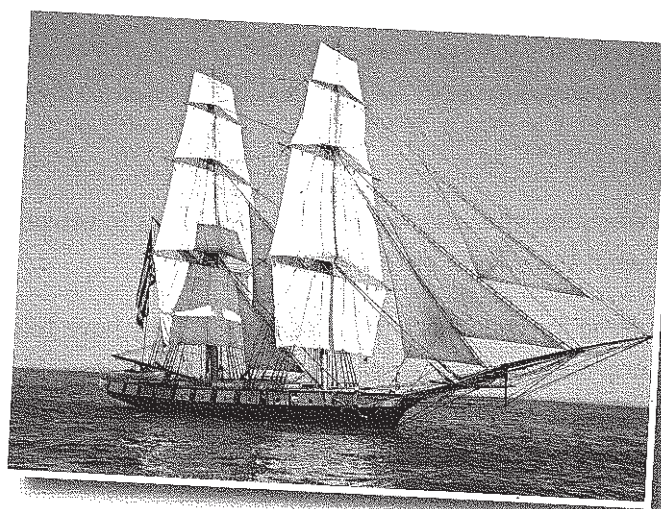
Obviously, the main thing for charities is to raise money. They have to compete with a lot of other charitable organisations for people's attention and money. If one charity starts using a particular method to raise funds, other charities are likely to follow suit. So, when one charity decides to designate a particular day for a particular fund-raising event, others are sure to do the same. Now, our calendar is full of them.



So what are the effects of these special days? I think that most people remain ignorant of them. The exceptions might be days that are widely recognised internationally, such as the AIDS day. As the aim of these special days is to raise money, an important effect is that there are a lot of public fund-raising events where people cannot only give money, but also volunteer their time or find out more information about the charity and its aims. The effect of publicising the charity and its work may be of equal importance to that of raising money. As I have mentioned, charities need to compete for attention. Of course, a main aim of the charity is to use such events to raise cash, possibly by convincing people to agree to give on a monthly basis.

To conclude, I think that charities have such days to increase awareness of the charity and to raise money, but this might not always succeed when so many different charitable groups do the same thing.

Đề này bàn về việc các tổ chức từ thiện đặt ra những ngày đặc biệt (như ngày thiếu nhi, ngày không hút thuốc lá) và yêu cầu cho biết nguyên nhân vì sao họ làm như vậy cũng như ảnh hưởng của việc đó. Bạn có thể nêu các ý như: họ đặt ra những ngày như vậy để khuyến khích mọi người làm từ thiện, chú ý đến vấn đề/cộng đồng nào đó hay *quyên góp tiền* (raise money); các tổ chức từ thiện, *tổ chức phi chính phủ* (non-governmental organisation) cũng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của xã hội và tham gia giải quyết rất nhiều vấn đề, có thể bù đắp những khiếm khuyết của *các cá nhân, công ty/tập đoàn, chính phủ* (individuals, companies/corporations, the government). Bạn có thể tham khảo bài viết mẫu và dàn ý của các đề khác.



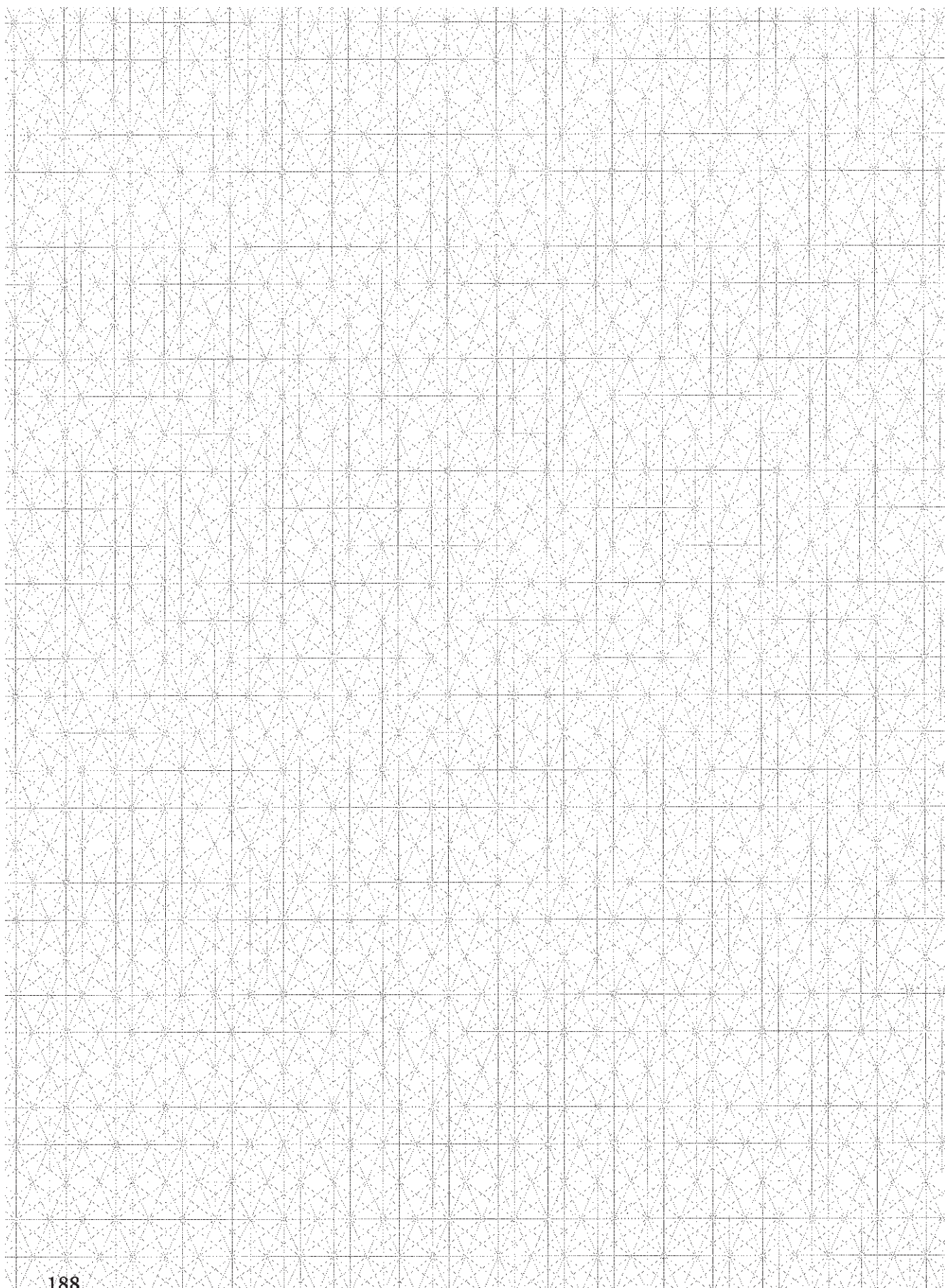


## Chương 4

Cách viết bài mô tả  
biểu đồ cho Task 1  
của đề học thuật

www.nhantriviet.com





Trong đề học thuật (academic) của bài thi IELTS những năm gần đây, đề của Task 1 có thể được chia thành hai loại: đề yêu cầu mô tả biểu đồ dạng số liệu và đề yêu cầu mô tả biểu đồ dạng hình ảnh, trong đó loại thứ nhất chiếm 90% tổng lượng đề Task 1 được ra thi hàng năm. Chúng ta sẽ tìm hiểu về cách mô tả biểu đồ qua các đề thật trong kho đề.

## Mục 1 Bài viết mô tả biểu đồ dạng số liệu

① Xét về hình dạng, chúng ta có thể chia biểu đồ dạng số liệu thành bốn loại:

- ➔ Biểu đồ đường/ đồ thị (line chart/graph)
  - ➔ Biểu đồ hình tròn (pie chart)
  - ➔ Biểu đồ cột (bar chart)
  - ➔ Bảng biểu (table)
- ⇒ Ngoài ra, thí sinh cũng có thể gặp biểu đồ dạng kết hợp (mixed graphs) – đó là sự kết hợp của hai biểu đồ bất kỳ trong bốn biểu đồ trên.

② Xét về đặc điểm của thông tin được thể hiện qua biểu đồ, chúng ta có thể chia biểu đồ dạng số liệu thành hai loại:

- ➔ Biểu đồ có khoảng thời gian (biểu đồ ở trạng thái động). Số liệu ở biểu đồ này có sự thay đổi theo thời gian và phản ánh xu thế nào đó.
  - ➔ Biểu đồ không có khoảng thời gian (biểu đồ ở trạng thái tĩnh). Biểu đồ này không có thời gian hoặc nếu có thì thời gian đứng yên, chủ yếu được sử dụng khi người ta muốn so sánh các số liệu và cho thấy đặc điểm nào đó qua việc so sánh.
- ⇒ Ngoài ra, thí sinh cũng có thể gặp biểu đồ dạng kết hợp (mixed graphs) – đây là biểu đồ được hình thành từ sự kết hợp của hai biểu đồ trên.



## 1. Cách viết bài mô tả biểu đồ ở trạng thái động

### Đề 1

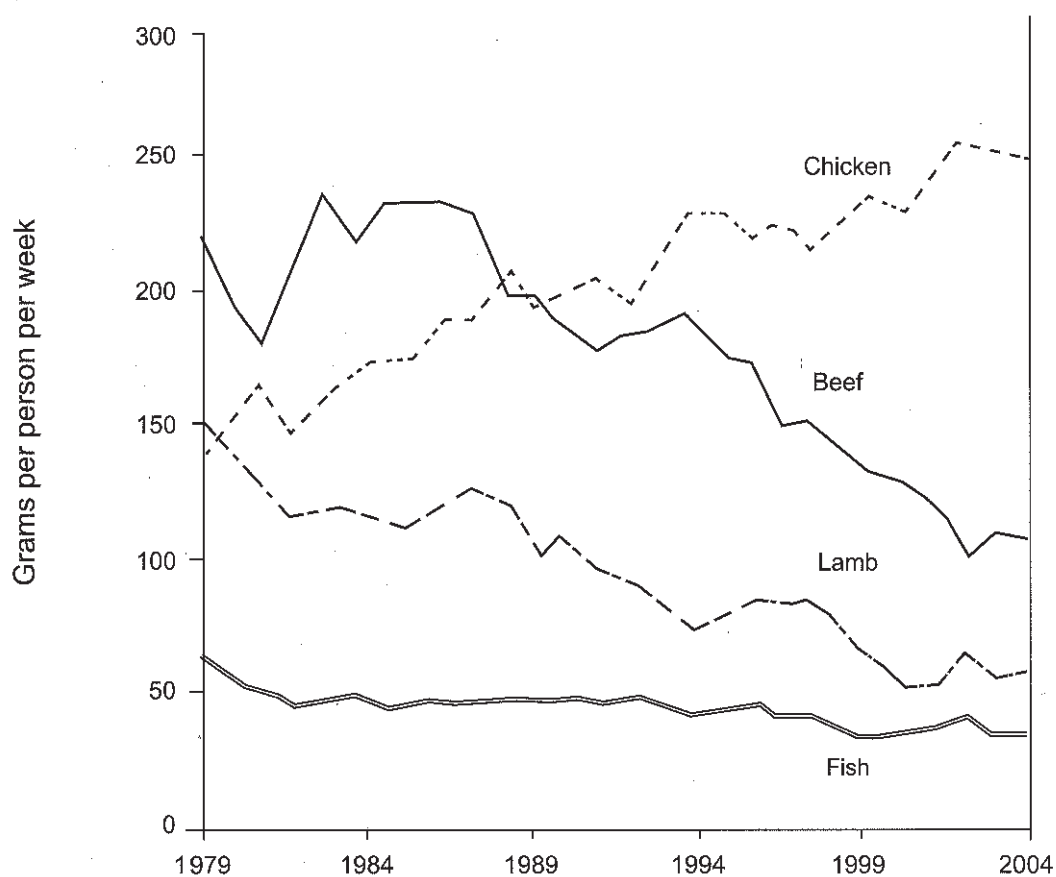
You should spend about 20 minutes on this task.

The graph below shows the consumption of fish and some different kinds of meat in a European country between 1979 and 2004.

Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

Write at least 150 words.

**Fish and meat consumption**



## Bài mẫu điển hình

The graph illustrates changes in the amounts of beef, lamb, chicken and fish consumed in a particular European country between 1979 and 2004.

In 1979 beef was by far the most popular of these foods, with about 225 grams consumed per person per week. Lamb and chicken were eaten in similar quantities (around 150 grams), while much less fish was consumed (just over 50 grams).

However, during this 25-year period the consumption of beef and lamb fell dramatically to approximately 100 grams and 55 grams respectively. The consumption of fish also declined, but much less significantly to just below 50 grams, so although it remained the least popular food, consumption levels were the most stable.

The consumption of chicken, on the other hand, showed an upward trend, overtaking that of lamb in 1980 and that of beef in 1990. By 2004 it had soared to almost 250 grams per person per week.

Overall, the graph shows how the consumption of chicken increased dramatically while the popularity of these other foods decreased over the period.

## Gợi ý

- Đề này được trích từ IELTS 7, TEST 2. Sau khi học cách lựa chọn và sắp xếp các thông tin trong bài mẫu vừa trình bày, bạn sẽ biết cách mô tả biểu đồ ở trạng thái động.
- Cấu trúc của bài viết mẫu:

Đoạn 1	Giới thiệu ngắn gọn thông tin được thể hiện qua biểu đồ (viết lại ý được nêu ở đề bài theo cách diễn đạt khác).
Đoạn 2	Trình bày thông tin đầu tiên bằng cách so sánh bốn số liệu của năm 1979. Chú ý các từ <b>most</b> , <b>similar</b> , <b>less</b> .
Đoạn 3 và 4	Chỉ ra sự thay đổi trong lượng tiêu thụ thịt và cá, chia nội dung cần trình bày thành hai ý: từ năm 1979 đến năm 2004, lượng tiêu thụ thịt bò, thịt cừu và cá đều giảm; còn lượng tiêu thụ thịt gà gia tăng. Hai ý vừa nêu có thể được viết trong một đoạn hoặc được triển khai trong hai đoạn. Trong bài mẫu, hai ý này được trình bày ở hai đoạn.
Đoạn kết luận	Nhắc lại xu hướng tiêu thụ cá và các loại thịt được nêu ở đề bài.



## Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bài viết	Mở rộng từ vựng
ăn, tiêu thụ	consume eat (eaten) consumption	Hãy sử dụng các từ loại khác nhau.
khoảng	about around just over approximately just below almost	nearly roughly
vượt quá	overtake	be more than outnumber outpace
tương tự	in similar (theo sau là danh từ)	the same/equal...
số lượng	amounts of quantities (of) popularity of be the most popular (số lượng lớn nhất)	the number of (theo sau là danh từ đếm được số nhiều) the consumption of... (lượng tiêu thụ...)

## Các câu nổi bật

**Câu 1** Lamb and chicken were eaten in similar quantities (around 150 grams), while much less fish was consumed (just over 50 grams).

**Nhận xét:** Bạn cần học cách sử dụng dạng bị động để bài viết có sự đa dạng về cấu trúc câu. Bạn có thể dùng dấu ngoặc đơn khi trích dẫn số liệu để câu trở nên ngắn gọn và rõ ràng, nhưng không nên dùng quá nhiều.

**Câu 2** The consumption of fish also declined, but much less significantly to just below 50 grams, so although it remained the least popular food, consumption levels were the most stable.

**Nhận xét:** Câu này rất hay vì đáp ứng được yêu cầu của bài viết đạt điểm cao: người viết đã sử dụng bốn từ nối là also, but, so, although để kết hợp các thông tin rời rạc với nhau đồng thời nêu nhận xét dựa trên việc so sánh các số liệu.

**Câu 3** The consumption of chicken, on the other hand, showed an upward trend, overtaking that of lamb in 1980 and that of beef in 1990.

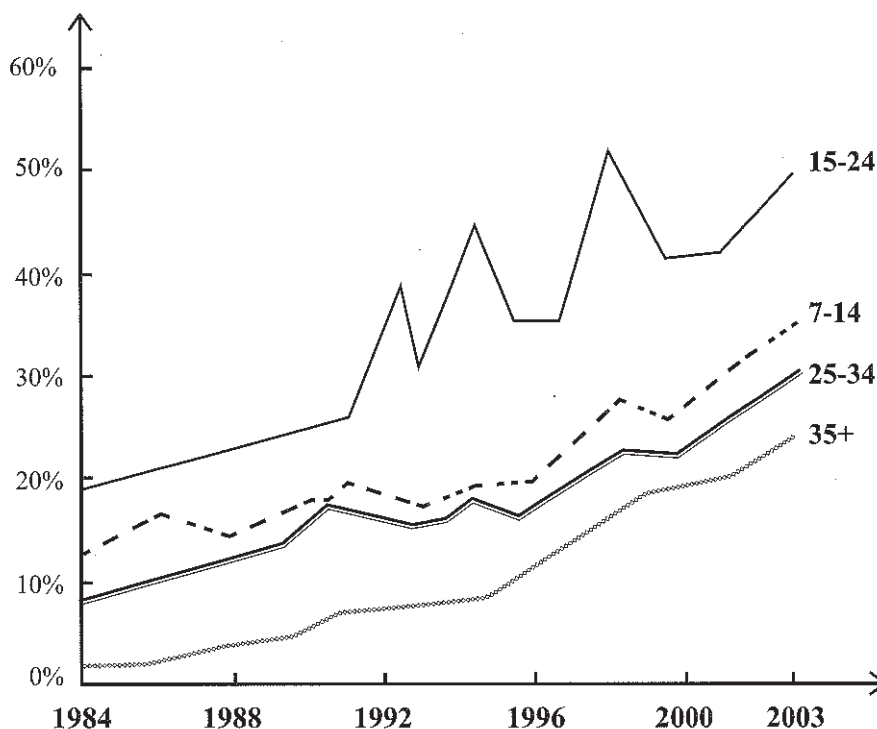
**Nhận xét:** On the other hand được đặt sau chủ ngữ the consumption. Overtaking là động từ không giới hạn (non-finite verb), được dùng để liên kết các ý đứng trước và sau nó; nhờ đó bài viết có sự đa dạng về cấu trúc câu (nếu dùng it overtook... thì người viết lại chỉ viết các câu đơn). That được dùng thay cho consumption. Nếu không dùng that, người viết phải dùng từ consumption đến ba lần, như vậy câu sẽ trở nên đơn điệu.

## Đề 2

You should spend about 20 minutes on this task.

The line chart below shows the percentage of people in different age groups who played video games more than ten hours a week between 1984 and 2003. Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

Write at least 150 words.





### Bài mẫu điển hình

The chart above documents the results of a near-twenty-year study of people who reported spending more than ten hours a week playing video games, taken between the years of 1984 and 2003 and divided between the ages of 7-14, 15-24, 25-34 and 35+.

Generally, the chart shows an upward trend in acceptance of video games among people of this culture, while the age categories didn't change position in relation to each other.

15-24 year olds played the most video games overall, with just under 20% in 1984 rising to 50% in 2003. Despite some rocky patches in the 90s, no one enjoyed video games more than 15-24 year olds, although it looked like 7-14 year olds would in 1984, when they trailed 15-24 year olds by only a few per cent. However, after a steady increase, around 35% said they enjoyed them in 2003. The 25-34 year olds valiantly tried to enjoy video games, with the closest other age group in around 1991.

Finally, we have the over 35s, a group that started with a near 0% interest in games in 1984, but grew to 23% in 2003. One can only predict that as the current generation of gamers grows older, this number can only increase.

### Gợi ý

- Đề này được ra thi ngày 19 tháng 10 năm 2013, trình bày sự biến đổi của số liệu trong gần 20 năm, từ năm 1984 đến năm 2003. Bố cục của bài viết chủ yếu được triển khai theo sự biến đổi này.
- Cấu trúc của bài viết mẫu:

Đoạn 1	Giới thiệu ngắn gọn thông tin được thể hiện qua biểu đồ (dựa vào ý được nêu ở đề bài).
Đoạn 2	Chỉ ra xu hướng liên quan đến thông tin được thể hiện qua biểu đồ: tỉ lệ người chơi trò chơi video ở các nhóm tuổi gia tăng, <i>vị trí tương quan giữa các nhóm tuổi không thay đổi</i> (the age categories didn't change position in relation to each other). Có thể gộp đoạn này với đoạn 1 hoặc đặt nó ở cuối bài viết để làm đoạn kết luận.
Đoạn 3	Chỉ ra sự thay đổi về tỉ lệ người chơi trò chơi video ở ba nhóm tuổi (7-14, 15-24, 25-34) và so sánh giữa ba nhóm này (đây là ba nhóm tuổi có tỉ lệ người chơi khá cao).
Đoạn 4	Trình bày sự biến đổi về tỉ lệ người chơi trò chơi video ở nhóm tuổi từ 35 trở lên (tỉ lệ người chơi ở nhóm này khá thấp).

Lưu ý: Bài mẫu này không có đoạn kết luận điển hình. Đoạn 2 có thể trở thành đoạn kết luận rất hay nếu được chuyển xuống cuối bài viết.

## Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bài viết	Mở rộng từ vựng
<i>xu hướng</i>	trend	tendency
<i>tụt lại</i>	trail...by	lag
<i>ghi lại</i>	document	record
<i>tăng</i>	rise increase grow	ascend climb

## Các câu nổi bật

**Câu 1** The chart above documents the results of a near-twenty-year study of people who reported spending more than ten hours a week playing video games, taken between the years of 1984 and 2003 and divided between the ages of 7-14, 15-24, 25-34 and 35+.

**Nhận xét:** Chỉ bằng một câu, người viết có thể giới thiệu đầy đủ thông tin khái quát được thể hiện qua biểu đồ, bao gồm cả khoảng thời gian tiến hành nghiên cứu và đối tượng của cuộc nghiên cứu. Bí quyết ở đây là người viết đã sử dụng đại từ quan hệ who, sử dụng hai phân từ quá khứ (taken, divided) để mở đầu cho hai cụm phân từ và dùng từ nối and để liên kết hai cụm phân từ này.

**Câu 2** 15-24 year olds played the most video games overall, with just under 20% in 1984 rising to 50% in 2003.

**Nhận xét:** With just under 20% in 1984 rising to 50% in 2003 là cấu trúc trạng ngữ bắt đầu bằng with, trong đó rising là động từ không giới hạn (non-finite verb); nhờ cấu trúc này mà câu trở nên ngắn gọn. Nếu chọn cách diễn đạt it was just under... and rose to..., người viết phải dùng đến hai câu hoàn chỉnh để diễn tả ý trên.

**Câu 3** Despite some rocky patches in the 90s, no one enjoyed video games more than 15-24 year olds, although it looked like 7-14 year olds would in 1984, when they trailed 15-24 year olds by only a few per cent.

**Nhận xét:**

① Câu này dùng nhiều cấu trúc ngữ pháp, điểm nổi bật là sử dụng các từ nối despite, although, when. Despite và although là hai từ đồng nghĩa, diễn tả sự nhượng bộ nhưng được dùng với cấu trúc ngữ pháp khác nhau.

② Sau would là cụm từ enjoy video games more than 15-24 year olds. Cụm từ này đã được lược bỏ để câu trở nên ngắn gọn.



## Đề 3

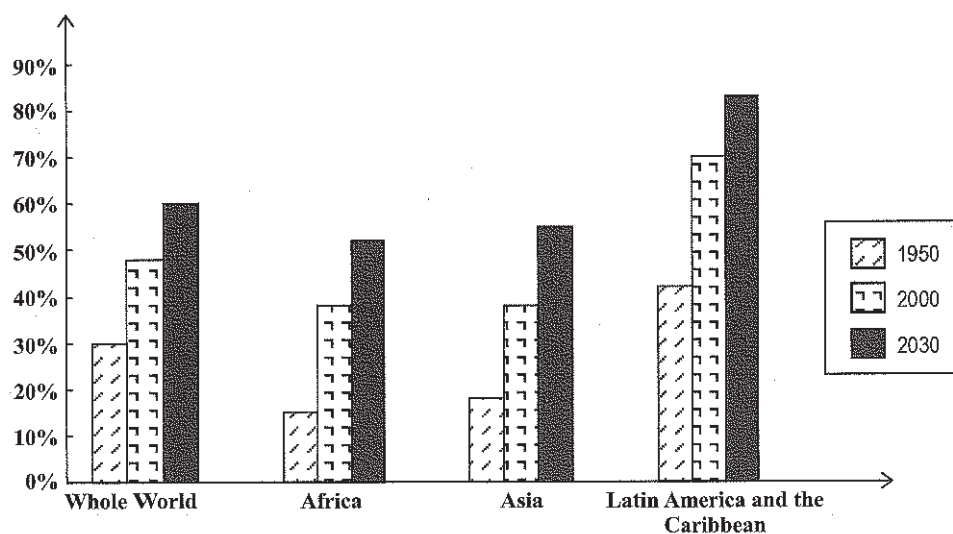
You should spend about 20 minutes on this task.

The chart below gives information about the growth of urban population in certain parts of the world and includes predictions for the future.

Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

Write at least 150 words.

Population of the towns and cities as a percentage of total



### Bài mẫu điển hình

The chart shows the number of people living in cities in three continents over three time periods, as a percentage of the overall population.

In 1950, 30% of the human race was urban residents across the world. Compared to this, both Asia and Africa had fewer city-dwellers than the world average; Asia failing to reach 20%, with Africa not far behind it. In Latin America and the Caribbean, meanwhile, 40% of the population lived in cities. This general trend continues over the years.

In 2000, urban migration increased worldwide, with almost 50% of the world's population living in cities. Following the general pattern outlined above, around 40% of the Asians and Africans lived in cities, while Latin America and the Caribbean outstripped the world average by a clear 20% — nearly 70% of their population had moved to cities.

By 2030, city-living will be the norm for 60% of humanity. Africa and Asia will finally tip over the 50% mark, with marginally more Asians living in cities than their African counterparts. On the other hand, nearly 80% of people in Latin America and the Caribbean will have moved to urban areas by 2030.

**Gợi ý**

- Đề này được ra thi ngày 10 tháng 10 năm 2013, trình bày số liệu của ba năm (1950, 2000, 2030) và cho thấy sự thay đổi của số liệu theo thời gian. Vì vậy, bố cục của bài viết cũng được triển khai theo sự thay đổi đó. Với đề này, bạn cần so sánh các số liệu của toàn thế giới và ba châu lục trong cùng một năm. Lưu ý là số liệu của năm 2030 chỉ mang tính dự đoán nên bạn phải trình bày số liệu ấy ở thì tương lai, không được dùng thì hiện tại đơn (simple present tense) hay thì quá khứ (past tense).
- Cấu trúc của bài viết mẫu:

Đoạn 1	Giới thiệu ngắn gọn thông tin được thể hiện qua biểu đồ.
Đoạn 2	Trình bày thông tin đầu tiên bằng cách so sánh số liệu năm 1950 của cả thế giới và ba châu lục, sau đó chỉ ra xu hướng liên quan đến thông tin được thể hiện qua biểu đồ (câu cuối cùng).
Đoạn 3	Chỉ ra rằng tỉ lệ cư dân thành thị của các nơi được đề cập ở đề bài gia tăng từ năm 1950 đến năm 2000 thông qua việc so sánh các số liệu.
Đoạn 4	Chỉ ra rằng tỉ lệ cư dân thành thị của các nơi đó tiếp tục gia tăng từ năm 2000 đến năm 2030 thông qua việc so sánh các số liệu. Chú ý dùng thì tương lai (will) khi trình bày số liệu được dự đoán ở tương lai.

Lưu ý: Bài mẫu này không có đoạn kết luận, nhưng người viết đã chỉ ra xu hướng liên quan đến thông tin được thể hiện qua biểu đồ ở câu cuối cùng của đoạn 2. Ở ba mốc thời gian: 1950, 2000 và 2030, tỉ lệ cư dân thành thị của châu Phi và châu Á đều thấp hơn tỉ lệ cư dân thành thị của châu Mỹ Latin và vùng Caribê; vì vậy, người viết đã nhận xét: *xu hướng chung này tiếp diễn qua nhiều năm* (this general trend continues over the years). Ở đây bạn có thể thêm đoạn kết luận để nhắc lại xu hướng vừa nêu.

**Tích lũy từ vựng**

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bài viết	Mở rộng từ vựng
dân số, loài người	population humanity	the world's residents
cư dân thành thị	urban residents city-dwellers	city residents city/town inhabitants urban population
ở tại (chuyển chỗ ở đến) thành phố	live in cities urban migration move to cities city-living move to urban areas	Chú ý sự thay đổi về từ loại: migrate to cities/urban areas



Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bài viết	Mở rộng từ vựng
<i>vuốt quá</i>	outstrip tip over	surpass exceed be more than...
<i>sẽ</i>	will	Có thể thay will bằng cụm từ tương đương: be expected to be predicted to be estimated to

### Các câu nổi bật

**Câu 1** In 1950, 30% of the human race was urban residents across the world. Compared to this, both Asia and Africa had fewer city-dwellers than the world average; Asia failing to reach 20%, with Africa not far behind it.

Nhận xét:

- ① Lưu ý: dùng *compared to* chứ không phải *comparing* khi diễn đạt nghĩa *so với*.
- ② Câu thứ hai là câu rất đặc sắc: sau dấu chấm phẩy là cụm phân từ (-ing), tiếp theo là dấu phẩy và cấu trúc bắt đầu bằng *with*. Nhờ vậy, người viết đã trình bày hết các ý chỉ trong một câu. Nếu không có kỹ năng viết tốt, bạn phải dùng đến vài câu mới diễn tả hết các ý trong câu này.

**Câu 2** Africa and Asia will finally tip over the 50% mark, with marginally more Asians living in cities than their African counterparts.

Nhận xét:

- ① *Tip over* là cách diễn đạt rất hình tượng, gần với *turn over*, có nghĩa là *đảo ngược*. Ở đây nó mang nghĩa là *vuốt quá*. *Marginally* đồng nghĩa với *slightly*. *Counterparts* có nghĩa là *người tương ứng*, người viết dùng từ này để tránh lặp lại từ *Africans*; điều đó không những thể hiện khả năng sử dụng từ linh hoạt mà còn làm tăng thêm sự đa dạng về từ vựng cho bài viết.
- ② Cấu trúc *with* + danh từ + cụm phân từ được dùng để kết hợp hai ý đứng trước và sau *with* thành một câu, làm tăng sự liên kết cho câu.

## Đề 4

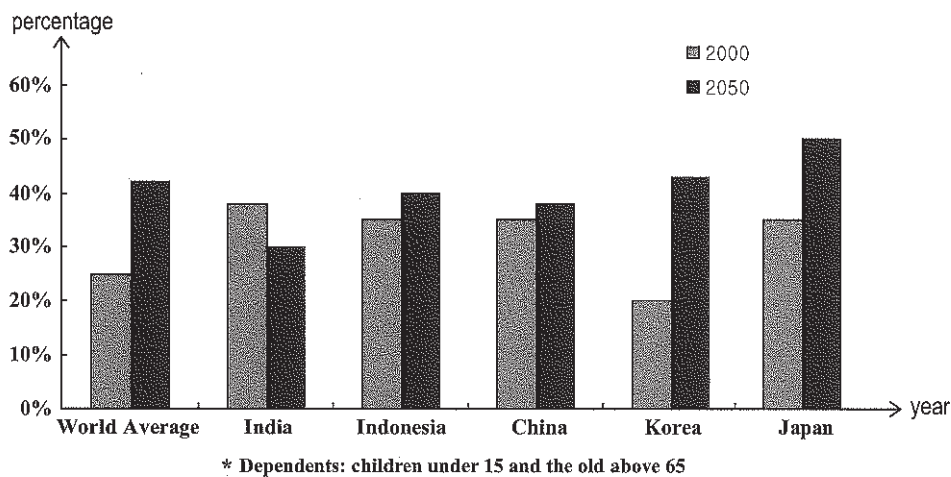
You should spend about 20 minutes on this task.

The bar chart shows the percentage of dependents in five different countries around the world in 2000 and 2050.

Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

Write at least 150 words.

Percentage of Dependents



### Bài mẫu điển hình

The graph shows the percentage of a country's dependent population — those below the age of 15 or above the age of 65 — in the year 2000 and a projected number for 2050. The percentage of dependents in India, Indonesia, China, Korea and Japan are placed against that of the world average, which stood at around 25% in 2000 and is predicted to exceed 40% of humanity 37 years from now.

Of the countries examined, only India is forecast to reduce its overall number of dependents; from around 37% to 30%. Indonesia and China show the least variation, China being the country closest to maintaining equilibrium, with 35% in 2000 creeping marginally up to 37% in 2050.

Korea and Japan, meanwhile, are predicted to experience a major increase in their dependency ratios. Japan will go from being roughly equal to Indonesia and China in 2000 to being the only member of the group to outstrip the world average in 2050, with over 45% of its population dependent on the able-bodied. It is Korea, however, which shows the most drastic shift — rising from 18% (around 5% less than the world average) to 42%, the second-highest in the group, and equal to the estimated world average dependency ratio of 2050.



## Gợi ý

- Đề này được ra thi ngày 17 tháng 8 năm 2013, trình bày số liệu của năm 2000 và năm 2050. Biểu đồ ở đề bài tuy cho thấy sự thay đổi của số liệu ở hai mốc thời gian này – một đặc trưng của biểu đồ ở trạng thái động – nhưng đặc điểm nổi bật của nó là nghiêng về so sánh các số liệu. Do đó, bố cục của bài viết chủ yếu được triển khai dựa vào việc so sánh các số liệu của loại biểu đồ ở trạng thái tĩnh.
- Cấu trúc của bài viết mẫu:

Đoạn 1	Câu đầu giới thiệu ngắn gọn thông tin được thể hiện qua biểu đồ. Câu thứ hai cụ thể hóa thông tin được đề cập ở câu đầu.
Đoạn 2	Trước hết, người viết trình bày sự thay đổi trong số liệu của Ấn Độ và chỉ ra rằng đây là quốc gia duy nhất có tỉ lệ người phụ thuộc giảm xuống vào năm 2050. Tiếp theo, người viết nhận xét về tình hình ở Indonesia và Trung Quốc dựa vào số liệu của hai nước này (đây là hai quốc gia có tỉ lệ người phụ thuộc biến động ít nhất).
Đoạn 3	Đoạn này tập trung trình bày và phân tích các số liệu của Nhật Bản và Hàn Quốc (hai quốc gia có tỉ lệ người phụ thuộc biến động nhiều nhất). Người viết lần lượt so sánh những số liệu này với các số liệu quan trọng khác có liên quan để đưa ra nhận định về tỉ lệ người phụ thuộc ở Nhật Bản và Hàn Quốc.

## Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bài viết	Mở rộng từ vựng
dự tính	projected <i>adj.</i> be predicted to be forecast to	be projected to be estimated to
đối chiếu	be placed against	be in contrast to
sự biến đổi	variation shift	change development
tỉ suất	percentage ratio	proportion ( <i>tỉ lệ</i> ) rate ( <i>tỉ suất</i> )
vượt quá	exceed outstrip	outnumber

### Các câu nổi bật

**Câu 1** The graph shows the percentage of a country's dependent population — those below the age of 15 or above the age of 65 — in the year 2000 and a projected number for 2050.

**Nhận xét:**

① Trước tiên bạn cần nhớ cách dùng dấu gạch ngang. Dấu gạch ngang được sử dụng khi người viết muốn bổ sung thông tin hay giải thích thêm nội dung đã được đề cập trước đó mà không dùng which means.

② Biểu đồ có số liệu của năm 2050 nên trong bài viết sẽ có các thông tin mang tính dự đoán. Vì vậy, người viết đã đưa từ projected vào câu trên.

**Câu 2** Indonesia and China show the least variation, China being the country closest to maintaining equilibrium, with 35% in 2000 creeping marginally up to 37% in 2050.

**Nhận xét:** Điểm nổi bật nhất của câu này là người viết sử dụng hiện tại phân từ being và creeping. Cấu trúc trạng ngữ bắt đầu bằng with diễn tả ngắn gọn xu hướng biến đổi của tỉ lệ người phụ thuộc ở Trung Quốc. Hãy ghi nhớ cấu trúc này: with... in... + hiện tại phân từ (với động từ diễn tả ý *tăng lên*) + up to... in... Từ creep miêu tả một cách hình tượng sự tăng trưởng chậm.

**Câu 3** Japan will go from being roughly equal to Indonesia and China in 2000 to being the only member of the group to outstrip the world average in 2050, with over 45% of its population dependent on the able-bodied.

**Nhận xét:** Go from being... to being... là cấu trúc rất thường được dùng để miêu tả sự biến đổi của trạng thái khi chỉ có duy nhất một chủ ngữ. Cấu trúc này biểu thị sự so sánh qua hình thức rút gọn.

### Đề 5

You should spend about 20 minutes on this task.

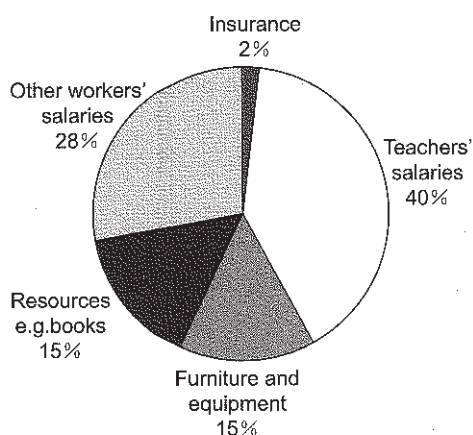
The three pie charts below show the changes in annual spending by a particular UK school in 1981, 1991 and 2001.

Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

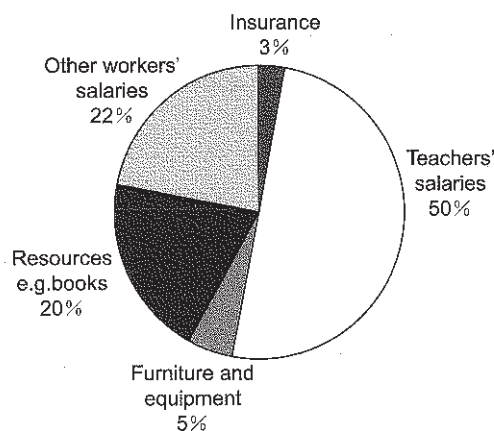
Write at least 150 words.



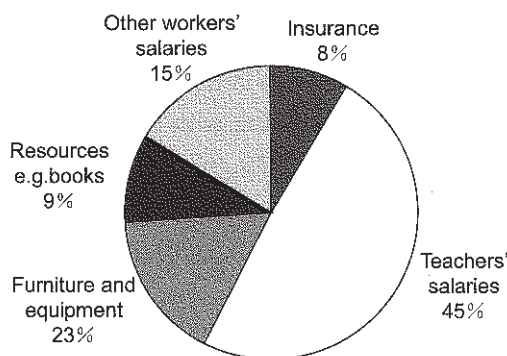
Total School Spending 1981



Total School Spending 1991



Total School Spending 2001



### Bài mẫu điển hình

The charts show how much a UK school spent on different running costs in three separate years: 1981, 1991 and 2001.

In all three years, the greatest expenditure was on staff salaries. But while other workers' salaries saw a fall from 28% in 1981 to only 15% of spending in 2001, teachers' pay remained the biggest cost, reaching 50% of total spending in 1991 and ending at 45% in 2001.

Expenditure on resources such as books had increased to 20% by 1991 before decreasing to only 9% by the end of the period. In contrast, the cost of furniture and equipment saw an opposite trend. This cost decreased to only 5% of total expenditure in 1991 but rose dramatically in 2001 when it represented 23% of the school budget. Similarly, the cost of insurance saw a rising trend, growing from only 2% to 8% by 2001.

Overall, teachers' salaries constituted the largest cost to the school, and while spending increased dramatically for equipment and insurance, there were corresponding drops in expenditure on things such as books and on other workers' salaries.

### Gợi ý

- Đề này được trích từ IELTS 8, TEST 2; trình bày các số liệu của ba năm: 1981, 1991, 2001. Bố cục của bài viết chủ yếu được triển khai theo sự biến đổi của số liệu qua các năm.
- Cấu trúc của bài viết mẫu:

Đoạn 1	Giới thiệu ngắn gọn thông tin được thể hiện qua biểu đồ.
Đoạn 2	Gộp <i>lương giáo viên (teachers' salaries)</i> và <i>lương của các nhân viên khác (other workers' salaries)</i> thành một nhóm rồi so sánh với các chi phí còn lại, từ đó rút ra kết luận: tổng chi phí dành cho hai đối tượng này (tức tổng chi phí dành cho con người) là cao nhất. Tuy nhiên, chi phí dành cho từng đối tượng lại thay đổi qua các năm theo xu hướng không giống nhau (phân tích ý này đồng thời trích dẫn các số liệu quan trọng có liên quan).
Đoạn 3	So sánh chi phí dành cho <i>tài liệu (resources)</i> , <i>trang thiết bị và đồ đạc (equipment and furniture)</i> , <i>bảo hiểm (insurance)</i> qua các năm đồng thời chỉ ra xu hướng biến đổi trong chi phí dành cho từng nhóm: chi phí dành cho tài liệu tăng vào năm 1991, giảm vào năm 2001 trong khi chi phí dành cho trang thiết bị và đồ đạc giảm vào năm 1991, tăng mạnh vào năm 2001, còn chi phí dành cho bảo hiểm thay đổi theo xu hướng tăng đều qua các năm.
Đoạn kết luận	Nhắc lại chi phí cao nhất ( <i>lương giáo viên</i> ) và khái quát xu hướng chi tiêu cho các nhu cầu còn lại của nhà trường.

### Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bài viết	Mở rộng từ vựng
<i>phí tổn, chi phí</i>	cost <i>n.</i> expenditure <i>n.</i> spending <i>n.</i>	expenses
<i>tổng chi phí</i>	total spending total expenditure budget	overall spending the annual budget ( <i>ngân sách hàng năm</i> ) revenue ( <i>thu nhập</i> )
<i>lương</i>	salaries pay	payment income wages
<i>tạo thành, chiếm</i>	represent constitute	make up take up comprise
<i>tương ứng</i>	corresponding <i>adj.</i> e.g. a corresponding fall	correspondingly <i>adv.</i> e.g. fall correspondingly



### Các câu nổi bật

**Câu 1** The charts show how much a UK school spent on different running costs in three separate years: 1981, 1991 and 2001.

**Nhận xét:** Ở đây người viết đã diễn đạt lại ý được nêu ở đề bài theo cách khác. Cụm từ liên quan đến số tiền (changes in annual spending) và ba mốc thời gian trong đề bài được diễn tả bằng một câu rất hay: ...how much... in three separate years...

**Câu 2** While other workers' salaries saw a fall from 28% in 1981 to only 15% of spending in 2001, teachers' pay remained the biggest cost, reaching 50% of total spending in 1991 and ending at 45% in 2001.

**Nhận xét:**

① Cấu trúc **see + danh từ biểu thị xu hướng** giúp câu trở nên sinh động, nhất là khi so sánh nó với cách diễn đạt **workers' salaries fell/decreased from...** Hãy tìm cấu trúc này ở các câu khác trong bài viết để học hỏi thêm.

② Bạn cần học các động từ không giới hạn (non-finite verbs) trong cụm **reaching... and ending...** để tránh sử dụng hai cấu trúc chủ-vị (it reached... and it ended...) đồng thời làm tăng tính liên kết trong câu. Đây được xem là “nguyên tắc vàng” trong kỹ năng viết câu khi làm bài thi Task 1. Bạn có thể xem lại nội dung liên quan ở phần cuối của Mục 2, Chương 2.

**Câu 3** This cost decreased to only 5% of total expenditure in 1991 but rose dramatically in 2001 when it represented 23% of the school budget.

**Nhận xét:** Khi muốn diễn đạt ý *...tăng mạnh vào năm 2001, và vào năm 2001, nó chiếm đến 23% ngân sách của nhà trường* đồng thời muốn tránh lặp lại cụm từ chỉ thời gian, bạn hãy dùng **when** như trong bài viết.

**Câu 4** While spending increased dramatically for equipment and insurance, there were corresponding drops in expenditure on things such as books and on other workers' salaries.

**Nhận xét:** Khi muốn khái quát xu hướng biến đổi của số liệu được thể hiện qua biểu đồ ở trạng thái động, bạn hãy sử dụng mẫu câu: **While... increased dramatically..., there were corresponding drops...**

## 2. Cách viết bài mô tả biểu đồ ở trạng thái tĩnh

### Đề 6

You should spend about 20 minutes on this task.

The table below gives information on consumer spending on different items in five different countries in 2002.

Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

Write at least 150 words.

Percentage of national consumer expenditure by category – 2002

Country	Food/Drinks/Tobacco	Clothing/Footwear	Leisure/Education
Ireland	28.91%	6.43%	2.21%
Italy	16.36%	9.00%	3.20%
Spain	18.80%	6.51%	1.98%
Sweden	15.77%	5.40%	3.22%
Turkey	32.14%	6.63%	4.35%

### Bài mẫu điển hình

The table compares spending on three categories — food/drinks/tobacco, clothing/footwear and leisure/education — in Ireland, Italy, Spain, Sweden and Turkey in 2002, as a percentage of total consumer spending.

People in Turkey (32.14%) and Ireland (28.91%) spent relatively high amounts on food/drinks/tobacco, whilst consumers in Spain (18.80%), Italy (16.36%) and Sweden (15.77%) spent roughly half that proportion.

The percentages for spending on clothing/footwear differed to a lesser degree. Consumers in Turkey (6.63%), Spain (6.51%) and Ireland (6.43%) spent around 6.5% of their household expenditure on clothing/footwear. People in Sweden spent a lower proportion (5.40%) and people in Italy spent relatively more (9.00%).

Spending on leisure/education was relatively low in all five countries, though there were marked differences. People in Turkey spent the highest percentage on this item (4.35%). Those in Sweden and Italy spent almost exactly the same percentages (3.22% and 3.20% respectively). In Ireland, the figure was 2.21% and in Spain it was 1.98% — less than half the figure for Turkey.



Overall, we can see that spending on food/drinks/tobacco was always greater than spending on clothing/footwear, which in turn was always higher than expenditure on leisure/education.

### Gợi ý

- Đề này được trích từ IELTS 7, TEST 1; trình bày số liệu phản ánh tình hình chi tiêu cho các nhu cầu khác nhau (được chia thành ba nhóm) của người dân ở năm quốc gia trong năm 2002. Đây là đề điển hình cho dạng đề yêu cầu mô tả biểu đồ ở trạng thái tĩnh. Bố cục của bài viết chủ yếu được triển khai dựa vào việc so sánh mức chi tiêu dành cho từng nhóm ở năm quốc gia.
- Cấu trúc của bài viết mẫu:

Đoạn 1	Giới thiệu ngắn gọn thông tin được thể hiện qua bảng biểu.
Đoạn 2	Chỉ ra tình hình chi tiêu của người dân ở năm quốc gia cho nhóm <i>thực phẩm/đồ uống/thuốc lá</i> (food/drinks/tobacco) theo số liệu từ lớn đến nhỏ, đồng thời đưa ra nhận xét trên cơ sở so sánh các số liệu có liên quan ( <i>xấp xỉ một nửa tỉ lệ đó</i> (roughly half that proportion)).
Đoạn 3 và 4	Chỉ ra tình hình chi tiêu của người dân ở năm quốc gia cho nhóm <i>quần áo/giày dép</i> (clothing/footwear) và <i>giải trí/giáo dục</i> (leisure/education) theo số liệu từ lớn đến nhỏ, đồng thời đưa ra nhận xét trên cơ sở so sánh các số liệu có liên quan.
Đoạn kết luận	Nêu đặc điểm chung trong việc chi tiêu của người dân ở năm quốc gia.

### Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bài viết	Mở rộng từ vựng
<i>chi tiêu</i>	spending expenditure	budget cost
<i>(mức độ) khác nhau</i>	differ to a lesser degree there were marked differences	Chú ý những cách diễn đạt liên quan: The biggest difference is... The difference is smallest... The disparity...is (not) noticeable.
<i>chi tiêu nhiều hơn</i>	spend relatively more spending on...was greater	...consume more...than...
<i>chi tiêu ít hơn</i>	spend a lower proportion spending on...was relatively low	...consume less...than...
<i>một nửa (của tỉ lệ)</i>	half that proportion half the figure for...	half of...

### Các câu nổi bật

**Câu 1** The table compares spending on three categories — food/drinks/tobacco, clothing/footwear and leisure/education — in Ireland, Italy, Spain, Sweden and Turkey in 2002, as a percentage of total consumer spending.

**Nhận xét:** Khi giới thiệu ngắn gọn thông tin được thể hiện qua bảng biểu, đa số thí sinh thường mở đầu như sau: The table gives information on consumer spending on different items. Nhưng ở câu đầu của bài viết mẫu, người viết dùng từ *compare* để kết nối ba nhóm: thực phẩm/đồ uống/thuốc lá, quần áo/giày dép, giải trí/giáo dục. Ngoài ra, người viết còn sử dụng dấu gạch ngang nhằm tránh dùng liên từ đồng thời lồng ghép các ý đứng trước và sau nó vào nhau.

**Câu 2** Spending on leisure/education was relatively low in all five countries, though there were marked differences.

**Nhận xét:** Câu này diễn tả sự so sánh theo cả chiều ngang lẫn chiều dọc. Cụm từ *relatively low* chỉ sự so sánh về tỉ lệ chi tiêu dành cho nhóm giải trí/giáo dục và tỉ lệ chi tiêu dành cho hai nhóm còn lại. Từ *though* biểu thị sự chuyển ý: người viết chuyển sang đề cập đến *những sự khác biệt lớn* (marked differences) về tỉ lệ chi tiêu dành cho giải trí/giáo dục ở năm quốc gia. Các câu tiếp theo đưa ra số liệu cụ thể để làm rõ sự khác biệt này. Qua đó cho thấy người viết vừa liên kết các ý một cách hợp lý vừa chuyển ý ngay trong một câu.

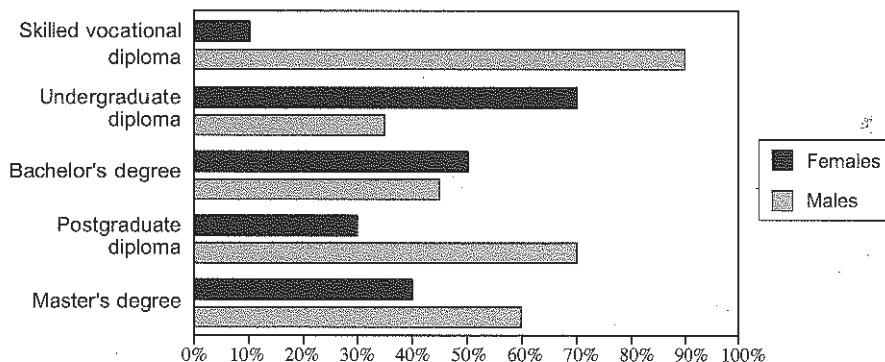
### Đề 7

You should spend about 20 minutes on this task.

The chart below shows the different levels of post-school qualifications in Australia and the proportion of men and women who held them in 1999. Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

Write at least 150 words.

Post-school qualifications in Australia according to gender 1999





## Bài mẫu điển hình

The chart gives information about the proportion of men and women who received different levels of post-school qualifications in Australia in 1999.

The biggest gender difference was at the lowest post-school level, where 90% of those who held a skilled vocational diploma were men, compared with only 10% of women. The disparity at the higher levels of education was also noticeable, although not that significant, with the fact that men who successfully got postgraduate diplomas clearly outnumbered their female counterparts (70% and 30%, respectively), and also comprised 60% of the Masters. By contrast, more women held undergraduate diplomas (70%) and marginally more women reached degree level (55%).

Thus we can see that more men than women held qualifications at the lowest and higher levels of education, while quite the reverse was true as to the case of undergraduate diplomas. The gender difference was smallest at the level of Bachelor's degree.

## Gợi ý

- Đề này giống đề 6, được trích từ IELTS 4, TEST 3; trình bày số liệu cho thấy trình độ học vấn của nam và nữ ở Úc trong năm 1999. Bố cục của bài viết chủ yếu được triển khai dựa vào việc so sánh tỉ lệ nam và nữ ở các trình độ khác nhau.
- Cấu trúc của bài viết mẫu:

Đoạn 1	Giới thiệu ngắn gọn thông tin được thể hiện qua biểu đồ.
Đoạn 2	Người viết lần lượt cho biết với bằng cấp nào thì tỉ lệ nam cao hơn tỉ lệ nữ với mức chênh lệch lớn nhất, với bằng cấp nào thì tỉ lệ nam cao hơn tỉ lệ nữ tương đối nhiều và với bằng cấp nào thì tỉ lệ nữ cao hơn tỉ lệ nam.
Đoạn kết luận	Nêu nhận xét khái quát về sự khác biệt giới tính ở các trình độ khác nhau.

## Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bài viết	Mở rộng từ vựng
<i>nam nhiều hơn nữ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Men...outnumbered their female counterparts.</li> <li>More men than women held...</li> </ul>	Có thể thay outnumber bằng outpace/exceed.
<i>có, đạt được (trình độ học vấn nào đó)</i>	receive hold get	be awarded enjoy

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bài viết	Mở rộng từ vựng
<i>cách diễn đạt liên quan đến trình độ học vấn, học vị</i>	post-school undergraduate postgraduate diploma degree level higher levels of education Bachelor's degree Masters	academic qualifications
<i>khác nhau</i>	different <i>adj.</i> difference <i>n.</i> disparity <i>n.</i>	Chú ý sử dụng linh hoạt từ loại: differ/vary <i>v.</i>
<i>rõ ràng</i>	noticeable <i>adj.</i> significant <i>adj.</i> clearly <i>adv.</i>	obvious <i>adj.</i> marked <i>adj.</i>

### Các câu nổi bật

**Câu 1** The disparity at the higher levels of education was also noticeable, although not that significant, with the fact that men who successfully got postgraduate diplomas clearly outnumbered their female counterparts (70% and 30%, respectively), and also comprised 60% of the Masters.

**Nhận xét:**

① Chú ý cách dùng cụm từ with the fact that... Trong tiếng Anh người ta thường dùng cấu trúc bắt đầu bằng with. Bạn cũng có thể viết câu bắt đầu bằng the fact that.

② Cụm từ their female counterparts có nghĩa là women who successfully got postgraduate diplomas, được dùng để tránh lặp từ đồng thời làm tăng tính liên kết trong câu. Tiếp theo, người viết trình bày ngắn gọn số liệu có liên quan trong dấu ngoặc đơn.

**Câu 2** Thus we can see that more men than women held qualifications at the lowest and higher levels of education, while quite the reverse was true as to the case of undergraduate diplomas.

**Nhận xét:** Cấu trúc quite the reverse is true as to the case of undergraduate diplomas được dùng để diễn đạt ý nữ có bằng đại học nhiều hơn nam. Đây là cách diễn đạt rất ngắn gọn, giúp người viết tránh lặp lại nhiều lần các từ men và women.



## Đề 8

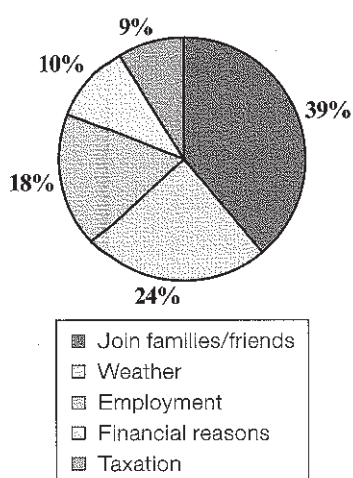
You should spend about 20 minutes on this task.

The pie charts below show reasons why people left the UK for other countries and why people stayed in the UK.

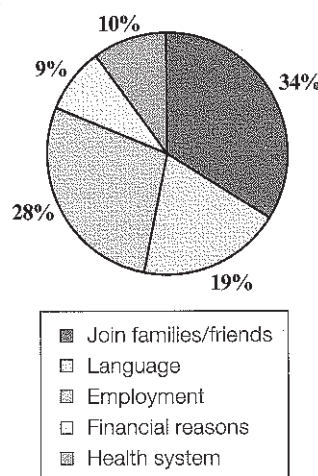
Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

Write at least 150 words.

Reasons for leaving the UK



Reasons for staying in the UK



### Bài mẫu điển hình

The two pie charts above give the reasons why people either left or stayed in the UK.

Interestingly, the most common reason for both leaving and staying in the UK is to join families and friends (leaving — 39%, staying — 34%), implying the United Kingdom is both a country of in-transit migrants and returning expats. The second most common reason for leaving the UK is, unsurprisingly, its weather (24%), while the second most common reason for staying is the many and varied opportunities for work (28%). In fact, the UK appears to have a positive labour flow, with the number of people emigrating for work being 18%.

The third most common reason for staying is the lovely sound and infinite variation of the language itself, as 19% of the people would agree.

Finally, roughly similar amounts of people left the UK for financial reasons (10%) and tax purposes (9%), suggesting the wealthy are apparently finding that Britain asks too much of them in the way of public investment. In contrast, 10% of UK immigrants are there for the free health care system the NHS provides, and 9% are there for “financial reasons”, for which we should perhaps read “benefits”.

## Gợi ý

- Đề này được ra thi ngày 5 tháng 1 năm 2013, trình bày hai nhóm số liệu cho thấy lý do người ta rời khỏi và ở lại nước Anh, là đề thi điển hình cho dạng đề yêu cầu mô tả biểu đồ ở trạng thái tĩnh. Bố cục của bài viết được triển khai chủ yếu dựa vào việc so sánh các số liệu.
- Cấu trúc của bài viết mẫu:

Đoạn 1	Giới thiệu ngắn gọn thông tin được thể hiện qua biểu đồ.
Đoạn 2	Trình bày và so sánh các số liệu ở hai biểu đồ theo thứ tự từ lớn đến nhỏ. Trước hết, người viết chỉ ra lý do phổ biến nhất khiến người ta rời khỏi và ở lại nước Anh ( <i>đoàn tụ với gia đình/bạn bè</i> (join families/friends)). Tiếp theo, người viết nêu lý do phổ biến thứ hai của việc rời khỏi nước Anh ( <i>thời tiết</i> (weather)) và ở lại nước Anh ( <i>việc làm</i> (employment)), đồng thời so sánh số liệu của trường hợp này với số liệu có liên quan ở biểu đồ 1 để cho thấy lý do phổ biến thứ ba của việc rời khỏi nước Anh ( <i>việc làm</i> (employment)).
Đoạn 3	Trình bày số liệu ở biểu đồ 2 và cho biết lý do phổ biến thứ ba của việc ở lại nước Anh ( <i>ngôn ngữ</i> (language)).
Đoạn 4	Lần lượt trình bày, so sánh và phân tích các số liệu còn lại của hai biểu đồ.

## Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bài viết	Mở rộng từ vựng
<i>di cư</i>	migrant <i>n.</i> emigrate <i>v.</i> immigrant <i>n.</i>	Hãy sử dụng linh hoạt các từ loại khác nhau: immigration <i>n.</i> immigrate <i>v.</i> migrate <i>v.</i>
<i>kiều bào</i>	expat	expatriate (từ trang trọng)
<i>ám chỉ</i>	imply suggest	hint indicate
<i>nguồn lao động</i>	labour flow	human resources brain drain ( <i>chảy máu chất xám</i> )
<i>hệ thống chăm sóc y tế</i>	health care system	medical service health service



### Các câu nổi bật

**Câu 1** The second most common reason for leaving the UK is, unsurprisingly, its weather (24%), while the second most common reason for staying is the many and varied opportunities for work (28%).

Nhận xét:

① Ở đây người viết đưa ra sự so sánh ngang bằng: giới thiệu lý do phổ biến thứ hai của việc rời khỏi và ở lại nước Anh. Từ chuyển ý while làm cho sự so sánh này trở nên tự nhiên và hợp lý.

② Trạng từ unsurprisingly được sử dụng phù hợp, biểu thị cảm xúc của người viết.

**Câu 2** The third most common reason for staying is the lovely sound and infinite variation of the language itself, as 19% of the people would agree.

Nhận xét: Thông tin theo sau động từ agree chính là the third...itself. Từ as được dùng rất khéo để nối hai vế câu đứng trước và sau nó, tránh sự lặp ý.

**Câu 3** Finally, roughly similar amounts of people left the UK for financial reasons (10%) and tax purposes (9%), suggesting the wealthy are apparently finding that Britain asks too much of them in the way of public investment.

Nhận xét: Người viết dùng một cụm từ rất hay là roughly similar amounts để liệt kê hai lý do có mức độ phổ biến gần bằng nhau, sau đó dùng động từ không giới hạn (non-finite verb) suggesting để liên kết hai lý do này và chỉ ra rằng chúng cùng phản ánh một thực tế. Đây là cách rất hiệu quả khi bạn muốn kết hợp và phân tích các thông tin.

### 3. Cách viết bài mô tả biểu đồ dạng kết hợp

#### Đề 9

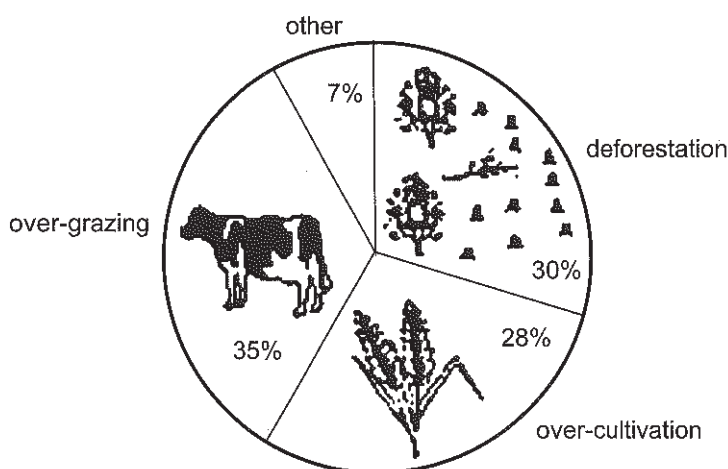
You should spend about 20 minutes on this task.

The pie chart below shows the main reasons why agricultural land becomes less productive. The table shows how these causes affected three regions of the world during the 1990s.

Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

Write at least 150 words.

Causes of worldwide land degradation



Causes of land degradation by region

Region	% land degraded by...			Total land degraded
	deforestation	over-cultivation	over-grazing	
North America	0.2	3.3	1.5	5%
Europe	9.8	7.7	5.5	23%
Oceania*	1.7	0	11.3	13%

\*A large group of islands in the South Pacific including Australia and New Zealand

### Bài mẫu điển hình

The pie chart shows that there are four main causes of farmland becoming degraded in the world today. Globally, 65% of degradation is caused by too much animal grazing and tree clearance, constituting 35% and 30% respectively. A further 28% of global degradation is due to over-cultivation of crops. Other causes account for only 7% collectively.

These causes affected different regions differently in the 1990s, with Europe having as much as 9.8% of degradation due to deforestation, while the impact of this on Oceania and North America was minimal, with only 1.7% and 0.2% of land affected respectively. Europe, with the highest overall percentage of land degraded (23%), also suffered from over-cultivation (7.7%) and over-grazing (5.5%). In contrast, Oceania had 13% of degraded farmland and this was mainly due to over-grazing (11.3%). North America had a lower proportion of degraded land at only 5%, and the main causes of this were over-cultivation (3.3%) and, to a lesser extent, over-grazing (1.5%).

Overall, it is clear that Europe suffered more from farmland degradation than the other regions, and the main causes there were deforestation and over-cultivation.



## Gợi ý

- Đề này được trích từ IELTS 8, TEST 1; là đề yêu cầu mô tả biểu đồ dạng kết hợp (ở đây có hai biểu đồ là biểu đồ hình tròn và bảng biểu). Bài viết chủ yếu trình bày các nguyên nhân dẫn đến tình trạng thoái hóa đất trên phạm vi toàn thế giới và tình hình cụ thể tại ba khu vực. Số liệu của đề này có đặc điểm giống số liệu của đề 6, 7, 8 và cách viết bài mô tả hai biểu đồ của đề này (đều là biểu đồ ở trạng thái tĩnh) cũng giống cách viết đã được trình bày ở các đề vừa nêu. Điểm khác biệt là ở đây, bạn cần chỉ ra mối liên hệ giữa biểu đồ hình tròn và bảng biểu cũng như phân tích số liệu có phần sơ lược hơn so với khi mô tả một biểu đồ.
- Cấu trúc của bài viết mẫu:

Đoạn 1	<p><b>Mô tả biểu đồ 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trình bày bốn nguyên nhân gây ra tình trạng thoái hóa đất (theo thứ tự từ nguyên nhân quan trọng nhất đến nguyên nhân ít quan trọng nhất) đồng thời trích dẫn số liệu (bạn có thể học thuộc các mẫu câu và cách kết nối trong bài viết mẫu).</li> </ul>
Đoạn 2	<p><b>Mô tả biểu đồ 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• So sánh các số liệu trong bảng biểu (bảng biểu này rất giống bảng biểu ở đề 6).</li> <li>• Trước hết giới thiệu về tình hình ở châu Âu: <i>nạn phá rừng</i> (deforestation) là nguyên nhân quan trọng nhất gây thoái hóa đất (đồng thời chỉ ra ảnh hưởng của nguyên nhân này đối với hai khu vực: <i>Bắc Mỹ</i> (North America) và <i>châu Đại Dương</i> (Oceania)); sau đó nêu số liệu liên quan đến hai nguyên nhân là canh tác quá mức và chăn thả quá mức cũng như tỉ lệ phần trăm trên tổng diện tích đất bị thoái hóa. Ở đây người viết đã trình bày khá đầy đủ về tình hình của châu Âu vì các số liệu liên quan đều rất lớn (đa số là lớn nhất).</li> <li>• Miêu tả sơ lược về châu Đại Dương: người viết chỉ đề cập đến tỉ lệ phần trăm trên tổng diện tích đất bị thoái hóa và nguyên nhân gây thoái hóa đất với tỉ lệ cao nhất.</li> <li>• Miêu tả sơ lược về Bắc Mỹ.</li> </ul>
Đoạn kết luận	<p>Nêu nhận xét khái quát về tình trạng thoái hóa đất ở châu Âu.</p>

## Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bài viết	Mở rộng từ vựng
đất đai / đất canh tác bị thoái hóa	degradation farmland becoming degraded farmland degradation degraded land / farmland	Nên dùng linh hoạt các từ loại khác nhau trong bài viết.
nạn chặt phá rừng	tree clearance deforestation	indiscriminate logging
chiếm X% (trích dẫn số liệu cụ thể)	constitute account for have	make up take up
(đất đai) bị thoái hóa	be affected by degradation have degradation suffer from degradation	Chú ý thay đổi từ loại: be degraded there was degradation in...

## Các câu nổi bật

**Câu 1** Other causes account for only 7% collectively.

Nhận xét:

① Hãy ghi nhớ cách dùng từ collectively. Đây là từ rất hữu ích, có nghĩa là *về tổng thể, tính gộp lại*. Ví dụ, khi muốn diễn đạt ý: A, B và C *tính gộp lại chiếm 70%*, bạn có thể viết như sau: A, B and C account for 70% collectively (hoặc A, B and C sum up to account for 70%).

② Dùng respectively khi bạn nêu các số liệu theo thứ tự. Ví dụ, khi muốn diễn đạt ý: A, B và C *lần lượt chiếm 7%, 8% và 9%*, bạn có thể viết như sau: A, B and C account for 7%, 8% and 9%, respectively.

**Câu 2** These causes affected different regions differently in the 1990s, with Europe having as much as 9.8% of degradation due to deforestation, while the impact of this on Oceania and North America was minimal, with only 1.7% and 0.2% of land affected respectively.

Nhận xét:

① Ngữ pháp của câu này được đánh giá là xuất sắc.

② Để diễn đạt ý trên, rất có thể một số thí sinh sẽ viết như sau:

These causes affected different regions differently in the 1990s, *Europe had as much as 9.8% of degradation due to deforestation, the impact of this on Oceania and North America was minimal, only 1.7% and 0.2% of land was affected respectively.*



Ba ý sau (phần in nghiêng) được nối với ý đầu tiên bằng dấu phẩy. Cách viết này vừa phạm lỗi ngữ pháp vừa làm cho các ý trở nên rời rạc.

③ Để có kỹ năng viết tốt, bạn nên học cách viết như câu mẫu vừa trình bày. Bạn cần nắm vững cách dùng cấu trúc bắt đầu bằng **with** và cách dùng từ **while**:

- with + sth + doing (dạng chủ động)
- with + sth + done (dạng bị động)
- while được dùng để liên kết ý sau (the impact...was minimal) với ý trước.

## Đề 10

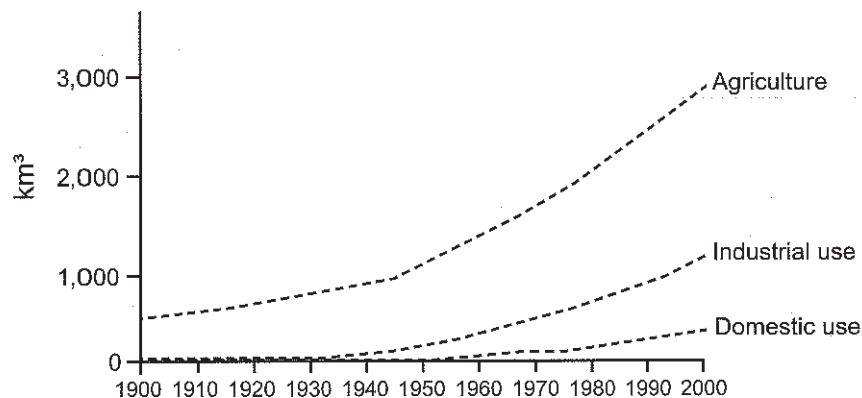
You should spend about 20 minutes on this task.

The graph and table below give information about water use worldwide and water consumption in two different countries.

Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

Write at least 150 words.

Global water use by sector



Water consumption in Brazil and Congo in 2000

Country	Population	Irrigated land	Water consumption per person
Brazil	176 million	26,500 km <sup>2</sup>	359 m <sup>3</sup>
Democratic Republic of Congo	5.2 million	100 km <sup>2</sup>	8 m <sup>3</sup>

## Bài mẫu điển hình

The graph shows how the amount of water used worldwide changed between 1900 and 2000.

Throughout the century, the largest quantity of water was used for agricultural purposes, and this increased dramatically from about 500 km<sup>3</sup> to around 3,000 km<sup>3</sup> in the year 2000. Water used in the industrial and domestic sectors also increased, but consumption was minimal until mid-century. From 1950 onwards, industrial use grew steadily to just over 1,000 km<sup>3</sup>, while domestic use rose more slowly to only 300 km<sup>3</sup>, both far below the levels of consumption by agriculture.

The table illustrates the differences in agricultural consumption in some areas of the world by contrasting the amount of irrigated land in Brazil (26,500 km<sup>2</sup>) with that in the D.R.C (100 km<sup>2</sup>). This means that a huge amount of water was used in agriculture in Brazil, and this is reflected in the figures for water consumption per person: 359 m<sup>3</sup> compared with only 8 m<sup>3</sup> in Congo. With a population of 176 million, the figures for Brazil indicate how high agricultural water consumption can be in some countries.

## Gợi ý

- Đề này được trích từ IELTS 6, TEST 1; là đề yêu cầu mô tả biểu đồ dạng kết hợp: đồ thị là biểu đồ ở trạng thái động (thể hiện sự biến đổi của số liệu theo thời gian), bảng biểu là biểu đồ ở trạng thái tĩnh (đưa ra số liệu để so sánh). Bài viết mẫu này có cấu trúc hơi khác với bài viết mẫu của đề 9.
- Cấu trúc của bài viết mẫu:

Đoạn 1	Giới thiệu ngắn gọn thông tin được thể hiện qua biểu đồ 1.
Đoạn 2	<p>Mô tả biểu đồ 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trước hết cho biết lượng nước dùng trong nông nghiệp vào năm 1900 và 2000 cũng như xu hướng biến đổi theo thời gian.</li> <li>• Sau đó so sánh lượng nước dùng trong nông nghiệp với lượng nước dùng trong công nghiệp và gia đình.</li> </ul>
Đoạn 3	<p>Mô tả biểu đồ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chỉ ra mối liên hệ giữa hai biểu đồ: biểu đồ 1 cho thấy tình hình sử dụng nước trong lĩnh vực nông nghiệp trên toàn thế giới, biểu đồ 2 cung cấp số liệu của hai quốc gia là Brazil và Congo để cho thấy ở các khu vực khác nhau thì lượng nước dùng trong nông nghiệp cũng khác nhau.</li> <li>• So sánh các số liệu quan trọng của hai quốc gia.</li> </ul>



### Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bài viết	Mở rộng từ vựng
<i>lượng nước dùng</i>	the amount of water used quantity of water water consumption	use <i>n.</i> consume <i>v.</i>
<i>thể hiện, cho thấy</i>	show illustrate reflect indicate	demonstrate document
<i>nước dùng trong nông nghiệp</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• agricultural water consumption</li> <li>• the levels of consumption by agriculture</li> </ul>	<p>Nên dùng linh hoạt các từ loại khác nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• water used in the agricultural sector</li> <li>• water used in agriculture</li> </ul>

### Các câu nổi bật

**Câu 1** From 1950 onwards, industrial use grew steadily to just over 1,000 km<sup>3</sup>, while domestic use rose more slowly to only 300 km<sup>3</sup>, both far below the levels of consumption by agriculture.

**Nhận xét:** Điểm nổi bật của câu này là sự so sánh. Đây cũng chính là đặc điểm quan trọng trong cách sắp xếp thông tin ở bài viết đạt điểm cao. Từ *while* được dùng để thể hiện sự so sánh lượng nước dùng trong công nghiệp và lượng nước dùng trong gia đình. Ngoài ra, người viết còn dùng cụm từ *both far below* để so sánh lượng nước dùng cho hai mục đích này và lượng nước dùng trong nông nghiệp.

**Câu 2** The table illustrates the differences in agricultural consumption in some areas of the world by contrasting the amount of irrigated land in Brazil (26,500 km<sup>2</sup>) with that in the D.R.C (100 km<sup>2</sup>).

**Nhận xét:** Câu trên đã chỉ ra mối quan hệ giữa hai biểu đồ. Bạn hãy học thuộc cấu trúc câu được sử dụng trong trường hợp này: *The table illustrates...by contrasting...with.../by giving information about...*

## Mục 2 Bài viết mô tả biểu đồ dạng hình ảnh

🗨️ Xét về hình dạng, chúng ta có thể chia biểu đồ dạng hình ảnh thành hai loại:

- ➔ Biểu đồ tiến trình/biểu đồ phát triển (process diagram/flowchart): chủ yếu mô tả quá trình phát triển của một sự vật, quá trình tiến hành một công việc hay các bước cần thực hiện khi sử dụng sự vật nào đó.
- ➔ Bản đồ (map): chủ yếu mô tả vị trí địa lí hay sự thay đổi về vị trí địa lí của sự vật nào đó.

Chúng ta sẽ tìm hiểu về cách mô tả hai loại biểu đồ này qua các đề thật trong kho đề.

### 1. Cách viết bài mô tả biểu đồ tiến trình

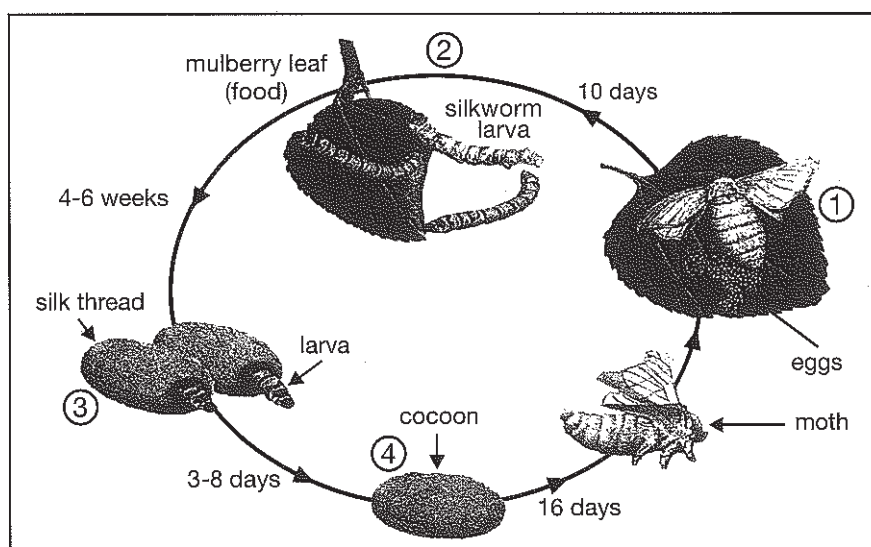
#### Đề 1

You should spend about 20 minutes on this task.

The diagrams below show the life cycle of the silkworm and the stages in the production of silk cloth. Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

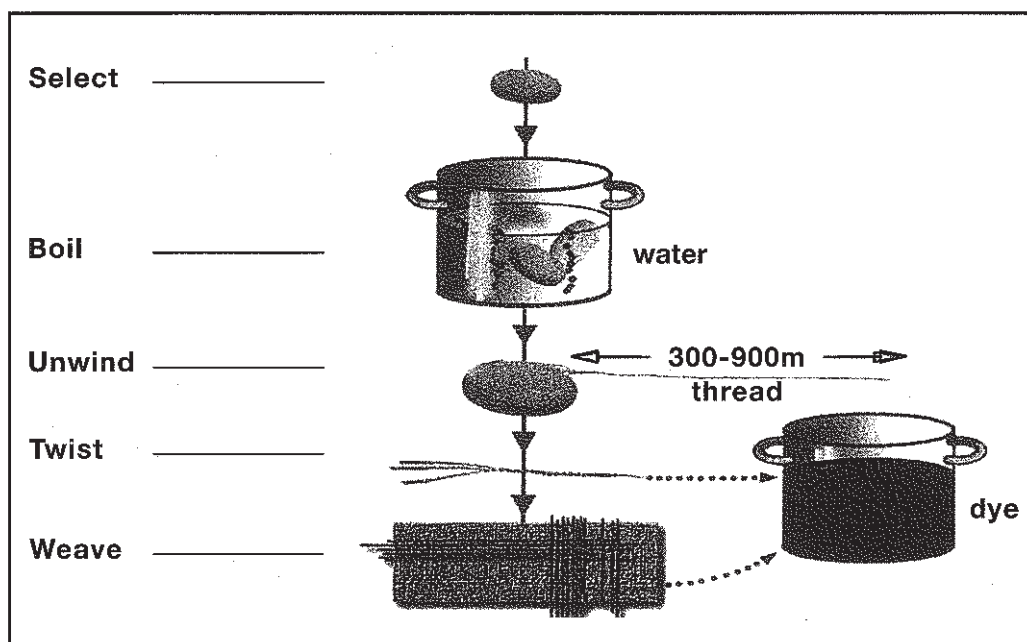
Write at least 150 words.

Life cycle of the silkworm





## Production of silk cloth



## Bài mẫu điển hình

The first diagram shows that there are four main stages in the life of the silkworm. First of all, eggs are produced by the moth and it takes ten days for each egg to become a silkworm larva that feeds on mulberry leaves. This stage lasts for up to six weeks until the larva produces a cocoon of silk thread around itself. After a period of about three weeks, the adult moths eventually emerge from these cocoons and the life cycle begins again.

The cocoons are the raw material used for the production of silk cloth. Once selected, they are boiled in water and the threads can be separated in the unwinding stage. Each thread is between 300 and 900 metres long, which means they can be twisted together, dyed and then used to produce cloth in the weaving stage.

Overall, the diagrams show that the cocoon stage of the silkworm can be used to produce silk cloth through a very simple process.

## Gợi ý

- Đề này được trích từ IELTS 6, TEST 3; là đề điển hình cho dạng đề yêu cầu mô tả biểu đồ tiến trình. Bài viết lần lượt trình bày các giai đoạn khác nhau trong vòng đời của tằm và quá trình tạo ra tơ lụa đồng thời cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các giai đoạn.

- Cấu trúc của bài viết mẫu:

Đoạn 1	Mô tả biểu đồ 1: <ul style="list-style-type: none"><li>• Căn cứ vào các mũi tên trong biểu đồ, người viết lần lượt trình bày các giai đoạn phát triển của tằm (bắt đầu từ điểm khởi đầu trong vòng đời của nó).</li></ul>
Đoạn 2	Mô tả biểu đồ 2: <ul style="list-style-type: none"><li>• Người viết mô tả trình tự các bước của quá trình tạo ra tơ lụa (bạn cần chú ý thể bị động và phân từ quá khứ được sử dụng ở đoạn này).</li></ul>
Đoạn kết luận	Đoạn này chỉ ra mối liên hệ giữa hai biểu đồ.

### Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bài viết	Mở rộng từ vựng
(biểu thị) trình tự	first of all and then until after once eventually	<ul style="list-style-type: none"><li>• (in) the first/following/last/final stage</li><li>• firstly/next/lastly</li><li>• simultaneously (đồng thời)</li></ul>
(mô tả) khoảng thời gian trong đó một hành động hoặc quá trình diễn ra liên tục	<ul style="list-style-type: none"><li>• it takes ten days for...to...</li><li>• this stage lasts for up to six weeks...</li><li>• after a period of about three weeks,...</li></ul>	the process continues for ten days until...
giai đoạn, quá trình	stage process	Các từ gần nghĩa với stage: step/part/phase

### Các câu nổi bật

**Câu 1** First of all, eggs are produced by the moth and it takes ten days for each egg to become a silkworm larva that feeds on mulberry leaves.

**Nhận xét:** Câu này dùng thể bị động cùng từ nối and và that, trong đó that có thể được thay bằng which. Một bí quyết nữa là người viết sử dụng động từ feed để chuyển đổi từ loại của food trong biểu đồ, feed on... có thể được dùng thay cho cách diễn đạt thông thường là eat... for food. Đây là ba “nguyên tắc vàng” khi mô tả biểu đồ tiến trình.



**Câu 2** Once selected, they are boiled in water and the threads can be separated in the unwinding stage.

**Nhận xét:** Một câu ngắn bao gồm chưa đến 20 từ đơn nhưng diễn tả một loạt hành động quan trọng; bí quyết ở đây là người viết đã sử dụng thể bị động cùng từ nối once và and, trong đó once có thể được thay bằng after.

## Đề 2

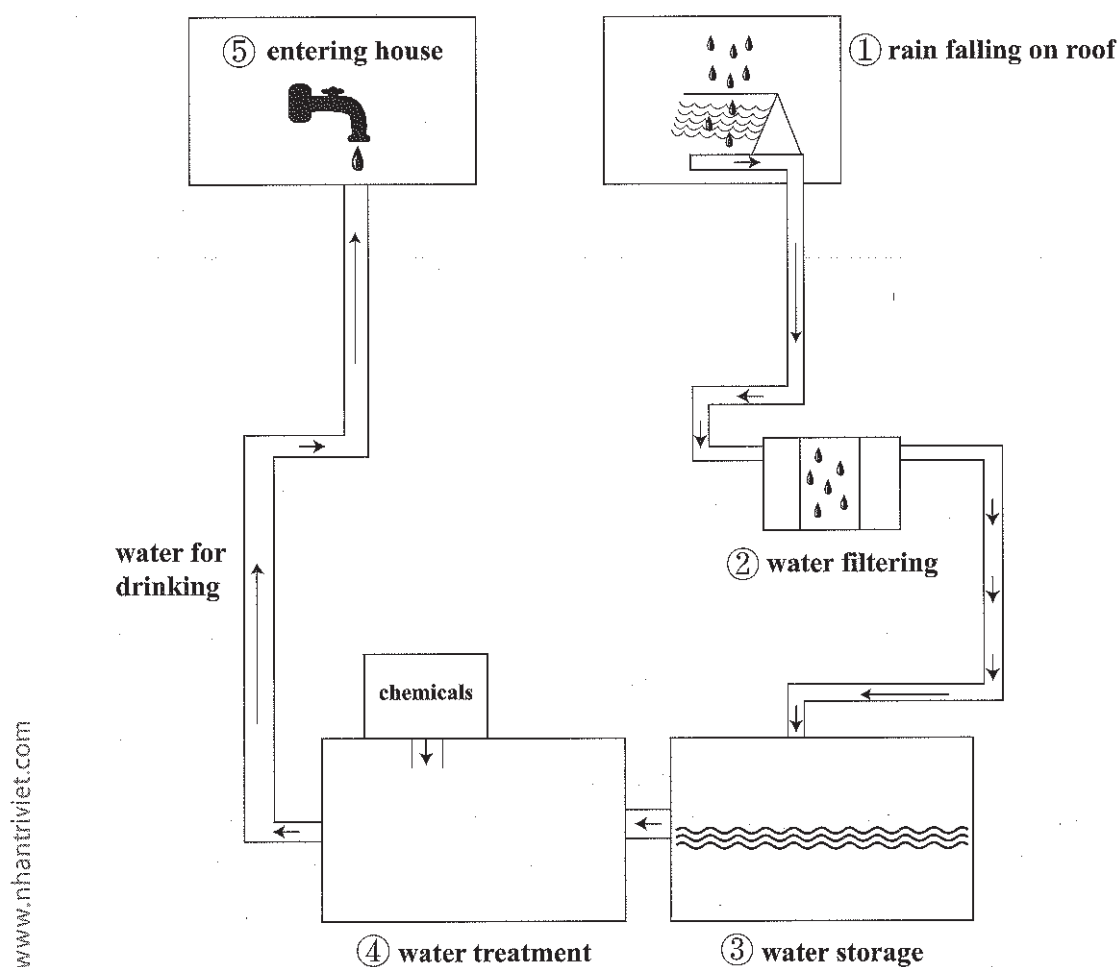
You should spend about 20 minutes on this task.

The diagram shows the process of recycling rainwater.

Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

Write at least 150 words.

### Recycling Rainwater



## Bài mẫu điển hình

The diagram demonstrates how rainwater is recycled.

To begin with, rain falls upon a roof and is channelled into the guttering, where it drains into a water filtration system — commonly a net or mesh containing activated carbon, or even plain old charcoal from the barbeque. Once filtered for debris, such as leaves or dead insects, the water travels into a water storage tank, where it is held before treatment.

In the water treatment stage, the water is allowed to flow into a contained area where chemicals are added to remove any impurities. Following this, the water is deemed safe for drinking, and is returned to the water system, where it coincidentally ends up in the same house upon which the rain fell in the beginning.

Overall, the process of recycling rainwater is not only very simple and efficient, as the diagram shows, but also fundamentally important for a habitable environment.

### Gợi ý

- Đề này được ra thi ngày 23 tháng 2 năm 2013, là đề điển hình cho dạng đề yêu cầu mô tả biểu đồ tiến trình. Với đề này, cách viết và các nội dung cần chú ý đều tương tự đề 1.
- Cấu trúc của bài viết mẫu:

Đoạn 1	Giới thiệu ngắn gọn thông tin được thể hiện qua biểu đồ.
Đoạn 2	Lần lượt mô tả các bước từ 1 đến 3 (theo các mũi tên trong hình), tức từ giai đoạn thu gom đến giai đoạn tích trữ nước mưa.
Đoạn 3	Tiếp tục mô tả bước 4 và 5, tức quá trình nước được xử lý để trở thành nước sạch và quay lại ngôi nhà.
Đoạn kết luận	Nhận xét về toàn bộ biểu đồ: quá trình tái sử dụng nước mưa là quá trình rất đơn giản và mang lại hiệu quả.

### Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bài viết	Mở rộng từ vựng
(nước) chảy vào, đi vào	be channelled into... drain into travel into flow into	enter
(nước) tích trữ	water storage be held...	be stored



### Các câu nổi bật

**Câu 1** In the water treatment stage, the water is allowed to flow into a contained area where chemicals are added to remove any impurities.

**Nhận xét:**

① Lưu ý là người ta thường dùng cấu trúc bị động khi miêu tả sự việc, hiện tượng khách quan.

② Where được dùng để nối hai mệnh đề chính-phụ. Người viết đã không sử dụng cách diễn đạt Here, chemicals are... để tránh tạo ra hai câu đơn rời rạc.

**Câu 2** Following this, the water is deemed safe for drinking, and is returned to the water system, where it coincidentally ends up in the same house upon which the rain fell in the beginning.

**Nhận xét:**

① Người viết đã sử dụng một trong ba “nguyên tắc vàng” khi mô tả biểu đồ tiến trình: đó là dùng từ nối. Ngoài các từ/ cụm từ như firstly/secondly/in the first stage/in the next stage (các từ/ cụm từ này chủ yếu kết nối các câu và mô tả rất rõ ràng trình tự thực hiện công việc nào đó), bạn nên học thêm cách dùng cụm phân từ following this để tránh viết quá nhiều câu đơn giản.

② Following this có nghĩa là *sau đó*, cùng nghĩa với after this/afterwards/thereafter. Ngoài following this, người viết còn dùng and, where để làm tăng tính liên kết trong câu. End up có nghĩa là *kết thúc*, diễn tả giai đoạn sau cùng của quá trình xử lý nước.

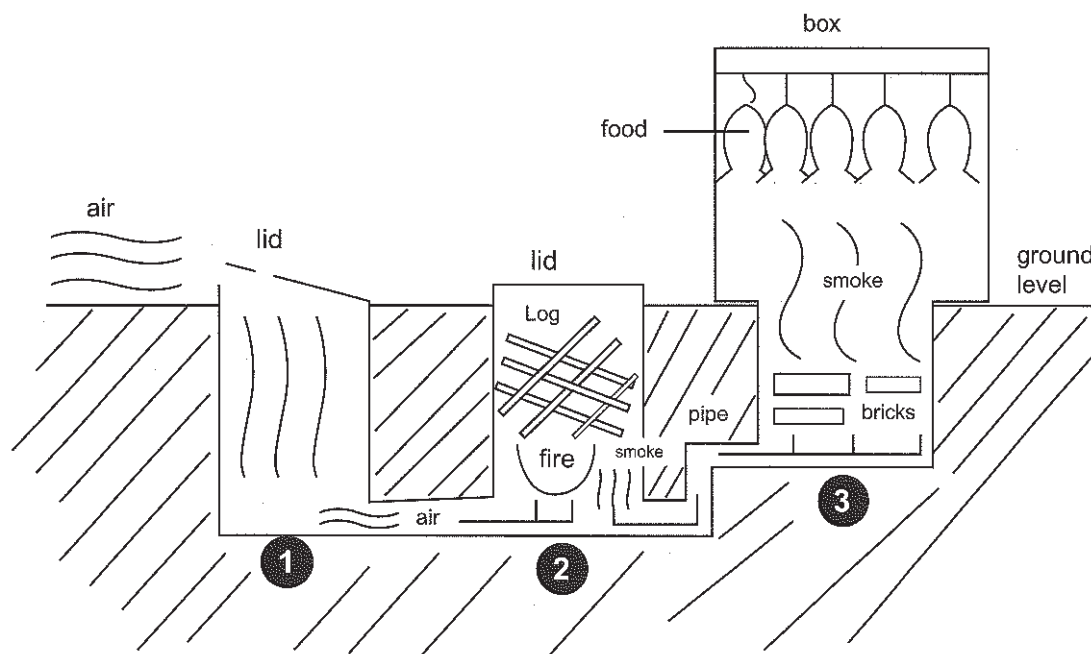
### Đề 3

You should spend about 20 minutes on this task.

The diagram shows the structure of a smokehouse and the process of food smoking. Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

Write at least 150 words.

## A smokehouse



## Bài mẫu điển hình

The diagram shows plans for a smokehouse, a kind of cooking shed, wherein food can be smoked and preserved. The project requires three holes to be dug and connected through underground piping; one for an air intake, one for the fire and one for the smoke itself, which runs up into a wider area and is diffused by a loose brick flooring. The air intake and fire are covered by movable lids and a well-sealed structure is placed over the chimney.

First, food (in this case, fish) is placed in the smokehouse, then a fire is made and subsequently covered. The air intake is now lifted, both providing oxygen to the covered fire and blowing its smoke through the piping and up into the smokehouse itself. After a certain period of time, the food is ready to be brought back inside the house, to last through the cold winters of these people.

## Gợi ý

- Đề này được ra thi ngày 28 tháng 10 năm 2006, là đề điển hình cho dạng đề yêu cầu mô tả biểu đồ tiến trình đề cập đến việc chế biến thực phẩm. Bố cục của bài viết được triển khai theo hướng giới thiệu cấu trúc của lò xông khói và quá trình xông khói thực phẩm.



- Cấu trúc của bài viết mẫu:

**Đoạn 1** Giới thiệu cấu trúc của lò xông khói.

**Đoạn 2** Giới thiệu trình tự các bước trong quá trình xông khói thực phẩm.

### Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bài viết	Mở rộng từ vựng
giữ gìn	preserve last through	conserve keep
cần	require	need
truyền	diffuse	spread diffusion <i>n.</i>
sau đó	subsequently	subsequent <i>adj.</i>

### Các câu nổi bật

**Câu 1** The diagram shows plans for a smokehouse, a kind of cooking shed, wherein food can be smoked and preserved.

**Nhận xét:** Người viết đã đưa cụm từ *a kind of cooking shed* xen vào giữa câu để giải thích cho từ *smokehouse*. Khi mô tả những biểu đồ tương tự biểu đồ này, bạn nên sử dụng từ nối + dạng bị động. Ở đây, từ nối *wherein* được dùng để nối tên đồ vật và chức năng của nó.

**Câu 2** First, food (in this case, fish) is placed in the smokehouse, then a fire is made and subsequently covered.

**Nhận xét:** Câu trên cho biết quá trình xông khói thực phẩm (ở đây là cá). Quá trình này được miêu tả liên mạch và lưu loát nhờ người viết sử dụng các từ nối (*first, then, subsequently*) và dạng bị động (*is placed, is made and covered*).

**Câu 3** The air intake is now lifted, both providing oxygen to the covered fire and blowing its smoke through the piping and up into the smokehouse itself.

**Nhận xét:** Trong cụm từ *providing... and blowing...*, người viết dùng hai động từ không giới hạn (*non-finite verb*) là *providing* và *blowing* để thay cho hai cấu trúc chủ-vị (*it provided... and it blew...*). Nhờ đó, câu càng ngắn gọn và bài viết trở nên mạch lạc hơn.

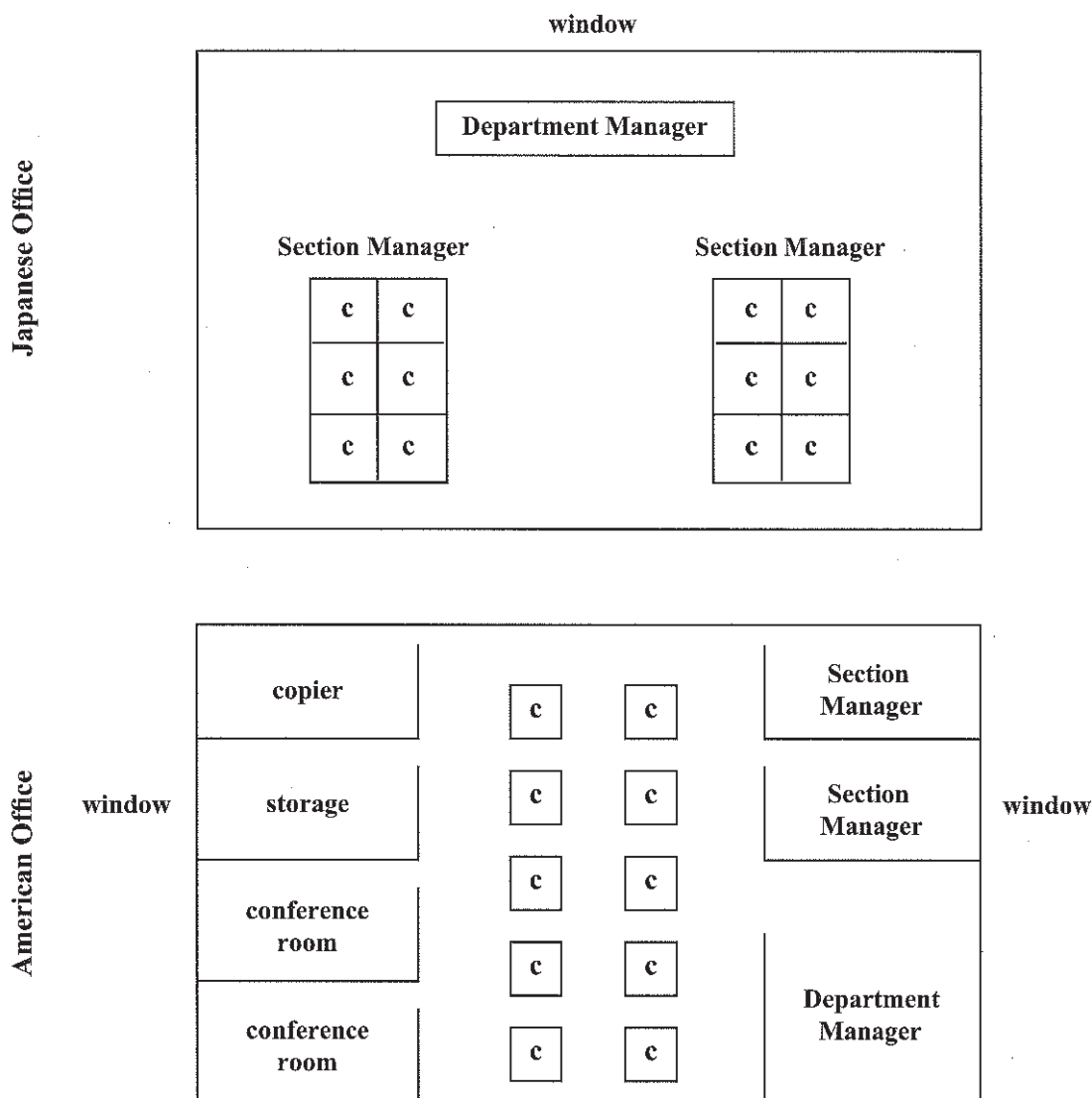
## 2. Cách viết bài mô tả bản đồ

### Đề 4

You should spend about 20 minutes on this task.

The two pictures show a typical Japanese office and a typical American office. Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

Write at least 150 words.





## Bài mẫu điển hình

The diagrams above purport to show the typical layout of two offices, one Japanese and the other American, although given the limitless variation in office design and layout around the world, it appears likely that it is meant to function as a visual metaphor for the perceived differences between Eastern and Western approaches to management.

In the Japanese office, there is only one window. In front of it sits the department manager, his working area occupying a full third of the available floor space, offering him an uninterrupted view of his workers, labouring together in two separated sections of closely-packed blocks of cubicles, each further overseen by a section manager, who emulates the positioning of the overall manager by placing themselves at the “head” of their respective groups in a clear, pictorial example of East Asia’s power-distance index.

The American office, meanwhile, enjoys two windows on either side. The eastern window stretches across the whole wall, and is shared by the management team — the two section managers occupying offices each half the size of the department manager’s. The workers themselves occupy a “bullpen” in the centre of the office, where workers from one section intermingle with workers from another in a loosely-spaced, but organised configuration that provides personal space and privacy while remaining open. The west wall is again a single window. It is utilised by the communal spaces: two conference rooms, the storage closet and the copier room, wherein gossip is shared.

## Gợi ý

- Đề này được ra thi ngày 7 tháng 9 năm 2013, là đề điển hình cho dạng đề yêu cầu so sánh hai bản đồ. Bố cục của bài viết được triển khai dựa vào việc mô tả từng bản đồ.
- Cấu trúc của bài viết mẫu:

Đoạn 1	Giới thiệu ngắn gọn thông tin được thể hiện qua bản đồ.
Đoạn 2	Mô tả bản đồ 1. Bắt đầu từ cửa sổ, người viết lần lượt mô tả vị trí của người quản lý bộ phận, nhân viên, người quản lý nhóm trong văn phòng kiểu Nhật.
Đoạn 3	Mô tả bản đồ 2. Người viết cũng mô tả bắt đầu từ cửa sổ, xem đây là điểm khởi đầu để trình bày về vị trí của những người quản lý và nhân viên cùng các phòng chức năng trong văn phòng kiểu Mỹ.

## Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bài viết	Mở rộng từ vựng
<i>bố cục</i>	layout	plan
<i>có chức năng</i>	function as	perform as
<i>trộn lẫn</i>	intermingle	mix
<i>giám sát</i>	view oversee	supervise
<i>mô phỏng</i>	emulate	imitate
<i>mang lại không gian cá nhân và sự riêng tư</i>	provide personal space and privacy	offer...

## Các câu nổi bật

**Câu 1** Although given the limitless variation in office design and layout around the world, it appears likely that it is meant to function as a visual metaphor for the perceived differences between Eastern and Western approaches to management.

**Nhận xét:** Người viết đã khéo dùng mệnh đề trạng ngữ bắt đầu bằng *although* để dẫn dắt đến việc so sánh hai loại văn phòng. Cụm từ *it is meant to* thường được dùng để biểu thị mục đích. Ngoài ra, việc sử dụng đa dạng các giới từ như *given*, *as*, *for*, *between* đã tạo được sự liên kết giữa các thành phần khác nhau trong câu.

**Câu 2** In front of it sits the department manager, his working area occupying a full third of the available floor space, offering him an uninterrupted view of his workers, labouring together in two separated sections of closely-packed blocks of cubicles, each further overseen by a section manager, who emulates the positioning of the overall manager by placing themselves at the “head” of their respective groups in a clear, pictorial example of East Asia’s power-distance index.

**Nhận xét:**

① Người viết bắt đầu mô tả từ cửa sổ (*in front of*) và mô tả theo trình tự: chỗ làm việc của người quản lý bộ phận, chỗ làm việc của nhân viên.

② Để liên kết các thành phần trong câu, người viết sử dụng các động từ không giới hạn (*non-finite verb*) như *occupying*, *offering*, *labouring*, *overseen* và đại từ quan hệ *who* của mệnh đề quan hệ không giới hạn (*non-restrictive relative clause*).

**Câu 3** The workers themselves occupy a “bullpen” in the centre of the office, where workers from one section intermingle with workers from another in a loosely-spaced, but organised configuration that provides personal space and privacy while remaining open.

**Nhận xét:** Trạng từ quan hệ *where* giúp câu trở nên ngắn gọn. Cụm từ *provides personal space and privacy while remaining open* là một cách diễn đạt hay khi bạn muốn giới thiệu về kiến trúc hoặc cách thiết kế hiện đại.

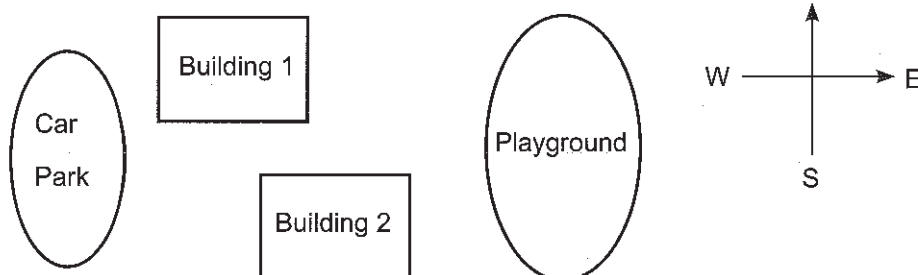
## Đề 5

You should spend about 20 minutes on this task.

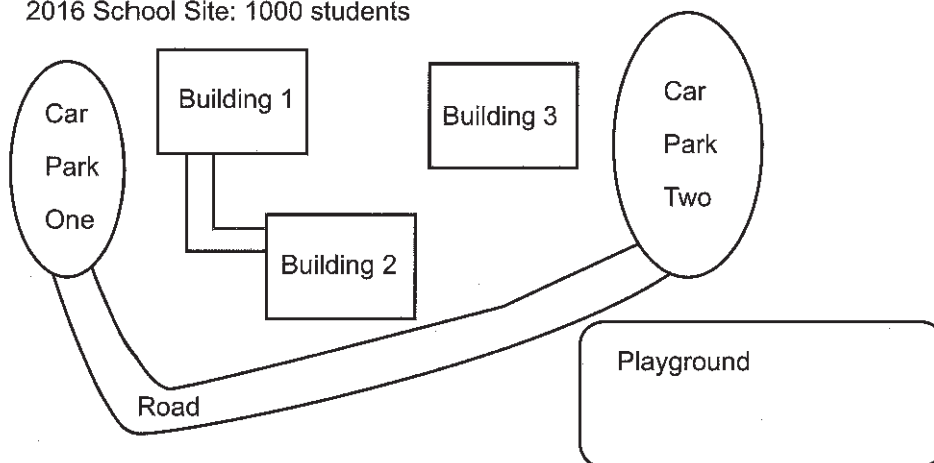
The maps below show the site of a school in 2013 and the planned one in 2016. Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

Write at least 150 words.

2013 School Site: 600 students



2016 School Site: 1000 students





## Bài mẫu điển hình

The maps demonstrate the school site in 2013 and the planned one in 2016. It can be seen that the school in 2016 is projected to have more infrastructures than in 2013, because the number of its students is expected to increase from a recent 600 to a high of 1,000.

From the first map, we can see that there are two buildings on the layout of the school site in 2013, one in the north and the other in the south. In the west of the school is a small car park, while a playground is located in the east part, next to Study Building 2.

In 2016, as the second map shows, more facilities are planned to be constructed to accommodate 400 more students to be enrolled. A new building (Building 3) will be built in the proximity of the old ones, which will then be connected by a new road. A more dramatic change can be noted as for the car park and playground. The school will have another much larger parking area (Car Park 2) which is planned to substitute the old playground and a connection road between the two parks for easier access will be built. Meanwhile, a new playground that almost doubles the former size will be built to the south of the old location.

## Gợi ý

- Đề này được ra thi ngày 21 tháng 7 năm 2007, là đề điển hình cho dạng đề yêu cầu so sánh hai bản đồ và mô tả sự thay đổi về phương hướng. Lưu ý là bản đồ 1 cho biết khuôn viên trường vào năm 2013, còn bản đồ 2 thể hiện khuôn viên trường theo quy hoạch trong tương lai (năm 2016). Bạn cần nắm bắt các ý và cách diễn đạt trong bài viết mẫu.
- Cấu trúc của bài viết mẫu:

Đoạn 1	Giới thiệu ngắn gọn thông tin được thể hiện qua bản đồ, nêu nhận xét khái quát về sự thay đổi của trường trong tương lai.
Đoạn 2	Mô tả bản đồ 1.
Đoạn 3	So sánh giữa hai bản đồ, mô tả sự thay đổi của trường theo trình tự: trước tiên là <i>khu nhà dành cho việc dạy học</i> (study building), kế đến là <i>bãi đỗ xe</i> (car park), cuối cùng là <i>sân chơi</i> (playground).

## Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bài viết	Mở rộng từ vựng
<i>sẽ, dự định</i>	be projected to be expected to be planned to will	be estimated/forecast to... (diễn tả điều được dự đoán trong tương lai)
<i>xây dựng, tạo lập</i>	build construct have	Bạn có thể dùng there + be để diễn tả ý tương tự.
<i>nằm ở (phương hướng nào đó)</i>	be + giới từ chỉ phương hướng be located + giới từ chỉ phương hướng	Bạn có thể thay động từ đứng trước giới từ chỉ phương hướng bằng các từ/cụm từ như lie, be situated, be sited. Và thay vì sử dụng động từ đó, bạn cũng có thể sử dụng các danh từ như location, site.
<i>bên cạnh, sát bên</i>	next to in the proximity of...	near be close to...

## Các câu nổi bật

**Câu 1** It can be seen that the school in 2016 is projected to have more infrastructures than in 2013, because the number of its students is expected to increase from a recent 600 to a high of 1,000.

**Nhận xét:** Bản đồ 2 cho thấy khuôn viên trường vào năm 2016. Điều này có nghĩa là khi mô tả bản đồ, bạn phải nêu thông tin mang tính dự đoán hay kế hoạch tương lai. Project và expect được sử dụng rất phù hợp trong trường hợp này (tất nhiên là ở dạng bị động). Từ nối because mở đầu cho cụm từ giải thích nguyên nhân vì sao nhà trường đầu tư nhiều hơn về cơ sở hạ tầng, nhờ đó giúp người viết gắn kết các thông tin và diễn đạt một cách mạch lạc. Bạn cũng nên học cách diễn đạt độc đáo khi trình bày về số liệu (ví dụ: from a low of 300 to a high of 1,000).

**Câu 2** The school will have another much larger parking area (Car Park 2) which is planned to substitute the old playground and a connection road between the two parks for easier access will be built.

**Nhận xét:** Ở câu này, người viết đã sử dụng hai trong ba “nguyên tắc vàng” khi mô tả bản đồ, đó là dùng từ nối (which, and) và dạng bị động (be built).

## Mục 3 Từ ngữ cần thiết trong bài viết mô tả biểu đồ

Bạn vừa làm quen với một số từ và cấu trúc đặc sắc được trích dẫn trong bài viết mẫu của các đề thi yêu cầu mô tả biểu đồ. Mục này sẽ giúp bạn ôn tập một cách hệ thống các từ và mẫu câu hữu ích được sử dụng khi mô tả từng dạng biểu đồ.

### 1. Các mẫu câu và từ hữu ích trong bài viết mô tả biểu đồ dạng số liệu

#### ① Các mẫu câu thường gặp ở đoạn mở đầu

The	line chart(s)/graph(s)	show(s) that...
	pie chart(s)	give(s) information about...
	bar chart(s)	describe(s)...
	table(s)	illustrate(s) that...
	figures/statistics	demonstrate(s) that...
	chart(s)	indicate(s) that...
		...
It is clear that...		
It can be seen that...		
As can be seen...		

#### ② Các từ thường dùng trong đoạn thân bài

##### 2.1 Các trạng từ biểu thị con số ước lượng

about, around, nearly, almost, approximately, roughly

just over (*hơi nhiều hơn, hơi cao hơn*), just under (*hơi thấp hơn*), just before (*ngay trước*), just after (*ngay sau*)

##### 2.2 Các giới từ được sử dụng để trích dẫn số liệu

1. **From... to...:** biểu thị sự biến đổi của số liệu (được dùng khi mô tả biểu đồ ở trạng thái động)

The number of cars increased from almost 2 million in 2010 to approximately 4 million in 2012.



2. **At:** biểu thị đặc điểm của số liệu (được dùng khi mô tả biểu đồ ở trạng thái tĩnh)

The number of cars fluctuated at around 2.5 million.

3. **Of:** biểu thị mức độ biến đổi của số liệu

There was an increase of roughly 1 million cars.

4. **By:** biểu thị mức độ biến đổi của số liệu

Car production increases rapidly by nearly 5,000 per month.

### 2.3 Các từ, cụm từ nối câu và đoạn

1. Từ, cụm từ có nghĩa là *sau đó*

then, from then on, after that, next, afterwards, thereafter, from that point onwards  
..., which was followed by.../..., followed by...

2. Từ, cụm từ có nghĩa là *ngoài ra, hơn nữa*

furthermore, moreover, in addition, additionally

3. Từ, cụm từ được dùng để so sánh

..., while/whilst/whereas...

By contrast/In contrast/In comparison, .../Unlike..., ...

However/On the other hand, ...

Compared with/Different from..., ...

Similarly/Likewise, ...

4. Từ, cụm từ có nghĩa là *đối với, về phần*

as for/as to

in terms of, with respect to, regarding

### 2.4 Từ vựng quan trọng

#### 2.4.1 Các từ, cụm từ được dùng để mô tả sự biến đổi của số liệu

1. Các từ, cụm từ diễn tả sự gia tăng

increase, rise, go up, grow, ascend, climb (có nghĩa là *tăng*, có thể dùng kết hợp với các từ ở Mục 2.4.2, trang 235)

surge, soar, shoot up, jump, rocket (có nghĩa là *tăng nhanh*, không thể dùng kết hợp với các từ ở Mục 2.4.2, trang 235)

**2. Các từ diễn tả sự sụt giảm**

decrease, descend, fall, decline, drop, dip, reduce, sink (có nghĩa là *giảm xuống*)  
plummet, slump, plunge, nose-dive (có nghĩa là *giảm nhanh*)

**3. Các từ, cụm từ diễn tả sự ổn định**

remain stable/steady, stabilise, stay constant (có nghĩa là *giữ nguyên*, bạn thêm at vào phía sau khi trích dẫn số liệu)

maintain the same level, see a levelling off (nghĩa và cách dùng tương tự như trên)

**4. Từ diễn tả sự dao động**

fluctuate (around/at) (có nghĩa là *dao động (xung quanh)*, bạn có thể sử dụng danh từ fluctuation)

**5. Các cụm từ diễn tả ý đạt đến giá trị lớn nhất**

reach the highest point at, reach the peak at (có nghĩa là *đạt đến điểm cao nhất*, bạn có thể linh hoạt chuyển đổi từ loại của peak ở cụm từ thứ hai để có cụm từ khác là peak at)

**6. Các cụm từ diễn tả ý đạt đến giá trị nhỏ nhất**

fall to/hit the lowest point at, reach the bottom at (bạn có thể linh hoạt chuyển đổi từ loại và sử dụng cụm từ bottom out at)

**7. Các từ, cụm từ diễn tả ý đạt đến giá trị nào đó**

reach, arrive at, amount to, hit (nên dùng động từ không giới hạn (non-finite verb) khi trình bày kết quả, ví dụ: A increases steadily and A reaches 7,000 in 2001 có thể được thay bằng A increases steadily, reaching 7,000 in 2001)

**8. Các từ, cụm từ được dùng khi đề cập đến tỉ lệ phần trăm**

account for, take up, form, represent, constitute, comprise (chú ý thay đổi cấu trúc câu, tham khảo đề 9, trang 212)

**9. Các cụm từ thường dùng khi trình bày số liệu được dự đoán trong tương lai**

is forecast/expected/predicted/estimated/projected to (bạn cũng có thể dùng các cụm từ này để mô tả bản đồ liên quan đến thời điểm ở tương lai)

**2.4.2 Các từ được dùng để mô tả mức độ biến đổi của số liệu****1. Các từ diễn tả sự biến đổi ở mức độ lớn**

great, sharp, steep, rapid, significant, dramatic, drastic, enormous, marked, substantial, considerable (bạn có thể linh hoạt thay đổi từ loại bằng cách dùng trạng từ; chú ý cách viết của các từ sau: dramatically, drastically, substantially, considerably)

## 2. Các từ diễn tả sự biến đổi ở mức độ trung bình

gradual, steady, gentle, slow, consistent, moderate, modest (bạn có thể linh hoạt thay đổi từ loại bằng cách dùng trạng từ; chú ý cách viết của các từ sau: gradually, steadily, gently)

## 3. Các từ diễn tả sự biến đổi ở mức độ nhỏ

slight, minimal, marginal, small, minor (bạn có thể linh hoạt thay đổi từ loại bằng cách dùng trạng từ; chú ý cách viết của các từ sau: minimally, marginally)

### 2.5 Các mẫu câu được dùng để mô tả số liệu

Năm câu dưới đây đều có nghĩa là: *Số người tại ga tàu điện ngầm tăng từ 300 vào lúc 6 giờ sáng lên 450 vào lúc 8 giờ.* Các cụm từ in nhạ cho thấy ý này có thể được diễn đạt theo nhiều cách khác nhau.

(1) The number of people at the subway station increases steadily from 300 at 6 a.m. to 450 at 8 a.m.

(2) There is a steady increase in the number of people at the subway station from 300 at 6 a.m. to 450 at 8 a.m.

(3) The time from 6 a.m. to 8 a.m. witnesses/sees/experiences a steady increase in the number of people at the subway station from 300 to 450.

(4) The subway station witnesses/sees/experiences a steady increase in the number of people from 300 at 6 a.m. to 450 at 8 a.m.

(5) A noticeable increase can be found in the number of people at the subway station from 300 at 6 a.m. to 450 at 8 a.m.

### ③ Các mẫu câu và cụm từ thường dùng ở đoạn kết luận

Khi muốn nêu nhận xét khái quát hay tóm gọn thông tin được thể hiện qua biểu đồ, bạn có thể dùng các cụm từ và mẫu câu sau:

(1) In conclusion, .../To conclude, .../In summary, .../To sum up, ...

(2) From the information above, it can be seen that.../it is evident.../we can see...

(3) Therefore, it can be seen from the graph that...



## 2. Các mẫu câu hữu ích trong bài viết mô tả biểu đồ dạng hình ảnh

### ① Các mẫu câu được dùng để mô tả biểu đồ tiến trình

#### 1.1 Các mẫu câu diễn tả đặc điểm khái quát của một quá trình

The process diagram shows that there are...stages/steps/phases in...

#### 1.2 Các mẫu câu diễn tả điểm khởi đầu của một quá trình

- (1) The process starts from...
- (2) At the first/initial stage/step/phase, ...
- (3) At the beginning of the cycle, ...
- (4) The beginning of the whole process is marked by...
- (5) ...is the first step in...

#### 1.3 Các mẫu câu diễn tả giai đoạn tiếp theo của một quá trình

- (1) The next stage/step/phase in the process is...
- (2) ...is the last stage/step/phase in the procedure.
- (3) This stage/step/phase lasts for...until...

### ② Các mẫu câu được dùng để mô tả bản đồ

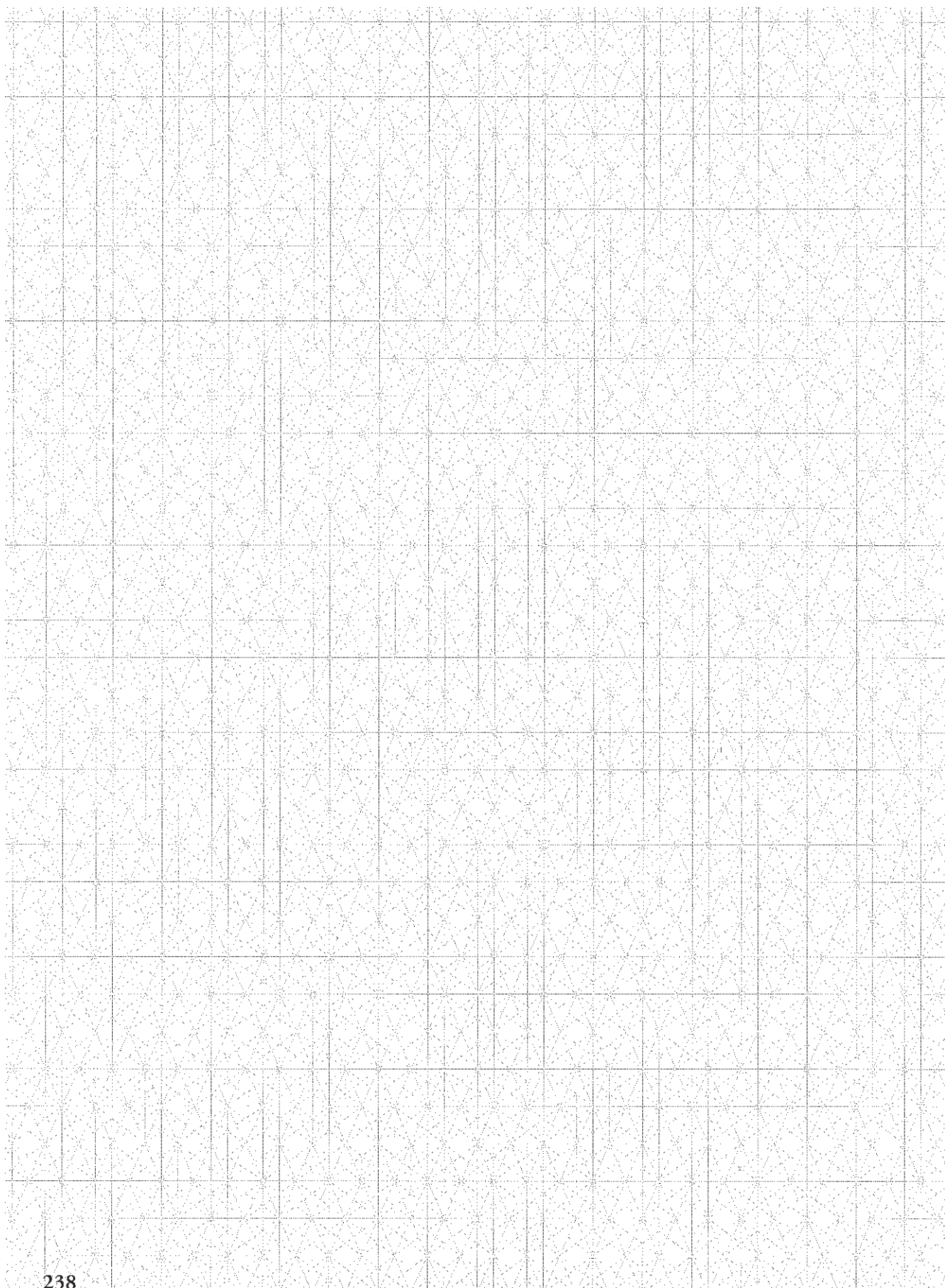
- The first potential/possible/suggested location/site is... (chú ý dùng từ đa dạng)
- A is sited just off the main road to... (to có thể được thay bằng *leading to*)
- A is in the east/south/west/north of B. (in diễn tả ý A ở trong B)

Câu trên có sự thay đổi về nghĩa khi giới từ in được thay bằng on hoặc to.

+ A is on the east of B: on diễn tả ý A và B tiếp giáp.

+ A is to the east of B: to diễn tả ý A và B không tiếp giáp.

- A is situated/located 100 km southeast/southwest/northwest/northeast of B.



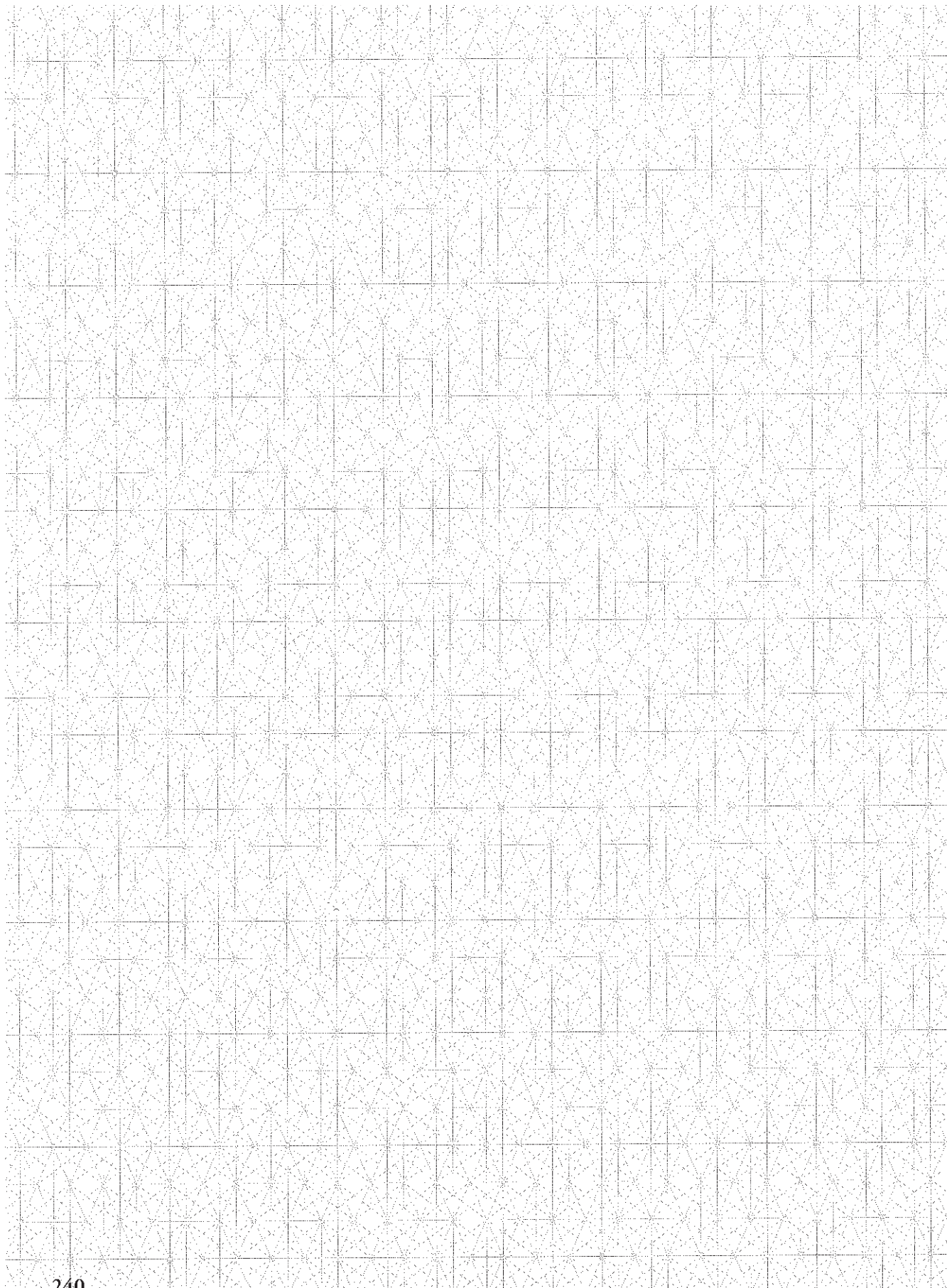


## Chương 5

Cách viết thư  
cho Task 1 của đề  
đào tạo tổng quát

www.nhantriviet.com





## Mục 1 Giới thiệu khái quát

Ở đề đào tạo tổng quát của bài thi IELTS, phần Task 1 là đề yêu cầu viết thư. Thông thường, thí sinh được yêu cầu viết thư hỏi thông tin hay giải thích về vấn đề nào đó. Mục đích của đề này là kiểm tra khả năng sử dụng tiếng Anh của thí sinh trong thực tế cuộc sống.

### 1. Các dạng đề của Task 1

① Căn cứ vào nội dung và mục đích viết thư, chúng ta có thể chia thư từ thành sáu loại (và tương ứng với sáu loại thư này là sáu dạng đề):

- Thư phàn nàn/ khiếu nại (complaint letter)
- Thư xin lỗi (apology letter)
- Thư hỏi thông tin (information letter)
- Thư cảm ơn (thanks letter)
- Thư thỉnh cầu/ đề nghị (request/ advice letter)
- Thư mời (invitation letter)

② Căn cứ vào đối tượng nhận thư, chúng ta có thể chia thư từ thành hai loại (và tương ứng với hai loại thư này là hai dạng đề):

- Thư gửi cho cá nhân (thư từ cá nhân): chủ yếu là để giao lưu, mời mọc, đề nghị, cảm ơn... (nói chung là những mục đích gắn liền với hoạt động giao tiếp hàng ngày).
- Thư gửi cho cơ quan, đơn vị: chủ yếu là để xin việc, kiến nghị, đề nghị tiến cử, phàn nàn, cảm ơn...

Thông thường, thư tín cá nhân được viết khá tùy hứng, người viết có thể dùng ngôn ngữ thân mật. Còn với thư tín gửi cho cơ quan, đơn vị, người ta dùng ngôn ngữ trang trọng.

### 2. Bố cục của bức thư

Phần giới thiệu	Lời chào đầu thư
	Lời tự giới thiệu của người viết
	Mục đích viết thư
Phần nội dung chính	Trình bày chi tiết nội dung được nêu ở đề bài.
Phần kết luận	Bày tỏ kỳ vọng của người viết kèm lời chào cuối thư.

### 3. Từ ngữ cơ bản được dùng trong bức thư

#### • Phân giới thiệu

##### ① Lời chào đầu thư

Trang trọng	Khi không thể xác định họ tên, giới tính của người nhận	Dear Sir or Madam,
	Khi biết giới tính của người nhận	Dear Sir, Dear Madam,
	Dùng họ của người nhận	Dear Mr. White, Dear Mrs. White, Dear Miss White, Dear Ms. White,
Thân mật	Dùng tên của người nhận (người quen hay bạn thân)	Dear John,

##### ② Lời tự giới thiệu của người viết

Trang trọng	Trình bày thông tin cụ thể theo tình huống được nêu ở đề bài	For example: 1. I am a student of your university. My name is... I am studying... 2. I was a guest of your restaurant on the Dec. 24 <sup>th</sup> . 3. I was a customer at your supermarket...
Thân mật	Khi người nhận là người quen hay bạn thân	For example: 1. Hey, how are you? 2. How are you doing? I hope everything is going well with you.

##### ③ Mục đích viết thư

I am writing this letter to	apologise for + danh từ/danh động từ (để xin lỗi)	For example: ... damaging your apartment. ... the damage of your apartment.
	thank you for + danh từ/danh động từ (để cảm ơn)	For example: ... inviting me to your birthday party. ... the invitation to your birthday party.



I am writing this letter to	inquire about + danh từ/danh động từ (để hỏi thông tin)	For example: ... renting your apartment. ... airfares to London.
	request/ask you to + động từ (để thỉnh cầu)	For example: ... fix the drainage system in your apartment. ... stop playing the piano at night.
	report that + mệnh đề (để trình báo sự việc nào đó)	For example: ... my car has been stolen.
	advise you about + danh từ/danh động từ advise you to + động từ (để đề nghị)	For example: ... your visit to London next month. ... pay your rent on time.
	complain about + danh từ/danh động từ express my concern about + danh từ/ danh động từ	For example: ... the service at your hotel. ... the noise from your factory.
	express my dissatisfaction with + danh từ/ danh động từ (để phàn nàn)	... the food your restaurant served.

### • Phần nội dung chính

Tùy theo từng loại thư mà bạn sử dụng từ ngữ khác nhau trong phần nội dung chính của bức thư. Hãy tham khảo các câu nổi bật ở Mục 2 của chương này.

### • Phần kết luận

Bày tỏ kỳ vọng của người viết		I look forward to your prompt reply. I look forward to receiving your prompt reply. I look forward to hearing from you soon/urgently/as soon as possible. ...
	Trang trọng	Yours faithfully, (khi không biết tên người nhận) Yours sincerely, (khi biết tên người nhận) ...
Lời chào cuối thư		Best wishes, Best regards, ...
	Thân mật	...

## Mục 2 Các dạng đề thường gặp và thư mẫu

Mục này sẽ giới thiệu sáu dạng đề chủ yếu và các bài mẫu điển hình của đề thật trong kho đề, cung cấp những từ cần nắm vững và chỉ ra các câu nổi bật để bạn dễ học và vận dụng.

### 1. Đề yêu cầu viết thư phàn nàn/khiếu nại

#### Đề 1

You should spend about 20 minutes on this task.

You and your family are living in rented accommodation in an English-speaking country. You are not satisfied with the condition of some of the furniture. Write a letter to the landlord.

In your letter, you should introduce yourself, explain what is wrong with the furniture and say what action you would like the landlord to take.

Write at least 150 words.

#### Bài mẫu điển hình

Dear Mr. Smith,

I am your tenant from Flat 3 on River Street. We met each other when I signed the rental agreement in your office.

I have lived here for 6 months now and I am writing to complain about some of the furniture. As you may remember, the dining table is in very poor condition and has uneven legs. It also does not match the dining chairs, as these are too low to be comfortable for a table of that height. When I first pointed this out to you, you agreed to provide a brand new dining set. However, you have not done so and I would really like to resolve this matter as soon as possible.

If it is more convenient for you, perhaps you could simply replace the table by finding one of a suitable height for the chairs. This would solve the problems without too much cost, so I hope you agree to this proposed solution.

I am looking forward to hearing from you.

Yours sincerely,

Marc Jacobs

### Gợi ý

- Đề này yêu cầu viết thư phản nàn. Muốn tạo được sức thuyết phục thì người viết phải thể hiện sự chân thành, thiện chí; lời lẽ trong thư phải vừa mạnh mẽ vừa hợp lý. Từ ngữ được dùng trong lời chào ở đầu thư và cuối thư là: Dear Mr. .../Yours sincerely.

- Trước tiên người viết tự giới thiệu về bản thân thông qua việc cho biết thông tin cụ thể: Flat 3 on River Street/lived here for 6 months; sau đó trình bày hai nội dung trọng tâm còn lại mà đề bài yêu cầu: thông báo về vấn đề của đồ dùng trong nhà khiến người viết không hài lòng và đề xuất cách giải quyết. Hầu hết đề dạng này đều yêu cầu thí sinh trình bày ba nội dung vừa nêu. Bạn cần nắm vững các từ ngữ liên quan.

### Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bức thư	Mở rộng từ vựng
chủ cho thuê nhà	landlord (từ này được sử dụng trong đề)	landlady (bà chủ cho thuê nhà) let out/rent out a flat (cho thuê nhà)
người thuê nhà	tenant	rent a house/an apartment (thuê nhà)
căn hộ	flat	apartment/room/property
ký hợp đồng thuê nhà	sign the rental agreement	sign the contract/lease
có vấn đề	be in poor condition	not functional cannot function properly
giải quyết vấn đề	resolve this matter solve the problems	deal with... tackle...

### Các câu nổi bật

**Câu 1** It also does not match the dining chairs, as these are too low to be comfortable for a table of that height.

**Nhận xét:** Trong câu này, *as* có nghĩa là *bởi vì*, có thể được thay bằng *for/because*.

**Câu 2** If it is more convenient for you, perhaps you could simply replace the table by finding one of a suitable height for the chairs.

**Nhận xét:** Câu này đưa ra cách giải quyết vấn đề với lời lẽ lịch sự, uyển chuyển; *by doing sth* có nghĩa là *bằng cách làm việc gì đó*.



## 2. Đề yêu cầu viết thư xin lỗi

### Đề 2

You should spend about 20 minutes on this task.

Your neighbours have recently written to you to complain about the noise from your house/flat. Write a letter to your neighbours.

In your letter, you should explain the reasons for the noise, apologise to them and describe what action you will take.

Write at least 150 words.

### Bài mẫu điển hình

Dear James,

I was shocked to get your letter saying that the noise from my flat has been spoiling your evenings and causing you some distress. I am really, really sorry about that. I had no idea that you would hear so much, so I hope you will accept my apologies.

As you may have guessed, I am trying to refit my kitchen in the evenings when I get home from work. Unfortunately, it is all taking longer than expected and I have been having problems with getting things to fit properly. This has meant a lot of banging and hammering.

As the kitchen is still not finished, I have decided to call in a professional builder who will finish in the next day or two. He'll work only during daytime hours, so you won't be disturbed in the evenings again, I promise.

Sorry to have caused these problems.

Best regards,

Bill

### Gợi ý

- Đề này yêu cầu viết thư xin lỗi. Để viết được bức thư hay, bạn cần xác định rõ yêu cầu của đề và cụ thể hóa những thông tin mà đề bài đã nêu.

- Đề bài đưa ra ba yêu cầu: giải thích nguyên nhân gây tiếng ồn, xin lỗi người láng giềng và cho biết bạn sẽ hành động thế nào. Trong bức thư mẫu, người viết đã triển khai toàn bộ nội dung thông qua việc trình bày những vấn đề phát sinh do việc sửa nhà bếp. Phần nội dung chính của bức thư bắt đầu bằng lời xin lỗi của người viết, sau đó người viết giải thích nguyên nhân của sự việc và cuối cùng đưa ra cách giải quyết.

### Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bức thư	Mở rộng từ vựng
<i>xin lỗi</i>	be sorry about that	apologise to sb make (or offer)/accept an apology ( <i>xin lỗi/chấp nhận lời xin lỗi</i> ) a letter of apology ( <i>thư xin lỗi</i> )
<i>quấy rầy</i>	spoil your evenings cause sb some distress disturb sb	bother sb cause sb trouble
<i>sửa chữa</i>	refit get things to fit properly	repair maintenance of sth ( <i>bảo trì vật nào đó</i> )

### Các câu nổi bật

**Câu** Unfortunately, it is all taking longer than expected and I have been having problems with getting things to fit properly.

**Nhận xét:** Cụm từ *take longer than expected* có nghĩa là *mất nhiều thời gian hơn đã nghĩ*, trong đó *than expected* là dạng rút gọn của *than it is expected*, có thể được thay bằng *than I expect*. *Have problems with doing sth* cùng nghĩa với cụm từ *have difficulty in doing sth*.

## 3. Đề yêu cầu viết thư hỏi thông tin

### Đề 3

You should spend about 20 minutes on this task.

Write to an English-speaking college regarding a course you intend to take. You need to ask questions about the course and course fees. You will be staying at the college hostel, so you need to confirm the fee quoted to you is correct.

Write at least 150 words.

### Bài mẫu điển hình

Dear Sir or Madam,

I am expecting to start at Brooklyn College next fall. I understand that the course information booklet is not yet ready for distribution. However, I wonder if you could answer some questions that I have at this time.

I have heard that every student majoring in English is required to finish 4 papers during the first year of study. I wonder what I should prepare for the papers dedicated to these subjects and will I be able to learn some other subjects at the same time?

In addition, could you inform me of the course fees? I do have a scholarship but I do not know whether it will cover all my tuition and accommodation fees. What is more, I am enrolled to stay at Brooklyn College Hostel. The cost per week has been quoted at 200 USD. Could you possibly confirm this information?

Thank you for taking the time to answer these questions. I really appreciate your help.

Yours faithfully,

### Gợi ý

- Đề này yêu cầu viết thư hỏi thông tin. Để viết được bức thư hay, bạn cần xác định rõ yêu cầu của đề và cụ thể hóa những thông tin mà đề bài đã nêu.
- Trước tiên, người viết cụ thể hóa thông tin bằng cách thay cụm từ an English-speaking college (*trường đại học nói tiếng Anh*) bằng cụm từ Brooklyn College (*Đại học Brooklyn*); sau đó, người viết lần lượt trình bày chi tiết các thông tin mà đề bài gợi ý: bài luận của những môn học trong năm đầu tiên và việc học các môn khác, học phí và học bổng, mức chi phí cụ thể ở ký túc xá.

### Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bức thư	Mở rộng từ vựng
<i>tôi muốn hỏi</i>	I wonder if...	I would like to make an inquiry about...
<i>vui lòng xác nhận/thông báo cho tôi...</i>	Could you inform me of...? Could you possibly confirm this information?	Could you tell me...? Could you keep me informed of/about...?
<i>các cách diễn đạt liên quan đến chi phí</i>	fee/cost ( <i>chi phí</i> ) course fees ( <i>chi phí khóa học</i> ) tuition fee ( <i>học phí</i> ) accommodation fee ( <i>chi phí ở ký túc xá</i> )	expenses ( <i>chi phí</i> )

### Các câu nổi bật

**Câu** I understand that the course information booklet is not yet ready for distribution. However, I wonder if you could answer some questions that I have at this time.

**Nhận xét:** Khi viết thư hỏi thông tin, bạn cần nêu rõ các thông tin mình đã biết, các thông tin mình muốn biết và các thông tin cần được xác nhận. Trong bức thư mẫu, người viết sử dụng nhiều cách diễn đạt như: I expect.../I understand.../I have heard.../I wonder if.../I do not know whether...



#### 4. Đề yêu cầu viết thư cảm ơn

##### Đề 4

You should spend about 20 minutes on this task.

You are a student who has returned to your home country. Write a thank-you letter to your homestay family stating what you particularly enjoyed about your stay.

Write at least 150 words.

##### Bài mẫu điển hình

Dear Mr. and Mrs. Kruger,

I would like to express my gratitude for your hospitality during my stay with you and your family. I am deeply impressed with the beauty of Sydney and the enthusiasm of Sydney people which make me feel so lucky to have visited so many places of interest and made quite a few friends while I was there.

I really miss you and your children, Libby and Tom. To spend the whole day with them made me feel at home and helped me a lot with my spoken English.

Also, I cannot forget your cuisine and the warm conversations with you. After I got back to Vietnam, I could not help sharing the stories about my life in Sydney with my parents and friends.

I would love to visit you in a year or two and hope to see you all then.

Wish you all the best!

Yours forever,

Nam Tran

##### Gợi ý

- Đề này yêu cầu viết thư cảm ơn. Để viết được bức thư hay, bạn cần xác định rõ yêu cầu của đề và cụ thể hóa những thông tin mà đề bài đã nêu.
- Phần nội dung chính của bức thư đã đáp ứng được yêu cầu của đề bài. Trước hết người viết bày tỏ lòng biết ơn đối với ông bà Kruger, sau đó kể lại những điều khó quên: cảnh đẹp ở Sydney, các con của ông bà và bữa ăn ở nhà ông bà.

## Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bức thư	Mở rộng từ vựng
<i>cảm ơn, cảm kích</i>	express one's gratitude for...	Chú ý thay đổi từ loại: be grateful to
<i>hiếu khách, nhiệt tình</i>	hospitality enthusiasm	Chú ý thay đổi từ loại: hospitable <i>adj.</i> enthusiastic <i>adj.</i> generosity <i>n.</i> hào phóng generous <i>adj.</i>
<i>không thể nào tránh được...</i>	could not/cannot help doing...	cannot help but do sth

## Các câu nổi bật

**Câu** I am deeply impressed with the beauty of Sydney and the enthusiasm of Sydney people which make me feel so lucky to have visited so many places of interest and made quite a few friends while I was there.

## Nhận xét:

① Thành phần chính của câu này là phần được gạch dưới, and được dùng để kết nối hai cụm từ the beauty of Sydney (*vẻ đẹp của Sydney*) và the enthusiasm of Sydney people (*sự nhiệt tình của người dân Sydney*) đồng thời đặt chúng ngang nhau. Theo sau thành phần chính có hai mệnh đề: mệnh đề tính ngữ bắt đầu bằng which và mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian bắt đầu bằng while, từ and lại được dùng trong mệnh đề bắt đầu bằng which để kết nối hai cụm từ have visited... và have made... đồng thời đặt chúng ngang nhau.

② Chú ý dùng đúng thì. Người viết sử dụng dạng nguyên mẫu hoàn thành (to have visited... and made...) và thì quá khứ đơn (was) trong mệnh đề bắt đầu bằng which và while để diễn tả sự việc ở quá khứ.

## 5. Đề yêu cầu viết thư thỉnh cầu/đề nghị

## Đề 5

You should spend about 20 minutes on this task.

There are plans to make your local airport bigger and increase the number of flights. You live near the airport. Write a letter to your local council. In your letter,

- say where you live
- describe the problem
- say why you do not want the development to take place

Write at least 150 words.

## Bài mẫu điển hình

Dear Sir or Madam,

I have just read in the local newspaper, *The Evening Times*, that there are plans to expand the local airport here in Rochester and to increase the number of flights to and from it. I live on Riverside Road, which is very close to the airport and would like to take this opportunity to express my dismay at these plans.

There are two main problems with the proposed expansion. First, there will be a lot more noise from arriving and departing aircraft. Second, there will be a massive surge in the amount of traffic using the nearby roads. Much of this traffic will consist of heavy goods vehicles that are not suited to the roads here.

The newspaper article said that one of the aims of developing the airport is to provide employment in the locality, but this is clearly not required as we already have full employment here.

I sincerely hope that you will take into consideration the enormous problems that this development will cause for local residents and not allow it to take place.

Yours faithfully,

David Smith

## Gợi ý

- Đề này yêu cầu viết thư thỉnh cầu/đề nghị: thí sinh phải viết thư cho *hội đồng địa phương* (local council). Đây là dạng thư trang trọng nên bạn phải chú ý cách diễn đạt. Trong bức thư mẫu, lời chào đầu thư (Dear Sir or Madam) và lời chào cuối thư (Yours faithfully) đều là những từ trang trọng.

- Người viết đã cụ thể hóa thông tin được nêu ở đề bài (nói về kế hoạch mở rộng sân bay ở Rochester), đã triển khai nội dung bức thư theo ba yêu cầu của đề: trình bày về nơi ở của mình, những vấn đề phát sinh khi mở rộng sân bay và vì sao mình phản đối việc mở rộng sân bay.



## Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bức thư	Mở rộng từ vựng
<i>mở rộng</i>	expand expansion	enlarge enlargement
<i>thất vọng</i>	dismay	worry disappointment
<i>đề nghị</i>	propose	suggest advocate
<i>máy bay đến và đi</i>	arriving and departing aircraft	airplane aeroplane plane
<i>to lớn, vĩ đại</i>	massive, enormous	dramatic
<i>xe cộ</i>	traffic (danh từ không đếm được)	vehicle
<i>xe chở hàng nặng</i>	heavy goods vehicle	truck lorry
<i>thích hợp</i>	be suited to	suitable fit
<i>địa phương</i>	in the locality	local community local area

## Các câu nổi bật

**Câu 1** I have just read in the local newspaper, *The Evening Times*, that there are plans to expand the local airport here in Rochester and to increase the number of flights to and from it.

**Nhận xét:** Lưu ý là trong cấu trúc *there + be* ở câu này có hai thành phần bổ nghĩa song song (to expand... and to increase...).

**Câu 2** I sincerely hope that you will take into consideration the enormous problems that this development will cause for local residents and not allow it to take place.

**Nhận xét:** Cụm từ *take... into consideration* cùng nghĩa với động từ *consider*, nhưng việc người viết đổi động từ *consider* thành danh từ *consideration* đã giúp văn phong trở nên trang trọng hơn. Để diễn tả ý *cân nhắc*, bạn cũng có thể dùng *think about*; và để văn phong trang trọng hơn, bạn hãy thay *think about* bằng *give serious thought to*.

## 6. Đề yêu cầu viết thư mời

### Đề 6

You should spend about 20 minutes on this task.

You have an English-speaking friend who lives in another country. His son has a short vacation before going to college. Write a letter to your friend. In your letter,

- invite your friend's son to come to your city
- introduce some interesting places to visit
- say something about the weather in the city you live

Write at least 150 words.

### Bài mẫu điển hình

Dear Abdul,

Thank you for your letter. I bet you are really proud of your son for getting a place at college in the United States. You mentioned that he was planning to do a little travelling before going there to start his studies. Perhaps I could take this opportunity to invite him here for a short visit.

As you know, Hue has several places of interest. The Tombs of Emperors and the Imperial Citadel are typical examples of ancient architecture. Since your son intends to study architecture, they are sure to interest him. About 70km from the city, there is Lang Co Beach, one of the world's most beautiful bays.

Aside from these places, I'm sure he will like the markets in Hue, where the bargaining is as hard as in your own country.

The weather is rather hot at this time of year, but it sometimes rains, which cools us down a little.

Best wishes,

Dinh

### Gợi ý

• Đề này yêu cầu viết thư mời. Để viết được bức thư hay, bạn cần xác định rõ yêu cầu của đề và cụ thể hóa những thông tin mà đề bài đã nêu.

• Bức thư mẫu đã cụ thể hóa thông tin mà đề bài gợi ý và đáp ứng cả ba yêu cầu của đề. Văn phong của bức thư khá thân mật, chẳng hạn người viết đã dùng tên của người

nhận (Dear Abdul) ở phần đầu thư và dùng cụm từ Best wishes ở phần cuối thư. Ngoài ra, việc sử dụng phù hợp nhiều từ nối cũng giúp bức thư trở nên mạch lạc.

### Tích lũy từ vựng

Nghĩa tiếng Việt	Cách diễn đạt trong bức thư	Mở rộng từ vựng
<i>tôi cho rằng</i>	I bet... I'm sure...	My bet is...
<i>học đại học</i>	get a place at college start his studies	be enrolled in the university
<i>dự định</i>	plan to intend to	have an intention to prepare for mean to do
<i>kiến trúc</i>	architecture	structure building

### Các câu nổi bật

**Câu 1** I bet you are really proud of your son for getting a place at college in the United States.

**Nhận xét:** I bet là cách diễn đạt được dùng trong khẩu ngữ. Lưu ý là người viết đã sử dụng cụm từ getting a place at college rất linh hoạt khi diễn tả ý *học đại học*.

**Câu 2** Aside from these places, I'm sure he will like the markets in Hue, where the bargaining is as hard as in your own country.

**Nhận xét:** Cụm giới từ aside from có nghĩa là *ngoài ra*. Người viết sử dụng trạng từ quan hệ where để tránh lặp lại từ Hue.



**Phụ lục**

## Các bài mẫu tham khảo của “đề con” trong kho đề của môn Viết IELTS

**1.1**

Some people believe that unpaid community work (for example, working for a charity, teaching sports to children) should be a compulsory part of the high school curriculum. To what extent do you agree or disagree?

**Bài mẫu tham khảo**

The issue of whether unpaid community service should be compulsory for high school students has long been a debate to many.

Those in favour of the idea argue that engaging in community work will instill a great sense of community into young minds. They believe an experience like this will develop leadership, teamwork skills, a good sense of responsibility and other such qualities that students are expected to have in their future life, since high schools are supposed to prepare students for either university or “the real world”.

On the other hand, those who hold an opposite opinion argue that forcing young people into such kind of activities may lead to resentment and additional stress in their already busy lives. They also claim that students themselves have the right and capability to make the decision whether, and in what form, they will take part in work like this.

However, I believe the main issue here is not about whether unpaid community work will benefit students or not, but if making it compulsory is beneficial. In my opinion, instead of making voluntary work mandatory, parents and teachers should encourage and provide students with opportunities to participate in it. Only in this way can students truly adopt a proper attitude towards community service, and actually learn from the experience of helping others out.

So overall, I am confident that making community service compulsory is not a good way to equip students with the values that parents and teachers expect them to learn. A more productive approach should be something that inspires them to take the initiative themselves.

www.nhantriviet.com



3.3

The government thinks that the education system should be up to date. The following is a list of the subjects taught in school. Which do you think are the two most important subjects and which one is the least important for young people?

- |               |             |                     |
|---------------|-------------|---------------------|
| • literature  | • geography | • history           |
| • mathematics | • sports    | • foreign languages |
| • physics     | • economics |                     |
| • psychology  | • music     |                     |

### Bài mẫu tham khảo

Our rapidly changing world calls for a more updated curriculum; therefore, determining the priorities right is of great importance to a child's education. Among the subjects that are taught in school, I believe that the emphasis should be placed on mathematics and music, while psychology may not be so crucial for young people just yet.

As far as mathematics is concerned, it is regarded as essential for one person in terms of both personality and practicality. For one thing, one's ability in logical and abstract thinking can be greatly developed when he or she is practising math questions, and it is clear that a logical mind will be preferred, whether it is in academic research or in businesses or one's daily life. For another, mathematics is the foundation for a variety of social sciences, such as economics, finance, even psychology; therefore, a good mastery of mathematics is vital for one's future success in the relevant fields.

As for music, a good introduction will definitely benefit people both intellectually and emotionally. According to some research, children who often listen to classical music, such as that by Beethoven, Tchaikovsky or Mozart, tend to develop better intelligence and be smarter. What is more important, listening to music helps to alleviate the boredom in a routine life and raise one's spirits. It is really hard to imagine a world without music and I tend to believe young people's lives would be much less complete without it.

Psychology, on the contrary, may be deemed less necessary. It requires a keen interest in people's thinking, which children may not appreciate yet, considering their lack of experience in human interaction and understanding of the society.

All in all, a thoughtful curriculum should help children fully develop their potential early on. Personally, I believe that the benefits can be gained most from mathematics and music, and least from psychology.



**5.2**

Research indicates that the characteristics we are born with have much more influence on our personality and development than any experiences we may have in our life. Which do you consider to be the major influence?

### Bài mẫu tham khảo

Today the way we consider human psychology and mental development is heavily influenced by the genetic sciences. We now understand the importance of inherited characteristics more than ever before. Yet we are still unable to decide whether an individual's personality and development are more influenced by genetic factors (nature) or by the environment (nurture).

Research relating to identical twins has highlighted how significant inherited characteristics can be for an individual's life. But whether these characteristics are able to develop within the personality of an individual surely depends on whether the circumstances allow such development. It seems that the experiences we have in life are so unpredictable and so powerful that they can boost or override other influences, and there seems to be plenty of research findings to confirm this.

My own view is that there is no single major influence in a person's life. Instead, the traits we inherit from our parents and the situations and experiences that we encounter in life are constantly interacting. It is the interaction of the two that shapes a person's personality and dictates how that personality develops. If this were not true, then we would be able to predict the behaviour and character of a person from the moment he or she was born.

In conclusion, I do not think that either nature or nurture is the major influence on a person, but that both have powerful effects. How these factors interact is still unknown today and they remain largely unpredictable in a person's life.

**10.2**

Using a computer every day can have more negative than positive effects on young children. Do you agree or disagree?

### Bài mẫu tham khảo

I tend to agree that young children can be negatively affected by too much time spent on the computer every day. This is partly because sitting in front of a screen for too long can be damaging to both the eyes and the physical posture of a young child, regardless of what they are using the computer for.



However, the main concern is about the type of computer activities that attract children. These are often electronic games that tend to be very intense and rather violent. The player is usually the “hero” of the game and too much exposure can encourage children to be self-centred and insensitive to others.

Even when children use a computer for other purposes, such as getting information or emailing friends, it is no substitute for human interaction. Spending time with other children and sharing non-virtual experiences is an important part of a child’s development that cannot be provided by a computer. In spite of this, the obvious benefits of computer skills for young children cannot be denied. Their world will be changing constantly in terms of technology and the Internet is the key to all the knowledge and information available in the world today. Therefore, it is important that children learn at an early age to use the equipment enthusiastically and with confidence, as they will need these skills throughout their studies and working lives.

I think the main point is to make sure that young children do not overuse computers. Parents must ensure that their children learn to enjoy other kinds of activities and not simply sit at home, learning to live in a virtual world.

### 10.3

Many people believe that the increasing use of modern technology at work and in leisure is reducing people’s creativity. To what extent do you agree or disagree?

## Bài mẫu tham khảo

In recent years, there has been a debate about whether the use of modern technology increases or decreases people’s creativity. I believe that modern technology has generally allowed people to become more creative.

I believe this firstly because technological developments allow people to produce further developments. The development of the telegraph and the telephone led to the development of radio and the mobile phone. Radio led many people to become creative by finding new uses for this medium and allowed people to share music. Since the mobile phone developed, people have been looking at ways of using it. We can now send text messages around the world and even use our mobile phones to pay for things.

This new-found creativity is not only limited to scientists and technicians. Computers allow people to express their creativity by writing books and articles to be published online. Other people have discovered their artistic sides through using relatively

easy-to-use computer programmes such as Photoshop. We can even see this creativity in computer games. Games such as “World of Warcraft” enable people to develop online characters using their creativity to accomplish tasks.

However, there are people who use modern technology in ways that do not develop creativity. It is widely reported that students in many countries are using the Internet to plagiarise — to use other people’s work and present it as their own. It is often claimed that the ease with which music and films can be downloaded for free may dissuade producers from making them.

Overall, I believe that modern technology can promote users’ creativity. Although a certain number of people fail to utilize technology in the right way, there are many others that have grasped the opportunity to keep pace with the modern life.

**15.4**

Scientists say we eat too much junk food and that it is harmful to our health. Some people believe the solution to this problem lies with education, but others argue that education is useless. Discuss both views and give your opinion.

**Bài mẫu tham khảo**

I think that education is powerless in tackling the problem of people eating too much junk food, but many people disagree. In this essay, I will look at some of the points presented by both sides.

Many argue that through education people might realise the adverse effects of eating junk food. As a result, they will reject or eat less junk food. I do not eliminate the possibility that some may give up junk food once they are informed that junk food will do great harm to their health. However, in my opinion, people tend to falsely conclude that eating less fast food will make one healthy. It is not eating junk food that makes people unhealthy, but eating too little of other foods such as vegetables and fruit that counts. In other words, people who reject fast food completely and just eat vegetables or fruit will be unhealthy as well, since they follow an unvaried diet.

It is worth mentioning that there are many factors involved in people’s preference for junk food, even among those who are educated. For example, fast food labelled as junk food does not demand much waiting time and can be taken out, which caters perfectly to those who cannot afford the time to eat slowly in our fast-paced society. These people have no choice but to accept it. Moreover, junk food undeniably tastes so delicious that it lures the masses. Even though people are taught to stay away



from junk food, they cannot be prohibited from choosing the food they favour without policy implementation.

To sum up, education is not the answer to the problem of people eating too much junk food. It is because junk food is adapted to our fast-paced society and human being's taste preferences that it has become popular, and this has nothing to do with education.

### 16.3

Unlimited car use has brought us a lot of problems. What are these problems? And should we discourage people from using cars?

## Bài mẫu tham khảo

According to one recent survey, the number of private cars in Bangkok has increased to almost 1.5 million and it is difficult to foresee any downward trend. This ever-swelling car ownership in many big cities as well as countryside is causing numerous problems.

Most people often point to the severe traffic congestion in metropolises like Bangkok and Seoul. The soaring number of cars is not matched by a corresponding increase in the road systems with better design. So during rush hours in the morning and afternoon, main roads of these big cities are crowded with various cars, sometimes becoming super parking areas. These jams are very costly in terms of both time and money and terribly reduce the efficiency of the city.

However, the most serious problem of unlimited car use is the pollution caused. Cars emit various waste gases and dusts, mainly CO and CO<sub>2</sub>. These greenhouse gases are greatly contributing to the global warming. According to a research by European scientists, carbon emissions from vehicles rose by 25% in the last decade, far outpacing the increase rate of other sources. If we do not control vehicle use or endeavour to make it greener, the outcome awaiting us would be rather gloomy or even disastrous.

As a result, I am of the opinion that car use should be reasonably discouraged. For example, the government can increase the tax on cars with large emissions and subsidise the public transport to lower their prices and improve their condition, thus encouraging increasingly more people to choose public transport such as tubes or buses. Of course, we are not advocating a total ban of car use, which is actually unrealistic and unjustifiable. Personally, I think that a policy like redirecting traffic employed in Ho Chi Minh city may serve as a good strategy.



23.5

Nowadays a large amount of advertising is aimed at children. Parents object to such pressure on children. But some advertisers claim that there is useful information in these advertisements. Discuss both views and give your opinion.

### Bài mẫu tham khảo

People today are too often bombarded with various advertisements on television, in newspapers or on the running buses or taxis, a large proportion of which are children-targeted.

Some people may point out that too much exposure to advertising imposes too much stress on children as well as their parents. The advertisers often have a deep insight into children's psychology and behaviours which are taken advantage of in their advertising to make their products, whether a toy, a snack or some other goods, more alluring and interesting to these young minds. As a result, the innocent young often fall victims to the predator and ask their parents to buy whatever is advertised, regardless of the price and the function.

However, advertisers themselves can never agree with those arguments, claiming the advertisements are full of useful information for children and their parents. This is true to a certain extent. In some cases, parents are more likely to choose the right quality products according to what a commercial teaches, especially after careful comparison. Nevertheless, in some others, quite the reverse is true. That is to say the information in a commercial advertisement is far from useful, but rather harmful because almost all kinds of advertising will definitely exaggerate their merits but conceal their demerits.

Overall, I tend to believe that advertising targeted at children should be strictly examined and controlled by the related authorities because children are the disadvantaged group and prone to any tricks and deceits. And of course parents should be discreet when choosing a product from advertisements.

25.2

Some countries have introduced a law to limit working hours for employees. Why is this kind of law introduced? Do you think it is a positive or negative development?

### Bài mẫu tham khảo

I think that introducing a law to limit the working hours of employees is a good idea and shall outline my reasons below.

One reason for introducing such a law is that some employers might try to make employees work very long hours. This would reduce the amount of free time that employees have to spend relaxing with family and friends. If workers have children, I think it is beneficial for society in general if they spend time together – parents teaching their children to be useful members of society and sharing in free-time activities. All workers can benefit from having some time to spend with friends, on hobbies or relaxing in whatever way they like.

A second reason for introducing a limit on the number of hours that employees can work is that it can create employment. If employers want their workers to work longer hours, this is an indication that they could employ more people and have them work less time each. Having more people employed is clearly beneficial compared to having these people not work and possibly require some kind of government financial support.

In conclusion, I agree with the idea of a law to limit the amount of time that people work, since it provides benefits for individuals and for society as a whole.

29.6

Some people argue that younger people are not suitable for important positions in the government while others think it is a good idea. Discuss both views and give your own opinion.

### Bài mẫu tham khảo

In this essay, I shall explain why I think that the age of people in important government positions is irrelevant when compared to other factors such as ability.

Some people argue that younger people do not have enough experience of life to be in such important positions. I do not think this is a very strong argument. After all, there are examples of young people who have been successful and old people that have not succeeded in life. Therefore, the amount of experience does not only depend on age.



There is an argument that people who have been in the government for a long time — and have therefore gained experience of it — become more limited in their thinking. Instead of developing inventive ideas and policies, they seem to often become less inventive. Perhaps giving some important positions to younger people could avoid this situation.

The government is supposed to represent the people. This claim is made by all types of governments, from democracies to dictatorships. Therefore, it would be reasonable to expect those in the government to be a representation of the people in terms of age, gender and race. This does mean that young talents might also be chosen.

To conclude, I suggest that important government positions should be given to those who deserve them on the basis of their abilities, not solely on the basis of age. Naturally, there will be many older people in these positions, since they will have had more chance to develop careers, but talented younger people should not be excluded.

### 30.1

In spite of the many advances women have made in education and employment, they continue to be at a disadvantage when it comes to pay and promotion. In your view, what should be done to promote equality of opportunity for men and women in the workplace?

## Bài mẫu tham khảo

In many parts of the world, there is now greater equality between working men and women. Nevertheless, women still tend to earn less and enjoy fewer promotions than men. Some would argue that this situation will correct itself over time. However, in my view, there is much that can be done to address the problem constructively.

One possible approach would be for governments to force employers to promote the same numbers of men and women and to pay them the same salaries. This would certainly tackle the problem quickly. However, measures like this would probably be seen as excessive and difficult to enforce.

A more feasible approach would be for governments themselves to take the lead by ensuring that their male and female employees earn the same for equivalent work and that women are promoted fairly. This would help to establish gender equality as a norm and set a good example for companies in the private sector. Countries, such as Sweden and Iceland, which have done this are often regarded by others as socially-advanced models.



To further encourage equality, companies could be required to publish figures on the rank and average earnings of men and women in their workforce. Evidence of large inequalities would create a bad impression. In order to avoid bad publicity, companies might consider it worthwhile to pay fairer wages and promote more women to management positions.

It is true that the problem of gender inequality in the workplace will probably not be solved quickly. However, that is not a reason to avoid taking action. Governments can encourage change by showing the way forward and taking advantage of the need of companies to present themselves as fair and reasonable.

30.2

In some countries there are women taking positions in male-dominated occupations such as police officers and soldiers. Some people believe that women are not suited to such work. To what extent do you agree or disagree?

### Bài mẫu tham khảo

This issue of sex equality is one that has been debated increasingly over the past few decades. Most countries now offer women the same basic human rights as men and so the debate has moved from that to the representation of women in various areas of employment, particularly those traditionally dominated by men. Some say that women are inherently unsuited to these jobs. Others, including myself, disagree.

People who think that women are unsuited for work as police officers and soldiers usually point out that women are not as physically strong as men. It is true that the body mass of an average woman is lower than that of an average man, but there are many women who can hold their own in a physical fight with a man. Just as not all men are physically strong, not all women are physically weak.

Nowadays, much of the work of police officers and soldiers depends on their intellectual capabilities rather than their physical ones. In this area, women have consistently shown that they are equal to men. Skills such as leadership, the abilities to search for, find and interpret information are certainly not male preserves.

To conclude, the selection of a person for a job should not be based on whether that person is male or female. People should be selected according to their personal capabilities. When selecting police officers and soldiers, a person's physical fitness needs to be taken into account and this may result in more men being selected than women.

**33.1**

Some people think that the use of animals for experimentation is cruel; others think it is good for the development of science. Discuss both sides and give your opinion.

### Bài mẫu tham khảo

Nowadays, it is quite common to see local residents taking a walk accompanied by their dogs in the community but it is also a prevalent practice to do experiments on animals for the benefit of humans themselves, for example, to test different kinds of cosmetics or the invention of a new medicine.

Some people can never find themselves in agreement with such practices, especially pet owners or some animal right advocates, for they firmly believe the great pains or deformity undergone by lovely dogs or cats during the experiments are extremely inhumane and unjustifiable, or even immoral because the animals, just like human beings themselves, are created equally by the Creator. Therefore, they argue that animals should be treated fairly.

I fully understand their deep concerns, for some animals are seriously wounded or disfigured in the experiments (for example, vivisection) and killed afterwards — these imaginable bloody scenes should indeed evoke great emotional trauma in those pet owners. But I cannot agree that experimenting on animals is immoral. On the contrary, I think, it can be justified by biological morality. By this I mean it is reasonable that animals are subjects of experimentation for human beings because the former are inferior to the latter in the food chain, or the biological hierarchy.

Of course, reaching the conclusion that animals are inferior to humans does not necessarily mean they can be used in experiments for any purposes. For example, their use for cosmetic reasons is pointless to me. However, other experiments for scientific research, especially those concerning the innovation of medicine, can be highly justified and necessary, for you cannot imagine a human being used for such experimentation initially.

Overall, I tend to believe that experimentation on animals is necessary for some scientific purposes but we should explore new technologies, such as genetics, to reduce the pain animals suffer.



40.4

At present, although science has been developing at a high speed, people still have a high opinion of artists such as musicians, painters and writers. What can the arts tell us about life that science cannot?

### Bài mẫu tham khảo

In recent decades, science has advanced incredibly, yet many people still hold artists in high regard. In this essay, I will suggest that this is because artists try to tell us things that scientists seem to find it hard to tell us.

First, artists tend to be good at telling us stories whilst scientists tend to tell us bare facts. Artists who are highly regarded are usually those who can produce a picture, sculpture, song and the like that tell us a story about life or our belief system. They focus not only on what has actually happened but also on what people feel or felt about what occurred. Scientists tend to be more focused on the facts, which can make them appear detached from everyday life. For example, when painting a picture of a woman, an artist is likely to focus some attention on the qualities that his society feels are valuable in a woman.

Second, artists are sometimes better able to tell us the ways in which it is possible to lead our lives in this world full of scientific achievements. Scientists are usually able to tell us how to use particular scientific achievements, but when it comes to using all of them together, it is often the artist who can provide suggestions.

Neither of these points applies exclusively to artists. Indeed, history shows us very clearly that a scientist can also be an artist – Da Vinci being one of the most obvious examples. However, as a general rule, I think that scientists focus more on factual information and artists focus more on feelings.

42.1

In some societies, fashion is becoming more and more important in choosing clothes. Why is this the case? Do you think it is a positive or negative development?

### Bài mẫu tham khảo

Nowadays, fashion has become a prevalent factor to be considered when we decide to buy something for fear that we may become out of fashion or old-fashioned and thus are subject to the mock of others. There are at least two sets of reasons being responsible for this tendency.



The first one has something to do with the mass media, whether it is the print media such as newspapers or magazines or the electronic media including the Internet or TV, where readers or audiences are bombarded with all kinds of fashion-related things, for example, advertisements for certain dresses or suits with a gorgeous model or showbiz celebrity, so-called advice on how to look cool and be charming with some dressing techniques and so on. These words or images are bound to have the most decisive influence on how to dress and what clothing to buy.

Of course, whether to buy something fashionable is ultimately determined by us individuals, or more exactly, consumers. Therefore, some consideration should be reasonably given by the buyers themselves. It is often, if not always, believed that wearing clothes in fashion will give you some confidence, or a sense of being in rather than out of the modern life. In some other cases, fashion fans firmly believe that it is an indispensable factor for a decent life. All of these factors can help explain the feverish trends about "fashion clothing."

However, it is claimed that too much dependence on fashion would lead to similarity or even uniformity in people's dressing. I barely have this kind of worry, because I have a strong belief in the extraordinary creativity of the modern fashion designers, who seem to have a kaleidoscope to display. What I am concerned about most lies in the fact that fashion is by nature ephemeral. That means being fashionable at this moment may well change into being out of fashion at the next. As a result, some clothes may be worn once only, if ever, after the impulsive buying and end up their entire life in the wardrobe, which certainly is a waste of the planet's finite resources and energy.

Overall, I do not intend to vehemently condemn fashion but would like to remind consumers to be particularly careful when disposing of the old-fashioned clothes.

44.3

Successful sports professionals can earn a great deal more money than people in other important professions. Some people think this is fully justified while others think it is unfair. Discuss both these views and give your own opinion.

### Bài mẫu tham khảo

As a result of constant media attention, sports professionals in my country have become stars and celebrities, and those at the top are paid huge salaries. Just like movie stars, they live extravagant lifestyles with huge houses and cars.

Many people find their rewards unfair, especially when comparing these super salaries with those of top surgeons or research scientists, or even leading politicians who have the responsibility of governing the country. However, sports salaries are not determined by considering the contribution to society a person makes, or the level of responsibility he or she holds. Instead, they reflect the public popularity of sport in general and the level of public support that successful stars can generate. So the notion of “fairness” is not the issue.

Those who feel that sports stars’ salaries are justified might argue that the number of professionals with real talent is very few, and the money is a recognition of the skills and dedication a person needs to be successful. Competition is constant and a player is tested every time they perform in their relatively short career. The pressure from the media is intense and there is little privacy out of the spotlight. Therefore, all of these factors may justify the huge earnings.

Personally, I think that the amount of money such sports stars make is more justified than the huge earnings of movie stars, but at the same time, it indicates that our society places more value on sport than on more essential professions and achievements.

## IELTS Writing Recent Actual Tests

---

Chủ biên: **Trịnh Khánh Lợi** – Đỗ Tư Tấn

Chuyển ngữ phần chú giải:

**Nguyễn Thành YẾN**

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

**Nguyễn Thị Thanh Hương**

Biên tập

**Hồ Công Hoài Dũng**

Trình bày sách

Công ty **Nhân Trí Việt**

Sửa bản in

Vĩnh Nghi

### NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai – Q.1 – TP.HCM

☎ 38225340 – 38296764 – 38247225 Fax: 38222726

E-mail: [tonghop@nxbhcm.com.vn](mailto:tonghop@nxbhcm.com.vn) Sách online: [www.nxbhcm.com.vn](http://www.nxbhcm.com.vn)

Ebook: [www.sachweb.vn](http://www.sachweb.vn)

#### NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai – Q.1 – TP.HCM ☎ 38256804

#### NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành – Q.4 – TP.HCM ☎ 39433868

### Công ty TNHH **Nhân Trí Việt**

83<sup>B</sup> Trần Đình Xu, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh

☎ 38379344 Fax: 39200681

[www.nhantriviet.com](http://www.nhantriviet.com)

---

In 1.000 cuốn khổ 18,5 x 26cm tại Công ty TNHH MTV ITAXA – 126 Nguyễn Thị Minh Khai – Quận 3 – TP. Hồ Chí Minh. XNĐKXB số: 2620-2014/CXB/11-244/THTPHCM ngày 11-12-2014. QĐXB số: 1556/QĐ-THTPHCM-2014 ngày 19-12-2014. ISBN: 978-604-58-3147-2. In xong và nộp lưu chiểu tháng 01-2015.